

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU** VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

CÁNH CỬA MỞ RỘNG

John Steinbeck

Tuấn Việt dịch

Tiểu thuyết

Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



*Quyển sách này được dành tặng
Harold Guinzburg
với tất cả sự kính trọng
xuất phát từ tình cảm và mối thâm giao.*

• JOHN STEINBECK •

★★★★★

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH

“... Tôi thấy trong mắt họ điều mà tôi thấy đi thấy lại nhiều lần ở mọi nơi trên đất nước này: một khát vọng cháy bỏng được ra đi, được di chuyển, được lên đường, đến bất cứ nơi đâu, miễn là xa khỏi cái Chốn Này của họ. Họ thì thầm với nhau rằng họ ước sẽ ra đi vào một ngày nào đó. Một cách tự do, không có gì níu giữ, không hướng về nơi nào mà là rời xa khỏi chốn nào...”

“... Hành trình là chính con người, làm gì có ai giống ai? Sau nhiều năm vật vã, ta chợt nhận ra rằng ta đâu có “làm” cuộc hành trình nào, mà chỉ có những cuộc hành trình “làm” chúng ta mà thôi...”

“... Người-Mỹ-mới tìm thấy sự thách thức và tình yêu của mình ở những con đường nghẹt thở, ở những khung trời đầy sương khói, ngọt ngào bởi những thứ a-xít mà nền công nghiệp thải ra, ở những tiếng rít của bánh xe và ở những ngôi nhà nằm san sát nhau... trong khi các làng mạc nhỏ thì cứ héo hắt và chết dần chết mòn...”

“... Thị trấn của tôi đã phát triển và thay đổi, và cùng với đó là những người bạn của tôi. Giờ đây khi trở lại, tôi đã thay đổi với bạn bè, giống như thị trấn đã đổi thay với tôi. Tôi đã bóp méo bức tranh về họ, làm vẩn đục những ký ức của họ. Lúc tôi đi khỏi nơi đó cũng là lúc tôi chết, và do đó mà nó đã trở thành cố định và không thể đổi thay trong tôi... Tom Wolfe đã nói đúng. Bạn không thể về lại nhà vì nhà đã ngừng tồn tại, chỉ còn đọng trong những xó xỉnh của ký ức mà thôi...”

“... Những người Mỹ mà tôi gặp và trò chuyện quả thật là những cá nhân chẳng ai giống ai, nhưng dần dần tôi nhận ra rằng vẫn tồn tại người Mỹ nói chung, rằng họ quả tình có những nét tính cách giống nhau bất kể thuộc bang nào, tầng lớp nào, địa vị tài chính nào, nền tảng giáo dục nào, tôn giáo nào, và lập trường chính trị nào...”

LỜI GIỚI THIỆU

Người Mỹ hiện sống ra sao? Nước Mỹ bây giờ thực sự là như thế nào? Đây là những câu hỏi mà nhà văn đoạt giải Nobel của Mỹ John Steinbeck tự hỏi mình ở tuổi 58. Để trả lời các câu hỏi đó, ông quyết định lái một chiếc xe tải rong ruổi khắp nước Mỹ, từ thành phố New York bên bờ Đông, xuyên qua đồng bằng lớn miền Trung, qua vùng núi Montana, sang California ở bờ Tây, đi dọc bờ biển miền Tây xuống Texas ở phía nam, đi xuyên các bang miền Nam, rồi trở lại New York. Đây là một hành trình gần mười sáu ngàn cây số mà John Steinbeck gọi là hành trình “đi tìm nước Mỹ”. Ông chỉ có một người bạn đồng hành duy nhất là con chó xù Charley.

John Steinbeck tìm thấy có lẽ không phải một nước Mỹ mà là rất nhiều nước Mỹ trên cùng mảnh đất Mỹ. Ông thấy không phải một khái niệm “người Mỹ” đồng nhất mà là rất nhiều người Mỹ khác nhau – khác ở địa lý sống, ở sự giàu nghèo, ở niềm tin tôn giáo, ở quan điểm chính trị, ở quan niệm về “giấc mơ Mỹ” và “giá trị Mỹ”. Và như thế, tuy “tìm nước Mỹ” nhưng đây cũng là hành trình John Steinbeck tìm hiểu chính bản thân mình khi ông, với tư cách một nhà văn, đối diện với những người đồng bào đa dạng của mình, những phong cảnh thiên nhiên và thực trạng xã hội phức tạp của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ông cũng tìm thấy mình trong lúc ông, với tư cách một con người, đối mặt với những khó khăn khi rong ruổi ba tháng liên tục trên đường ở một tuổi không còn trẻ, với một con chó vừa là bạn đồng hành trung thành nhưng cũng có lúc giống một đứa bé khó chiều.

Đọc *Tôi, Charley, và hành trình nước Mỹ*, bạn sẽ đồng hành với Steinbeck trong việc tìm kiếm nước Mỹ cũng như tìm hiểu bản thân ông; và có thể bạn cũng sẽ tìm kiếm được mình trong sự đồng vọng với hành trình của một nhà văn đã luôn đứng về phía những người lao động, đã thấy tổ quốc mình tồn tại không phải ở các địa danh mà trước hết, và quan trọng

nhất, ở những con người đã lựa chọn mảnh đất này làm nơi sinh sống và, dù khác nhau, đều chỉ đang cố gắng thực hiện một hành trình tồn tại xứng đáng nhất.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* của John Steinbeck qua bản dịch của dịch giả Tuấn Việt.

Ngô Bảo Châu & Phan Việt

PHẦN MỘT

Khi tôi còn thơ trẻ, lòng mơ tưởng những phương trời xa xăm; người lớn bảo tôi rằng để chữa chứng ngứa ngáy đôi chân thì phải trường thành lên thôi. Đến khi năm tháng biến tôi thành gã trưởng thành, món thuốc trị ngứa hóa ra lại là tuổi trung niên. Đến tuổi trung niên, người ta lại bảo cần thêm nhiều tuổi nữa mới xoa dịu được cơn sốt ấy. Và giờ đây, khi tôi đã năm mươi tám tuổi đầu, có lẽ chẳng sức khỏe sẽ là thang thuốc cuối cùng? Thế mà vẫn chẳng có món thuốc nào linh nghiệm cả. Còi tàu rúc lên đủ bốn tiếng là tóc gáy tôi cứ sờn hết cả lên, đôi chân tôi lại một phen nhấp nhồm. Cứ nghe tiếng máy bay, tiếng động cơ khởi hoạt, thậm chí đến tiếng vó ngựa lốc cốc trên mặt đường là tôi lại chứng nghiệm cái rùng mình muôn thuở, miệng khô khốc, đôi mắt xa xăm, lòng bàn tay ran nóng, cái nôn nao từ bụng dâng cả lên lồng ngực. Nói tóm lại, tôi vẫn cứ như xưa. Nói nôm na, đã lang bạt một thời thì cả đời lang bạt. Tôi e rằng căn bệnh đó là bất trị mất rồi. Tôi nêu có sự này, chẳng phải để răn đe ai đó mà chỉ là để bảo ban chính mình mà thôi.

Khi con virus lang bạt bắt đầu gặm nhấm gã đàn ông ương bướng, và con đường từ Chốn Này như thên thang, như thẳng tắp, như ngọt ngào, thì gã nạn nhân ấy trước hết phải tìm cho mình một lý do hợp tình hợp lý để mà ra đi. Với một gã lang bạt bất trị thì chuyện này thật quá dễ. Hẳn có cả một rừng lý do để mà lựa chọn. Kế tiếp, hẳn phải lên kế hoạch thời gian và nơi chốn, chọn hướng, chọn đích. Và cuối cùng, hẳn phải tính toán cuộc hành trình. Đi cách nào, mang theo gì, ở bao lâu. Công đoạn này là nhất thiết, là sống còn. Tôi nêu nó ra đây để những kẻ mới mò mẫm đến lang bạt xứ – ví như các cô cậu thiếu niên đang ngấp nghé trước thềm ải khổ – không tưởng lầm rằng mình đã phát minh ra nó.

* * *

Một khi hành trình được thiết kế, trang bị, xúc tiến xong thì lại có thêm một nhân tố nữa vào cuộc, chiếm lấy thế thượng phong. Mỗi chuyến du hành, rong ruổi, thám hiểm đều là một thực thể riêng, chẳng chuyến đi nào giống chuyến đi nào. Chúng có cá tính, tính cách, sự cá biệt, sự độc đáo riêng. Hành trình là chính con người, làm gì có ai giống ai? Và tất cả những kế hoạch, những phòng bị, những kiểm tra, những cường thúc đều chẳng ích lợi gì. Sau nhiều năm vật vã, ta chợt nhận ra rằng ta đâu có “làm” cuộc hành trình nào, mà chỉ có những cuộc hành trình “làm” chúng ta mà thôi. Những toan tính, kế hoạch, việc đặt chỗ, tiền nong và những thứ buộc phải làm khác đều chẳng là gì cả trước cá tính của mỗi chuyến đi. Chỉ khi nhận ra điều đó, gã lang bạt mới có thể thư giãn và thuận theo với nó. Chỉ khi đó, mọi nỗi thất vọng mới tan biến. Khi đó, hành trình sẽ giống như cuộc hôn nhân. Bạn sai mười mười nếu cứ nghĩ mình không chế được nó. Tôi cảm thấy thật dễ chịu khi nói ra điều này, mặc dù chỉ những ai từng trải mới có thể hiểu được.

Kế hoạch của tôi rất rõ ràng, cụ thể và hợp lý, tôi cho là như thế. Suốt bao năm trời tôi đã bôn ba khắp thế giới. Tại Mỹ, tôi sống ở New York hoặc quanh quẩn ở Chicago hay San Francisco. Nhưng New York đâu còn là Mỹ nữa, tựa như Paris không còn là Pháp và London không còn là Anh vậy. Chính vì thế mà tôi nhận ra tôi chẳng biết gì về đất nước của mình. Tôi, một nhà văn Mỹ chuyên viết về nước Mỹ... Thế mà tôi vẫn chỉ biết cậy nhờ vào trí nhớ, mà trí nhớ thì giới lắm cũng chỉ là một kho chứa lệch lạc, méo mó. Tôi chưa từng nghe giọng nói của nước Mỹ, chưa từng ngửi mùi cỏ cây và cống rãnh, thấy sông hồ đồi núi cùng những sắc màu và ánh sáng của đất nước mình. Tôi chỉ biết đến những thay đổi của nó qua sách báo. Nhưng điều tệ hại hơn là tôi đã không cảm được đất nước tôi trong suốt hai mươi lăm năm trời. Nói tóm lại, tôi đã viết những thứ mình không biết, và với một gã được coi là nhà văn như tôi thì điều đó có khác gì tội ác. Hai mươi lăm năm gián đoạn đã làm trí nhớ tôi bị méo mó mất rồi.

Một lần nọ, tôi phiêu du trên một xe bán bánh mì lưu động, loại xe hai cửa, sàn trải nệm. Tôi dừng lại ở nơi có người dừng lại hay tụ tập. Tôi nghe, nhìn, cảm nhận và từ đó tôi có được một hình ảnh về đất nước tôi, mà nếu rủi như nó chưa được chuẩn xác thì đó chỉ là do sự kém cỏi của tôi mà thôi.

Thế là tôi quyết định xem xét lại, khám phá lại cái đất nước khổng lồ này. Nếu không làm thế thì khi viết lách tôi sẽ không cách gì mô tả được những sự thực nho nhỏ, vốn dĩ là nền tảng của một sự thực to lớn hơn. Một khó khăn lớn bỗng lù lù xuất hiện. Sau hai mươi lăm năm gián đoạn, cái tên của tôi đã trở nên khá nổi tiếng. Theo kinh nghiệm của tôi thì khi ai đó được nhiều người biết tiếng, dù là tiếng tốt hay tiếng xấu, thì họ cũng sẽ thay đổi. Sự dè dặt hay những phẩm chất nào đó do danh tiếng tạo ra sẽ khiến họ không còn giống với chính mình nữa. Chính vì vậy mà tôi buộc phải bỏ lại ở

nhà cả tên tuổi lẫn danh tính của mình. Tôi phải luôn giương mắt, vênh tai tựa như một đám thạch trên đĩa. Tôi không thể ký vào các tờ khai ở khách sạn, không thể gặp người quen, phỏng vấn ai đó, hay thậm chí đưa ra những câu hỏi tìm hiểu. Hơn nữa, cứ có hai người trở lên là hệ sinh thái phức tạp của một khu vực nào đó lại bị xáo trộn. Do đó, tôi phải đi một mình và hết sức kiềm chế, vào vai một chú rùa bình thường, gánh trên lưng cả ngôi nhà của mình.

Với tất cả những thứ đó trong đầu, tôi viết thư gửi đến trụ sở chính của một công ty lớn chuyên chế tạo xe tải.

Tôi nêu rõ mục đích và nhu cầu của mình. Tôi muốn có một chiếc xe bán tải^[1] loại ba phần tư tấn có thể đi khắp mọi nơi trong điều kiện khắc nghiệt nhất, và trên xe tải đó tôi muốn có một ngôi nhà be bé giống như ca-bin của một chiếc thuyền nhỏ. Loại xe rơ-móc thì rất khó lái trên đường núi, lại không cách gì đỡ được – thường là do bị cấm đỗ – và bị đủ thứ hạn chế khác. Sau một thời gian, họ gửi tài liệu kỹ thuật đến. Nó mô tả một chiếc xe chắc chắn, nhanh, tiện nghi, có một ca-bin dã ngoại gắn bên trên – một ngôi nhà nhỏ với chiếc giường đôi, chiếc bếp bốn lò, máy sưởi, tủ lạnh, những ngọn đèn bu-tan, bồn cầu dùng hóa chất tự hoại, tủ áo, kho chứa, cửa sổ gắn lưới ngăn côn trùng – chính xác như tôi mong muốn. Đến hè, nó được giao đến nơi câu cá be bé của tôi ở Sag Harbor, ở gần mạn cuối Long Island. Mặc dù tôi không định khởi hành trước ngày lễ Lao động, khi cả nước rút ra khỏi cuộc sống bình thường, nhưng tôi rất muốn làm quen với chiếc mai rùa của mình, trang bị đồ đạc cho nó và tìm hiểu về nó. Xe được đưa đến vào tháng Tám. Một món hàng đẹp, tuy mạnh mẽ mà vẫn mềm mại. Lái nó chẳng khó hơn là bao so với lái xe thường. Và vì chuyến đi của tôi đã làm khơi dậy một vài nhận xét châm biếm nơi bạn bè, nên tôi đặt tên cho nó là Rocinante, mà chắc các bạn cũng biết là tên con ngựa của Don Quixote^[2].

Do tôi chẳng giấu giếm gì về dự định của mình nên một vài tranh luận đã nảy sinh trong số các bạn bè và nhà tư vấn của tôi (Một chuyến đi được lên kế hoạch làm sao tránh khỏi làm phát sinh ra những nhà tư vấn?). Họ nói rằng nhà xuất bản của tôi đã phát tán ảnh tôi tùm lum ra khắp nơi mất rồi, cách gì tôi đi đâu mà không bị nhận mặt. Xin thưa rằng, trong suốt hơn

mười sáu ngàn cây số qua ba mươi bốn tiểu bang, tôi đã không một lần bị nhận ra. Tôi tin rằng người ta chỉ nhận ra mọi thứ trong bối cảnh của chúng mà thôi. Ngay cả những người có thể biết đến tôi trong cuộc sống hiện nay vẫn không cách nào nhận ra tôi trong chiếc Rocinante.

Tôi được tư vấn rằng nếu sơn cái tên Rocinante lên hông xe theo kiểu chữ Tây Ban Nha thế kỷ mười sáu thì nhất định tôi sẽ khơi lên sự tò mò và nghi vấn ở vài nơi. Chả biết có bao nhiêu người biết đến cái tên này, nhưng chắc chắn là đã chẳng có ai hỏi han gì về nó.

Kế tiếp, người ta bảo tôi rằng một kẻ lạ mặt mà đi lang thang như thế thì có thể sẽ gây thắc mắc hay thậm chí nghi ngờ. Vì lẽ đó mà tôi dắt trên xe một khẩu súng săn, hai khẩu súng trường và vài chiếc cần câu. Bởi theo kinh nghiệm của tôi thì khi một người đàn ông đi săn bắn hoặc câu cá thì mục đích của anh ta là rõ ràng và có khi lại còn được hoan hô nữa ấy chứ. Thật ra, những ngày săn bắn của tôi đã qua đi lâu rồi. Tôi không còn giết hay bắt bất cứ con vật nào không lọt vừa chiếc chảo rán. Tôi đã quá già để chơi môn thể thao giết chóc đó. Nhưng hóa ra sự cần tắc này cũng chả cần thiết.

Người ta cũng bảo rằng bảng số xe New York có thể sẽ gây chú ý và tò mò, vì nó là dấu hiệu nhận diện bề ngoài duy nhất của tôi. Và quả thế thật, trong cả chuyến đi đã có đến hai ba chục lần tôi gặp phải những thắc mắc về nó. Nhưng những tò mò này luôn được tiếp nối bởi một mẫu hình bất biến, đại loại là như sau.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỊA PHƯƠNG: “New York hả?”

TÔI: “Chính xác”.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỊA PHƯƠNG: “Tôi đã đến đó hồi năm 1938... Hay ba mươi chín nhỉ? Alice, mình đến New York năm ba tám hay ba chín hả bà?”

ALICE: “Năm ba sáu lận, ông ời! Tôi còn nhớ vì đó là năm Alfred chết”.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỊA PHƯƠNG: “Tóm lại là tôi không ưa nơi đó. Có cho tiền tôi cũng chẳng đến đó sống”.

Một số người thành thật lo lắng về việc tôi đi du lịch một mình sẽ dễ bị tấn công, bị cướp bóc, bị hành hung.

Ai mà chả biết đường sá của chúng ta đầy rẫy những hiểm nghèo. Về chuyện này thì thú thật tôi đã lo lắng vô nghĩa. Đã vài năm rồi tôi sống một mình, không tên tuổi, không bạn bè, không có bất cứ sự an toàn nào mà người ta có được từ gia đình, bè bạn và những người cùng cánh. Nhưng hiểm nguy thì chẳng thấy đâu cả. Chỉ đơn giản là một cảm giác ban đầu rất cô đơn, rất tuyệt vọng – một thứ cảm giác cô độc. Vì lẽ đó, tôi mang theo một người bạn đồng hành trong hành trình của mình – một con chó xù Pháp^[3] hào hoa dù đã già nua có tên là Charley. Tên đầy đủ của nó là Charles le Chien^[4]. Nó ra đời tại Bercy ở ngoại ô Paris và được dạy dỗ bằng tiếng Pháp. Cho nên dù có biết chút ít tiếng Anh-chó xù, nó vẫn chỉ phản ứng nhanh nhạy trước các mệnh lệnh bằng tiếng Pháp. Còn như không phải tiếng Pháp thì nó phải phiên dịch ra, vì thế mà chậm chạp hẳn đi. Nó là một con chó xù rất lớn, mang một màu tạm gọi là *màu xanh*, và nó chỉ màu xanh khi nào sạch sẽ mà thôi. Charley là một nhà ngoại giao bẩm sinh. Nó thích thương lượng hơn là đánh nhau, và như thế là chí phải vì vốn dĩ nó đánh đám rất tồi. Chỉ một lần duy nhất trong mười năm cuộc đời nó gặp rắc rối – đó là khi nó đụng phải một con chó không thích thương lượng. Thế là Charley bị mất một mẫu tai bên phải. Nhưng nó là một con chó giữ nhà rất tốt, tiếng nó rống lên nghe cứ như sư tử gầm, thật là phù hợp để răn đe những kẻ lang thang ban đêm, mặc dù nó chẳng cắn ai và chỉ là một thứ hổ giấy mà thôi. Charley là một người bạn, một người đồng hành tốt. Nó thích đi du lịch hơn bất cứ việc gì mà nó có thể hình dung. Nếu nó xuất hiện thường xuyên trong suốt câu chuyện này thì đó là vì nó đóng góp rất nhiều cho cuộc hành trình. Chó – đặc biệt là loại chó ngoại như Charley – luôn là cầu nối với những người xa lạ. Rất nhiều cuộc trò chuyện đã bắt đầu từ câu hỏi: “Nó thuộc giống chó gì vậy nhỉ?”

Kỹ thuật mở đầu câu chuyện ở đâu cũng như nhau. Từ lâu tôi đã biết và nhiều lần chứng nghiệm rằng cách tốt nhất để thu hút sự chú ý, sự giúp đỡ, sự đối thoại là... bị lạc. Dù là một gã đàn ông thấy mẹ mình chết đói giữa đường mà vẫn đá vào bụng bà để mở đường mà đi, thì hẳn ta vẫn cứ hân hoan dành nhiều giờ đồng hồ thời gian của mình để chỉ vẽ những hướng đi

trật lất cho một người hoàn toàn xa lạ, chỉ cần người này tự nhận là mình đi lạc.

Dưới tán cây sồi lớn ở chỗ tôi tại Sag Harbor, Rocinante đang “an tọa”, bảnh bao và tự tại. Những người hàng xóm đến thăm nó, một số người tôi chẳng hề quen biết. Tôi thấy trong mắt họ điều mà tôi thấy đi thấy lại nhiều lần ở mọi nơi trên đất nước này: một khát vọng cháy bỏng được ra đi, được di chuyển, được lên đường, đến bất cứ nơi đâu, miễn là xa khỏi cái Chốn Này của họ. Họ thì thầm với nhau rằng họ ước sẽ ra đi vào một ngày nào đó. Một cách tự do, không có gì níu giữ, không hướng về nơi nào mà là rời xa khỏi chốn nào. Tôi thấy những ánh mắt ấy và nghe những lời ao ước ấy ở bất cứ bang nào mà tôi đã đi qua. Hầu như tất cả mọi người Mỹ đều thêm khát ra đi. Một cậu bé chừng mười ba tuổi ngày nào cũng ghé qua. Nó bẽn lẽn đứng cách xa, dỗi mắt nhìn Rocinante. Nó dăm dăm nhìn cánh cửa, nằm cả xuống đất để ngắm nghía bộ nhíp khỏe khoắn. Một cậu nhóc thật lặng lẽ và dai dẳng. Nó đến cả vào ban đêm để ngắm nghía Rocinante. Sau một tuần lễ, nó chịu đựng hết nổi nữa. Những lời lẽ của nó liều lĩnh đánh vật để thoát khỏi sự thẹn thùng. Nó nói, “Nếu bác cho cháu đi theo, cháu sẽ làm mọi thứ. Cháu sẽ nấu nướng, rửa hết chén đĩa, làm tất tật mọi việc và cháu sẽ chăm sóc bác”.

Rủi thay tôi lại biết rõ nỗi khát khao của nó. Tôi nói, “Bác cũng muốn lắm chứ. Nhưng ban giám hiệu nhà trường và cha mẹ cháu và nhiều người khác nữa sẽ không cho phép bác”.

“Cháu sẽ làm mọi việc”, nó nói. Và tôi cũng tin là như thế. Tôi nghĩ nó sẽ chẳng bỏ cuộc cho đến khi tôi lái xe đi mà không mang theo nó. Nó có giấc mơ mà tôi đã có trong suốt cả cuộc đời, và giấc mơ đó không cách nào chữa trị được.

Trang bị cho Rocinante là cả một quá trình lâu la và thú vị. Tôi mang theo quá nhiều thứ mà không biết thực ra mình cần những thứ gì. Đồ nghề cho

những lúc khẩn cấp, tôi, một chiếc ròng rọc, một chiếc xẻng và một cây xà-beng để làm, để sửa hay để chế ra thứ gì đó. Rồi đến thực phẩm cho tình trạng khẩn cấp. Tôi có thể đi khuya ở vùng Tây Bắc và bị mắc kẹt trong tuyết. Tôi chuẩn bị cho ít nhất một tuần lễ gặp nạn. Nước thì dễ rồi: Rocinante có một bồn chứa đến một trăm mười bốn lít.

Tôi nghĩ tôi sẽ viết lách gì đó dọc đường, có lẽ là những bài tiểu luận, chắc chắn là những ghi chép, và dĩ nhiên là những lá thư. Tôi mang theo giấy, giấy than, máy đánh chữ, bút chì, sổ tay. Và không chỉ có thế mà còn cả những cuốn từ điển, một bách khoa toàn thư loại tinh gọn, và một tá những cuốn sách tra cứu khác, những thứ rất nặng. Có vẻ như khả năng tự lừa dối bản thân của chúng ta là không có giới hạn. Tôi biết thừa rằng tôi rất hiếm khi ghi chép, và nếu có ghi đi nữa thì tôi cũng dễ lạc mất hay không thể đọc được. Từ kinh nghiệm của ba mươi năm làm nghề, tôi cũng thừa biết mình không thể viết về một sự kiện nóng. Tôi phải chờ cho sự kiện đó lên men. Tôi phải làm điều mà các bạn tôi vẫn hay nói là “kềm cương con ngựa” cho đến khi nó dịu đi. Thế mà bất chấp sự hiểu biết về bản thân đó, tôi vẫn cứ trang bị cho Rocinante những vật liệu để viết lách, đủ để tạo ra một bộ sách mười tập. Tôi còn mang theo lượng sách nặng sáu mươi tám ký mà trước đây tôi đã chẳng mấy khi có thời giờ để đọc và dĩ nhiên sắp tới cũng vậy. Thức ăn đóng hộp, bao đựng súng săn, đạn súng trường, những hộp đồ nghề, và quá xá quần áo, chăn gối, quá chừng giày ống, đồ lót nylon chần cho nhiệt độ dưới không, đĩa và ly nhựa cùng một bồn rửa chén bằng nhựa, một két dự trữ khí đốt đóng chai. Những chiếc nhíp bị chất đồ lên cứ hạ xuống thấp dần, thấp dần. Giờ thì tôi ước tính mình đang mang theo nhiều hơn bốn lần mức cần thiết.

Giờ đây, Charley đã trở thành một con chó biết đọc suy nghĩ. Đời nó đã chứng kiến nhiều chuyến du hành, mà thường là nó bị bỏ lại ở nhà. Nó biết lần này sẽ rất lâu trước khi những chiếc va-li xếp đi. Và thế là nó bắt đầu chạy lăng quăng, lo lắng, rên rỉ, tựa như mắc chứng cuồng loạn thể nhẹ dù nó là một con chó đã già. Trong suốt những tuần lễ chuẩn bị, nó suốt ngày quần chân tôi, gây ra những phiền toái chết tiệt. Nó trốn cả vào trong xe, trườn vào đó và cố làm cho ra vẻ nhỏ nhắn lắm vậy.

Lễ Lao động đến gần, ngày trọng đại mà hàng triệu đứa trẻ sẽ từ trường trở về nhà và hàng triệu phụ huynh sẽ rút khỏi các xa lộ. Tôi đã sẵn sàng để lên đường sớm nhất, ngay sau cái ngày đó. Vậy mà vào khoảng thời gian này lại có thông báo rằng bão Donna đang ồ ạt rời biển Caribe tràn về hướng chúng tôi. Ở phần chóp của Long Island, chúng tôi đã quá dày dạn với chuyện này để cảnh giác một cách cao độ. Cơn bão đến gần, chúng tôi chuẩn bị đối phó với một cuộc vây hãm. Cái vịnh bé nhỏ của chúng tôi được bảo vệ khá vững chắc, nhưng cũng chưa đủ để chống bão. Khi Donna trườn đến, tôi đổ đầy dầu vào các cây đèn dầu, gắn chiếc bơm tay vào giếng nước và cột chặt tất cả những thứ gì có thể di chuyển. Tôi có một chiếc tàu ca-bin dài hai mươi mét, chiếc *Fayre Eleyne*. Tôi đóng các cánh cửa của nó lại, lôi nó ra giữa vịnh, hạ thủy chiếc neo móc khổng lồ kiểu cổ cùng sợi xích mười ba ly, rồi cột cho nó đong đưa một khoảng dài. Với các biện pháp như thế, nó có thể cưỡi một cơn bão có tốc độ gió hai trăm bốn mươi km/h, trừ phi phần mũi của nó bị đứt neo.

Donna tràn tới. Chúng tôi lôi ra chiếc radio dùng pin để nghe tin tức, vì điện có thể bị cúp nếu Donna giáng đòn. Nhưng hãy còn thêm một nỗi lo khác. Đó là Rocinante tọa lạc giữa các cây cao. Trong một cơn ác mộng kinh hoàng, tôi thấy một thân cây đổ lên chiếc xe và đè nó “bẹp gí giống như một con bọ”. Tôi bèn lôi nó ra khỏi chỗ có thể bị cây đè, nhưng điều này không có nghĩa là nguyên một ngọn cây không thể bay xa bốn mươi lăm mét và rơi đè lên nó.

Sáng sớm, đài báo cơn bão đang chuẩn bị tới. Đến khoảng mười giờ, đài lại báo mắt bão sẽ đi qua chỗ chúng tôi và nó sẽ đến vào lúc 1 giờ 07 phút, chính xác đến vậy đó. Khu vịnh chỗ chúng tôi vẫn tĩnh lặng, không có lấy một gợn sóng, nhưng nước còn đục lăm và chiếc *Fayre Eleyne* thì vẫn bồng bênh một cách duyên dáng ở nơi mà nó neo đậu.

Vịnh biển chỗ chúng tôi được che chắn vào hàng tốt nhất nên rất nhiều tàu thuyền nhỏ cũng kéo tới để neo đậu. Tôi lo ngại khi thấy nhiều chủ tàu không biết cách cột tàu. Cuối cùng có hai con tàu đi tới, trông xinh lắm, chiếc nọ dắt chiếc kia. Một chiếc neo nhẹ được thả xuống rồi chúng được bỏ lại, phần mũi của chiếc này được móc vào đuôi của chiếc kia và cả hai nằm

trong khoảng đong đưa của *Fayre Eleyne*. Tôi vớ lấy chiếc loa ở cuối cầu tàu, cất tiếng phản đối sự điên rồ này, nhưng những chủ nhân của chúng hoặc là không nghe thấy, hoặc là không biết, hoặc là chả quan tâm.

Gió ập tới vào lúc đã dự báo, xé mặt nước như xé tấm vải đen. Nó giông xuống như một quả dấm. Nguyên phần ngọn của một cây sồi đổ ụp xuống, sượt qua ngôi nhà gỗ nơi chúng tôi đang đứng quan sát. Đợt gió to kế tiếp làm bật tung một cửa sổ lớn của ngôi nhà gỗ. Tôi ra sức đóng chúng lại rồi dùng rìu đóng nêm chặn cả phần trên lẫn phần dưới. Điện và điện thoại bị cúp ngay từ đợt gió đầu, đúng như chúng tôi tiên liệu. Và cơn thủy triều cao hai mét rưỡi cũng đã được đoán trước. Chúng tôi quan sát gió càn quét mặt đất và mặt biển như một đàn chó săn từ đâu lao tới. Cây cối chao đảo, ngã nghiêng như ngọn cỏ, và mặt nước bị quất đập làm dậy lên cả một màn sương bọt nước. Một con tàu bị bắt dây, trôi tuột lên bờ, rồi tiếp đến là con tàu thứ hai. Những ngôi nhà xây vào mùa xuân tốt lành và đầu mùa hạ đón nhận những cơn sóng đập vào các cửa sổ tầng hai. Ngôi nhà gỗ của chúng tôi nằm trên ngọn đồi nhỏ cách mặt nước đến hơn chín mét. Nhưng ngọn triều dâng vẫn nhấn chìm cầu tàu của tôi. Khi gió đổi hướng, tôi dời Rocinante sang chỗ khác để tránh cho nó nằm dưới hướng gió thổi qua các cây sồi lớn. Chiếc *Fayre Eleyne* vẫn lịch lăm nổi bồng bênh, đong đưa như chiếc chong chóng gió xuôi theo những cơn gió đổi chiều. Lúc này thì các con tàu cột vào nhau đang nhón nhạo cả lên, dây thừng dưới chân vịt và bánh lái cứ va đập và cọ xát vào hai thân tàu. Một con tàu khác lôi chiếc neo của nó trèo lên tận bờ biển sinh lầy.

Chó Charley chẳng thể hiện cảm xúc nào. Tiếng súng hay tiếng sấm, tiếng nổ hay tiếng gió rít, nó tuyệt đối chả quan tâm. Giữa cơn bão gầm rú, nó tìm một nơi ấm áp dưới gầm bàn đánh một giấc say sưa.

Gió lặng đi cũng đột ngột như lúc nó bùng lên. Mặc dù sóng vẫn tiếp tục lặc nhịp nhưng chúng không còn bị gió khuấy động, và thủy triều cứ dâng cao, dâng cao lên nữa. Tất cả những cầu tàu quanh chiếc vịnh nhỏ của chúng tôi đều bị nhấn chìm dưới nước, chỉ còn nhú lên những chiếc cọc và tay vịt. Sự tĩnh lặng nghe cứ như một âm thanh cuống cuồng. Nhà đài thông báo chúng tôi đang ở trong mắt bão Donna. Sự yên ắng đáng sợ giữa cơn bão

quay cuồng. Tôi chẳng biết bao lâu nữa sự tĩnh lặng này mới kết thúc. Có vẻ như sẽ phải còn chờ đợi rất lâu. Và rồi, mé bên kia giáng tới: gió đảo chiều. Chiếc *Fayre Eleyne* vẫn ngọt ngào đong đưa, hướng mũi về phía gió. Nhưng hai con tàu cột vào nhau đã lồi neo sà tới *Fayre Eleyne* và móc vào nó. Nó bị lồi đi, cố chống trả hướng gió và bị xô tới một cầu tàu bên cạnh. Chúng tôi nghe được cả tiếng nó kêu réo khi thân của nó bị dồn nén vào những cây cọc bằng gỗ sồi. Lúc này tốc độ gió được ghi nhận là trên 153km/h.

Tôi thấy mình đang chống chọi với gió, chạy bực ra đầu vịnh, hướng về chiếc cầu tàu nơi các con tàu bị bắt neo đang ùn lại. Hình như vợ tôi – tên cô ấy được tôi dùng để đặt cho con tàu – đang đuổi theo tôi, hét lên ngăn tôi lại. Ván cầu ngập dưới nước một mét hai, nhưng những cây cọc nhú lên vẫn cho tôi chỗ bám tay. Tôi lần từng bước, từng bước, nước lên ngang túi ngực. Gió thổi vào bờ tạt nước vào miệng tôi. Con thuyền của tôi đang khóc lóc, rên rỉ do bị ép vào các cây cọc, và chúi đầu như một con bê khi hoảng sợ. Thế là tôi nhảy và lần mò sao đó leo được lên tàu. Lần đầu tiên trong đời tôi có được con dao đúng vào lúc cần thiết. Hai con tàu ương ngạnh rào vào nhau đang ép *Eleyne* vào cầu tàu. Tôi cắt dây neo, dây chằng rồi đập cho chúng tách ra, và chúng dạt về phía bờ sinh lầy. Nhưng sợi xích neo của *Eleyne* không hề suy suyển, và cái vật bầu buncũ kỹ và to lớn kia vẫn nằm ở dưới đó, hơn bốn mươi lăm ký thép với những càng hình mũi giáo rộng như những chiếc xẻng.

Máy tàu của *Eleyne* không phải lúc nào cũng ngoan ngoãn, nhưng ngày hôm đó chỉ mới vừa chạm vào là nó đã chạy. Tôi giữ máy, đứng trên boong, tay trái vịn vào trong để cầm lái và điều khiển ga và ly hợp. Và con thuyền này như cũng cố gắng giúp tôi – tôi nghĩ nó cũng hoảng như tôi vậy. Tôi ép được nó đi ra và lồi sợi xích neo lên bằng tay phải. Bình thường tôi khó lòng mà kéo được chiếc neo đó cho dù có dùng cả hai tay. Nhưng lần này thì mọi thứ rất ổn. Tôi khiến được chiếc neo, khiến cho nó lật lên và các ngạnh của nó thoát ra khỏi bùn. Rồi tôi nhắc bổng nó lên khỏi đáy, từ từ xoay mũi về hướng gió và tăng ga. Chúng tôi xoay xở với cơn gió chết tiệt ấy và nhích dần lên. Thật chẳng khác gì lội bì bõm trong món cháo đặc quánh. Ra cách

bờ chín mươi mét, tôi thả cho neo chìm xuống, bầu lấy đáy. *Fayre Eleyne* đã đứng ngay ngắn, mũi ghéch lên. Có vẻ như nó vừa thở phào nhẹ nhõm.

Và thế đấy, tôi đang ở cách bờ chín mươi mét với Donna gào thét ở bên trên như một bầy chó săn rìa trắng. Không một chiếc xuồng nào có thể chống chọi lại nó đâu chỉ trong một phút. Tôi thấy một cành cây trôi ngang qua và đơn giản là nhảy ùm xuống tóm lấy nó. Không có gì nguy hiểm cả. Chỉ cần ngóc đầu lên được là gió sẽ thổi tôi tấp vào bờ, nhưng tôi phải thừa nhận là chiếc ủng cao su kiểu Half-Wellington^[5] tôi đang mang sao mà nặng quá chừng. Có lẽ chưa đến ba phút tôi đã đến bờ, nơi nàng *Fayre Eleyne* kia cùng một người hàng xóm đã chờ sẵn để kéo tôi lên. Chỉ đến khi đó tôi mới bắt đầu run bần bật, nhưng nhìn ra ngoài thấy con thuyền bé bỏng của chúng tôi đang cưỡi sóng tốt và an toàn thì thật là dễ chịu. Hẳn là tôi đã bị bong trật đầu đó khi kéo chiếc mỏ neo bằng một tay, cho nên tôi cần giúp đỡ chút đỉnh khi về nhà. Một ly whisky trên bàn bếp cũng là sự giúp đỡ. Sau này tôi đã thử kéo chiếc neo đó lên bằng một tay nhưng không sao làm được.

Gió lặng đi nhanh chóng, để lại cho chúng tôi một đồng hư hao và đổ nát: đường dây điện bị đứt, không có điện thoại trong suốt một tuần. Nhưng *Rocinante* thì không hề suy suyển.

PHẦN HAI

Về kế hoạch tổng thể cho chuyến đi, có lẽ tôi có một mong ước thầm kín rằng chuyến đi đó sẽ không diễn ra. Khi ngày ấy đến gần, chiếc giường êm ái và ấm cúng của tôi ở nhà càng lúc càng có nhiều hấp lực và cô vợ yêu dấu của tôi thì trở nên quý báu không thể tả xiết. Thật là điên rồ khi phải nhìn những thứ này trong suốt ba tháng trời và đón lấy sự khủng khiếp của việc thiếu tiện nghi và ổn định. Tôi chẳng muốn đi chút nào. Phải có điều gì đó xảy ra để cản chân tôi lại! Nhưng chả có gì cả. Dĩ nhiên, tôi có thể đổ bệnh, nhưng đó lại là một trong những lý do chính yếu và bí mật của tôi để ra đi cơ mà. Mùa đông năm ngoái, tôi đã bị ốm khá nặng bởi một trong những vấn đề mà tôi trau chuốt đặt tên là “lời thì thầm của tuổi xế chiều”. Khi khỏi bệnh, tôi tham gia một buổi học dạy cách giảm nhịp sống, giảm cân, hạn chế lượng cholesterol trong thức ăn. Điều đó diễn ra với nhiều người đàn ông và tôi nghĩ các bác sĩ đã thuộc lòng nó như đọc kinh. Nó diễn ra với quá nhiều bè bạn của tôi. Buổi học kết thúc bằng câu nói: “Sống chậm lại. Quý vị không còn trẻ trung như trước đây nữa đâu”. Và tôi đã thấy rất nhiều người bắt đầu cuộn cuộc đời của mình trong len dạ, dập tắt những thôi thúc, bịt chặt những đam mê và từ từ bước ra khỏi phận người, thu mình về một dạng bán thân bất toại tinh thần và thể xác.

Ai chẳng muốn mình là trung tâm của sự chú ý? Một dạng tuổi thơ thứ hai đã rơi xuống rất nhiều người đàn ông. Họ đánh đổi sự mãnh liệt của mình để nhận lấy lời hứa hẹn về một sự gia tăng tuổi thọ không đáng kể. Kết quả là người chủ gia đình trở thành đứa con bé nhất. Tôi đã tự đặt mình trước khả năng này và cảm thấy thật hãi hùng. Bởi vì tôi luôn sống mãnh liệt, uống rất dữ, ăn rất nhiều hoặc không ăn gì cả, ngủ li bì hoặc hai đêm thức trắng, làm việc quá căng, quá nhiều hoặc nằm ườn chảy thây. Tôi đã nhấc, đã kéo, đã bổ, đã leo, đã vui sướng làm tình và xem dư vị của những trận say là hệ quả

chứ không phải là một sự trừng phạt. Tôi không muốn giao nộp sự mãnh liệt để đổi lấy một khoản lợi nhỏ về tuổi tác. Vợ tôi đã cưới một người đàn ông, và tôi thấy không có lý do gì để cô ấy phải thừa hưởng một đứa con nít. Tôi biết rằng việc lái xe qua mười sáu hay hai mươi ngàn cây số, đơn độc và không ai chăm sóc, vượt qua đủ loại đường sá, sẽ là một công việc nặng nhọc, nhưng với tôi, điều đó tượng trưng cho món thuốc giải độc dành cho một người đàn ông đích thực đang lâm bệnh. Và trong cuộc đời tôi, tôi không sẵn lòng đổi chất lượng lấy số lượng. Nếu như cuộc hành trình được lên kế hoạch này có thể minh chứng nhiều điều như thế thì đã đến lúc phải lên đường thôi. Tôi thấy quá nhiều người đã trì hoãn cuộc xuất hành của họ do sự ngập ngừng bệnh hoạn trong việc rời bỏ chiếc sân khấu. Đó là một nhà hát tồi và cũng là một cuộc sống tồi. Tôi rất may mắn khi có một cô vợ thích được là phụ nữ, có nghĩa là cô ấy thích đàn ông chứ không phải là một bé già. Mặc dù lý lẽ cuối cùng này cho cuộc hành trình chưa bao giờ được đem ra thảo luận, nhưng tôi tin là cô ấy hiểu.

Buổi sáng đến, một buổi sáng đẹp trời với cảnh thu vàng dưới nắng mai. Tôi và vợ chia tay nhau rất nhanh vì cả hai chúng tôi đều rất ghét phải nói lời tạm biệt, và hai đứa tôi chẳng ai muốn ở lại khi người kia ra đi. Cô ấy rời ga chiếc mô-tô, phóng lên New York, còn tôi, với Charley bên cạnh, thì đưa Rocinante ra bến phà Shelter Island, rồi đáp chuyển phà khác đi Greenport, sau đó đáp thêm một chuyến phà nữa từ Orient Point đến vùng duyên hải Connecticut, băng qua eo biển Long Island Sound vì tôi muốn tránh kẹt xe ở New York và lên đường suôn sẻ. Và tôi thừa nhận đã sớm mang cái cảm giác đơn độc u uất.

Trên phà, trời nắng gắt và đất liền bờ bên kia chỉ cách có một giờ. Cách chúng tôi một khoảng là một chiếc thuyền một buồm xinh xắn. Cánh buồm tam giác của nó trông cứ như một chiếc khăn choàng cong cong, và toàn bộ tàu bè ven biển đều lừ lừ đi về eo biển hoặc thẳng tiến về New York. Một chiếc tàu ngầm bỗng trồi lên mặt nước cách đó khoảng tám trăm mét khiến cho ban ngày chợt mất đi một phần sự trong sáng. Xa hơn, một vật đen trũi khác đang rẽ nước lướt đi, rồi lại thêm một vật nữa. Dĩ nhiên, căn cứ của chúng nằm ở New London, và đây chính là nhà của chúng. Và có lẽ, dưới bề

ngoài xấu xí này, chúng đang bảo vệ cho hòa bình thế giới. Ước gì tôi thích được tàu ngầm, như thế có khi tôi sẽ thấy chúng đẹp, nhưng chúng được thiết kế để hủy diệt, và mặc dù chúng có thể khảo sát, lập bản đồ đáy biển và vẽ ra những tuyến đường thương mại mới dưới lớp băng Bắc cực, thì mục đích chính của chúng vẫn cứ là răn đe. Tôi còn nhớ quá rõ lúc vượt Đại Tây dương trên chiếc tàu chở quân mà trong đầu biết rằng ở đâu đó dọc đường những vật đen trũi kia đang lẩn khuất, tìm kiếm chúng tôi bằng con mắt một cuống. Không biết tại sao, ánh sáng luôn nhạt đi mỗi khi tôi nhìn thấy chúng và nhớ lại những người đàn ông bị cháy được kéo lên từ những vùng biển tràn dầu. Giờ đây, tàu ngầm đã được trang bị vũ khí hủy diệt hàng loạt – một biện pháp ngu ngốc và duy nhất của chúng ta để ngăn chặn sự thảm sát hàng loạt.

Chỉ vài người đứng hóng gió trên boong chiếc phà thép kêu loảng xoảng. Một chàng trai mặc áo choàng ngoài có mái tóc màu râu ngô và cặp mắt xanh phi yến đã ngẫu đỏ vì gió. Anh ta quay sang tôi và chỉ ra xa. “Đó là loại mới”, anh nói. “Nó có thể ở dưới nước ba tháng liền”.

“Sao anh biết?”

“Biết chứ. Tôi đang làm trên đó mà”.

“Tàu nguyên tử à?”

“Chưa đâu, nhưng tôi có người chú làm việc trên một chiếc, còn tôi thì chắc là cũng sớm thôi”.

“Anh không mặc quân phục nhỉ”.

“Tôi mới vừa nghỉ phép”.

“Anh thích phục vụ trên đó không?”

“Thích chứ. Lương khá và có đủ kiểu... tương lai”.

“Anh có thích ở dưới đó ba tháng không?”

“Cũng quen thôi mà. Ở đó có đồ ăn ngon và có phim để coi... Tôi mong được đi một chuyến bên dưới vùng cực, ông thì thế nào?”

“Chắc là tôi cũng mong được thế”.

“Mà còn có phim và đủ loại tương lai nữa đấy nhé”.

“Quê anh ở đâu vậy?”

“Ở kia kìa... New London... Tôi sinh ở đó. Chú tôi và hai đứa em họ cũng phục vụ trong lực lượng. Chúng tôi là một gia đình tàu ngầm thì phải”.

“Chúng làm tôi thấy sợ”.

“Ồ, ông ơi, ông sẽ quen ngay thôi mà. Chỉ loáng một cái là ông quên luôn mình đang lặn... Đúng thế đấy, trừ phi ông bị gì đó không ổn. Ông có mắc chứng sợ bị nhốt kín không?” “Không”.

“Thế thì tốt. Ông sẽ quen ngay thôi. Nhớ xuống đó làm một tách cà phê nhé! Thời gian dưới đó nhiều vô kể”.

“Chắc chắn rồi”.

Và có thể là anh ta đúng còn tôi thì sai. Đó là thế giới của anh ta, không còn là của tôi nữa. Không có sự giận dữ trong đôi mắt xanh phi yến, không có nỗi sợ và không có sự căm thù, cho nên chắc cũng ổn thôi. Chỉ là một công việc được trả lương tốt và có tương lai. Tôi đâu thể nào bắt anh ta mang những ký ức và nỗi sợ của chính tôi. Có thể nó không còn đúng nữa rồi, nhưng đó là cách nhìn của anh ta. Giờ thì đó là thế giới của anh ta. Có thể anh ta hiểu những điều mà tôi không bao giờ biết.

Chúng tôi nhâm nhi cà phê trong ly giấy, và qua các cửa sổ vuông của chiếc phà, anh ta chỉ cho tôi những ụ khô và bộ khung của những tàu ngầm mới.

“Có cái hay là nếu bão đến ông chỉ việc lặn xuống, thế là yên. Cứ việc ngủ say như đứa bé và để địa ngục bùng nổ ở bên trên”. Anh ta chỉ đường cho tôi ra khỏi thành phố, một trong những chỉ dẫn cần kě nhất trong suốt cuộc hành trình của tôi.

“Tạm biệt. Chúc anh một tương lai tốt đẹp”, tôi nói.

“Sẽ không tệ đâu, ông biết đấy. Tạm biệt ông nhé”.

Tôi lái xe dọc một con đường phụ của Connecticut, nơi có nhiều ngôi vườn và phủ bóng những hàng cây ven lề. Tôi biết chàng trai ấy đã cho tôi một cảm giác dễ chịu và chắc chắn hơn.

Đã nhiều tuần tôi nghiên cứu các bản đồ, tỉ lệ lớn tỉ lệ nhỏ, nhưng bản đồ không hề là thực tế – chúng có thể là bạo chúa. Tôi biết có những người bị đắm chìm vào bản đồ đường sá đến mức họ chưa bao giờ thấy những đồng quê mà họ đi qua. Và có cả những người sau khi vạch đường đi trên bản đồ

đã bám riết lấy nó như bánh xe lửa bám vào đường ray vậy. Tôi đưa Rocinante vào một khu dã ngoại được chính quyền bang Connecticut bảo trợ và ra khỏi cuốn sách bản đồ của tôi. Bất chợt nước Mỹ trở nên to lớn ngoài sức tưởng tượng và không cách nào đi xuyên suốt. Tôi tự hỏi thế quái nào tôi lại dấn vào cái dự án bất khả thi này. Nó cũng giống như khi ta bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết vậy. Khi tôi đối diện sự bất khả thi đến tuyệt vọng của việc phải viết ra năm trăm trang sách, một cảm giác thất bại ê chề luôn ập xuống và tôi biết mình sẽ không bao giờ làm được. Lần nào cũng thế cả. Rồi dần dần tôi viết ra một trang, rồi một trang nữa. Tôi chỉ cho phép mình nghĩ về công việc của một ngày và tôi loại trừ đi cái khả năng hoàn tất được cuốn sách vào một lúc nào đó. Bây giờ cũng thế thôi, khi tôi nhìn vào cái hình chiếu màu sắc sặc sỡ của một nước Mỹ khổng lồ. Lá trên cây quanh khu vực trại rất dày và rất nặng, nhưng chúng không mọc nữa mà treo mong manh, chờ đợi đợt sương giá đầu tiên đến phết cho chúng một lớp màu và đợt thứ hai giữ chúng xuống mặt đất, kết thúc những năm tháng cuộc đời.

Charley là một con chó cao kều. Khi nó ngồi trên chiếc ghế cạnh tôi, đầu nó cũng cao ngang đầu tôi. Nó dúi mũi vào tai tôi và nói, “Phù”. Theo chỗ tôi biết thì nó là con chó duy nhất biết phát âm phụ âm “Ph”. Đó là vì các răng cửa của nó đã bị gãy, một tai họa khiến nó không thể tham gia các cuộc trình diễn của chó nữa. Vì các răng cửa hàm trên của nó hơi sát với môi dưới nên Charley phát âm được “Ph”. Tiếng “Phù” của nó thường có nghĩa là nó muốn thăm hỏi một bụi cây hay gốc cây. Tôi mở cửa xe cho nó ra ngoài thực hiện các nghi thức của nó. Nó không cần phải suy nghĩ về điều này mà vẫn làm tốt. Kinh nghiệm của tôi cho thấy rằng trong một số lĩnh vực nó còn thông minh hơn cả tôi, nhưng trong một số lĩnh vực khác thì nó cực kỳ ngu ngờ. Nó không biết đọc, không biết lái xe, và không biết tí gì về toán học cả. Nhưng trong lĩnh vực riêng của nó, mà nó đang thực hành vào lúc này đây – tức việc đánh hơi một cách oai vệ và sắc phong cho một khu vực nào đó – thì nó quả là không ai sánh bằng. Dĩ nhiên là những chân trời của nó có giới hạn, nhưng những chân trời của tôi thì rộng đến mức nào?

Chúng tôi đi tiếp vào một chiều thu, hướng về phía bắc. Do tôi chẳng phụ thuộc vào ai nên tôi nghĩ sẽ rất hay nếu tôi mời ai đó dọc đường đến nhà tôi

uống chút đỉnh. Thế mà tôi lại quên mang theo rượu! Nhưng có đến hàng tá những cửa hàng bán thức uống nho nhỏ trên các con đường phụ của tiểu bang này. Tôi biết có những bang cấm rượu nhưng chẳng nhớ là bang nào, nhưng dù gì thì cứ dự trữ sẵn vẫn hơn. Có một cửa hàng be bé nằm khuất xa mặt đường, gần một khu rừng nhỏ cây thích đường. Cạnh đó là một mảnh vườn được chăm sóc kỹ và những chậu hoa. Chủ cửa hàng là một người đàn ông với khuôn mặt âm ỉ, nửa già nửa trẻ, tôi đoán là một người bài rượu. Ông ta giở cuốn sổ đặt hàng ra và vuốt các tờ giấy than với tất cả sự nhẫn nại. Làm sao biết được người ta thích uống gì, cho nên tôi bảo ông ấy lấy cho tôi rượu bourbon, scotch, gin, vermouth, vodka, rượu brandy loại chất lượng trung bình, rượu táo loại nhiều tuổi, và một két bia. Tôi tin rằng lô hàng này có thể thích hợp cho mọi tình huống. Đó là một cú mua hàng sộp đối với một cửa hàng nhỏ. Người chủ cửa hàng có vẻ ấn tượng.

“Mở tiệc lớn nhỉ”.

“Không đâu... Dự trữ du lịch thôi mà”.

Ông ta giúp tôi khuân các thùng các-tông ra ngoài và tôi mở cửa chiếc Rocinante.

“Ông đi xe này à?”

“Dĩ nhiên”.

“Đi đâu?”

“Đi khắp nơi”.

Và rồi tôi nhìn thấy điều mà tôi đã thấy biết bao lần trong suốt cuộc hành trình: ánh mắt thèm khát.

“Chúa ơi! Giá mà tôi đi được”.

“Ở đây ông không thích à?”

“Dĩ nhiên. Cũng chẳng có vấn đề gì cả, nhưng tôi ước có thể đi”.

“Ông thậm chí còn chưa biết tôi đi đâu kia mà”.

“Tôi không quan tâm. Tôi muốn đi khắp mọi nơi”.

Cuối cùng tôi phải rời khỏi những con đường rợp bóng cây và cố hết sức để đi vòng tránh các thành phố. Hartford và Providence và các nơi tương tự đều là đô thị lớn, chộn rộn sản xuất, nhếch nhác giao thông. Đi xuyên qua các thành phố như thế mất nhiều thời gian hơn là đi hàng trăm dặm đường.

Và giữa những biến báo giao thông rối beng, khi tìm đường để len lỏi qua, ta chẳng có cơ hội để thấy bất cứ điều gì. Nhưng giờ thì tôi đã đi qua hàng trăm thị trấn và thành phố trong mọi điều kiện thời tiết, mọi phong cảnh, địa hình. Tất nhiên chẳng nơi nào giống nơi nào, và người dân mỗi nơi cũng có những suy nghĩ khác nhau, nhưng mọi người vẫn giống nhau ở những nét nào đó. Các thành phố Mỹ – tất cả – đều giống như những hang chồn, bị vây chặt giữa những đám phế thải, bị bao quanh bởi những đồng xe hơi rỉ sét hư hỏng, và hầu như bị ngộp trong rác rưởi. Mọi thứ ta sử dụng đều được giao trong hộp, trong thùng các-tông, trong thùng chứa, tức những thứ gọi là “bao bì” mà chúng ta quá đỗi yêu thích. Những núi đồ vật mà chúng ta thải đi còn nhiều hơn cả những đồ vật mà chúng ta sử dụng.

Nếu không còn cách nào khác thì cứ nhìn vào đó là có thể thấy sự lãng phí hoang dã và bừa bãi của nền sản xuất chúng ta, mà rác có vẻ như là một chỉ số. Khi lái xe đi qua, tôi nghĩ ở Pháp hay Ý từng món đồ vứt đi này hẳn sẽ được giữ lại để dùng vào chuyện gì đó. Tôi nói điều này không có ý chỉ trích hệ thống của chúng ta hay của bất cứ nước nào mà là vì tôi thực sự thắc mắc liệu chẳng sẽ đến cái lúc mà chúng ta không còn chịu đựng nổi sự hoang phí của chính mình: chất thải hóa học thì đổ xuống sông, rác kim loại thì bỏ vương vãi khắp nơi, chất thải nguyên tử thì chôn sâu dưới lòng đất hay chìm xuống biển. Khi một ngôi làng da đỏ bị ngộp quá sâu trong rác thì dân cư của nó dời đi nơi khác. Mà chúng ta thì làm gì có nơi nào để ra đi?

Tôi đã hứa với cậu con út là sẽ ghé thăm nó khi đi qua trường học của nó ở Deerfield, Massachusetts, nhưng tôi đến nơi quá trễ không tiện đánh thức nó dậy. Do đó tôi lái xe lên núi, tìm ra một cửa hàng bơ sữa, mua một ít sữa và xin phép được cắm trại dưới một ngọn cây táo. Người bán bơ sữa là một tiến sĩ toán học, và anh ta hẳn có học ít nhiều về môn triết. Anh ta thích việc mình đang làm và không muốn đi nơi nào khác. Một trong số người tự hài lòng ít ỏi mà tôi đã gặp trong suốt cuộc hành trình.

Tôi muốn vén tấm màn sự thật về cuộc viếng thăm trường Eaglebrook của tôi. Bạn có thể hình dung tác động mà Rocinante đã gây ra cho hai trăm tù nhân thiếu niên của hoạt động giáo dục, mới vừa bị vây bắt để thụ án mùa đông. Chúng kéo hàng đàn đến thăm chiếc xe của tôi, mỗi chuyến thăm có

đến mười lăm đứa chen chúc nhau trong chiếc ca-bin nhỏ. Chúng nhìn tôi với ánh mắt lịch sự nhưng trù ẻo, bởi lẽ tôi có thể ra đi còn chúng thì không thể. Con trai tôi có lẽ sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho tôi. Ngay sau khi lái xe đi, tôi dừng lại để kiểm tra có tay lựu vé nào hay không.

Lộ trình của tôi hướng về phía bắc, đến Vermont, rồi ngoặt sang phía đông, đến Hampshire ở White Mountains. Những quầy bán hàng dọc đường chất đống những quả bí ngô vàng tươi, nước ép táo nâu, và những rổ táo đỏ vừa giòn vừa ngọt, chỉ lăm le phọt nước ra nếu như tôi cắn chúng. Tôi mua táo và một bình bốn lít rượu làm từ nước ép táo tươi. Tôi tin rằng dọc theo xa lộ, ai ai cũng có bán giày moccasin^[6] và găng tay da hươu. Và có ai mà không bán kẹo sữa dê? Thế mà cho đến lúc đó, tôi chưa thấy một quầy-xưởng nào giữa thôn quê có bán giày và quần áo. Những ngôi làng tại đây đẹp nhất đất nước này, tôi nghĩ vậy. Chúng ngăn nắp, được quét sơn trắng toát, và nếu không kể các khách sạn và phố du lịch thì chúng không hề thay đổi suốt hàng trăm năm qua, chỉ trừ có giao thông và những con đường lát đá.

Khí hậu nhanh chóng chuyển sang lạnh và cây cối bùng nổ muôn màu sắc, những sắc đỏ, sắc vàng mà bạn không thể tin nổi. Không chỉ là màu sắc mà còn là sự bùng sáng, tưởng chừng như lá cây đã nuốt lấy ánh sáng của mặt trời mùa hạ rồi từ từ nhả ra. Có cái chất của lửa trong các màu sắc ấy. Tôi dong xe tít lên núi cho kịp trước hoàng hôn. Một tấm biển cạnh con suối chào bán trứng tươi. Tôi bèn lái xe vào một con đường trang trại để mua một ít trứng và xin phép được cắm trại cạnh con suối, nói rằng tôi sẵn sàng trả tiền.

Chủ trại là một người đàn ông khắc khổ với khuôn mặt mà tôi cho là rất Yankee^[7], cùng những nguyên âm bẹt mà chúng ta vẫn gán cho là lỗi phát âm của dân Yankee.

“Không cần trả tiền đâu”, ông ta nói. “Đất bỏ không mà. Nhưng tôi muốn ghé đó xem chiếc xế của ông”.

Tôi nói, “Để tôi tìm chỗ nào bằng phẳng và dọn dẹp qua cái đã, rồi mời ông xuống làm một tách cà phê hay gì đó”.

Tôi quay về, đi khảo sát, cho đến khi tìm được một chỗ bằng phẳng mà từ đó có thể nghe thấy tiếng róc rách của con suối hăm hở. Charley đã nhiều lần nói “Phù”, lần này thì điều đó có nghĩa là nó đang đói. Tôi mở cánh cửa Rocinante, bật đèn lên, và thấy bên trong một khung cảnh cực kỳ hỗn độn. Tôi vẫn thường xuyên phải thu dọn trên thuyền mỗi khi nó bị sóng nhồi, nhưng những cú thảng gập và vọt tới đột ngột của chiếc xe thì lại là một mối nguy khác. Sách và giấy vương vãi khắp trên sàn. Chiếc máy đánh chữ của tôi nằm chông chênh trên một chồng đĩa nhựa, một khẩu súng trường bị rơi xuống, tựa nòng vào bếp lò, và cả một ram giấy năm trăm tờ bị bung ra, vương vãi như tuyết rơi khắp mọi nơi. Tôi bật chiếc đèn măng-sông đốt bằng gas, tổng nguyên động hồ lớn đó vào chiếc tủ nhỏ, rồi đun nước pha cà phê. Sáng mai tôi sẽ phải dọn dẹp lại đồ hàng của mình. Không ai chỉ ra được phải dọn như thế nào. Cần phải học kỹ thuật dọn như cách tôi đã học: thông qua thất bại. Khi trời tối thì cái lạnh cũng trở nên thấu xương, nhưng ngọn đèn và bếp gas đã sưởi ấm căn nhà nhỏ của tôi. Charley ăn bữa tối, đánh một vòng làm bốn phận của nó, rồi lui về cái góc trải thảm dưới gầm bàn, nơi sẽ là của riêng nó trong suốt ba tháng tới.

Có biết bao sản phẩm hiện đại để phục vụ cho một cuộc sống tiện nghi. Trên chiếc thuyền của mình, tôi đã phát hiện ra công dụng của các dụng cụ nấu nướng bằng nhôm dùng một lần rồi bỏ, chảo rán và đĩa sâu. Bọn răn xong con cá là liệng luôn qua mạn tàu chiếc đĩa dùng để nấu. Tôi trang bị rất kỹ những thứ như thế. Tôi khai một hộp thịt bò băm, múc thịt ra một chiếc đĩa dùng một lần. Rồi tôi bỏ nó lên tấm a-mi-ăng ở trên ngọn lửa nhỏ để hâm nó thật chậm. Món cà phê vừa vụn xong thì Charley phát ra tiếng gầm sư tử của nó. Không cách gì mô tả được sự khoan khoái khi được báo trước có ai đó đang tiến đến trong màn đêm. Và nếu như kẻ đang tiến đến có tà tâm thì tiếng gầm này có thể sẽ làm hấn chùn bước mà không hề hay biết rằng Charley về cơ bản yêu hòa bình và có phẩm chất ngoại giao.

Chủ trại gỗ cửa và tôi mời ông ta vào.

“Ở đây thích nhỉ”, ông ta nói.

“Vâng, chỗ của ông thích thật”.

Ông ta xoay mình trên chiếc ghế bên cạnh bàn. Chiếc bàn này có thể hạ thấp xuống vào ban đêm và những chiếc gối có thể chuyển thành một chiếc giường đôi. “Thích thật”, ông ta lặp lại.

Tôi rót cho ông ta một tách cà phê. Có cảm giác như cà phê thơm hơn khi trời có sương giá.

“Có cần thêm vào chút gì không?” tôi hỏi. “Thêm chút gì cho phê nhé?”

“Không cần, vậy được rồi. Tốt lắm rồi”.

“Thêm chút rượu táo nhé? Tôi lái xe cũng mệt. Tôi cũng dùng một chút”.

Ông ta nhìn tôi với một vẻ thích thú có kiềm chế mà những người không phải Yankee sẽ cho là kém cởi mở. “Nếu tôi không dùng thì ông có dùng không?”

“Không, chắc là không”.

“Vậy tôi sẽ không làm phiền. Cho tôi xin một thìa thôi nhé”.

Tôi bèn rót cho mỗi người chúng tôi một ít rượu táo hai mươi một tuổi, rồi xoay người ở phía bên kia bàn. Charley xích ra để nhường chỗ và kê chiếc cằm của nó lên bàn chân tôi.

Trên đường đi phải giữ kẽ. Không có chỗ đâu cho những câu hỏi trực tiếp và riêng tư. Nhưng đó âu cũng là thói thường ở khắp nơi trên thế giới. Ông ta không hỏi tên tôi và tôi cũng không hỏi tên ông ta, nhưng tôi đã thấy cái liếc nhanh của ông ta về phía các cây súng trong những chiếc bao cao su đựng chúng, và phía những cần câu gài trên vách.

Khrushchev^[8] đang ở Liên Hiệp Quốc. Đó là một trong số ít lý do tôi muốn có mặt ở New York. Tôi hỏi, “Ông có nghe đài bữa nay không?”

“Bản tin lúc năm giờ”.

“Có chuyện gì ở Liên Hiệp Quốc không? Tôi quên chưa nghe”.

“Ông không tin nổi đâu”, ông ta nói. “Ngài K. tháo giày ra đập lên bàn”.

“Để làm gì?”

“Thì không ưng những gì người ta nói”.

“Cách phản đối lạ lùng nhỉ?”

“Thì đó, nó gây được chú ý. Tin tức chỉ toàn nói chuyện này”.

“Lẽ ra họ phải giội búa bắt ông ấy xỏ giày vào”.

“Ý hay đấy. Có lẽ chiếc búa phải mang hình chiếc giày để ông ấy khỏi ngượng”. Ông ta nhấp một ngụm rượu táo, vẻ nhâm nhi. “Ngon thật”, ông ta nói.

“Dân quanh đây nghĩ gì về chuyện đáp trả người Nga?”

“Tôi chả biết người khác nghĩ gì. Nhưng theo tôi thì việc đáp trả nghe có vẻ thủ thế quá. Tôi muốn thấy ta phải làm gì đó để họ lo mà đáp trả ta mới phải”.

“Ông nói nghe hay đấy”.

“Tôi thấy ta lúc nào cũng bị động cả”.

Tôi tiếp cà phê vào các tách rồi rót thêm một ít rượu táo cho cả hai. “Ông nghĩ ta phải tấn công à?”

“Tôi cho rằng ít ra cũng phải có lúc ta cầm bóng chứ”.

“À mà chuyện bầu bán quanh đây thế nào rồi nhỉ?”

“Làm sao tôi biết được”, ông ta nói. “Đâu có ai nói năng gì. Theo tôi, đây là cuộc bầu cử bí ẩn nhất xưa nay chỗ chúng tôi. Chẳng ai chịu nói ra ý kiến của mình”.

“Hay có khi nào họ không có ý kiến gì?”

“Có thể lắm, hay có thể họ chỉ đơn giản là không muốn nói. Tôi còn nhớ trong các cuộc bầu cử khác, lẽ ra phải có những bàn cãi nảy lửa nhưng tôi có nghe thấy gì đâu”.

Và đó là điều tôi đã phát hiện ra ở khắp đất nước này: không bàn cãi, không tranh luận.

“Ở nơi khác có giống như vậy không?” Ông ta hẳn đã nhìn thấy biển số xe của tôi, nhưng vẫn cứ hỏi trống.

“Tôi thấy ông nói đúng. Ông nghĩ có phải người ta sợ không dám có ý kiến không?”

“Số nào đó có thể. Nhưng tôi biết có một số người không sợ mà vẫn chẳng nói năng gì”.

“Tôi cũng có gặp những người như thế”, tôi nói. “Nhưng tôi cũng không biết nữa, thật đấy”.

“Tôi cũng vậy. Có lẽ đó là một phần của câu chuyện cũ ấy mà. Không, cảm ơn ông, tôi không uống nữa đâu. Tôi đánh hơi thấy bữa tối của ông sắp

sẵn sàng rồi đó. Tôi xin cáo từ đây”.

“Ông nói một phần của chuyện gì?”

“Thì đó, như ông nội tôi và cha của ông ấy – cụ vẫn còn sống đến năm tôi mười hai tuổi. Họ đã biết thứ gì thì biết rất chắc. Họ biết rõ cả những chuyện nhỏ nhặt, và họ biết những gì có thể xảy ra. Còn bây giờ... Điều gì có thể xảy ra nào?”

“Tôi không biết”.

“Chẳng ai biết cả. Ý kiến ý cọ để mà làm gì nếu như đã không biết? Ông nội tôi còn biết bộ râu của Thượng đế có bao nhiêu cọng nữa kìa. Còn tôi, chuyện gì xảy ra ngày hôm qua còn chưa biết, nói gì đến ngày mai. Ông ấy biết cái gì tạo ra hòn đá hay chiếc bàn. Còn tôi thì ngay cả cái công thức “không ai biết” cũng chẳng hiểu nổi. Chúng ta chẳng biết bám víu vào đâu cả, chẳng biết đường nào để suy nghĩ về mọi thứ. Tôi rút đây. Sáng mai ta có gặp lại nhau không nhỉ?”

“Tôi không biết. Tôi sẽ đi sớm đây. Tôi muốn tránh kẹt xe khi băng qua Maine để đến Deer Isle”.

“Này, nơi đó rất đẹp, đúng không?”

“Tôi chưa biết. Tôi chưa từng đến đó”.

“Đẹp lắm đấy. Ông sẽ thích nơi đó. Cảm ơn về món cà phê nhé. Chúc ông ngủ ngon”.

Charley dõi theo ông ta, thở dài một tiếng rồi ngủ tiếp. Tôi ăn món thịt bò băm của mình rồi hạ giường xuống rồi rút ra cuốn *Sự đi lên và sụp đổ của Đế tam Quốc xã* của Shirer. Nhưng tôi chợt nhận ra mình không đọc được, và khi tắt đèn thì tôi lại không ngủ được. Tiếng con suối róc rách trên các tảng đá là một âm thanh thư giãn, nhưng cuộc trò chuyện với người chủ trại vẫn ở lại trong tôi. Quả là một người đàn ông sâu sắc, nói năng khôn khéo. Chẳng dễ gì gặp được người như ông ta. Và có thể ông ta đã chạm ngón tay vào đó. Loài người có lẽ đã mất hàng trăm triệu năm để quen thuộc với lửa như một món vật và một ý tưởng. Trong khoảng thời gian kể từ lúc một người bị bỏng ngón tay khi chạm vào một thân cây bị sét đánh cho đến khi một người khác khuan một phần cây vào trong hang và nhận thấy nó giữ

được ấm, có lẽ phải trải qua hàng trăm ngàn năm, nhưng từ đó đến các lò cao ở Detroit... là bao lâu?

Và giờ đây trong tay ta đã có một lực lượng mạnh hơn biết bao, và chúng ta không có thời gian để triển khai các phương tiện suy nghĩ, vì con người cần phải có cảm xúc rồi tiếp đó là ngôn ngữ trước khi có thể tiếp cận với tư duy và – ít ra là trong quá khứ – điều này mất rất nhiều thời gian.

Gà đã gáy trước cả khi tôi chìm vào giấc ngủ. Tôi cảm thấy cuộc hành trình này rốt cuộc cũng đã được khởi đầu. Trước đây tôi không thực sự tin điều đó.

* * *

Charley thích dậy sớm, và nó thích làm cho tôi cũng dậy sớm theo. Tại sao không nhỉ? Ngay sau bữa sáng, nó đi ngủ lại. Sau nhiều năm, nó học được một số chiêu thức trông như vô tội để dựng tôi dậy. Nó có thể rung lắc thân mình và chiếc vòng cổ, phát ra những âm thanh đủ lớn để đánh thức cả người chết. Nếu việc đó không hiệu quả, nó lên cơn hắt hơi. Nhưng có lẽ biện pháp dễ cáu nhất của nó là lặng lẽ ngồi bên giường, nhìn vào mặt tôi bằng ánh mắt ngọt ngào và vị tha. Dù ngủ sâu cách mấy, tôi cũng phải tỉnh dậy khi có cảm giác bị nhìn.

Nhưng tôi đã học được cách nhắm tịt mắt. Chỉ cần mắt tôi hơi nhấp nháy là nó lại hắt hơi, duỗi mình và giấc ngủ đó của tôi coi như đi tong. Thường thì cuộc chiến ý chí này kéo dài khá lâu. Tôi nhắm nghiền mắt còn nó thì tha thứ cho tôi, nhưng gần như lần nào nó cũng thắng. Nó thích đi du lịch đến mức luôn muốn khởi hành sớm, và sớm đối với Charley là khoảng nhá nhem giữa đêm tối và bình minh.

Tôi nhanh chóng phát hiện rằng nếu một khách du lịch lạ muốn nghe lỏm dân địa phương thì nơi anh ta nên lên vào và lắng nghe chính là quán bar và nhà thờ. Nhưng một số thị trấn ở New England lại không có quán bar, và nhà thờ thì chỉ mở cửa ngày chủ nhật. Một giải pháp thay thế tốt là những quán ăn dọc đường, nơi người ta tụ tập dùng điểm tâm trước khi đi làm hoặc

đi săn. Để tìm ra những quán như thế mà không bị đông khách thì phải dậy từ rất sớm. Và ngay cả khi đó cũng vẫn có một trở ngại. Những người dậy sớm không bao giờ nói chuyện với người lạ, thậm chí họ cũng chẳng mấy khi nói chuyện với nhau. Những cuộc chuyện trò lúc điểm tâm thường chỉ giới hạn ở vài tiếng cầu nhau cộc lốc. Sự kiệm lời bẩm sinh của người New England đạt đến đỉnh cao hoàn hảo của nó trong bữa ăn sáng.

Tôi cho Charley ăn, dẫn nó đi dạo quanh một chút rồi lên đường. Một màn sương giá phủ kín những ngọn đồi và kết băng trên tấm kính chắn gió của xe tôi. Tôi không phải là người thường ăn sáng, nhưng lúc này tôi phải ăn vì nếu không thì sẽ chẳng gặp được ai trừ khi dừng xe để đổ xăng. Đến quán ăn bên đường đầu tiên sáng đèn, tôi đẩy cửa bước vào và ngồi xuống bên quầy. Khách hàng đang khom cả xuống tách cà phê của họ như những cây dương xỉ. Cuộc trao đổi thông thường như sau:

PHỤC VỤ: “Vẫn vậy?”

KHÁCH HÀNG: “Vâng”.

PHỤC VỤ: “Nguội chút nhé?”

KHÁCH HÀNG: “Vâng”.

(mười phút sau)

PHỤC VỤ: “Rót thêm nhé?”

KHÁCH HÀNG: “Vâng”.

Vị khách hàng này xem ra là bép xép lắm rồi. Một số nói trong cổ họng “Ừ” và số khác chẳng thèm trả lời. Các cô phục vụ bàn vào buổi sáng sớm ở New England thường sống cô độc, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng nếu tôi cố mang sự sống và sự vui vẻ đến cho công việc của họ bằng một lời nhận xét vô tư thì các cô sẽ cụp mắt xuống và nói “Vâng” hoặc “Ừ”. Dù vậy, tôi vẫn cảm thấy có một dạng giao tiếp nào đó, nhưng chả hiểu là dạng nào.

Cách tốt nhất để biết tin tức là nghe đài buổi sáng. Tôi đã học được cách để yêu thích thói quen này. Mỗi thị trấn vài ngàn dân có trạm phát thanh riêng, và nó soán vị trí của các tờ báo địa phương xưa cũ. Nhà đài thông báo về các cuộc ngã giá và buôn bán, các hoạt động xã hội, giá cả hàng hóa, các loại thông điệp. Các bản nhạc thì giống nhau trên khắp đất nước. Nếu như “Thiên thần tuổi teen” năm đầu danh sách các bài hát ở Maine thì nó cũng

nằm đầu danh sách ở Montana. Trong một ngày, bạn có thể nghe “Thiên thần tuổi teen” phát đi phát lại từ ba đến bốn chục lần. Nhưng ngoài tin tức địa phương ra, cũng có vài mẫu quảng cáo của địa phương khác lọt vào. Càng đi xa lên phía bắc và càng lạnh thì tôi càng thấy nhiều quảng cáo bất động sản ở Florida. Và với mùa đông kéo dài và lạnh giá đang đến gần, tôi có thể hiểu vì sao Florida lại là một từ bằng vàng. Càng đi, tôi càng thấy có nhiều người thêm khát Florida và hàng vạn người đã di chuyển xuống đó, thêm hàng vạn người khác đang muốn và sẽ đi. Những mẫu quảng cáo, được Ủy ban Truyền thông liên bang duyệt sơ, chẳng mang thông tin gì nhiều ngoài cái thực tế là đất đai được rao bán đều nằm ở Florida. Một số mẫu còn đi quá đà, hứa hẹn rằng đất rao bán nằm trên mực nước biển. Nhưng chẳng sao, tự cái tên Florida đã mang theo một thông điệp ấm áp, thoải mái và sung túc. Không thể cưỡng lại được cái tên đó.

Tôi sống ở nơi thời tiết tốt, và điều đó làm tôi chán muốn chết đi được. Tôi thích thời tiết hơn là khí hậu. Ở Cuernavaca, Mexico, nơi mà tôi từng sống và cũng là nơi mà thời tiết gần như là hoàn hảo – như người ta vẫn nói – tôi nhận thấy khi người ta rời khỏi đó thì người ta thường đi đến Alaska. Tôi rất muốn biết một người sống ở hạt Aroostook sẽ cầm cự được bao lâu ở Florida. Rắc rối nằm ở chỗ, một khi tiền dành dụm được chuyển đến và đầu tư ở đó, anh ta sẽ khó lòng mà quay trở về. Con súc sắc của anh ta đã được gieo, anh ta đâu thể nào nhặt nó lên trở lại. Tôi nghĩ đến một người ở Down East ngồi trên chiếc ghế nylon-nhôm giữa một bãi cỏ mà mùa nào cũng xanh như mùa nào, bận rộn với việc đập muỗi trong một buổi tối Florida. Liệu con dao của ký ức có đâm vào bụng anh ta ngay phía dưới xương sườn, khiến anh ta đau đớn? Và trong cái ẩm ướt của mùa hè vĩnh cửu, tôi dám thách ký ức hình ảnh của anh ta không quay trở lại với tiếng hét của màu sắc, với cái se se của bầu không khí sương giá, với mùi gỗ thông đang cháy và cái ẩm ve vuốt của nhà bếp. Vì làm sao người ta biết được thế nào là màu sắc khi ở giữa một màu xanh vĩnh cửu? Và ấm áp để làm gì nếu không có cái lạnh để khiến nó trở nên ngọt ngào?

Tôi lái xe chậm tối đa ở mức mà thông lệ và quy luật của sự kiên nhẫn cho phép. Đó là cách duy nhất để thấy được mọi thứ. Cứ cách vài dặm là các

bang lại cung cấp một chỗ để người ta nghỉ ngơi dọc đường, đôi khi là nơi trú chân gần những con suối sẫm màu. Có những thùng dầu được sơn lên để làm thùng đựng rác, và có những chiếc bàn dã ngoại, đôi khi có cả lò sưởi hay lò nướng barbecue. Cứ cách vài chỗ như thế, tôi lại đưa Rocinante rời đường nhựa và để cho Charley ra ngoài đánh hơi những gì lưu lại từ những người khách trước. Rồi tôi đun món cà phê của tôi và thoải mái ngồi trên bậc thang ở đuôi xe, ngắm nghĩa rừng và nước và những ngọn núi đang dâng cao nhanh chóng, với những chòm tùng bách và linh sam phủ tuyết phía bên trên. Cách đây lâu lắm rồi, trong dịp lễ Phục sinh, tôi có một quả trứng-nhìn^[9]. Nhòm vào chiếc lỗ kim ở một bên đầu, tôi thấy một trang trại nhỏ đáng yêu, một trang trại trong mơ. Và trên ống khói của ngôi nhà nông trại có một con cò đang ngồi trên chiếc tổ. Tôi coi đó như một trang trại cổ tích và dĩ nhiên tưởng tượng ra những chú lùn ngồi trên những trái nấm dù. Và rồi, ở Đan Mạch, tôi đã thấy trang trại đó hay một phiên bản anh em của nó, y hệt như trong quả trứng-nhìn. Và ở Salinas, California, nơi tôi lớn lên, mặc dù nơi ấy cũng có chút sương giá nhưng khí hậu vẫn rất tuyệt, nhiều sương mù. Khi chúng tôi thấy những bức ảnh màu chụp rừng thu ở Vermont thì đó cũng lại là một thứ cổ tích, và chúng tôi nói trắng ra là không tin vào nó. Ở trường, chúng tôi học thuộc bài thơ “Nghẽn tuyết” và những bài thơ nho nhỏ về Ông già tuyết và cây cọ của ông ấy, nhưng điều duy nhất mà Ông già tuyết làm cho chúng tôi là tráng một lớp băng mỏng lên máng xối và cũng hiếm khi ông làm điều đó. Tôi thấy sững sốt khi nhận ra không chỉ mớ màu sắc hỗn loạn ấy là thật mà ngay cả các bức ảnh cũng chỉ là những diễn dịch nhợt nhạt và không chính xác. Tôi thậm chí không hình dung nổi những màu sắc của rừng khi không thấy chúng trước mắt. Tôi tự hỏi liệu quá quen với màu sắc có làm người ta mất đi sự chú ý. Và tôi đã đem thắc mắc này hỏi một phụ nữ quê gốc ở New Hampshire. Bà ta nói mùa thu chưa bao giờ làm bà thôi ngạc nhiên, thôi phấn chấn. “Nó là cả một sự huy hoàng”, bà nói, “và người ta không thể nhớ được nó. Vì vậy nó luôn đến như một sự bất ngờ”.

Trong dòng suối cạnh chỗ nghỉ, tôi thấy một con cá hồi nhảy lên từ làn nước sẫm của chiếc vũng, làm tuôn ra những vòng tròn bàng bạc. Cả Charley cũng thấy. Nó bèn lội xuống, bị ướt be bét. Đúng là chó ngốc. Nó

chả bao giờ biết nghĩ về tương lai cả. Tôi bước vào Rocinante để lấy ra mấy món rác nho nhỏ của tôi, cho vào chiếc thùng dầu: hai chiếc hộp thiếc rỗng. Tôi đã ăn một hộp và Charley ăn một hộp. Trong số những cuốn sách tôi mang theo, tôi thấy có một bìa dễ nhớ. Tôi bèn lôi nó ra ánh sáng: một bàn tay vàng cùng lúc nắm một con rắn và một tấm gương có cánh. Và dưới hình này là những chữ trông giống như viết tay: “*Khán giả*, Henry Morley biên soạn”.

Đối với một nhà văn thì hình như tôi đã có một tuổi thơ may mắn. Ông ngoại của tôi, Sam'l Hamilton, yêu những áng văn hay và cũng rất rành về chúng. Ông có vài cô con gái là nữ sĩ, trong đó có mẹ tôi. Cho nên tại Salinas, trên chiếc kệ sách lớn màu sẫm bằng gỗ hồ đào có lắp cửa kính, luôn có những thứ kỳ diệu để mà phát hiện. Cha mẹ tôi chưa bao giờ cho phép và những cánh cửa kính rõ ràng là để canh giữ chúng, cho nên tôi phải chồm chúng từ kệ sách. Điều này chưa bao giờ bị cấm đoán mà cũng chưa bao giờ được khuyến khích. Tôi nghĩ nếu như ngày nay ta cứ cấm những đứa con ít chữ nghĩa của chúng ta, không cho chúng sờ vào những thứ đẹp đẽ của nền văn chương, thì có khi chúng lại lấy trộm những thứ đó và tìm được niềm vui thầm kín chưa biết chừng. Từ rất sớm, tôi đã mang nặng một tình yêu chưa bao giờ phai nhạt đối với Joseph Addison^[10]. Ông ta bay lượn với ngôn ngữ chẳng khác gì Casals^[11] dạo chơi với cây cello vậy. Chẳng biết ông ta có ảnh hưởng gì đến văn phong của tôi không, nhưng tôi hy vọng là có. Ở White Mountains năm 1960, ngồi dưới mặt trời, tôi mở tập sách đầu tiên khó quên ấy, in năm 1883. Tôi giờ Phần 1 của *Khán giả* – thứ năm, ngày 1 tháng 3 năm 1711. Nó khởi đầu như sau:

“*Non Fumum ex fulgore, sed ex fumo dere lucem Cogitat, et speciosa dehine miracula promat*”. — Horace.^[12]

Tôi còn nhớ cái cách mà Addison xiết bao yêu quý đã dùng chữ viết hoa cho các danh từ. Dưới ngày tháng nêu trên, ông viết:

“Tôi quan sát thấy Người đọc hiếm khi nghiền ngẫm một Cuốn sách với sự Hào hứng trừ phi anh ta biết được Tác giả của nó là người bất chính hay đảng hoàng, Tính tình hòa nhã hay cáu gắt, Độc thân hay đã Lập Gia đình, cùng những Đặc điểm khác trong Tính cách. Điều này giúp đỡ rất nhiều để

có được sự Hiểu biết đúng đắn về Tác giả. Để thỏa mãn sự Hiếu kỳ này, điều cũng rất tự nhiên ở Người đọc, tôi dùng Bài viết này và bài kế tiếp để làm Lời Giới thiệu cho những bài viết tiếp nữa của tôi, trong đó tôi sẽ có sự Liệt kê nhiều nhân vật đã tham gia vào Công trình này. Do việc Sưu tập, Phân loại và Sửa chữa rơi vào Phần Trách nhiệm của tôi, tôi buộc phải tạo sự Công bằng cho bản thân bằng cách mở đầu Công trình này bằng Tiểu sử của chính mình”.

Chủ nhật, 29 tháng 1 1961. Vâng, thừa Joseph Addison, tôi đã nghe và xin tuân theo ông không cần sự Bàn cãi, vì rõ ràng sự Hiếu kỳ mà ông đề cập đến quả không có Phương cách nào để làm cho suy giảm. Tôi đã thấy nhiều Người đọc quan tâm đến cách tôi ăn mặc hơn là cách tôi suy nghĩ, háo hức với cách tôi làm hơn là việc tôi làm. Về phần Công trình của tôi, một số Người đọc thể hiện nhiều Cảm xúc đối với việc nó gây ấn tượng gì còn hơn cả nó nói gì. Do sự Gợi ý của Thượng đế chính là một Mệnh lệnh, tương tự như Kinh Thánh, nên tôi có thể coi là mình đồng thời vừa lạc đề, vừa vô đề.

So với bình quân thì tôi là người cao ráo – cao đến một mét tám ba – mặc dù so với các thành viên nam trong gia đình thì tôi bị xem là một chú lùn. Họ cao phải từ một mét tám tám đến một mét chín sáu, và tôi biết cả hai đứa con trai của tôi sẽ vượt tôi khi chúng đạt đến độ cao tối đa. Vai tôi rất rộng và, trong trạng thái hiện nay, tôi tự thấy hông của mình rất hẹp. Chân tôi dài so với thân hình, và người ta nói là trông chúng rất thon thả. Tóc tôi màu xám bạc, mắt tôi xanh và má tôi hồng hào, một làn da thừa hưởng từ bà mẹ Ai-len của tôi. Khuôn mặt tôi không khỏi bị thời gian làm hao mòn, và dấu vết của nó đã được ghi lại qua những vết xẹo, nếp nhăn, và sự héo hắt. Tôi để râu quai nón và ria mép, nhưng lại cạo nhẵn ở vùng má. Cái gọi là râu quai nón có một dải sẫm lông chồn ở giữa và viền trắng, gợi nhớ đến một số người họ hàng. Tôi nuôi bộ râu này không phải vì những lý do thông thường như da xấu hay ngại đau khi cạo, cũng chẳng phải để bí mật che lấp chiếc cằm yếu ớt, mà thuần túy chỉ là một sự trang trí trâng tráo, khá giống với con công khoái chí với bộ lông đuôi của nó. Và cuối cùng, trong thời đại chúng tôi, râu là thứ mà phụ nữ không thể vượt trội hơn so với nam giới, và

nếu như vượt được thì sự thành công của họ chỉ có thể được đảm bảo ở rạp xiếc.

Trang phục du lịch của tôi là khá thực dụng, xen lẫn đôi chút lập dị. Đôi ủng cao su kiểu Half-Wellington có đế lót bằng bần, giữ cho bàn chân tôi ấm áp và khô ráo. Quần ka-ki bông – mua tại một cửa hiệu bán hàng dạt của quân đội – bó ở cổ chân tôi, trong khi ở phía trên, tôi thích khoác áo đi săn có cổ và tay áo bằng da cùng một túi đồ đồ sẵn sau lưng, đủ rộng để đưa lậu một nạng công chúa da đỏ vào Y.M.C.A.^[13] Chiếc nón là thứ tôi đã đội suốt nhiều năm qua, một chiếc nón hải quân Anh bằng vải serge với phần lưỡi trai ngắn và trên chóp của nó có thêu biểu tượng sư tử và kỳ lân vương giả, như đang đấu đá nhau bất tận để giành giật chiếc vương miện của nước Anh. Chiếc nón này trông khá cổ và bụi, nhưng người hoa tiêu trưởng của một tàu rà ngư lôi đã tặng nó cho tôi lúc tôi đi trên con tàu này rời Dover hồi chiến tranh, ông ta là một quý ông hào hoa và một sát thủ. Sau khi tôi rời khỏi sự chỉ huy của ông ta, ông ta đã tấn công một tàu E-boat^[14] của Đức. Ông ta không khai hỏa để cố giữ cho nó nguyên vẹn vì chưa từng ai bắt được loại tàu này, rồi loay hoay thế nào đó mà chính tàu của ông ta lại bị đánh chìm. Từ đó, tôi đội chiếc nón của ông ta để vinh danh ông và cũng để tưởng nhớ đến ông. Hơn nữa, tôi rất thích nó. Nó hợp với tôi. Ở Down East thì chiếc nón này chẳng ai thèm ngoái đầu nhìn, nhưng sau đó ở Wisconsin, Bắc Dakota, Montana, khi tôi đã bỏ lại biển rất xa phía sau lưng, tôi nghĩ nó đã gây sự chú ý. Tôi bèn mua một thứ mà ta vẫn hay gọi là “nón cao bồi” hiệu Stetson, vành không rộng lắm, một chiếc nón miền Tây trông đẹp đẽ nhưng thủ cựu, loại mà các ông chú chăn bò của tôi vẫn thường hay đội. Chỉ đến khi ra đến một vùng biển khác ở Seattle, tôi mới đội lại chiếc nón hải quân kia.

Chuyện này quả là không ăn nhập gì với những lời huấn thị của Addison, nhưng tôi sẽ trở lại với Người đọc của mình tại cái địa điểm dã ngoại này ở New Hampshire. Tôi đang ngồi đó lật giở tập đầu tiên của *Khán giả* và suy ngẫm về việc làm cách nào trí óc có thể thường xuyên làm hai việc cùng lúc nếu là những việc mà nó biết, và nhiều việc cùng lúc nếu là những việc nó không biết, thì một chiếc xe sang trọng chạy vào. Một phụ nữ khá đầy đà và

lòe loẹt thả ra một con chó thuộc giống Pomerania^[15] cũng không kém đầy đà và lòe loẹt, có vẻ như là chó cái. Tôi chắc sẽ không biết chi tiết sau cùng này, nhưng Charley thì biết. Ló đầu ra từ phía sau chiếc thùng đựng rác, nó cho rằng con chó ấy đẹp, và dòng máu Pháp của nó liền trỗi dậy. Nó bèn trở tài tán tỉnh một cách sống sượng, ngay cả đối với ánh mắt uể oải của chủ nhân nàng chó. Con chó ấy phát ra một tiếng kêu inh ỏi tựa như một con thỏ bị thương. Nó vọt ra khỏi xe và có lẽ đã túm được ngực của bà chủ nếu bà ta cúi xuống thấp một chút. Điều duy nhất mà bà ta có thể làm là phát một cú vào đầu của Charley cao kêu. Một cách rất tự nhiên và ngẫu hứng, nó tấp nhẹ vào tay bà ta trước khi tiếp tục cuộc tán tỉnh. Cho đến lúc đó tôi vẫn chưa hiểu rõ lắm ý nghĩa của thành ngữ “to make the welkin ring” – “làm rung chuyển bầu trời”. Đầu tiên là tôi không biết bầu trời ở đây có ý gì. Tôi sẽ tra lại sau. Nhưng cái bà chết tiệt đó chắc chắn đã làm rung chuyển mọi thứ. Tôi tóm lấy tay bà ta, thấy da dẻ bà thậm chí còn chưa bị xây xước, do đó tôi tóm lấy con chó của bà ta, và nó tức thì đớp tôi một phát chảy cả máu me trước khi tôi tóm được cổ con quái vật nhỏ đó và nhè nhẹ siết lại.

Charley xem toàn bộ khung cảnh này là nhảm nhí. Nó tè vào chiếc thùng đựng rác có lẽ đến lần thứ hai mươi, rồi mới quyết định thôi.

Phải mất khá nhiều thời gian để xoa dịu quý bà kia. Tôi đem ra nguyên một chai brandy có thể giết chết bà ta được, và bà ta hợp một ngụm có thể khiến bà ta chết lăn quay ra.

Sau tất cả những gì tôi đã làm cho nó, hẳn bạn nghĩ Charley sẽ đến đỡ đàn cho tôi? Nhưng không, nó không ưa sự kích động và rất ghét cảnh chè chén. Nó leo vào Rocinante, trườn xuống dưới gầm bàn và đánh một giấc ngon lành. Hết biết nổi loài khuyển.

Cuối cùng thì mệnh phụ kia cũng xéo đi trong khi xe vẫn còn gài thắng tay. Một ngày mà tôi dày công xây dựng cũng theo đó mà tan nát. Adisson biến thành tro bụi, con cá hồi không khuấy động vũng nước nữa, và một đám mây đã che lấp mặt trời, đưa cái lạnh se se vào không khí. Tôi thấy mình đang lái xe nhanh hơn mong muốn và trời bắt đầu đổ mưa, một cơn mưa lạnh như thép. Tôi không dành cho những ngôi làng xinh xắn sự chú ý

mà chúng đáng được hưởng. Từ trước đó rất lâu tôi đã băng qua Maine và tiếp tục đi về phía đông.

Ước gì các bang chịu thống nhất với nhau về giới hạn tốc độ. Đúng lúc bạn vừa làm quen với tốc độ tám mươi km/h thì bạn băng qua ranh giới bang và buộc phải nâng tốc độ lên một trăm lẻ bốn km/h. Tôi tự hỏi tại sao họ không thể đạt đến một thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên, có một điều mà tất cả các bang đều thống nhất: mỗi bang đều khẳng định bang của mình là tốt nhất và tuyên bố điều này bằng những dòng chữ lớn khi bạn vượt qua ranh giới bang. Trải qua gần bốn mươi bang, tôi chưa thấy một bang nào không dành những lời lẽ tốt đẹp để nói về bản thân. Điều này có phần hơi khiếm nhã. Có lẽ tốt hơn cả là cứ để cho khách tham quan tự đánh giá. Nhưng có thể chúng ta sẽ chẳng đánh giá đánh giúng gì nếu họ không tìm cách lôi kéo sự chú ý của chúng ta.

Chuẩn bị cho mùa đông ở New England là cả một vấn đề. Dân số mùa hè hẳn là khá lớn vì khi đó những con đường và xa lộ đều chật ních những người di tản khỏi cái nóng nồm nháp của Boston và New York. Giờ thì các quầy bán hot-dog, các cửa hàng bán kem, các hiệu bán đồ cổ, những nơi bán giày moccasin và bao tay da hươu đều dẹp tiệm và đóng cửa, nhiều nơi treo bảng ghi: “Mở cửa lại vào mùa hè sau”. Tôi không bao giờ quen được với hàng ngàn cửa hiệu đồ cổ nằm dọc ven đường, tất cả đều đầy ắp những món đồ phế thải cổ chính hiệu và được chứng thực. Tôi tin rằng dân số của mười ba thuộc địa^[16] là chưa đầy bốn triệu mống, và mỗi người họ chắc là đã điên cuồng sản xuất ra nào bàn, nào ghế, nào đồ sứ, nào thủy tinh, khuôn đèn cầy, bàn ủi với hình dáng kỳ quái, đồ đồng, đồ thau... để dành bán trong tương lai cho những du khách của thế kỷ hai mươi. Lượng đồ cổ được bày bán nội dọc theo các con đường của New England không thôi cũng đã đủ để trang bị các căn nhà của bốn chục triệu dân. Nếu tôi là một nhà kinh doanh giỏi, tôi sẽ quan tâm một chút đến những đứa cháu tuyệt vời còn chưa ra đời của tôi – mà nào tôi có quan tâm gì đâu – và sẽ thu gom tất cả những đồng tạp nhạp và xác xe hơi nằm rải rác ở bãi phế thải khắp các thành phố. Tôi sẽ đem những đồng lượm lặt ấy chất thành núi và xịt lên chúng thứ chất mà Hải quân vẫn thường hay dùng cho những con tàu bị bỏ phế. Sau một trăm năm, các hậu duệ của tôi sẽ được phép mở cái kho tàng cất giấu ấy ra và sẽ trở thành các ông vua đồ cổ của toàn thế giới. Nếu như những thứ tả tơi, nứt nẻ, gãy vỡ mà tổ tiên chúng ta muốn vứt bỏ có thể đem lại nhiều tiền bạc như thế thì hãy nghĩ đến những gì mà cỗ xe Oldsmobile năm 1954 hay chiếc máy nướng bánh mì năm 1960 có thể mang lại – và cả chiếc máy đánh trứng cổ Waring Mixor nữa chứ – Chúa ơi, các khả năng thật là bất tận! Những thứ mà ta phải trả tiền để tổng khứ đi có thể mang lại cả một gia tài khổng lồ.

Nếu tôi có vẻ quá quan tâm đến đồ phế thải thì đó là vì tôi thực sự quan tâm và tôi cũng có rất nhiều đồ phế thải nữa – một nửa cái nhà xe chứa đầy những mảnh, những mẫu, những món hư hỏng. Tôi dùng chúng để sửa chữa những món đồ khác. Mới đây, tôi dừng xe trước khu trưng bày của một tay buôn hàng phế thải gần Sag Harbor. Trong khi đang lịch sự ngó nghiêng cái kho ấy, tôi chợt nhận ra rằng mình còn có nhiều đồ phế thải hơn cả cái tay đó. Nhưng có thể thấy rõ là tôi vẫn có mối quan tâm chân thực và hầu như thấm hại đối với những món vật vô giá trị. Lý do bào chữa của tôi là trong thời đại mà sự lỗi thời cũng được kế hoạch hóa này, khi một vật bị hỏng hóc, tôi sẽ tìm ra được thứ gì đó trong bộ sưu tập của tôi để sửa chữa nó: một bồn cầu, một động cơ hay một chiếc máy xén cỏ. Nhưng tôi nghĩ sự thật vẫn đơn giản là... tôi thích đồ phế thải.

Trước khi khởi đầu chuyến đi, tôi đã biết rằng cứ cách vài ngày tôi sẽ phải dừng chân tại một bãi xe hay khách sạn, không phải để ngủ nghỉ mà là để được tắm nước nóng một cách xa hoa. Bên trong Rocinante, tôi phải đun nước nóng trong chiếc ấm trà rồi thấm nước để tắm táp, nhưng tắm bằng xô như thế dù sao cũng không được sạch sẽ lắm và chẳng lấy gì làm khoan khoái. Ngâm mình trong bồn tắm nước nóng là cả một niềm vui thanh khiết. Tuy nhiên, từ rất sớm trong chuyến đi, tôi đã phát minh ra một phương pháp giặt quần áo mà còn lâu bạn mới làm tốt hơn. Phát minh đó đến với tôi như thế này. Tôi có một chiếc xô đựng rác lớn bằng nhựa có nắp đậy và quai xách. Vì nó thường bị lật ngay cả khi xe di chuyển bình thường, tôi lấy một đoạn dây đàn hồi chắc khỏe làm bằng cao su bọc sợi bông và cột nó vào thanh phơi đồ trong cái tủ đựng đồ nhỏ, nơi nó có thể long xòng xọc lên mà rác vẫn không bị văng ra ngoài. Sau một ngày, tôi mở tủ để lấy xô đem đổ vào một thùng rác ven đường, và tôi đã phát hiện một mớ rác được nhào trộn hoàn hảo nhất xưa nay. Tôi nghĩ tất cả những phát minh lớn đều xuất phát từ những kinh nghiệm như thế này. Sáng hôm sau, tôi rửa sạch chiếc xô nhựa, đặt vào đó hai chiếc áo, đồ lót, vớ, đổ nước nóng và bột giặt vào, rồi lấy dây cao su cột nó vào thanh phơi đồ, để nó long xòng xọc và nhảy múa như điên suốt cả ngày. Tối hôm đó tôi xả đồ tại một con suối, và bạn sẽ không bao giờ thấy những chiếc áo nào sạch đến cỡ đó đâu. Bên trong

Rocinante, tôi giăng một sợi dây nylon gần cửa sổ để phơi đồ lên. Từ đó trở đi, quần áo của tôi luôn được giặt sạch sẽ sau một ngày lái xe và khô ráo ngày hôm sau. Tôi thậm chí còn dẫn tới, giặt cả khăn trải giường và bao gối theo cách đó. Để chải chuốt thì như vậy quá ổn rồi, nhưng cách đó không giải quyết được nhu cầu tắm rửa bằng nước nóng.

Ở cách Bangor không xa, tôi dừng xe ở một bãi đậu và thuê một căn phòng. Không mắc tiền chút nào. Ngoài biển ghi là “Giảm giá mạnh vào mùa đông”. Nó sạch sẽ không chê vào đâu được, mọi thứ tất tậ đều bằng nhựa – sàn nhà, rèm cửa, khăn trải bàn bằng loại vải nhựa chịu bẩn và chịu lửa, chụp đèn nhựa... Chỉ có đồ trên giường và khăn tắm là bằng vật liệu tự nhiên. Tôi đi đến một nhà hàng nhỏ liên hợp với khách sạn. Nó cũng tất tậ bằng nhựa nố – khăn trải bàn, đĩa đựng bơ... Đường và bánh quy giòn được bọc giấy kính, còn mứt thì đựng trong lọ nhựa nhỏ, bọc kín cũng bằng giấy kính. Lúc ấy là đầu giờ tối và tôi là khách hàng duy nhất. Ngay cả cô phục vụ cũng mặc một chiếc tạp dề bằng nhựa. Cô ta không được vui, nhưng cũng chẳng phải là buồn. Cô ta chẳng thế nào cả. Nhưng tôi không tin có ai đó chẳng thế nào. Hẳn phải có gì đó ở bên trong, tất cả chỉ để giữ cho cái vỏ bọc không sụp đổ. Đôi mắt trống rỗng ấy, đôi tay thần thờ ấy, đôi má đỏ hồng lốm đốm như một chiếc bánh nướng rắc bột đường ấy... tất cả hẳn phải có một ký ức hay một giấc mơ.

Tôi lựa lúc cất tiếng hỏi, “Bao lâu nữa thì cô đi Florida?”

“Tuần sau”, cô ta uể oải đáp. Rồi có gì đó xốn xang trong sự trống rỗng đau đớn đó. “Này, làm sao ông biết tôi sắp đi?”

“Tôi đọc suy nghĩ của cô, hình như vậy”.

Cô ta nhìn bộ râu của tôi. “Ông đọc được thật sao?”

“Không đâu”.

“Vậy ông nói đọc suy nghĩ của tôi là ý gì?”

“Có lẽ tôi chỉ đoán thôi. Cô thích nơi đó chứ?”

“Ồ, chắc chắn rồi! Năm nào tôi cũng đi. Ở đó có nhiều việc cho nữ phục vụ bàn vào mùa đông”.

“Cô làm gì ở đó. Ý tôi là để vui chơi ấy mà?”

“Ồ, chẳng có gì. Chỉ đi loăng quăng thôi”.

“Cô có đi câu cá hay đi bơi không?”

“Không thường lắm. Tôi chỉ loăng quăng thôi. Tôi không thích cát ở nơi đó. Nó làm tôi ngứa ngáy”.

“Cô kiếm được nhiều tiền chứ?”

“Khách ở đó mệt lắm?”

“Mệt?”

“Họ chỉ tiêu vào rượu chứ không vào thứ gì khác”.

“Như thứ gì?”

“Như tiền boa. Y hết khách mùa hè nơi đây vậy. Mệt”.

Thật là lạ khi một người có thể làm tràn ngập căn phòng bởi sự sống động, sự phấn khích. Và rồi có những người khác – và cô gái này là một trong số họ – có thể vắt kiệt năng lượng và niềm vui, có thể hút đến khô ráo sự hân hoan mà không để lại chút sinh khí nào. Những người như thế luôn tỏa sự u ám ra khắp xung quanh mình. Tôi đã lái xe rất lâu, có lẽ năng lượng của tôi đã xuống thấp và sự kháng cự của tôi cũng yếu đi. Thế là cô ta đã tóm được tôi. Tôi cảm thấy chán chường và sầu khổ đến mức chỉ muốn rúc vào một chiếc bao nhựa và chết quách đi cho xong. Khi hẹn hò thì cô ta như thế nào nhỉ? Khi yêu thì cô ta ra sao? Tôi cố thử hình dung nhưng không sao ra nổi. Mất một lúc, tôi suy nghĩ có nên cho cô ta năm đô-la tiền boa hay không. Nhưng tôi biết điều gì sẽ xảy ra: cô ta sẽ chẳng hề vui mừng. Cô ta sẽ chỉ nghĩ tôi là một gã khùng.

Tôi trở về căn phòng nhỏ sạch sẽ của tôi. Tôi chẳng bao giờ uống một mình. Như vậy thì chẳng vui chút nào. Và tôi không nghĩ tôi sẽ làm như vậy chỉ ít đến khi tôi trở thành một gã nghiện rượu. Nhưng đêm đó tôi đã lấy một chai vodka từ kho dự trữ và đem nó vào phòng. Trong phòng tắm, hai ly nước được đóng trong bao giấy kính với dòng chữ: “Những ly này đã được khử trùng để bảo vệ quý khách”. Vắt ngang bồn cầu là một dải giấy mang thông điệp như sau: “Bệ này đã được khử trùng bằng tia tử ngoại để bảo vệ quý khách”. Mọi người đều đang bảo vệ tôi và điều này khủng khiếp quá. Tôi xé bao giấy kính lấy mấy chiếc ly ra. Tôi quơ chân gỡ tấm giấy niêm bồn cầu. Tôi rót nửa ly vodka, nốc cạn, rồi làm thêm nửa ly nữa. Rồi tôi

ngâm mình thật sâu trong bồn nước nóng và thấy sầu khổ tột cùng, mọi thứ mọi nơi sao mà cứ chán phèo.

Charley hiểu được tâm trạng đó của tôi, nhưng nó là một con chó lịch sự. Con vật già ngốc nghếch bèn đi vào phòng tắm, chơi đùa với tấm chùi chân bằng nhựa như một con cún con. Một cá tính thật mạnh mẽ, một người bạn thật tuyệt vời! Rồi nó xông ra cửa và sủa inh ỏi như thể có ai đó sắp sửa đột nhập vào. Và nếu như không có tất cả những món đồ bằng nhựa kia thì có khi nó đã thành công.

Tôi còn nhớ một ông già Ả-rập ở Bắc Phi, người chưa từng chạm tay vào nước. Ông ta mời tôi món trà bạc hà trong một chiếc ly bị dùng nhiều đến mức trông cáu bẩn, đục ngầu, nhưng ông ta đã chia sẻ tình bạn với tôi và món trà vì thế cũng trở nên tuyệt vời. Và, không cần sự bảo vệ nào, răng của tôi đã không bị rụng, những cơn đau nhức cũng không tăng lên nữa. Tôi bắt đầu phát minh ra một quy luật mới mô tả mối quan hệ giữa sự bảo vệ và nỗi chán chường. Một tâm hồn buồn bã sẽ giết bạn nhanh hơn, nhanh hơn rất nhiều, so với vi trùng.

Nếu Charley không rung lắc, không nhảy chồm lên và nói “Phù”, có lẽ tôi sẽ quên rằng hàng đêm nó phải xoi hai chiếc bánh quy dành cho chó và đi dạo một vòng cho đầu óc thư thái. Tôi mặc đồ sạch vào rồi cùng nó bước vào đêm sao. Và Bắc cực quang đã xuất hiện. Tôi chỉ vài lần thấy nó trong đời. Nó treo lửng lơ và cuộn cuộn di động một cách đường bệ, tựa như một hậu trường bất tận của một sân khấu bất tận. Với màu hồng, màu xanh, màu tím, nó di chuyển và dao động theo nhịp của màn đêm, và những vì sao được sương giá mài bén rọi ánh sáng xuyên qua nó. Một khung cảnh thật huyền diệu vào đúng lúc tôi cần đến nó xiết bao! Trong khoảng khắc, tôi tự hỏi có nên chẳng túm lấy cô phục vụ kia và đá vào mông cho cô ta văng ra ngoài để mà trông thấy cảnh tượng ấy, nhưng tôi nào dám. Cô ta có thể làm cho sự vĩnh hằng và sự bất tận tan chảy, tuôn qua các kẽ ngón tay. Không khí có sự bùng cháy ngọt ngào của sương giá, và Charley, xông lên phía trước, chào hỏi một cách cặn kẽ nguyên một hàng cây thùy lạp bị xén cụt, nó đi đến đâu là hơi nước tỏa ra đến đó. Lúc trở lại, nó thấy hài lòng và mừng

cho tôi. Tôi cho nó ba chiếc bánh quy dành cho chó, làm nhàu chiếc giường tiệt trùng kia, rồi ra ngoài, đi về ngủ trong Rocinante.

* * *

Với tôi thì việc đi về hướng tây trong khi nên đi về hướng đông là chuyện thường tình. Đó luôn luôn là xu hướng của tôi. Tôi đang đi đến Deer Isle vì một lý do rất tốt. Người cộng tác và bạn lâu năm của tôi, Elizabeth Otis, năm nào cũng đến Deer Isle. Khi kể về nó, ánh mắt cô ta có cái vẻ như đang nhìn một thế giới khác. Nó trở nên hoàn toàn thờ thần. Lúc tôi chuẩn bị cho chuyến đi, cô ta nói, “Anh nhớ phải ghé qua Deer Isle nhé”.

“Nó không thuận đường”.

“Vớ vẩn”, cô ta nói bằng một giọng mà tôi đã quá rành. Giọng nói và điệu bộ của cô ta nói lên với tôi rằng nếu tôi không đến Deer Isle thì đừng có mà vác mặt về New York. Sau đó cô ta gọi điện cho cô Eleanor Brace, người luôn cho cô ở nhờ mỗi khi cô đến đó. Sự thể là như thế đó, và tôi đã bị gửi gắm. Tất cả những gì tôi biết về Deer Isle là nơi đó chẳng có gì để bàn cãi, nhưng nếu tôi không đến thì tức là tôi bị điên. Ngoài ra, Cô Brace cũng đang chờ đợi tôi.

Tôi bị lạc hoàn toàn ở Bangor, do giao thông và xe tải, do còi xe inh ỏi và do sự thay đổi ánh đèn. Tôi mơ hồ nhớ lại rằng tôi cần phải ra Quốc lộ 1. Tôi đã tìm ra nó và lái mười sáu cây số theo hướng ngược lại, tức quay ngược về hướng New York. Tôi đã được vẽ đường và chỉ cách đi, được hướng dẫn chi ly, nhưng không biết các bạn có bao giờ nhận ra điều này không: những chỉ dẫn của một người quá rành rẽ địa phương sẽ khiến bạn càng dễ đi lạc hơn, cho dù những chỉ dẫn đó chính xác. Tôi cũng bị lạc cả ở Ellsworth, mặc dù đã được cam đoan là không thể nào bị lạc. Rồi những con đường hẹp lại và những xe chở cây găm rú vượt qua tôi. Tôi bị lạc hầu như suốt cả ngày mặc dù đã tìm ra Blue Hill và Sedgwick. Trong buổi chiều muộn tuyệt vọng, tôi dừng xe và tiến đến một viên cảnh sát cưỡi ngựa trông đường bộ của bang Maine. Ông ta trông mới thật là oách, cứ như được tạc ra

từ đá granite vùng Portland, một người mẫu hoàn hảo cho một pho tượng kỷ sử tương lai. Nhưng tôi tự hỏi liệu các người hùng cảnh sát tương lai có được tạc cùng với chiếc jeep hay xe tuần tiểu bằng cẩm thạch?

“Thưa ông sĩ quan, hình như tôi bị lạc. Ông có thể chỉ đường cho tôi không?”

“Ông muốn đi đâu?”

“Tôi định đi Deer Isle”.

Ông ta nhìn tôi chăm chú, và khi đã an tâm rằng tôi không định giỡn mặt, ông ta lắc hông rồi trở về phía bên kia một lạch nước mà chẳng buồn mở miệng.

“Đó hả?”

Ông ta gật đầu, chiếc đầu từ trên hạ xuống dưới và giữ nguyên ở tư thế hạ thấp này.

“À, làm sao tôi đến được đó?”

Tôi thường nghe nói dân Maine rất kiệm lời, nhưng với ứng viên cho núi Rushmore^[17] này, việc trở tay hai lần trong một buổi chiều có vẻ như là một sự lảm chuyện không thể nào chấp nhận được. Ông ta hất cằm, vẽ ra một hình cung nhỏ, về hướng mà tôi đã đi qua. Nếu như không phải là trời đang tối nhanh, chắc tôi sẽ thử moi thêm vài lời từ ông ta, dù biết trước là sẽ chẳng tích sự gì. “Cảm ơn ông”, tôi nói mà cảm thấy mình thật ba hoa vô kể.

Thoạt tiên là một cây cầu sắt rất cao, vòm của nó dâng lên như cầu vồng. Sau đó một chút là cây cầu đá thấp lè tè có hình cong chữ S. Và thế là tôi đến được Deer Isle. Bản hướng dẫn vẽ tay nói rằng cứ đến bất kỳ ngã rẽ nào thì tôi phải rẽ phải, và từ “bất kỳ” được gạch dưới. Tôi leo qua một ngọn đồi rồi rẽ phải đi theo một con đường hướng đến một rừng thông, sau đó tiếp tục rẽ phải đi vào một con đường nhỏ hơn, rồi rẽ phải tiếp đi theo dấu bánh xe trên lớp lá kim. Đến được đây thì quá dễ rồi. Không thể tin nổi là tôi đã tìm ra được nơi này, nhưng trong vòng một trăm mét đã lừng lừng ngôi nhà cổ to lớn của cô Eleanor Brace, và cô ta đã đứng sẵn đó để đón tiếp tôi. Tôi cho Charley ra ngoài. Bất chợt, một vệt xám giập dờ xẹt ngang qua khoảng rừng thưa và chui tọt vào nhà. Đó là George. Nó không đón mừng tôi và càng không đón mừng Charley. Tôi chưa bao giờ thực sự trông thấy nó, nhưng sự

hiện diện sừng sĩa của nó thì ở khắp mọi nơi. Bởi lẽ George là một con mèo già màu xám mà sự thù hằn đối với cả người lẫn vật được tích tụ lâu năm đến mức, dù trốn ở trên gác, nó vẫn truyền đi lời cầu nguyện để bạn biến đi nơi khác. Nếu có trái bom rơi xuống và quét sạch mọi sinh thể trừ cô Brace ra, George nhà ta hẳn là sẽ vui lắm lắm. Đó là cách mà nó sẽ thiết kế ra thế giới nếu như nó có quyền. Và nó sẽ không bao giờ biết rằng sự quan tâm của Charley đối với nó chỉ thuần túy là vì lịch sự. Nó mà biết được điều đó thì chắc là nó sẽ bị tổn thương vì hận đời, bởi lẽ Charley chẳng quan tâm gì đến mèo, cho dù chỉ là để rượt đuổi.

Chúng tôi chẳng làm phiền gì George, vì chúng tôi trải qua cả hai đêm trong Rocinante, nhưng tôi nghe nói rằng khi có khách trong nhà, George thường trốn vào rừng thông và theo dõi từ xa, làu bàu sự bất mãn và phun ra sự hằn học. Cô Brace thừa nhận rằng, xét về chức năng của mèo, cho dù là gì đi nữa, thì George hoàn toàn vô dụng. Nó không thân thiện, rất khó ưa và có rất ít giá trị thẩm mỹ.

“Nhưng nó cũng bắt được chuột đấy chứ”, tôi nói đỡ.

“Không bao giờ”, Cô Brace nói. “Đừng có mơ. Và anh có biết điều này không nhỉ? Nó là mèo cái đấy”.

Tôi phải kiềm chế Charley vì sự hiện diện vô hình của George là ở khắp nơi. Trong một thời đại khai hóa hơn, khi mà các phù thủy được cảm thông hơn, George có lẽ vẫn thấy mình bị kết liễu trên giàn hỏa, bởi lẽ nếu như có tồn tại phù thủy – sứ giả của quỷ sứ hay kẻ giao tiếp với những hồn ma độc ác – thì đó chính là George.

Không cần phải nhảy bén để nhận ra sự khác thường của Deer Isle. Và nếu những người từng đến đây trong suốt nhiều năm còn chưa mô tả được nó thì tôi có thể làm được gì trong hai ngày? Đó là một hòn đảo nép mình như đứa bé bú mẹ vào bộ ngực của Maine, nhưng cũng có nhiều hòn đảo như thế. Dòng nước tối đen mà nó nương tựa có vẻ như đã hút sạch ánh sáng, nhưng trước đây tôi đã thấy những nơi giống vậy rồi. Những rừng thông xào xạc và những cơn gió rít qua những vùng đất trống thì giống như ở Dartmoor. Stonington, thủ phủ của Deer Isle, chẳng có vẻ gì giống một thị trấn của nước Mỹ, cả về phong cảnh lẫn kiến trúc. Những ngôi nhà xếp lớp

ra đến sát mặt nước tĩnh lặng của khu vịnh. Thị trấn này rất giống thị trấn Lyme Regis ở bờ biển Dorset, và tôi dám cá rằng những người đầu tiên lập nghiệp tại đây đã đến từ Dorset hay Somerset hay Cornwall. Thổ ngữ ở Maine rất giống ở West Country thuộc nước Anh: nguyên âm kép của nó được phát âm giống như kiểu Anh, nhưng tại Deer Isle sự giống nhau này còn rõ rệt gấp đôi. Người dân sống ven bờ biển phía dưới Bristol Chanel là những người bí ẩn, có lẽ hơi ma quái. Trong đôi mắt của họ có cái gì đó được giấu rất kín, đến mức chính bản thân họ có lẽ cũng chẳng biết là mình có. Và điều này cũng được thấy ở Deer Isle. Nói trắng ra là cái đảo Isle này rất giống Avalon. Nó hẳn sẽ biến mất nếu bạn không ở đó. Hay lấy ví dụ sự bí ẩn của những con mèo gấu trúc, một giống mèo lớn không có đuôi với bộ lông xám sọc đen, đó là lý do vì sao người ta gọi chúng là mèo gấu trúc. Chúng là động vật hoang dã, sống trong rừng và rất dữ dằn. Có lần, một người dân địa phương đã đem được một con mèo con về nuôi một thời gian. Ông ta cảm thấy rất sung sướng, có phần còn hãnh diện nữa kìa, nhưng mèo gấu trúc rất hiếm khi được thuần hóa, dù chỉ là hơi hơi. Bất cứ lúc nào bạn cũng có thể bị cào hay bị cắn. Loại mèo này rõ ràng có nguồn gốc từ Manx^[18], và khi giao phối với mèo nhà nó đã cho ra đời những con mèo không đuôi. Người ta kể rằng các tổ tiên của mèo gấu trúc là do một thuyền trưởng đem về, và chẳng bao lâu sau chúng đã bỏ nhà đi hoang. Nhưng tôi vẫn thắc mắc ở đâu ra cái kích thước khổng lồ đó. Chúng to hơn gấp đôi bất cứ con mèo Manx nào mà tôi từng thấy. Hay là chúng giao phối với loài linh miêu Bắc Mỹ hoặc mèo rừng? Tôi không biết. Chẳng ai biết cả.

Xuống đến bến cảng Stonington, các tàu thuyền mùa hè đang được kéo lên để cất giữ. Và không phải chỉ nơi đây mà cả ở những vịnh nhỏ khác gần đó là những trại nuôi tôm hùm rất lớn. Lốm ngổm bò ra từ dòng nước tối những con tôm hùm Maine vỏ sẫm, những con tôm hùm ngon nhất thế giới. Cô Brace hỏi mua ba con, mỗi con chưa đến bảy trăm gram, cô ta nói thế, và tối hôm đó sự xuất sắc của chúng đã được phô diễn, không còn gì để nghi ngờ. Không có thứ tôm hùm nào ngon như thế. Chỉ cần đơn giản luộc lên, chẳng cần thứ nước chấm cầu kỳ nào, chỉ cần bơ tan chảy và nước chanh, thật không nơi đâu sánh bằng. Dù tôm có được vận chuyển sống khỏi vùng

biển tắm tối của chúng bằng tàu thủy hay máy bay thì chúng vẫn sẽ mất đi điều gì đó.

Tại một cửa hàng tuyệt vời ở Stonington, một cửa hàng vừa bán dụng cụ trong nhà vừa bán đồ tàu bè, tôi mua cho Rocinante một chiếc đèn dầu với chụp bằng thiếc. Tôi đã từng lo lắng rằng ở một nơi nào đó tôi bị cạn dự trữ khí bu-tan. Khi đó tôi làm sao nằm trên giường đọc sách được? Tôi bắt giá đèn vào chiếc vách trên đầu giường rồi vặn bấc để tạo ra một ngọn lửa vàng. Và thường xuyên trong cuộc hành trình, tôi dùng nó để sưởi ấm, để có màu sắc, cũng như để thắp sáng. Đó chính xác là loại đèn trong các căn phòng ở nông trại khi tôi còn bé. Và không có một thứ ánh sáng nhân tạo nào để chịu hơn thế, mặc dù những bậc cao niên nói rằng dầu cá voi còn cho ngọn lửa đẹp hơn thế nữa.

Tôi đã chứng minh rằng tôi không cách gì mô tả Deer Isle. Có điều gì đó không thể mô tả bằng lời. Nhưng sau đó nó sẽ ở lại với bạn, và còn hơn thế nữa, những thứ mà bạn không biết thì sau này bạn sẽ thấy trở lại với mình khi đã ra đi. Có một thứ mà tôi nhớ rất rõ. Có lẽ nó được tạo ra bởi mùa thu với chất sáng riêng và sự quang đãng của nó. Mọi thứ đều đứng tách riêng khỏi những thứ khác: một tảng đá, một bấu tròn của khúc cây dẹt trên bãi biển được nước biển gội sạch, một đường mái nhà. Mỗi ngọn thông đều là chính nó, tách riêng khỏi những ngọn khác dù vẫn là một phần của rừng thông. Liên tưởng ra rất xa, liệu tôi có thể nói rằng những người dân ở đây cũng có cùng phẩm chất đó? Chắc chắn là tôi chưa từng gặp ở đâu những cá nhân nồng nhiệt như thế. Tôi không thích chút nào khi buộc họ làm những thứ mà họ không muốn. Tôi từng nghe nhiều câu chuyện về Isle – tôi nhớ là Isle chứ không phải Island – và được ban cho những lời khuyên rất yếm thế. Tôi chỉ xin kể lại lời răn của một người sinh trưởng ở Maine mà tôi sẽ không nêu tên do sợ bị trả đũa.

“Chớ bao giờ hỏi đường một người Maine”, người đó bảo tôi.

“Tại sao lại không?”

“Chẳng biết vì sao chúng tôi nghĩ việc chỉ cho người ta đi lạc đường là một việc rất vui. Chúng tôi không cười khi làm vậy, nhưng trong thâm tâm thì chúng tôi cười ngất. Bản tính chúng tôi là như thế”.

Tôi không biết điều này có đúng hay không. Tôi chẳng bao giờ kiểm chứng được vì mặc dù đã cố hết sức, tôi vẫn bị lạc triền miên mà chẳng cần phải có ai giúp đỡ.

Tôi đã nói về Rocinante với tất cả sự tán thưởng và thậm chí yêu mến, nhưng chưa từng nói về chiếc xe pickup có ca-bin dã ngoại gắn trên nóc. Đó là mẫu xe mới với động cơ V-6 cực khỏe. Nó có một bộ truyền động tự động và một máy phát ngoại khổ để đem lại cho tôi ánh sáng trong buồng lái nếu tôi cần. Hệ thống giải nhiệt được nạp nhiều chất chống đông đến mức chịu được cả thời tiết ở địa cực. Tôi tin rằng xe con do Mỹ sản xuất được chế tạo để chống hỏng, và do đó buộc người ta phải thay xe mới. Nhưng đối với loại xe tải thì lại khác. Chủ xe tải cần xe chạy tốt thêm nhiều ngàn cây số so với chủ xe con. Họ không bị lóa mắt bởi bộ ghế hay cánh thẳng bằng hay những vật trang trí. Họ cũng chẳng cần phải vì địa vị hay thể diện mà mỗi năm lại sắm một chiếc xe đời mới. Mọi thứ trên chiếc xe của tôi đều được chế tạo để dùng thật lâu. Khung sườn của nó rất nặng, những phần kim loại đều rất cứng cáp, động cơ thì to và khỏe. Dĩ nhiên là tôi chăm sóc nó tốt về phương diện thay dầu mỡ, và tôi không lái nó chạy hết công suất hay buộc nó phải chơi trò nhào lộn như các xe thể thao. Buồng lái của nó có vách kếp và một chiếc máy sưởi tốt được gắn vào đó. Khi tôi trở về sau hơn mười sáu ngàn cây số, động cơ của nó chỉ vừa được thuần hóa xong. Nó chưa bao giờ trục trặc hay hỏng hóc trong suốt cuộc hành trình.

Tôi lái xe lên vùng bờ biển của Maine rồi đi qua Millbridge, Addison, Machias, Perry và South Robbinston, cho đến khi không còn thấy bờ biển đâu nữa. Tôi chẳng bao giờ biết hoặc đã quên mất nhiều phần của Maine chĩa lên Canada như một ngón tay cái, với New Brunswick ở phía đông. Chúng ta biết quá ít về địa lý nước nhà. Maine trải lên phía bắc, lên đến sát miệng sông St. Lawrence, và từ ranh giới bên trên của nó có lẽ đi chừng một trăm sáu mươi cây số nữa lên phía bắc là đến Quebec^[19]. Một điều nữa mà tôi thỉnh thoảng vẫn hay quên, đó là nước Mỹ to khủng khiếp như thế nào. Khi tôi lái xe lên phía bắc, băng qua những thị trấn nhỏ, và rừng ngày một nhiều cứ trôi dần về phía chân trời, mùa màng cũng thay đổi rất nhanh chóng và đột ngột. Có thể do tôi vừa rời xa khỏi những vùng chỉ có biển là

biển, và cũng có thể tôi đã đi được rất xa lên phương Bắc. Những ngôi nhà mang cái vẻ bị tuyết vùi dập, nhiều nhà bị sập và bỏ hoang, bị những mùa đông dúm xuống mặt đất. Trừ các thị trấn ra, không thấy đâu bằng chứng có dân cư từng sinh sống, trồng trọt, kiếm ăn rồi từ đó mà bị đẩy đi nơi khác. Rừng đang hồi hả quay về, và ở nơi mà trước kia chỉ có xe ngựa kéo thì nay toàn những xe tải lớn chở cây rầm rập chạy. Và thú săn cũng trở lại. Hươu đi lang thang trên đường và có cả dấu vết của gấu nữa.

Có những tập quán, thái độ, truyền thuyết. Cùng với những chỉ dẫn, những thay đổi, chúng có vẻ như là một phần cấu trúc của nước Mỹ. Và tôi xin đề nghị chúng ta hãy thảo luận về chúng vì chúng là những thứ đầu tiên khiến tôi chú ý. Trong khi các thảo luận này diễn ra, bạn hãy hình dung ra cái cảnh tôi đang lom khom đi trên con đường nhỏ hoặc ngoi lên từ sau một chiếc cầu, hoặc đang nấu hạt đậu lima^[20] và thịt lợn muối trong một chiếc nồi lớn. Và một trong những cảnh đầu tiên sẽ liên quan đến chuyện săn bắn. Tôi có chạy đằng trời cũng không thoát khỏi chuyện săn bắn nếu trong lòng đã muốn, vì mùa săn luôn làm cho mùa thu thêm lung linh. Chúng ta đã thừa hưởng nhiều hành vi từ các tổ tiên gần đây của mình, những người đã vật lộn với lục địa này giống như Jacob vật lộn với thiên thần^[21], và những người tiên phong đã chiến thắng. Chính từ họ, chúng ta mang niềm tin rằng mọi người Mỹ đều là những thợ săn bẩm sinh. Và cứ đến mỗi mùa thu, ta lại thấy rất nhiều người đàn ông lên đường để chứng tỏ rằng nếu không có tài năng, sự khổ luyện, kiến thức, sự thành thạo thì họ sẽ bị bắn chết bởi súng trường hay súng săn. Kết cục thật là tàn nhẫn. Từ lúc tôi rời cảng Sag Harbor, các khẩu súng của tôi đã từng nã vào những con vịt di cư, và khi tôi lái xe ở Maine, những phát súng trường bắn vào rừng của tôi là nhằm dọa nạt những kẻ xấu trước khi chúng kịp biết chuyện gì xảy ra. Điều này chắc chắn làm hoen ố ít nhiều thanh danh nhà thể thao của tôi, nhưng tôi xin nói ngay rằng tôi không hề chống đối gì việc sát hại động vật. Đẳng nào chúng cũng chết vì một thứ gì đó, tôi nghĩ vậy. Hồi còn trẻ, tôi thường trườn sấp hàng dặm đường, vượt qua những cơn gió lạnh cóng chỉ thuần túy vì sự vinh quang được nã đạn vào một con gà gô mà dù có ngâm trong nước muối cũng chẳng ngon lành gì để mà ăn. Tôi không quan tâm lắm đến thịt nai, thịt gấu,

thịt hươu ngoại trừ gan của chúng. Với những công thức nấu nướng, rau thơm, rượu, sự pha chế để có một món thịt nai ngon, người ta cũng có thể biến một chiếc giày cũ thành một món ăn tuyệt hảo. Nếu đói, tôi sẽ chẳng ngại ngần săn bắt bất cứ con vật nào biết chạy, biết bò hay biết bay, và tôi sẽ dùng răng để xé xác chúng ra. Nhưng không phải là cái đói đã đẩy hàng triệu người đàn ông Mỹ vũ trang đi đến các khu rừng và ngọn đồi vào mỗi mùa thu, như tỉ lệ người bị bệnh tim cao trong số những người đi săn đã chứng minh. Theo một cách nào đó, việc săn bắn có liên quan đến nam tính, nhưng tôi không rõ là cách nào. Tôi biết một số tay săn giỏi và hiệu quả. Họ biết mình đang làm gì. Nhưng một số đông hơn hẳn là những quý ông béo phì, sặc sụa mùi whisky và vũ trang bằng những khẩu súng trường cực mạnh. Họ nã đạn vào bất cứ vật gì di động hoặc có vẻ như di động, và sự thành công của họ trong việc giết chóc lẫn nhau rất có thể đã góp phần vào việc ngăn ngừa bùng nổ dân số. Nếu những vật bị giết chỉ giới hạn trong số những người cùng một duộc với họ thì cũng chẳng có vấn đề gì, nhưng sự tàn sát bò, lợn, nông dân, chó và các biến hiệu đường sá làm cho mùa thu trở thành một mùa nguy hiểm để đi du lịch. Một chủ trang trại ở phía bắc bang New York đã dùng sơn đen kẻ chữ “bò” rất lớn lên cả hai bên sườn con bò mộng trắng của ông ta, nhưng các tay săn vẫn cứ bắn nó. Ở Wisconsin, lúc tôi đi ngang qua, một tay săn đã bắn vào giữa hai bả vai người hướng dẫn của mình. Nhân viên điều tra hỏi gã thợ săn tài ba này: “Ông nghĩ anh ta là con hươu à?”

“Vâng, thưa ông”.

“Nhưng ông có chắc anh ta là con hươu không?”

“Không, tôi nghĩ là không”.

Với những vụ nổ súng nhộn nhịp đang diễn ra ở Maine, dĩ nhiên tôi phải lo cho bản thân. Bốn chiếc xe hơi đã bị trúng đạn ngay giữa ban ngày. Nhưng chủ yếu là tôi lo cho Charley. Tôi biết rằng, đối với một trong các tay săn đó, con chó xù trông rất giống con hươu đực, cho nên tôi phải tìm ra cách nào đó để bảo vệ nó. Trong Rocinante có một chiếc hộp đựng khăn giấy Kleenex mà ai đó đã tặng tôi làm quà. Tôi dùng khăn giấy Kleenex đờ bọc đuôi của Charley và lấy giầy thun cột lại. Mỗi buổi sáng, tôi thay mới

ngọn cờ này và Charley đã mang nó suốt chặng đường đi về phía tây giữa tiếng đạn réo rít quanh chúng tôi. Việc này không phải làm cho vui. Nhà đài cảnh báo rằng không nên cầm khăn tay trắng. Có quá nhiều tay săn thoáng thấy màu trắng là tưởng ngay đó là đuôi một con hươu đang chạy và bèn chĩa cơn nghiện của mình bằng một phát súng.

Nhưng di sản này của người đi mở cõi không phải là điều gì mới lạ. Khi tôi còn bé và sống ở một trang trại gần Salinas, California, gia đình tôi có một người đầu bếp Trung Hoa, anh ta thường xuyên tận dụng được di sản này để làm một điều tốt đẹp nho nhỏ. Bên lề một dải đất hẹp của ngọn đồi gần đó có một cây ngô đồng bị đổ, nằm gổ lên hai chiếc cành gãy của nó. Lee để ý thấy có một vết lõm màu nâu vàng trên vỏ cây do một viên đạn xuyên vào. Ông ta bèn lấy một cặp sừng, đóng đinh vào một bên đầu cây rồi rút về căn buồng của ông ta nằm khoèo cho đến khi mùa săn hươu qua đi. Sau đó, ông ta đã thu hoạch được mẻ chài của mình từ khúc cây già kia. Vào một số mùa săn, ông ta gom được đến hăm lăm, ba chục ký đạn. Đó không phải là một gia tài nhưng đó cũng là tiền. Sau vài năm, khúc cây bị bắn nát bét. Lee bèn thay nó bằng bốn bao cát rồi gắn lại cặp sừng cũ. Việc thu hoạch của ông ta lại càng dễ dàng hơn nữa. Nếu ông ta bố trí chừng năm chục mục tiêu như thế thì ông ta sẽ có cả một gia tài, nhưng Lee lại là một người đàn ông khiêm tốn, không hề quan tâm đến việc sản xuất hàng loạt.

Maine có vẻ như trải dài đến bất tận. Tôi cảm nhận được tâm trạng của Peary^[22] khi ông ta đến gần cái nơi mà ông ta cứ tưởng là Bắc cực. Nhưng tôi muốn đến hạt Aroostock, một hạt lớn phía bắc Maine. Có ba khu vực lớn trồng khoai tây là Idaho, hạt Suffolk ở Long Island và hạt Aroostock ở Maine. Tôi đã nghe nhiều người kể về Aroostock, nhưng chưa ai trong số họ từng đến đó. Người ta bảo rằng mùa màng tại đây được thu hoạch bởi người Canucks đến từ Canada. Những người này kéo qua biên giới đông ngहित vào mùa thu hoạch. Đường tôi đi kéo dài bất tận qua những cánh rừng và ao hồ còn chưa đóng băng. Tôi cố chọn những con đường nhỏ băng rừng, vốn không thuận lợi lắm cho tốc độ. Nhiệt độ dâng cao và trời mưa không ngừng nghỉ khiến các khu rừng ướt sũng. Charley lúc nào cũng nhóp nhép, chỉ thiếu điều phát mốc. Bầu trời mang một màu nhôm xám ẩm ướt và không có dấu hiệu nào của một tấm màn trong mờ, nơi mặt trời có thể đang trú ngụ. Vì vậy tôi không thể định được hướng đi. Qua một đoạn đường cong, tôi có thể đang đi về hướng đông hoặc hướng nam hoặc hướng tây, chứ không phải là hướng bắc như tôi muốn. Hồi tôi còn là một cậu bé Hướng đạo sinh, tôi cũng từng bị lừa bởi chuyện huyền hoặc là những đám rêu mọc ở mặt bắc của cây cối. Thật ra rêu mọc ở mặt râm, và mặt này có thể là bất cứ nơi đâu. Tôi quyết chí mua một chiếc la bàn, nhưng trên con đường tôi đang đi làm gì có thị trấn kế tiếp nào. Màn đêm từ từ trườn xuống, mưa đánh trống trên chiếc mũ xe bằng thép và các cần gạt kính chắn gió đánh những vòng cung sục sùi. Những cây cao u tối chen chân trên đá sỏi dọc ven đường. Có vẻ như nhiều giờ đã qua đi kể từ khi tôi băng qua một chiếc xe, một ngôi nhà, một cửa hiệu, vì đi theo lối này thì đường quê đã hóa thành đường rừng mất rồi. Một nỗi cô đơn u uất bỗng xâm chiếm lấy tôi, hầu như là một nỗi cô đơn khủng khiếp. Charley, ướt mềm và lầy bầy, nằm co tròn trong góc cái ghế

của nó và không chia sẻ gì. Tôi tắt xe vào phía sau lối vào một cây cầu bê tông, nhưng không thể tìm được một nơi bằng phẳng bên lề đường dốc tuột.

Ngay cả trong ca-bin cũng ẩm đạm và ẩm ướt. Tôi vặn cao chiếc đèn măng-sông đốt bằng gas, thắp ngọn đèn dầu, rồi bật hai chiếc bếp lò để xua đi nỗi cô đơn. Mưa vẫn đánh trống trên chiếc nóc kim loại. Không có món gì trong kho thực phẩm của tôi là trông có thể nuốt nổi. Màn đêm buông xuống và các ngọn cây cũng sát vào nhau hơn. Giữa tiếng mưa đánh trống, tôi nghe đâu có những giọng nói, như thể một đám người đang thì thào, đang lăm bằm từ phía sau hậu trường. Charley liên tục ngọ nguậy. Nó không sửa để báo động, nhưng nó cứ gầm gừ và rên rỉ một cách khó chịu và điều này không giống nó chút nào. Nó không ăn bữa tối và nước uống cũng chẳng thêm đựng tới. Mà đó là một con chó vốn uống hàng chậu nước mỗi ngày và cần phải như thế vì sự bài tiết nữa. Tôi kháng cự quyết liệt nỗi cô đơn, làm hai phần sandwich bơ đậu phộng, rồi leo lên giường viết thư về nhà, cố xua đi sự đơn độc của mình. Rồi mưa bỗng ngừng rơi, nước trên cây nhỏ giọt, và tôi đã tưởng tượng ra cả một rừng những hiểm họa bí ẩn.Ồ, chúng ta có thể quy cho màn đêm những nỗi kinh hoàng, cho dù ta nghĩ mình có học hành và điều gì cũng biết, cho dù ta tin rằng bất cứ điều gì cũng có thể đo và đếm. Dù tôi vẫn biết chắc rằng những điều đen tối đang tích tụ trong tôi hoặc là không tồn tại hoặc là không nguy hiểm, thế nhưng tôi vẫn cứ sờ sợ. Tôi nghĩ màn đêm hẳn là rất khủng khiếp vào thời mà người ta biết có những thứ nguy hiểm chết người đang ở đó. Nhưng không, sai rồi. Nếu tôi biết chúng ở đó, tôi sẽ dùng vũ khí chống lại chúng, dùng bùa, dùng lời cầu nguyện, dùng một dạng thức nào đó để liên kết với những thế lực mạnh ngang bằng nhưng đứng về phía tôi. Việc biết rằng chúng không có ở đó làm cho tôi trở nên không phòng bị và có lẽ càng thêm phần sợ hãi.

Rất lâu trước đây, tôi từng sở hữu một trang trại nho nhỏ ở núi Santa Cruz tại California. Ở một chỗ nọ, khu rừng những cây madrone khổng lồ phủ tán lên một hồ trên núi thực thụ, một hồ nước đen nháy. Nếu như có một địa điểm ma ám nào đó thì đích thị là nơi này. Vẻ ma quái của nó đến từ ánh sáng leo lét lọt qua những khóm lá và nhiều khung cảnh rợn người. Có một

người Philippines làm việc cho tôi, một người miền núi thấp, đen và lạng lẽ, hình như thuộc tộc người Maori. Có lần, do nghĩ rằng ông ta hẳn phải thuộc về một hệ thống bộ tộc vốn xem những thứ vô hình như một phần của thực tại, tôi bèn hỏi xem ông ta có sợ cái nơi ma ám đó không, đặc biệt là vào ban đêm. Ông ta nói là không sợ vì nhiều năm trước đây có một thầy phù thủy đã cho ông ta một món bùa để chống lại ma quỷ.

“Ông cho tôi xem món bùa đó đi”, tôi thỉnh cầu.

“Nó là bằng lời”, ông ta nói. “Nó thuộc dạng bùa chú”.

“Ông đọc nó cho tôi nghe được không?”

“Được chứ”, ông ta nói rồi bắt đầu lẩm bẩm. “*In nomine Patris et Filii et Spriritus Sancti*”.

“Nó có nghĩa là gì vậy?” tôi hỏi.

Ông ta nhún vai. “Tôi không biết”, ông ta nói. “Đó là bùa chú để xua ma quỷ nhờ vậy mà tôi không sợ chúng”.

Tôi đã dậm vào câu chuyện này những từ ngữ nghe như tiếng Tây Ban Nha giả cầy, nhưng nói tóm lại thì đó là món bùa của ông ta và nó linh nghiệm đối với ông ta.

Nằm trên giường trong màn đêm thốn thức, tôi cố tập trung vào việc đọc sách để giữ cho đầu óc khỏi u sầu, nhưng trong khi đôi mắt vẫn lướt qua các dòng chữ, đôi tai tôi vẫn lắng nghe màn đêm. Vừa lúc sắp thiếp đi, một âm thanh mới khiến tôi bừng tỉnh. Đó là tiếng bước chân rón rén đi trên sỏi, tôi đoán thế. Cạnh giường tôi có một đèn pin dài sáu mươi phân, dùng cho việc săn mèo rừng. Nó phát ra một chùm sáng cực mạnh, rọi xa đến ít nhất một cây số sáu. Tôi bật dậy khỏi giường, nhắc khẩu súng các-bin 30/30 treo trên vách rồi dỏng tai nghe qua cánh cửa của Rocinante. Và tôi nghe thấy tiếng chân đến gần hơn. Đến phiên Charley gầm lên lời răn đe của nó. Tôi mở cửa ra và lia ánh sáng vào màn đêm. Đó là một người đàn ông mang giày ống và khoác tấm vải bạt màu vàng. Ánh sáng làm ông ta khựng lại.

“Ông muốn gì?” tôi hỏi.

Ông ta có vẻ như sững sờ. Phải mất một lúc, ông ta mới trả lời. “Tôi muốn về nhà. Tôi sống ở bên đường phía trên kia”.

Tôi chợt nhận ra toàn bộ cái sự tình xuân ngốc, những mẫu hình lỗ bịch đã lớp lớp chồng chất lên. “Ông thích uống cà phê không, hay chút rượu cũng được?”

“Không, trễ lắm rồi. Xin ông đừng rọi cây đèn đó vào mặt tôi nữa, tôi sẽ đi khỏi ngay”.

Tôi tắt đèn và ông ta cũng biến mất, nhưng khi đi qua, giọng ông ta vọng lại, “Tò mò một chút, ông làm gì ở đây vậy?”

“Cắm trại”, tôi nói, “chỉ là ở qua đêm”. Rồi tôi leo lên giường và lập tức ngủ say.

Mặt trời đã lên cao khi tôi thức dậy và thế giới đã được tái tạo, rực rỡ. Có bao nhiêu loại ngày là có bấy nhiêu thế giới, và giống như viên ngọc bích thay đổi màu sắc để thích ứng với thiên nhiên hàng ngày, tôi cũng y như thế. Những sợ sệt ban đêm cùng nỗi cô đơn đã rời xa đến mức tôi khó mà nhớ ra.

Ngay cả Rocinante – trông lơ đãng và bám đầy lá thông là thế – cũng chồm lên đường một cách đầy hân hoan. Giờ đây đã có nhiều cánh đồng xen kẽ những chiếc hồ và khu rừng. Đó là những cánh đồng đất xộp hợp cho việc trồng khoai tây. Những xe tải đuôi phẳng chất chồng những thùng khoai tây rỗng di chuyển đầy trên đường, và những máy đào khoai tây đang xới lên hàng dãy dài những củ có vỏ ngoài màu tái xám.

Trong tiếng Tây Ban Nha có một từ mà tôi không tìm ra từ tương ứng trong tiếng Anh. Đó là động từ *vacilar*, hiện tại phân từ là *vacilando*. Nó hoàn toàn không có nghĩa là lắc lư, vacillating. Khi ai đó đang *vacilando* thì có nghĩa là người đó đang đi đâu đấy nhưng không quan tâm lắm đến việc mình có đến được nơi nào đó hay không, mặc dù cũng có hướng đi hắc hoi. Bạn của tôi, Jack Wagner, thường ở trạng thái này tại Mexico. Ví như chúng tôi muốn đi tản bộ trên các con đường của Mexico City nhưng không phải là đi ngẫu nhiên. Chúng tôi sẽ chọn một thứ gì đó không tồn tại ở nơi ấy và rất cần mẫn đi tìm nó.

Tôi muốn đến nóc nhà của Maine để khởi đầu cuộc hành trình của tôi trước khi rẽ sang hướng tây. Điều này có vẻ như làm cho cuộc hành trình trở nên có tính toán, vì mọi thứ trên thế giới này đều phải được tính toán, nếu không thì tư duy của con người sẽ bác bỏ chúng. Nhưng thêm vào đó, chúng

phải có mục đích nếu không thì lương tri của con người sẽ xa rời chúng. Nếu như tôi chưa bao giờ thấy củ khoai tây, trạng thái *vacilador* của tôi hẳn đã chẳng bị ảnh hưởng gì. Sau này hóa ra tôi đã thấy nhiều khoai tây hơn mức cần thiết. Tôi thấy cả những ngọn núi khoai tây, cả những đại dương khoai tây, nhiều khoai tây hơn cả mức mà bạn nghĩ dân số thế giới có thể tiêu thụ hết trong vòng một trăm năm.

Tôi thấy nhiều người thu hoạch khoai là dân di cư ở khu vực này: người Ấn, người Philippines, người Mexico, người Oklahoma rời khỏi bang của họ. Ở bang Maine này có rất nhiều người Canada gốc Pháp qua biên giới để tham gia mùa thu hoạch. Tôi chợt nghĩ, giống như người Carthage^[23] dùng lính đánh thuê để chiến đấu cho họ, người Mỹ chúng ta đang đưa vào những lính đánh thuê để làm những công việc nặng nhọc và thấp kém của chúng ta. Tôi hy vọng đất nước chúng ta ngày nào đó sẽ không tràn ngập những người quá kiêu hãnh hoặc quá lười nhác, quá yếu đuối không thể cúi xuống đất và nhặt lên những thứ chúng ta ăn.

Dân Canuck là những người khắc khổ. Họ kéo đến cắm trại theo từng gia đình và nhóm gia đình, thậm chí có khi cả dòng tộc: đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ và cả con nít nữa. Chỉ có những đứa bé còn đang bú là không tham gia vào việc nhặt khoai tây và bỏ khoai vào những chiếc thùng. Người Mỹ lái những chiếc xe tải, dùng tời quay và một loại cần trục nhỏ để chất những chiếc thùng lên xe. Rồi họ lái xe đi giao khoai tây tại các nhà kho có những ụ đất đắp cao xung quanh để ngừa khoai đông cứng.

Kiến thức của tôi về dân Canuck gốc Pháp là từ các bộ phim thường có Nelson Eddy và Jeanette MacDonald đóng, trong đó câu “By Gar”^[24] được dùng rất nhiều lần. Cũng lạ, nhưng tôi chưa từng nghe một người nhặt khoai tây nào nói “By Gar”, và họ thì hẳn là có xem mấy bộ phim này và biết thế nào là đúng. Đàn bà và con gái mặc quần tây bằng vải nhung và áo len dài tay rất dày. Họ phủ lên đầu những chiếc khăn choàng màu sáng để tóc đỡ bám những bụi bặm mà chỉ cần một cơn gió thoảng qua cũng làm cho bốc cao. Hầu hết những người này đi bằng xe tải lớn phủ bạt vải dầu, nhưng cũng có người đi bằng xe rơ-móc và một số ít đi loại xe có ca-bin gắn bên trên giống như Rocinante. Về đêm, một số người ngủ trong xe tải và xe

trailer, nhưng cũng có cả những cúp lều dựng lên ở những nơi dễ chịu, và mùi hương từ ngọn lửa bếp cho thấy rằng họ không hề đánh mất cái biệt tài nấu súp của người Pháp.

May thay, những cúp lều, xe tải và hai chiếc xe rơ-móc nằm cả ở bên rìa một chiếc hồ xinh đẹp và trong trẻo. Tôi đậu Rocinante cách đó chừng một trăm mét, nhưng cũng ở mép hồ. Rồi tôi đi đun cà phê và đem cái thùng rác – xô giặt đồ của tôi ra. Nó đã xóc nảy trong suốt hai ngày, và giờ thì tôi mang đồ ra xả ở bên hồ. Thái độ đối với người lạ diễn biến một cách kỳ lạ. Tôi ở hướng thuận gió từ lều trại và mùi thơm món súp lan đến chỗ tôi. Những người này cũng có thể là sát nhân, hung bạo, cục súc, nửa người nửa ngợm hay tất cả những gì xấu xa nhất, nhưng tôi lại thấy mình đang nghĩ, “Họ mới có duyên làm sao, tao nhả làm sao, đẹp để biết ngần nào. Giá như tôi được làm quen với họ”. Và tất cả cũng chỉ vì cái mùi súp thơm tho đó.

Khi cần thiết lập quan hệ với người lạ thì Charley luôn là sứ giả của tôi. Tôi thả nó ra và nó liền giặt về phía mục tiêu, hay nói đúng hơn là phía mà mục tiêu đang nấu bữa tối. Tôi gọi nó về để nó khỏi làm phiền những người hàng xóm – *et voilà!*^[25] Một đứa bé sẽ làm được điều đó, nhưng một con chó thì còn làm tốt hơn.

Sự việc xảy ra một cách trôi chảy như người ta có thể trông đợi ở một kịch bản đã được thử nghiệm và diễn tập kỹ lưỡng. Tôi gửi sứ giả của mình đi và uống tách cà phê trong lúc chờ đợi nó làm nhiệm vụ. Rồi tôi lần đến khu lều trại để trấn an những người hàng xóm về sự quấy quả của con chó hư đốn. Họ là những người trông tử tế, gồm chừng một chục người không kể trẻ em. Ba cô bé xinh đẹp luôn miệng cười khúc khích, hai cô vợ đẩy đà và cô vợ thứ ba thậm chí còn đẩy đà hơn với đứa con nhỏ, một vị cao niên, hai người anh rể và hai thanh niên đang trên đường trở thành những người em rể. Người thủ lĩnh – dĩ nhiên vẫn giữ sự tôn kính đối với vị cao niên kia – là một người đàn ông điển trai khoảng ba mươi lăm tuổi, có đôi bờ vai rộng, mềm mại, làn da màu kem ửng ửng đỏ như của một cô gái và mái tóc đen dợn sóng.

Con chó không hề làm phiền gì, anh ta nói thế. Sự thật là họ đã nhận ra nó là một con chó đẹp mã. Dĩ nhiên là tôi phải ca cẩm về những khiếm khuyết

của nó với tư cách là người chủ, nhưng quả là nó có một ưu thế hơn hẳn những con chó khác: nó được sinh ra và lớn lên ở Pháp.

Nhóm người bỗng nhiên thấy thân thuộc. Ba cô bé xinh đẹp cười khúc khích và lập tức bị chinh đốn bởi cặp mắt xanh như nước biển của người thủ lĩnh, hậu thuẫn bởi tiếng xuyt của vị cao niên.

Thật không? Ở Pháp là ở đâu?

Ở Bercy, ngoại ô Paris, họ có biết nơi đó không?

Không, đáng tiếc là họ chưa bao giờ đặt chân lên quê cha đất tổ.

Tôi hy vọng họ sẽ sửa chữa được điều đó.

Qua điệu bộ của Charley, hẳn họ đã nhận ra rằng nó mang quốc tịch Pháp. Họ đã quan sát chiếc *roulotte*^[26] của tôi với vẻ tán thưởng.

Tôi đơn giản là cảm thấy rất thoải mái. Nếu họ ưng thì tôi sẵn lòng giới thiệu nó cho họ xem.

Tôi đã rất tử tế. Hẳn là họ rất hài lòng.

Nếu bạn nghĩ cứ nghe thấy ngữ điệu lên giọng ở cuối câu là cuộc trò chuyện đang diễn ra bằng tiếng Pháp thì bạn lầm to. Người thủ lĩnh nói bằng một thứ tiếng Anh thuần khiết và cẩn trọng. Từ tiếng Pháp duy nhất mà anh ta sử dụng là *roulotte*. Giữa họ với nhau thì họ trao đổi bằng tiếng Canuck. Dầu sao thì tiếng Pháp của tôi cũng tệ. Không, ngữ điệu lên ở cuối câu chỉ là một phần, một mảnh của sự long trọng trong việc thiết lập quan hệ. Tôi triệu Charley lại gần mình. Liệu tôi có thể mời họ đến chơi sau khi họ dùng xong bữa tối, mà tôi nghĩ thấy mùi trên bếp lửa?

Họ rất hân hạnh.

Tôi dọn dẹp ca-bin, hâm nóng và ăn món bò nấu ột đóng hộp của mình, kiểm tra xem bia có lạnh không, và thậm chí còn hái một bó lá mùa thu, cắm nó vào một chai sữa đặt lên bàn. Xấp ly giấy được lôi ra sử dụng cho dịp này dù chúng đã bị cuốn từ điển rơi xuống đê dẹp lép ngay từ ngày đầu lên đường, còn với những tấm lót ly thì tôi dùng khăn giấy gấp. Khả năng xoay sở của người ta khi chuẩn bị một bữa tiệc thật là đáng ngạc nhiên. Rồi Charley sửa đón họ, và tôi trở thành chủ tiệc trong chính căn nhà của mình. Sáu người có thể chen chúc quanh chiếc bàn của tôi, và họ đã thu xếp được. Hai người khác đứng cạnh tôi và cửa hậu đầy ắp những khuôn mặt trẻ thơ.

Họ là những người rất dễ thương nhưng cũng rất màu mè. Tôi khui bia cho người lớn và nước ngọt cho bọn nhóc bên ngoài.

Sau những lời mào đầu nhất định, những người này bắt đầu kể tôi nghe đôi chút về chính bản thân họ. Mỗi năm họ đều qua biên giới để thu hoạch khoai tây. Mọi người đều làm việc nên họ có được một khoản tiền nho nhỏ để cầm cự qua mùa đông. Họ có gặp rắc rối gì ở biên giới với những người bên cơ quan di trú không? Không. Luật lệ hình như được nới lỏng trong mùa thu hoạch. Hơn nữa, đường họ đi đã được bôi trơn bởi các nhà thầu mà họ phải thối lại một phần trăm nho nhỏ từ thu nhập của họ. Gã này thu tiền trực tiếp từ các chủ trang trại. Trong nhiều năm qua, tôi có quen biết một số người di cư: người Oklahoma, người Mexico và những người da đen chuyển đến New Jersey và Long Island. Và, ở bất cứ nơi đâu, tôi đều thấy một gã thầu đứng phía sau để bôi trơn con đường của họ, đổi lấy một khoản tiền lẻ tẻ. Suốt nhiều năm qua, các chủ trang trại đã tìm cách lôi kéo thêm lao động mà họ cần để hạ thấp phí lương. Điều này hình như không còn đúng nữa, vì các cơ quan chính phủ chỉ cho vào một lượng lao động vừa đủ với nhu cầu cần thiết, và một dạng lương tối thiểu nào đó đã được thiết lập. Cũng có những trường hợp người di cư bị cái nghèo và những nhu cầu bức thiết đẩy đến chỗ phải di chuyển và làm những việc theo mùa.

Chắc chắn những vị khách của tôi tối hôm đó không phải là bị ngược đãi mà cũng chẳng phải là bị lừa vào. Tốp người này đã bỏ lại trang trại nhỏ của chính họ tại tỉnh Quebec, cho nó nghỉ đông, và vượt qua biên giới để kiếm một khoản tiền bỏ túi nho nhỏ. Họ thậm chí còn mang theo cả một ít cảm giác hội hè, tương tự như những người thu hoạch hoa bia và dâu tây đến từ London và các thành phố miền Trung nước Anh. Những người này rất khắc khổ, tiết chế, và có khả năng tự lập rất cao.

Tôi khui thêm bia. Sau một đêm cô đơn u uất, tôi cảm thấy thật dễ chịu khi được quây quần bởi những con người nhiệt thành, thân thiện nhưng cẩn trọng. Tôi mở chiếc giếng phun những cảm xúc tốt đẹp và làm một bài phát biểu nho nhỏ bằng thứ tiếng Pháp giả cầy của mình. Nó mở đầu như sau: *“Messy dam. Je vous porte un cher souvenir de la belle France – en particulier du Departement de Charente”*.^[27]

Họ có vẻ sững sốt nhưng quan tâm. John, người thủ lĩnh, chậm rãi dịch lời nói của tôi bằng thứ tiếng Anh trường trung học rồi chuyển nó lại tiếng Pháp Canada. “Charente ư?” anh ta hỏi. “Tại sao lại Charente?” Tôi cúi xuống mở một ngăn kéo dưới bồn rửa chén và nhấc ra một chai brandy quý rất nhiều tuổi được mang theo để dùng cho những dịp đám cưới, bị bỏng lạnh, hay nhồi máu cơ tim. John nghiêng cứu chiếc nhãn với sự quan tâm đầy háo hức mà một tín đồ Cơ đốc ngoan đạo có thể dành cho các bí tích. Và lời lẽ của anh ta cũng đầy tôn kính: “Chúa ơi!” anh ta thốt lên. “Tôi quên mất. Charente – đó là nơi xuất xứ của Cognac”. Rồi anh ta đọc cái năm khai sinh ra chai rượu và khe khẽ lặp lại những từ đầu tiên ban nãy.

Anh ta chuyển cái chai cho vị cao niên ngồi trong góc, và ông lão mỉm cười ngọt lịm đến mức lần đầu tiên tôi thấy được ông ta thiếu mất chiếc răng cửa. Người anh rề gừ gừ ở trong họng như một con mèo được vui sướng và các cô có bầu thì lú lo như những con chim chiến chiến hót dưới mặt trời. Tôi đưa cho John cái mở nút chai và lấy ly tách ra: ba chiếc tách cà phê bằng nhựa, một chiếc ly đựng mứt, một chiếc ca đựng đồ cạo râu và vài lọ thuốc miệng rộng. Tôi dốc hết thuốc men ra một chiếc chảo và lấy nước từ vòi, rửa cho sạch cái mùi mằm lúa mì. Món cognac quả là rất rất ngon, và ngay từ tiếng thì thầm “*Santé*”^[28] và tiếng cụng ly đầu tiên, bạn có thể cảm nhận tinh thần “tứ hải giai huynh đệ” dâng cao, cho đến khi tràn đầy trong Rocinante – và cả “tứ hải giai huynh muội” nữa chứ.

Họ khước từ ly thứ hai còn tôi cố nài. Và lần rót thứ ba dựa trên cơ sở là rượu chẳng còn nhiều nhận gì cho cam. Và với việc chỉ còn vài giọt để chia vào cái vòng thứ ba ấy, phép lạ của con người đầy hoan hỉ tràn ngập trong Rocinante. Phép lạ đó có thể ban phúc cho một ngôi nhà hay một chiếc xe. Chín con người đang tụ tập giữa sự im lặng tuyệt đối, và chín phần rời rạc này tạo thành một tổng thể cũng chắc chắn như đôi tay và đôi chân là một phần của tôi vậy, vừa tách biệt lại vừa không tách biệt. Rocinante đã nhận được sự ban phúc mà nó sẽ giữ lấy mãi mãi.

Một sự gắn kết như thế thì không thể kéo dài mãi và chẳng nên kéo dài. Vị cao niên ra hiệu. Các vị khách của tôi luôn lách nhau rời khỏi chỗ ngồi chen chúc quanh chiếc bàn, và lời từ biệt vang lên rất ngắn gọn và trang

trọng, như nó cần phải thế. Rồi họ bước vào màn đêm, con đường về nhà của họ được soi sáng bởi thủ lĩnh John, người mang chiếc đèn bão bằng thiếc. Họ bước đi trong im lặng, bên những đứa bé buồn ngủ chân loạng choạng, và tôi không bao giờ còn gặp lại họ nữa. Nhưng tôi thấy mến họ vô cùng.

Tôi không hạ chiếc giường của tôi xuống vì tôi muốn khởi hành từ rất sớm. Tôi cuộn mình nằm phía sau chiếc bàn và ngủ một chút cho đến khi bình minh chập choạng đến, Charley nhìn vào mặt tôi và nói “Phù”. Trong khi đun cà phê, tôi làm một tấm biển nhỏ bằng bìa cứng và cắm nó vào chai brandy rỗng. Khi đi ngang khu lều trại, tôi dừng lại và đặt chiếc chai ở nơi mà họ thấy được. Tấm biển ghi: “*Enfant de France, Mort pour la patrie*”.^[29] Rồi tôi lái xe đi, càng khê khàng càng tốt. Ngày hôm đó tôi dự định lái sang phía tây một chút rồi đi quãng đường dài xuống phía nam, xuôi theo con sông dài của Maine. Có những khoảnh khắc còn quý báu hơn cả cuộc đời, và những khoảnh khắc đó luôn thắp sáng những hồi ức. Sáng hôm đó tôi cảm thấy mình rất may mắn.

Trong một cuộc hành trình như thế này, sự kiện đó có quá nhiều điều để suy ngẫm và những nghĩ suy cứ nhào trộn như một nồi súp thịt đun chậm. Có những người sinh bản đồ, niềm vui của họ là phung phí sự chú tâm vào những tấm giấy màu thay vì những miền đất đầy màu sắc mà họ đi qua. Tôi từng nghe những du khách như thế kể rằng họ nhớ rõ từng số đường, từng cột cây số, từng miền quê nho nhỏ. Một loại du khách khác luôn muốn biết đích xác mình đang nơi nào trên bản đồ vào mọi thời điểm, cứ như là có một dạng an toàn nào đó qua những đường vẽ màu đỏ và đen, qua những dấu chấm, những đường ngoằn ngoèo màu xanh để chỉ hồ và những bóng đổ để chỉ núi. Tôi thì không như thế. Tôi bẩm sinh là người lạc đường và cũng chẳng lấy gì làm vui vẻ khi được tìm ra. Tôi chẳng định ra được gì nhiều từ những hình thù biểu tượng cho lục địa hay quốc gia. Hơn nữa, ở đất nước ta, những con đường cứ luôn luôn thay đổi, tăng lên, rộng ra hoặc bỏ phế, đến mức người ta phải mua bản đồ đường sá giống như mua nhật báo vậy. Nhưng kể từ khi tôi biết niềm đam mê của những tay sinh bản đồ, tôi có thể kể rằng, ở Maine, tôi đã di chuyển lên phía bắc, đi theo hoặc song song với

Quốc lộ 1, đi qua Houlton, Mars Hill, Presque Isle, Caribou, Van Buren, rồi rẽ sang hướng tây, vẫn trên Quốc lộ 1, đi qua Madawaska, Upper Frenchville, và Fort Kent, rồi đi hướng chính nam trên đường Xa lộ 11 của bang, qua Eagle Lake, Winterville, Portage, Squa Pan, Masardis, Knowles Corner, Patten, Sherman, Grindstone, và đến Millinocket.

Tôi có thể kể ra như thế vì trước mắt tôi có một tấm bản đồ, nhưng những thứ mà tôi nhớ thì chẳng liên quan gì đến những con số, những đường kẻ màu hay những đường vẽ ngoằn ngoèo. Tôi đã liệng tấm bản đồ đó đi như một mẩu bánh mì và sẽ không mắc thói quen dùng đến nó. Điều mà tôi nhớ là những con đường dài trong sương, những trang trại và nhà cửa gỗ mộc trước mùa đông, cái chất giọng Maine vừa bệt vừa gọn ở các cửa hiệu ngã tư đường, nơi tôi thường dừng lại để mua thêm đồ dự trữ. Tôi nhớ những con hươu băng ngang đường trên bộ móng lạnh lợi và nhảy như có lò xo gắn dưới chân khi Rocinante đi qua. Tôi nhớ những chiếc xe chở cây găm rú. Và tôi luôn luôn nhớ cái khu vực bát ngát ấy đã từng có nhiều người sống hơn nhiều, vậy mà giờ đây bị bỏ hoang, mặc cho sự lấn át của rừng, thú vật, trại gỗ và cái lạnh. Những thị trấn lớn đang ngày càng lớn hơn còn các làng mạc thì ngày càng nhỏ hơn. Những cửa hàng thôn – dù là hàng thực phẩm hay tạp phẩm, hay ngũ kim, hay quần áo – không cách gì cạnh tranh nổi với các siêu thị và chuỗi cửa hàng. Hình ảnh đầy luyến tiếc và quý giá của chúng ta về những cửa hàng tạp phẩm nông thôn, những cửa hàng mộc mạc nơi mà các tiểu điền chủ thạo tin thường tụ tập để bày tỏ chính kiến và hình thành nên tính cách dân tộc... đã biến mất một cách rất nhanh chóng. Những người từng bảo vệ các pháo đài gia đình chống lại gió và thời tiết, chống lại tai ương, giá rét, hạn hán và những loài côn trùng gây hại, nay co cụm lại trước bầu vú bận rộn của các thành phố lớn.

Người-Mỹ-mới tìm thấy sự thách thức và tình yêu của mình ở những con đường nghẹt thở, ở những khung trời đầy sương khói, ngọt ngào bởi những thứ a-xít mà nền công nghiệp thải ra, ở những tiếng rít của bánh xe và ở những ngôi nhà nằm san sát nhau... trong khi các làng mạc nhỏ thì cứ héo hắt và chết dần chết mòn. Tôi phát hiện ra rằng điều này đúng ở cả Texas lẫn Maine. Clarendon nhường bước cho Amarillo cũng chắc chắn như

Stacyville của Maine bị Millinocket hút hết sinh khí. Đó là nơi mà cây cối bị đốn ngã, không khí phảng phất mùi hóa chất, các con sông bị ngạt thở và nhiễm độc, còn các con đường thì nhung nhúc những giống người mới lúc nào cũng sung sướng và hối hả. Tôi không nói điều này với tinh thần phê phán mà xem nó đơn giản chỉ là sự quan sát. Và tôi tin chắc rằng, giống như những quả lắc lắc tới rồi cũng phải lắc lui, sẽ đến lúc nào đó các thành phố phình to này sẽ nứt ra như một chiếc tử cung và rải những đứa con của nó trở về vùng nông thôn. Lời tiên tri này được căn cứ theo khuynh hướng của sự giàu có: sự giàu có đi đến đâu thì cái nghèo đi theo đến đó, hay cố gắng bám theo.

Vài năm trước đây, ở Abercrombie and Fitch, tôi có mua một còi gia súc, một thứ kèn xe hơi điều khiển bằng cần gạt mà khi dùng sẽ nhại theo được mọi cảm xúc của loài bò, từ tiếng kêu ngọt ngào của nàng bò tơ hay mơ mộng đến tiếng gầm của chú bò đực vào thời kỳ sung mãn của đời bò. Tôi có cái thiết bị đó trên Rocinante, và nó rất ư là hiệu nghiệm. Khi nó phát ra âm thanh, mọi con bò trong tầm nghe đều ngóc đầu lên từ đám cỏ và đi về phía tôi.

Trong cái rét căn cắt của một buổi chiều Maine, tôi lê lết trên một con đường rừng đầy ổ gà và chợt thấy bốn nàng nai sừng tấm đang di chuyển một cách trịnh trọng qua mũi xe của tôi. Khi tôi đến gần, chúng chạy rầm rập bằng nước kiệu. Tôi bất giác nhấn vào chiếc cần của còi gia súc và một tiếng rống cất lên như tiếng con bò Miura đực đang lấy đà để vọt lên trong lần tán tỉnh đầu tiên của nó. Các nàng nai đang sắp sửa biến vào rừng thì nghe thấy âm thanh đó và dừng lại, ngoái đầu nhìn. Rồi chúng lao về phía tôi với tốc độ tăng dần và với điều mà, với tôi, giống như là tình yêu trong ánh mắt. Nhưng có đến bốn tình yêu cả thấy, mỗi tình yêu cân nặng dễ đến gần nửa tấn! Mặc dù luôn ủng hộ tình yêu ở dưới mọi dạng thức, tôi vẫn phải đạp ga chuồn gấp khỏi đám tình yêu đó. Tôi nhớ lại câu chuyện của nhà văn Fred Allen vĩ đại. Nhân vật của ông là một người đàn ông Maine đang kể về chuyện săn nai sừng tấm. “Tôi ngồi trên khúc cây, thổi chiếc tù và gọi nai rồi chờ đợi. Bất chợt, tôi cảm thấy có gì đó giống như một chiếc khăn

tắm nóng hồi ấp lên cổ và đầu tôi. Thế đây thưa ông, một con nai sừng tấm cái đang liếm láp tôi và trong ánh mắt của nó tôi thấy sự nồng nàn”.

“Thế anh có bắn nó không?” người đối thoại hỏi anh ta.

“Không thưa ông. Tôi chuồn khỏi đó thật lẹ, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ ở đâu đó tại Maine có một con nai cái với trái tim tan vỡ”.

Từ Maine mà đi xuống thì cũng xa như khi đi lên, có thể là xa hơn. Tôi có thể và lẽ ra phải đi đến Vườn quốc gia Baxter State, nhưng tôi không làm thế. Tôi đã lang thang quá lâu, trời thì đang trở lạnh và tôi đã bắt đầu nhìn thấy Napoleon ở Moscow và quân Đức ở Stalingrad^[30]. Cho nên tôi khôn ngoan rút lui – Brownville Junction, Milo, Dover-Foxcroft, Guilford, Bingham, Skowhegan, Mexico, Rumford, tôi đi vào con đường mà tôi đã từng sử dụng để tới White Mountains. Có thể là tôi yếu đuối, nhưng tôi không muốn rách việc. Các con sông chứa đầy cây gỗ, từ bờ này nổi bờ kia suốt hàng dặm. Chúng đang chờ đến phiên mình được đưa tới lò mổ để cống hiến trái tim gỗ của chúng, để giúp các thành trì của nền văn minh chúng ta như các tạp chí *Time* và *Daily News* có thể tồn tại và bảo vệ chúng ta khỏi sự thiếu hiểu biết. Các thị trấn công nghiệp, với tất cả sự kính trọng, là những ổ sâu mọt. Bạn ra khỏi miền quê thanh thản và bất chợt bị xô, bị kéo bởi cơn bão giao thông gầm rú. Mất một lúc, bạn chiến đấu để quờ quạng mở đường giữa cái đám điên loạn những khối kim loại xô đẩy nhau, và rồi bất chợt tất cả như lắng xuống và bạn lại đang ở giữa thôn quê thanh thản và yên ắng. Không có ranh giới và không có sự chông lẩn. Nó mang vẻ bí ẩn, nhưng là một bí ẩn tốt đẹp.

Trong khoảng thời gian ngắn từ khi tôi đến đây lần trước, cây ở White Mountains đã thay lá và trở nên tươi tắn. Lá đang rơi, cuốn thành những đám mây tối, còn các cây thông trên sườn núi thì phủ đầy tuyết. Tôi lái nhanh và nóng nảy, mặc cho Charley bực bội. Nhiều lần nó nói “Phù” với tôi mà tôi vẫn giả diếc phớt lờ khi băng qua cái hình ngón tay cái giương lên của New Hampshire. Tôi muốn tắm một cái, muốn một cái giường mới, muốn uống gì đó và muốn có một giao tiếp thương mại giữa người và người. Và tôi định sẽ tìm những thứ đó bên bờ sông Connecticut. Quả là rất lạ, khi bạn dựng lên một mục tiêu nào đó, thật khó mà không bám riết theo nó cho dù là nó bất

tiện và thậm chí không thích hợp. Đường đi dài hơn là tôi tưởng và tôi đã mệt mỏi lắm rồi. Tuổi tác của tôi lên tiếng khi tôi lưu ý đến đôi vai đau nhức, nhưng tôi đã nhắm đến sông Connecticut và tôi phớt lờ cả sự mệt mỏi, và điều này là cực kỳ dại dột. Trời đã gần tối khi tôi tìm ra cái nơi mong muốn không xa Lancaster, New Hampshire. Con sông rộng rãi và rất đẹp, có cây cối bao quanh, và thảm cỏ ven sông cũng thật là dễ chịu. Gần bờ là thứ mà tôi đang thêm muốn: một dãy những ngôi nhà nhỏ tinh tươm màu trắng tọa lạc trên thảm cỏ xanh chạy ra đến bờ sông, và một văn phòng nhỏ, gọn ghẽ cùng một phòng ăn với tấm biển hướng ra lộ ghi những lời chào đón: “Mở cửa” và “Còn chỗ”. Tôi đánh Rocinante rẽ khỏi mặt đường rồi mở cửa xe để Charley ra ngoài.

Ánh sáng chiều phản chiếu trên các cửa sổ của văn phòng và phòng ăn. Cả cơ thể tôi như tử vì đường sá khi tôi mở cửa bước vào. Chẳng có ma nào ở đó cả. Sổ đăng ký nằm chỏng chơ trên bàn, những chiếc ghế trống không ở trước quầy bán thức ăn, các loại bánh bọc trong màng nhựa, chiếc tủ lạnh kêu o o, vài chiếc đĩa bẩn ngâm nước xà-bông trong bồn rửa bằng inox và một vòi nước nhỏ giọt chậm chạp xuống đó.

Tôi rung chiếc chuông nhỏ trên bàn rồi cất tiếng gọi, “Có ai đó không?” Không có tiếng trả lời, không gì cả. Tôi ngồi xuống ghế chờ người quản lý trở vào. Treo trên tấm bảng là những chìa khóa có đánh số để vào những căn nhà nhỏ màu trắng. Ánh sáng ban ngày đã lụi tàn, bên trong trở nên tối đen. Tôi ra ngoài để gọi Charley về và kiểm tra lại cái ấn tượng của tôi về những từ “Mở cửa”, “Còn chỗ” trên tấm biển. Giờ đây trời đã tối lắm rồi. Tôi mang đèn pin ra, đi tìm trong văn phòng thử xem có tấm giấy nào ghi dòng chữ “sẽ trở lại sau mười phút”, nhưng chẳng thấy gì cả. Tôi thấy mình giống Peeping Tom^[31] một cách kỳ lạ. Tôi không thuộc về nơi này. Tôi bèn ra ngoài, đưa Rocinante khỏi lối đi vào khu nhà, cho Charley ăn, pha cà phê và chờ đợi.

Tôi có thể đơn giản lấy đi một chìa khóa, để lại trên bàn một lời nhắn nói rằng tôi đã làm như vậy, rồi tôi mở cửa một trong những căn nhà nhỏ. Nhưng làm vậy là không phải, tôi không thể làm vậy được. Trên xa lộ có vài chiếc xe chạy ngang và băng qua cây cầu, nhưng chẳng chiếc nào rẽ vào

đây. Các cửa sổ văn phòng và lưới sắt của chúng ánh lên dưới đèn pha của những chiếc xe đến gần, để rồi lại chìm vào bóng tối. Tôi đã lên kế hoạch phải ăn một bữa tối nhẹ rồi lăn đùng ra giường đánh một giấc thật đã. Tôi dọn giường, chợt nhận ra mình cũng chẳng đói lắm. Rồi tôi nằm xuống. Nhưng giấc ngủ không đến với tôi. Tôi nghe ngóng người quản lý có trở lại hay không. Cuối cùng, tôi tắt chiếc đèn măng-sông đốt gas và thử đọc sách, nhưng do cứ nghe ngóng nên không sao tập trung được. Cuối cùng, tôi lơ mơ ngủ, choàng dậy trong bóng tối, nhìn ra ngoài – không có gì cả, không có ai. Giấc ngủ ngắn của tôi đầy trần trọc và khó khăn.

Đến rạng sáng tôi thức dậy chuẩn bị một bữa sáng lâu lắc, chậm chạp, tiêu tốn thời gian. Mặt trời ló dạng, hiện lên bên cửa sổ. Tôi dẫn Charley đi dạo dọc bờ sông rồi quay về, thậm chí còn cạo râu và tắm táp trong chiếc chậu. Giờ thì mặt trời đã lên cao hẳn. Tôi đi đến văn phòng và bước vào. Chiếc tủ lạnh vẫn chạy o o. Chiếc vòi vẫn nhỏ chậm rãi xuống bồn nước xà-bông. Một con ruồi béo mới nở, cặp cánh nặng trĩu, đang càu kình bò trên tấm màng nhựa bọc bánh. Đến chín giờ rưỡi, tôi lái xe đi mà vẫn không thấy ai tới, không có gì chuyển động. Các tấm biển vẫn ghi là “Mở cửa” và “Còn trống”. Tôi lái xe băng qua cây cầu sắt, làm khua rầm rĩ những tấm lót bằng thép. Cái nơi trống vắng kia làm tôi rất phiền não, và mỗi lần nghĩ đến nó thì cảm giác này lại trở dậy.

Trong những hành trình dài, sự ngờ vực luôn đồng hành cùng tôi. Tôi luôn thấy ngưỡng mộ những phóng viên khi họ đổ bộ xuống một khu vực, nói chuyện với những người then chốt, nêu ra những câu hỏi chính yếu, lấy các mẫu ý kiến, rồi lập ra một bài phóng sự ngắn nấp, vốn rất giống như một tấm bản đồ đi đường. Tôi ghen tỵ với kỹ thuật của họ, nhưng đồng thời vẫn không tin rằng họ phản ánh đúng thực tế. Tôi cảm thấy thực tế quá phong phú. Thứ mà tôi viết ra ở đây chỉ đúng đến khi nào có ai đó đi qua cùng con đường và dàn xếp lại thế giới theo phong cách riêng của chính họ. Trong phê bình văn học, người phê bình chỉ có một lựa chọn là biến nạn nhân được họ chú ý thành thứ gì đó cùng kích cỡ và hình thù với chính họ.

Và trong cuốn sách này, tôi sẽ không đánh lừa bản thân bằng ý nghĩ rằng tôi đang ghi lại những thứ bất biến. Cách đây rất lâu, tôi đã đến thành phố cổ

Prague^[32] và cùng lúc đó Joseph Alsop, nhà viết phê bình nổi tiếng về các nơi chốn và sự kiện, cũng có mặt ở đây. Ông ta diễn thuyết để huấn thị cho cử tọa, các viên chức, các vị đại sứ. Ông ta đọc các báo cáo, thậm chí cả những chữ và số in nhỏ, trong khi tôi, với cung cách bệ rạc của mình, đi lang thang theo chân các nghệ sĩ, những người du mục, những kẻ lêu lổng. Joe và tôi trở về Mỹ trên cùng một chuyến bay, và trên đường về ông ta kể tôi nghe về Prague. Prague của ông không hề liên can gì đến cái thành phố mà tôi vừa thấy và nghe. Nó đơn giản không là cùng một nơi, thế mà cả hai chúng tôi đều là người chân thật, không ai nói dối cả, cả hai đều là người quan sát giỏi theo mọi chuẩn mực... Và chúng tôi đã đem về nhà hai thành phố khác nhau, hai sự thực khác nhau. Vì lý do đó tôi không thể bình luận về câu chuyện này như về một nước Mỹ mà bạn sẽ tìm thấy. Có quá nhiều thứ để nhìn, nhưng con mắt buổi sáng sẽ định hình một thế giới rất khác với con mắt buổi chiều, và chắc chắn là con mắt rã rời của chúng ta vào buổi tối sẽ chỉ có thể định ra một thế giới ban đêm rã rời.

Sáng Chủ nhật ở thành phố Vermont, ngày cuối cùng của tôi ở New England, tôi cạo râu, đóng bộ vào, đánh bóng đôi giày, và tìm kiếm một nhà thờ để đi lễ. Tôi đã bỏ qua nhiều nhà thờ vì những lý do mà giờ đây tôi không nhớ, nhưng khi vừa nhìn thấy nhà thờ John Knox, tôi liền tạt vào một con đường bên hông, đậu Rocinante ở một nơi khuất, dặn dò Charley trông chừng nó, rồi đạo mạo bước đến ngôi nhà thờ ộp ván trắng đến lóa mắt. Tôi chọn chỗ ngồi ở phía sau của cái nơi thờ phụng bóng loáng và không tì vết này. Những bài kinh cầu nguyện rất phù hợp, lôi kéo được sự chú ý của Thượng đế đến một vài sự yếu đuối và xu hướng thiếu thánh thiện mà tôi biết là mình có và, chỉ là giả định, những người tụ tập ở đây cũng có.

Buổi lễ đã đem đến vài điều tốt đẹp cho trái tim tôi, và hy vọng là cả tâm hồn tôi nữa. Đã lâu lắm rồi tôi không nghe một cách tiếp cận như thế. Thói quen của chúng ta ngày nay, ít ra tại các thành phố lớn, là đi tìm sự xưng tội tâm lý, theo đó những tội lỗi của ta không thực sự là tội lỗi mà chỉ là những tai nạn gây ra bởi các thế lực vượt ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Trong ngôi nhà thờ này thì không có sự vớ vẩn như thế. Vị mục sư, một con người gang thép với đôi mắt thép và cách nói giống như một chiếc khoan khí nén.

Ông ta mở đầu bài kinh cầu nguyện của mình bằng lời trấn an rằng chúng tôi là một lũ người đáng thương. Mà ông ta nói đúng. Chả quan trọng là chúng ta bắt đầu như thế nào, chính do những nỗ lực màu mè của mình mà từ đây chúng ta sa ngã. Rồi, sau khi đã làm cho chúng tôi nhũn như chi chi, ông ta bắt tay vào bài thuyết giáo hoành tráng, một bài thuyết giáo về sự trừng phạt vĩnh hằng trong địa ngục. Sau khi chứng minh rằng chúng tôi, hay có lẽ chỉ một mình tôi, chẳng tốt đẹp quái gì, ông ta vẽ lên với một sự lạnh lùng chắc chắn điều gì có khả năng sẽ xảy đến với chúng tôi nếu như chúng tôi không thực hiện vài sự tái tổ chức cơ bản mà ngay cả khi đó ông ta cũng chẳng ban cho chúng tôi chút ít hy vọng nào. Ông nói về địa ngục cứ như một chuyên gia. Không phải là thứ địa ngục lãng mạn của những ngày hậu thế, mà là thứ địa ngục đun nóng – nấu kỹ, xúc tiến bởi các kỹ thuật gia của diêm vương. Con người của Chúa này đã dẫn dắt tới mức độ làm chúng tôi có thể thấu hiểu được: một ngọn lửa than bùng cháy, gió được quạt vào dư dả, và nguyên một đội những quý sứ lò cao toàn tâm toàn ý với công việc, và đối tượng của công việc ấy chính là tôi.

Tôi bắt đầu cảm thấy cực kỳ dễ chịu. Những năm gần đây, Chúa đã trở thành một người bạn thân của chúng ta, rao giảng về cảm giác thống nhất, và điều đó đã tạo ra một sự trống rỗng giống như khi người cha chơi bóng với con trai. Nhưng vị Thánh Vermont này đã quá quan tâm đến tôi đến nỗi đã gặp nhiều rắc rối khi xua đuổi địa ngục ra khỏi tôi. Ông ta đã nâng những tội lỗi của tôi lên một viễn cảnh mới. Cho dù chúng là nhỏ bé, là trung bình hay tệ hại và tốt nhất nên quên đi, vị mục sư đã đem đến cho chúng một tầm cỡ, một sự sung mãn, một chân giá trị. Nhiều năm rồi tôi không nghĩ nhiều lắm về bản thân mình, nhưng nếu những tội lỗi của tôi có được tầm cỡ ấy thì quả là cũng có cái để tự hào. Tôi chưa từng là một cậu bé hư nhưng là một gã tội lỗi xếp hạng đầu, và tôi lại còn đang tăng hạng nữa chứ.

Tôi cảm thấy tinh thần mình phấn chấn đến mức đã bỏ năm đô-la vào chiếc đĩa, và sau đó, trước cổng nhà thờ, tôi nồng nhiệt bắt tay ông mục sư và tất cả những người nào có thể trong giáo đoàn. Điều đó tạo cho tôi cái cảm giác đáng yêu là đang làm việc xấu, và đến tận thứ Ba cảm giác này mới kết thúc hoàn toàn. Tôi thậm chí còn suy nghĩ có nên đánh Charley hay

không, để cả nó cũng được hưởng đôi chút thỏa mãn. Bởi Charley cũng chỉ kém tôi lỗi hơn tôi một chút thôi. Trên những chặng đường khắp đất nước, tôi đều ghé nhà thờ vào ngày Chủ nhật. Mỗi tuần là một trường phái giáo lý khác nhau, nhưng không nơi đâu tôi tìm được cái chất lượng như của vị mục sư ở Vermont. Ông ta đã hun đúc một tôn giáo sinh ra để trường tồn, chứ không tạo ra sự lỗi thời được giản lược cho dễ hiểu.

Tôi vào đến bang New York tại Rouses Point và cố ở càng gần hồ Ontario càng tốt, vì tôi dự định sẽ đến thăm thác Niagara – tôi chưa từng đến đó – rồi luồn sang Canada, đoạn từ Hamilon đến Windson, bỏ lại hồ Erie ở phía nam, rồi xuất hiện trở lại ở Detroit – một kiểu đi tắt, một thắng lợi nho nhỏ về mặt địa lý. Dĩ nhiên, chúng ta ai cũng biết rằng mỗi bang của chúng ta đều là cá biệt và tự hào về điều đó. Không hài lòng chỉ với cái tên riêng của mình, các bang thường gán cho mình những danh hiệu mang tính mô tả: Empire State^[33], Garden State^[34], Granite State^[35]. Những danh hiệu đó được gán vào một cách kiêu hãnh và hiếm khi được nói giảm. Nhưng giờ đây lần đầu tiên tôi nhận ra rằng mỗi bang còn có phong cách văn xuôi riêng của nó, mà bằng chứng rõ nét là qua những tấm biển báo trên xa lộ. Chỉ cần vượt qua biên giới giữa các bang là ta nhận ra ngay sự thay đổi ngôn ngữ. Các bang New England sử dụng một dạng chỉ dẫn rất súc tích, một phong cách văn tắt, kiểm chế, không lãng phí một từ một chữ nào. Bang New York thì suốt ngày quất tháo vào mặt bạn. Làm thế này. Làm thế kia. Ôm tay trái. Ôm tay phải. Cứ vài dặm lại là một mệnh lệnh rất dễ chế. Ở Ohio, các biển hiệu nghe hiền hòa hơn. Chúng đưa ra những lời khuyên thân thiện, gần với một lời gợi ý. Một số bang sử dụng phong cách khoa trương khiến bạn rất dễ dàng đi lạc. Có những bang nói cho bạn biết bạn có thể kỳ vọng thấy gì trong các điều kiện đường sá ở phía trước, nhưng một số bang khác lại để bạn tự mình khám phá ra. Hầu hết các bang đều bỏ trạng từ, dùng tính từ. Lái chậm. Lái an toàn.

Tôi là người say mê đọc những tấm biển, và tôi đã phát hiện trong các tấm biển lịch sử những áng văn ca ngợi tinh thần của bang, đạt đến đỉnh cao vinh quang và đỉnh cao trữ tình. Sau này tôi đã rất hài lòng khi xác định được rằng những bang nào có lịch sử ngắn ngủi nhất và có ít sự kiện làm chấn

động thể giới nhất thì lại có nhiều tấm biển lịch sử nhất. Một số bang miền Tây thậm chí còn tìm thấy vinh quang ở những kẻ sát nhân đã bị lãng quên và những tay cướp ngân hàng. Những thị trấn không muốn lãng quên đã tìm cách vinh danh những đứa con nổi tiếng của mình, nhờ đó mà khách du lịch đã được hiểu dụ bằng các tấm biển và biểu ngữ đại loại như: Nơi sinh của Elvis Presley, của Cole Porter, của Alan P. Huggins.

Chuyện đó dĩ nhiên chẳng có gì mới mẻ. Tôi nhớ là các thành phố nhỏ thời Hy Lạp cổ đại vẫn tranh cãi gay gắt với nhau đâu mới chính là nơi sinh của Homer^[36]. Theo trí nhớ của tôi thì cả một cộng đồng phần nộ đã đòi bắt Red Lewis^[37] về quê nhà để trát hắc ín, gắn lông gà chỉ vì ông đã viết cuốn *Main Street*. Và ngày nay thì chính Sauk Centre đã tự vinh danh mình vì đã sản sinh ra Lewis. Với tư cách một dân tộc, chúng ta luôn đói khát lịch sử giống như nước Anh khi mà Geoffrey xứ Monmouth^[38] đã dựng đứng lên câu chuyện lịch sử về các vị vua Anh. Nhiều vị vua trong số này đã được ông sáng chế ra để phục vụ cho nhu cầu đang tăng cao. Còn với tư cách các bang và các cộng đồng, cũng như với tư cách cá nhân người Mỹ thì cơn đói khát này là nhằm tạo ra sự liên kết đoàn chính với quá khứ. Các nhà phả hệ học đã bối tìm cả trong những mảnh vụn của tổ tiên để lục ra những hạt giống của sự vĩ đại. Không lâu trước đây, người ta đã chứng minh rằng Dwight D. Eisenhower^[39] là hậu duệ của một nhánh hoàng tộc Anh, một bằng chứng nếu như cần thiết ai đó phải là hậu duệ của ai đó. Cho nên cái thị trấn nhỏ nơi tôi sinh ra, mà theo trí nhớ của ông ngoại tôi đã xuất phát từ một tiệm rèn nằm giữa một đầm lầy, đang tổ chức những hội hè linh đình hàng năm để tưởng niệm cái quá khứ vinh quang của các quý tộc Tây Ban Nha và các công nương ăn hoa hồng. Trong khi đó, ký ức của công chúng đã xóa đi những bộ lạc da đỏ nhỏ sống cách biệt, ăn sâu bọ và châu chấu vốn là những người định cư đầu tiên thực thụ của chúng ta.

Tôi thấy điều này thật thú vị, nhưng nó khiến ta đặt nghi vấn liệu lịch sử có còn là sự ghi nhận lại thực tế hay không. Tôi nghĩ những điều này trong khi đang đọc các tấm biển lịch sử khắp đất nước. Tôi nghĩ huyền thoại quá đã xua tan thực tế. Ở một mức độ rất thấp, điều kế tiếp là quy trình của một huyền thoại. Khi thăm lại cái thị trấn nơi tôi sinh ra, tôi đã nói chuyện với

một ông lão rất già từng biết tôi lúc còn bé. Ông ta nhớ như in đã từng thấy tôi, một cậu bé tóc chỏm, đang lẩy bẩy bước đi qua ngôi nhà của ông vào một sáng giá lạnh, chiếc áo khoác ngoài thùng thình được thắt lại nơi bộ ngực nhỏ bé bằng kim gài áo ngựa. Ở chừng mực nho nhỏ nào đó, đấy chính là hiện thân của huyền thoại: một cậu bé nghèo khổ vươn lên đến vinh quang, dù dĩ nhiên là chỉ ở quy mô giới hạn. Mặc dù vậy, tôi vẫn không tài nào nhớ ra giai thoại này. Tôi biết nó không thể là sự thật. Mẹ tôi vốn có sự đam mê trong việc khâu những chiếc nút. Với bà, một chiếc nút bị bung ra còn tệ hại hơn cả sự luộm thuộm. Đó là một tội lỗi. Tôi mà lấy kim đính chiếc áo khoác của mình thì mẹ sẽ mắng tôi té tát. Câu chuyện đó không thể là sự thật, nhưng ông già kia thích nó quá nên tôi không thể nào thuyết phục được ông là nó sai, vì vậy tôi cũng không cố thử. Nếu thị trấn quê tôi muốn tôi dùng kim gài áo ngựa thì không gì có thể thay đổi câu chuyện đó, kể cả sự thật.

Trời đổ mưa ở bang New York, Bang Đế chế. Mưa lạnh và không thương xót, như cách mà người chuyên viết về những tấm biển xa lộ sẽ mô tả. Quả thật cơn trút nước buồn thảm đã làm cho cuộc viếng thăm dự kiến của tôi đến thác Niagara có vẻ như không còn cần thiết nữa. Do đó mà tôi đi lạc một cách vô vọng trên những con đường của một thị trấn nhỏ nhưng kéo dài bất tận, nằm đâu đó gần Medina, tôi nghĩ vậy. Tôi nép xe vào lề đường, lấy ra cuốn bản đồ đường sá. Nhưng để biết mình đang đi đâu, bạn cần phải biết mình ở đâu trước đã, mà tôi thì chẳng biết mô tê gì. Các cửa sổ xe đều đóng chặt và đục ngầu bởi nước mưa. Chiếc đài trên xe đang phát ra những âm thanh êm dịu. Bất chợt, có tiếng gõ vào cửa sổ, một người đàn ông vặn cửa mở ra rồi trườn vào chiếc ghế cạnh tôi. Ông này có khuôn mặt đỏ như, hơi thở nồng nặc mùi whisky. Quần ông ta được kéo lên bởi những sợi dây đeo màu đỏ, trùm qua chiếc áo lót màu xám phủ kín cổ.

“Tắt cái của nợ đó đi”, ông ta nói, rồi tự tay tắt chiếc đài của tôi. “Con gái tôi thấy ông qua cửa sổ”, ông ta nói tiếp. “Nó nghĩ là ông gặp rắc rối”. Ông ta nhìn những bản đồ của tôi. “Liệng bég mấy thứ này đi. Nói xem, ông muốn đi đâu?”

Tôi không hiểu vì lý do gì một người đàn ông lại không thể trả lời một câu hỏi như thế bằng sự thật. Sự thật là tôi đã rời khỏi xa lộ lớn số 104 và đi vào những con đường nhỏ hơn vì có quá đông xe và những chiếc xe đi qua làm bắn hàng đồng nước lên tấm kính chắn gió của tôi. Tôi muốn đến thác Niagara. Cớ sao tôi không thể thú nhận điều đó? Tôi nhìn xuống bản đồ và nói, “Tôi muốn đến Erie, Pennsylvania”.

“Tốt”, ông ta nói. “Giờ thì liệng mấy cái bản đồ đó đi. Ông vòng xe lại, qua hai cái đèn giao thông thì đến đường Egg Street. Đến đó thì rẽ trái, rồi đi chừng hai trăm mét trên đường Egg thì gặp một góc cua và rẽ sang tay mặt. Con đường đó khá ngoằn ngoèo, nó dẫn tới một cầu vượt, nhưng đừng đi lối đó. Đến đó ông rẽ trái và đánh vòng như thế này này, hiểu chưa? Như thế này”. Tay ông ta vẽ ra một đường cong. “Bây giờ, khi đường vòng thẳng ra thì ông sẽ đến ba nhánh đường. Có một căn nhà lớn màu đỏ ở nhánh bên tay trái, ông đừng đi lối đó. Đi theo nhánh bên tay mặt ấy. Ông hiểu ra chưa nào?”

“Tất nhiên”, tôi nói. “Dễ thôi mà”.

“Thế thì lặp lại thử, để tôi xem ông có đi đúng đường không”.

Tôi đã thôi lắng nghe kể từ đoạn đường vòng. Tôi bèn nói, “Hay là ông lặp lại lần nữa có được không?”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Vòng xe lại đi qua hai đèn giao thông ra đến đường Egg Street, rồi rẽ trái đi hai trăm mét thì rẽ mặt ở góc cua trên con đường ngoằn ngoèo cho đến khi ông ra đến cầu vượt, nhưng đừng đi lối đó”.

“Tôi rõ cả rồi”, tôi nói nhanh. “Cảm ơn ông đã chỉ đường”.

“Chết tiệt”, ông ta nói, “Tôi còn chưa đưa ông ra khỏi thị trấn nữa mà”.

Thế đấy, ông ta định đưa tôi ra khỏi thị trấn bằng một lộ trình mà nếu tôi nhớ nổi, chứ chưa nói là theo nổi, thì Mê cung ở Knossos^[40] cũng sẽ chỉ giống như một con đường thông suốt mà thôi. Khi rốt cuộc đã hài lòng vì được cảm ơn, ông ta bước ra và đóng sầm cửa lại. Nhưng vì sự nhút nhát trong giao tiếp xã hội mà tôi đã vòng lại thật, biết rằng ông ta sẽ canh chừng tôi qua cửa sổ. Tôi lái xe qua khoảng hai khu đất rồi lọ mọ trở về với cái xa lộ 104 kia, bất kể nó có đông xe hay không.

Thác Niagara rất đẹp. Nó giống như một phiên bản phóng to của tấm biển xưa trên phố Bond ở quảng trường Times. Tôi rất mừng là đã thấy nó, vì kể từ nay nếu có ai hỏi tôi đã thấy thác Niagara chưa, tôi có thể nói là rồi, và chí ít cũng có một lần tôi nói thật.

Khi tôi nói với các “quân sự” của tôi rằng tôi sẽ đi Erie, Pennsylvania, tôi không hề nghĩ mình sẽ đi đến đó, nhưng hóa ra tôi đi thật. Dự định của tôi là trườn qua chiếc cổ của Ontario, đánh vòng qua không chỉ Erie mà cả Cleveland và Toledo.

Từ kinh nghiệm lâu năm, tôi phát hiện rằng mình ngưỡng mộ tất cả các dân tộc và căm ghét tất cả các chính phủ, và không nơi đâu mà tính vô chính phủ từ trong bản chất của tôi lại dâng cao như tại các biên giới quốc gia, nơi những nô bộc kiên trì và hiệu quả của công chúng làm các nhiệm vụ di trú và hải quan của họ. Trong đời tôi chưa bao giờ chuyển đồ lậu. Thế thì có sao tôi lại có cái cảm giác phạm lỗi khi đến gần các trạm hải quan? Tôi băng qua một chiếc cầu cao có thu tiền, vượt qua khu phi quân sự, rồi đi đến một nơi mà Sao Sọc^[41] đứng vai kề vai với Union Jack^[42]. Dân Canada rất lành. Họ hỏi tôi đi đâu, đi trong bao lâu, liếc nhanh Rocinante bằng ánh mắt dò xét, và cuối cùng tập trung vào Charley.

“Ông có giấy chứng nhận con chó đã được chủng đại không?”

“Không, tôi không có. Ông thấy đó, nó già rồi. Nó được chủng đại lâu lắm rồi”.

Một viên chức khác bước ra. “Thế thì chúng tôi khuyên ông không nên mang nó qua biên giới”.

“Nhưng tôi chỉ đi tắt qua một phần nhỏ lãnh thổ Canada rồi trở vào Mỹ ngay ấy mà”.

“Chúng tôi hiểu”, họ ôn tồn nói. “Ông có thể mang nó vào Canada, nhưng chỉ sợ là phía Mỹ không cho nó vào ấy chứ”.

“Nhưng chính xác thì tôi vẫn đang ở Mỹ và có ai nói năng gì đâu?”

“Nhưng lúc ông vượt biên giới trở về thì họ sẽ nói đấy”.

“Thôi được, tôi đưa nó đi đâu để tiêm chủng đây?”

Họ không biết. Tôi sẽ phải đi ngược lại con đường cũ chừng ba mươi hai cây số, tìm một bác sĩ thú y, chủng đại cho Charley rồi quay trở lại. Tôi đi tắt vốn là để tiết kiệm chút ít thời gian, thế mà thời gian tiết kiệm đó sắp tiêu tùng, thậm chí còn tốn kém nhiều hơn nữa ấy chứ.

“Làm ơn hiểu cho chúng tôi, đó là do phía chính phủ của ông chứ không phải chính phủ chúng tôi. Chúng tôi chỉ khuyên ông thôi. Luật nó là như thế”.

Tôi nghĩ đó là lý do vì sao tôi căm ghét các chính phủ, tất cả các chính phủ. Lúc nào cũng luật lệ, lúc nào cũng là những chữ lí nhí do những người lí nhí đảm đương. Chẳng có gì để đấu tranh, chẳng có bức tường nào để đâm vào bằng nắm tay giận dữ. Tôi cực kỳ tán thành việc tiêm chủng, cảm thấy nó nên là bắt buộc. Bệnh dại là thứ đáng sợ. Nhưng tôi vẫn thấy mình căm ghét các luật lệ và tất cả các chính phủ đã tạo ra những luật lệ đó. Không phải cú tiêm mà tờ chứng nhận mới là quan trọng. Với các chính phủ thì thường xuyên là như vậy, không phải thực tế mà là một tấm giấy nhỏ. Những người đàn ông đó thì thật là tốt, thân thiện và nhiệt tình. Quãng thời gian ở biên giới đúng là thư giãn. Họ mời tôi một tách trà và cho Charley cả đồng bánh. Và họ có vẻ thành thật hối tiếc về việc tôi phải đi đến Erie, Pennsylvania, vì thiếu giấy tờ. Và thế là tôi vòng xe lại, đi về hướng Sao Sọc, về hướng một chính phủ khác. Khi ra thì người ta không yêu cầu dừng lại, nhưng giờ đây thì lại có cái thanh chắn đang hạ xuống.

“Ông là công dân Mỹ?”

“Vâng thưa ông, hộ chiếu của tôi đây”.

“Ông có gì khai báo không?”

“Tôi đã đi đâu đâu mà khai báo”.

“Ông có giấy chứng nhận chủng đại cho con chó không?”

“Cả nó cũng đã đi đâu đâu”.

“Nhưng ông đang trở về từ Canada”.

“Tôi chưa sang Canada mà”.

Tôi thấy có ánh thép trong đôi mắt hăn. Cặp lông mày hăn hạ thấp xuống đến mức bộc lộ mỗi nghi hoặc. Thay vì tiết kiệm thời gian, có vẻ như tôi sẽ mất thời gian còn nhiều hơn nữa cho dù có đi Erie, Pennsylvania.

“Mời ông bước vào văn phòng”.

Lời mời này tác dụng lên tôi tương tự như cú gõ cửa của một tên Gestapo^[43]. Nó làm cho tôi vừa hoảng, vừa tức, vừa cảm thấy có tội, dù chẳng biết tôi có làm điều gì sai quấy hay không. Giọng của tôi chuyển sang tông gay gắt do cảm giác bị xúc phạm, và điều này tự động làm tăng sự hoài nghi.

“Làm ơn bước vào văn phòng”.

“Tôi đã nói rằng tôi chưa sang đến Canada mà. Nếu chịu quan sát một chút, ông đã thấy tôi mới quay trở về”.

“Mời ông theo hướng này”.

Rồi, qua điện thoại: “Bảng xe New York, đại loại thế. Vâng. Xe pick-up có ca-bin trên thùng xe. Vâng, một con chó”. Rồi, nói với tôi: “Loại chó gì vậy nhỉ?”

“Chó xù”.

“Chó xù. Phải, chó xù. Màu nâu nhạt”.

“Màu xanh”, tôi chữa lại.

“Nâu nhạt. Vâng. Xin cảm ơn”.

Ước gì tôi không cảm thấy một thoáng buồn vì sự vô tội của tôi trong giọng nói của hăn.

“Họ nói ông chưa qua biên giới”.

“Thì tôi đã nói với ông vậy rồi mà”.

“Ông cho tôi xem hộ chiếu”.

“Tại sao? Tôi chưa ra khỏi nước mà. Tôi cũng không định ra khỏi nước nữa”.

Nhưng cũng vậy thôi, tôi vẫn phải chìa hộ chiếu cho hăn. Hăn lật xem, dừng lại ở các con dấu nhập-xuất cảnh trong các cuộc hành trình khác. Hăn kiểm tra ảnh của tôi, mở tờ giấy chứng nhận đã chủng đậu màu vàng bầm

vào bìa sau hộ chiếu. Ở bên dưới trang cuối hẳn thấy có những chữ và số viết bằng bút chì mờ. “Cái gì đây?”

“Tôi không biết. Để coi xem. Ồ, cái này ấy à? Có gì đâu, chắc là số điện thoại ấy mà”.

“Tại sao lại viết lên hộ chiếu?”

“Thì chắc là tôi tìm không ra mẫu giấy nhỏ nào. Thậm chí tôi không nhớ đó là số gì nữa kìa”.

Giờ thì hẳn đã bắt nọn được tôi, và hẳn biết điều đó. “Ông có biết ghi sửa trên hộ chiếu là vi phạm pháp luật không?”

“Tôi sẽ bồi nó đi”.

“Ông không được viết gì trên hộ chiếu. Đó là luật đấy!”

“Tôi sẽ không làm như vậy nữa, tôi hứa đấy”. Và tôi cũng muốn hứa luôn với hẳn rằng tôi sẽ không nói dối hoặc trộm cắp, hoặc liên kết với những kẻ vô đạo đức, hoặc thêm khát vọng của hàng xóm và tùm lum thứ. Hẳn đóng tờ hộ chiếu của tôi một cách quả quyết rồi đưa trả cho tôi. Tôi biết tổng là hẳn cảm thấy dễ chịu hơn sau khi tìm ra cái số điện thoại. Có thể đoán rằng sau tất cả những khó khăn, cuối cùng hẳn đã tìm ra được tôi mắc lỗi gì đó, trong một ngày rảnh rỗi như thế này. “Cảm ơn ông”, tôi nói. “Tôi đi được chưa?”

Hẳn khoát tay, vẫy từ tế. “Ông đi đi”, hẳn nói.

Và đó là lý do vì sao tôi đi về phía Erie, Pennsylvania. Lỗi là do Charley. Tôi băng qua cây cầu sắt cao vút và dừng lại ở trạm thu phí. Người đàn ông thò đầu ra khỏi cửa sổ. “Tới luôn đi”, ông ta nói, “Về nhà thôi”.

“Ý ông là sao?”

“Tôi đã thấy ông đi qua ban nãy. Tôi có thấy con chó. Tôi biết thế nào ông cũng quay đầu về”.

“Sao ông không nói tôi biết sớm?”

“Chả ai tin cả. Tới luôn đi. Ông được miễn chuyển về”.

Bạn thấy đó, ông ta không phải là chính phủ. Chính phủ có thể làm bạn tự cảm thấy mình nhỏ bé, thấp kém, để chính phủ còn lấy đó mà xây lên cái cảm giác uy phong của mình chứ. Tối đó, Charley và tôi ngụ tại một sân đậu xe hơi hoành tráng nhất, nơi mà chỉ có người giàu mới dám bén mảng. Một mái vòm với đủ các thứ xa hoa và quan trọng hơn nữa là nó nằm gần nhà

hàng và dịch vụ cho thuê phòng. Tôi gọi đá và soda, pha chế một ly scotch-soda rồi pha tiếp ly nữa. Rồi tôi gọi phục vụ vào, yêu cầu một món súp, một khoanh thịt nướng, nửa ký hamburger bằm cho Charley, và hào phóng boa cho anh ta. Trước khi ngủ, tôi ôn lại mọi thứ và ước ao có thể nói với cái gã di trú kia và một số người kiểu như hắn một vài câu cực kỳ thông minh và sắc sảo.

Ngay từ đầu cuộc hành trình, tôi đã tránh những con đường bê-tông nhựa lớn dành cho tốc độ cao mà ta thường gọi là “cao tốc” hay “siêu tốc”. Nói chung là các bang có tên riêng khác nhau để gọi chúng. Nhưng vì tôi cứ lớn vớn ở New England, mùa đông đang đến nhanh và tôi thấy trước thể nào cũng bị kẹt tuyết ở Bắc Dakota, cho nên tôi ra Quốc lộ 90, một đường siêu tốc cực rộng với vô số làn đường đầy xe tải chở những hàng hóa của cả nước. Rocinante mở tốc lực. Tốc độ tối thiểu trên con đường này lớn hơn quy định ở tất cả những con đường khác mà tôi đã đi qua. Tôi lái xe đón những cơn gió phần phật lướt qua mũi, cảm nhận những cú nhồi làm rung rinh, đôi khi lảo đảo, của cơn bão gió mà tôi góp phần tạo ra. Tôi nghe được cả tiếng rít của gió trên cái diện tích vuông vắn của nóc xe. Những tấm biển báo hét vào tôi dọc suốt con đường: “Đừng dừng lại! Cấm dừng! Hãy duy trì tốc độ!”. Những xe tải dài ngoằng ngoặc như chiếc tàu thủy gầm rú lao qua, tạo ra những đợt gió giống như làn hơi của cú đấm. Những con đường lớn này thật tuyệt vời để vận chuyển hàng hóa, nhưng để đi ngoạn cảnh thì chẳng lấy gì làm hay ho. Bạn phải ôm chặt tay lái, mắt dõi theo chiếc xe ở phía trước, canh chừng cả chiếc xe phía sau qua kính chiếu hậu và để ý đến chiếc gương bên hông xem có xe con, xe tải nào muốn vượt hay không. Và đồng thời bạn phải đọc tất cả những biển báo để khỏi hối tiếc mình đã lỡ mất một chỉ dẫn hay mệnh lệnh nào đó. Không có quầy bán nước ép trái cây nào dọc đường, không có cửa hàng đồ cổ nào, không có sản phẩm trang trại hoặc cửa hàng của xí nghiệp nào. Khi đi trên những con đường cao tốc này dọc suốt đất nước, ta có thể chạy một mạch từ New York đến California mà chẳng thấy gì cả.

Ở từng quãng có những trạm nghỉ ngơi và hồi sức. Ở đó có thức ăn, có xăng dầu, có bưu thiếp, có các món hấp, có bàn ăn dã ngoại, có những thùng

rác mới vừa được sơn, có những nhà vệ sinh, phòng rửa mặt sạch tinh tươm, sức nước chất khử mùi và chất tẩy rửa đến mức khứu giác của bạn phải mất một thời gian mới hồi phục lại được bình thường. Chất khử mùi vốn không đúng với tên gọi của nó lắm. Chúng thay thế một mùi này bằng một mùi khác, và chất thay thế phải mạnh và hắc hơn hẳn cái mùi mà nó muốn chinh phục. Tôi đã hờ hững với đất nước của mình quá lâu rồi. Nền văn minh đã rải những bước dài trong khi tôi xao lãng. Tôi còn nhớ cái thời mà bỏ đồng xu vào khe thì chỉ có một thỏi kẹo cao su hoặc một thanh kẹo mút. Giờ đây, tại các cung điện ăn uống này, các cỗ máy bán hàng có thể dùng nhiều loại tiền xu để cung cấp cho bạn từ chiếc khăn tay cho đến bộ đồ làm móng kèm với lược, dầu dưỡng tóc, mỹ phẩm, băng y tế, các loại thuốc tạp nhạp như aspirin, thuốc chống nôn, thuốc giữ cho bạn tỉnh ngủ. Tôi rất mê mẩn mấy cái máy này. Giả dụ bạn muốn có một lon nước ngọt, bạn chọn loại mà bạn thích – Sungrape hay Cooly Cola – nhấn vào chiếc nút, nhét đồng xu vào rồi lui ra một chút. Một chiếc ly giấy rút xuống đúng chỗ của nó, thức uống được rót vào và dừng lại khi cách mép ly chừng nửa phân – một món uống mát lạnh làm tỉnh người, hoàn toàn nhân tạo. Cà phê thậm chí còn thú vị hơn nữa, vì khi cái chất lỏng nóng màu đen ngừng rót vào thì có một tia sữa phun ra và một bịch đường rút xuống ngay cạnh chiếc ly. Nhưng trong tất cả các máy này, máy bán súp nóng mới là một kỳ tích. Chọn một trong mười món – đậu Hà Lan, mì gà, thịt bò và rau, vân vân – rồi nhét đồng xu vào. Một tiếng o o phát ra từ cỗ máy khổng lồ và đèn báo sáng lên, nổi rõ dòng chữ “Đang hâm”. Sau một phút, một cái đèn đỏ sáng lên và sẽ tắt đi khi bạn mở cánh cửa nhỏ lấy ra chiếc ly giấy đựng món súp nóng hổi.

Đó là cuộc sống ở đỉnh cao của một dạng văn minh. Những tiện nghi của nhà hàng, những đường viền đẹp mắt của quầy hàng cùng những chiếc ghế giả da. Chúng tinh tươm theo một kiểu khác với các phòng rửa tay, nơi mọi thứ cầm nắm được đều được bọc màng trong. Thức ăn luôn nóng sốt, vô trùng, vô vị, không bàn tay người chạm vào. Tôi nhớ quay quắt một số món ăn ở Pháp và Ý đi qua vô số bàn tay người chạm.

Những trung tâm nghỉ ngơi, ăn uống và nạp năng lượng này được tôn tạo bằng thảm cỏ và bụi hoa. Ở mặt trước, nơi gần xa lộ nhất, là chỗ đậu xe

khách với cả một binh đoàn các trạm bơm xăng. Ở phía sau, các xe tải nổi vào, và ở đó có những dịch vụ bảo trì dành cho chúng: cả một khu vực lớn các dãy nhà toa. Về lý mà nói thì Rocinante thuộc dạng xe tải cho nên nó phải đậu ở phía sau, và chẳng mấy chốc tôi đã làm quen được với các tài xế xe tải. Các tài xế đường dài là một giống người tách biệt khỏi cuộc sống xung quanh. Đâu đó tại các thị trấn hay thành phố, vợ con họ đang sinh sống trong khi các ông chồng thì dọc ngang khắp đất nước, chở theo đủ loại hàng hóa, thực phẩm, máy móc. Họ rất bè cánh và luôn dính vào nhau, nói năng cũng bằng một thứ ngôn ngữ riêng. Và mặc dù tôi chỉ là tay mơ giữa những quái kiệt ngành giao thông, họ vẫn luôn tử tế và nhiệt tình với tôi. Tôi được họ mách bảo rằng ở các bãi đậu xe tải có vòi tắm, xà-bông và khăn tắm, rằng tôi có thể đậu xe và ngủ qua đêm nếu muốn. Những tài xế này ít trao đổi mua bán với dân địa phương, nhưng là những người say mê nghe đài đến mức có thể kể vanh vách tin tức chính trị khắp mọi miền đất nước. Nhiều bang cho thuê lại các trung tâm ăn uống và tiếp nhiên liệu trên các đại lộ hoặc đường cao tốc, nhưng trên các xa lộ khác, doanh nghiệp tư nhân xây trạm cho tài xế xe tải, ở đó có giảm giá từ xăng dầu, giường ngủ cho đến suất tắm và chỗ ngồi tán dóc. Là một nhóm người đặc biệt với cuộc sống đặc biệt, chỉ giao du với những thành phần cùng loại, lẽ ra họ sẽ giúp tôi có thể đi khắp đất nước mà không trò chuyện với một gã địa phương tỉnh lẻ nào. Bởi lẽ dân xe tải dù lướt đi trên khắp các diện tích của đất nước nhưng vẫn chẳng thuộc về nơi đâu cả. Dĩ nhiên, ở các thị trấn mà gia đình họ sinh sống, thì họ tha hồ tự tung tự tác rồi: các câu lạc bộ, các buổi khiêu vũ, các chuyện tình cảm, và các vụ sát nhân nữa.

Tôi rất thích dân xe tải, bởi lẽ tôi luôn thích các chuyên gia. Nghe họ nói, tôi học được vô số ngôn từ đường sá, về lốp và nhíp xe, về sự quá tải. Dân xe tải đường dài có những trạm dừng riêng dọc lộ trình của họ, nơi họ biết cả những người phục vụ lẫn các cô thu ngân ngồi sau quầy tính tiền. Đó cũng là nơi mà đôi lúc họ gặp những người quen cùng cánh với mình trên một xe tải khác. Biểu tượng tuyệt vời cho sự tâm đầu ý hợp chính là ly cà phê. Tôi thường dừng xe uống cà phê không phải vì thèm mà là để nghỉ ngơi và có chút thay đổi sau những đoạn đường dài. Lái xe đường dài đòi hỏi

phải có sức khỏe, sự kiểm soát, sự tập trung cho dù thăng hơi và các thiết bị lái có hỗ trợ nhiều cách mấy. Thật là thú vị nếu biết – và điều này chẳng khó gì xác định nhờ các phương pháp kiểm nghiệm hiện đại – người ta tiêu phí mất bao nhiêu năng lượng khi lái xe tải trong sáu tiếng đồng hồ. Có lần Ed Ricketts và tôi đi thu thập các loài sinh vật biển. Khi lật những tảng đá ở một khu vực nọ, chúng tôi ước chừng mình đã nhấc bao nhiêu trọng lượng trong một ngày thu thập trung bình. Những tảng đá mà chúng tôi lật cũng không lớn lắm, chỉ từ một ký rưỡi đến hai mươi lăm ký. Chúng tôi ước tính trong một ngày sung sức, khi chúng tôi không cảm thấy bị mất quá nhiều năng lượng, mỗi chúng tôi nhấc được từ bốn đến mười tấn đá. Bây giờ ta hãy xem xét cái động tác xoay vô-lăng mà bề ngoài có vẻ như chẳng đáng kể gì. Mỗi động tác như thế có lẽ chỉ hao tổn tương đương nhấc chừng nửa ký đá. Áp lực thay đổi khi ta đạp lên chân ga có lẽ chưa đến một phần tư ký. Nhưng sau sáu tiếng đồng hồ ta sẽ có một con số tổng khổng lồ. Đó là chưa kể các cơ vai và cổ, vốn thường xuyên căng lên một cách vô thức vào những lúc khẩn cấp; đôi mắt lúc nào cũng phải liếc nhìn kính chiếu hậu; hàng vạn những quyết định nằm sâu bên trong đến mức một cái đầu có ý thức không tài nào nhận ra. Sự tiêu hao năng lượng, thần kinh và cơ bắp thật là khủng khiếp. Cho nên việc dừng xe uống cà phê chính là một sự nghỉ ngơi xét trên nhiều phương diện.

Rất thường xuyên, tôi ngồi với đám người đó, nghe họ nói chuyện, và thỉnh thoảng đặt ra vài câu hỏi. Tôi sớm nhận ra rằng không nên trông đợi vào kiến thức của họ về những vùng đất họ đi qua. Ngoại trừ những lần dừng xe, họ chẳng có mối tiếp xúc nào với chúng. Tôi thấy họ sao mà giống y chang như các thủy thủ. Tôi còn nhớ cái lần đầu tiên tôi ra biển. Tôi đã từng sốt phát hiện rằng những người dong tàu đi khắp thế giới, đến biết bao hải cảng lạ lẫm và dị biệt, lại có quá ít mối tiếp xúc với cái thế giới đó. Một số tài xế xe tải đường dài đi thành cặp với nhau để thay phiên nhau lái. Người nào nghỉ thì đi ngủ hoặc đọc mấy cuốn sách giải trí. Nhưng dọc đường thì mối quan tâm của họ chỉ là động cơ, thời tiết, và làm sao duy trì tốc độ để kế hoạch giao hàng được đảm bảo. Một số người thường xuyên chạy tuyến cố định, số khác chạy thuê theo chuyến. Đó là cả một lối sống

hoàn toàn khác mà những người định cư dọc đường rất ít khi biết. Tôi cũng chỉ biết những người này ở mức độ đủ để nhận ra rằng cần phải tìm hiểu thêm về họ.

Ai từng lái xe nhiều năm, giống như tôi, thì các phản ứng sẽ trở nên hầu như tự động. Khi đó, người ta sẽ không nghĩ phải làm gì nữa. Hầu hết kỹ thuật lái đã bị chôn sâu vào cổ máy tiềm thức. Như vậy, một vùng rộng lớn của tư duy ý thức sẽ được rảnh rang để suy nghĩ. Và người ta nghĩ gì khi đang lái xe nhỉ? Trong các hành trình ngắn, có lẽ người ta nghĩ đến mục tiêu hoặc hồi tưởng lại những sự kiện diễn ra nơi xuất phát. Nhưng như vậy thì vẫn hãy còn lại cả một vùng đất rộng lớn – đặc biệt là trong các cuộc hành trình dài – cho mộng tưởng giữa ban ngày hoặc, lạ Chúa tôi, cho suy nghĩ. Không ai biết người khác làm gì trong vùng đất đó. Bản thân tôi đã từng lên kế hoạch xây những ngôi nhà sẽ không bao giờ được xây, trồng những mảnh vườn không bao giờ được trồng. Tôi đã từng thiết kế ra một phương pháp bơm phù sa lỏng và vụn vỏ sò từ dưới đáy khu vịnh của tôi ra đến khu đất của tôi ở Sag Harbor để rồi lọc cát ra, tạo thành một vùng đất màu mỡ. Tôi không rõ liệu mình có làm theo đó hay không, nhưng trong khi lái xe, tôi đã lập kế hoạch chi tiết cho nó, thậm chí còn tính cả đến việc sẽ dùng loại máy bơm nào, thùng lọc cát nào, kiểm tra bằng cách nào để biết đất đã hết mặn. Tôi cũng đã từng chế ra trong đầu chiếc bẫy ruồi, từng viết những lá thư dài đầy chi tiết mà sẽ chẳng bao giờ viết ra trên giấy, đừng nói đến chuyện gửi đi. Khi đài bật, âm nhạc sẽ kích thích ký ức về thời gian và địa điểm, thêm vào đó là các nhân vật và bối cảnh. Những ký ức ấy chính xác đến mức từng lời thoại cũng được tái tạo. Và tôi đã hình dung ra cả những dự án kịch bản tương lai, những kịch bản hoàn chỉnh và thuyết phục đến mức chúng không bao giờ được viết ra. Tôi đã viết những chuyện ngắn trong đầu, tùm tùm cười vì sự hài hước của chính mình, buồn bã hay kích động bởi cấu trúc hay nội dung câu chuyện.

Tôi chỉ có thể đồ rằng một người cô đơn sẽ đưa bạn bè của mình vào những giấc mơ trong khi lái, người thiếu vắng tình yêu sẽ làm cho quanh mình có đầy những phụ nữ đáng yêu và đang yêu, và trẻ em sẽ leo vào giấc mơ của một người lái xe không con cái. Còn miền đất hối tiếc thì như thế

nào nhỉ? Giả như tôi không làm việc này việc nọ, không nói thế này thế kia thì, Chúa tôi, cái việc chết tiệt đó đã không xảy ra. Phát hiện ra khả năng này trong đầu của mình, tôi có thể nghi ngờ nó nằm trong đầu người khác, nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ biết được, vì có ai nói ra đâu? Đó là lý do vì sao trong cuộc hành trình được thiết kế để thăm thú, tôi đã cố bám theo các con đường phụ càng lâu càng tốt. Nơi ấy có nhiều thứ để thấy, để nghe, để nghĩ. Và tôi tránh những luồng giao thông dài rộng, vốn thường hay cổ vũ cho những giấc mộng ban ngày. Tôi lái xe trên con đường thênh thang bất tận được gọi là Quốc lộ 90, đi bọc Buffalo và Erie để đến Madison, Ohio, rồi ra đến một Quốc lộ 20, cũng nhanh và thênh thang không kém, vượt qua Cleveland và Toledo rồi tiến vào Michigan.

Trên những con đường cách xa các trung tâm sản xuất này có nhiều nhà di động đang di chuyển, được kéo bởi những đầu kéo thiết kế đặc biệt. Vì những nhà di động này bao gồm cả loại xe như xe tôi nên tôi có thể kể mình vào đó. Từ đầu cuộc hành trình, tôi đã để ý đến những chiếc xe mới này dưới ánh mặt trời, đến số lượng đông đảo của chúng, và từ đó chúng xuất hiện ngày càng nhiều khắp đất nước. Tôi bắt đầu quan sát chúng và có lẽ một vài suy nghĩ đã bắt đầu hình thành. Chúng không giống như những rơ-moóc được kéo phía sau xe hơi mà là những cỗ xe sáng loáng, dài như một toa xe hạng sang.

Từ đầu chuyến đi, tôi đã không để ý đến các bãi xe nơi chúng được bán và trao đổi, nhưng rồi tôi bắt đầu để ý đến những bãi xe không thuận tiện để ở lâu của chúng. Ở Maine, tôi đã dừng một đêm trong bãi đậu loại này, nói chuyện với mấy người quản lý bãi và với các cư dân của loại nhà này vì họ thường tập hợp thành từng nhóm những người tâm đầu ý hợp với nhau.

Đó là những ngôi nhà tuyệt diệu với vỏ nhôm, vách kép, cách ly tốt và thường được ốp một lớp trang trí bằng gỗ cứng. Đôi khi, chúng dài đến hơn mười hai mét, có từ hai đến năm phòng, trang bị điều hòa không khí, phòng vệ sinh, phòng tắm và dĩ nhiên là cả tivi. Những bãi mà chúng đậu đôi khi có phong cảnh và trang bị mọi tiện nghi. Tôi trao đổi với những người ở bãi xe, vốn rất nhiệt tình. Nhà di động được kéo đến bãi xe và đưa lên một bệ dốc. Một đường ống thải lớn bằng cao su được bắt vào ở bên dưới, điện

nước được nối vào nhà, và cả gia đình coi như an cư. Nhiều quản lý bãi xe thừa nhận rằng, năm ngoái, cứ bốn căn nhà mới xây trên cả nước thì có một căn là nhà di động. Chủ bãi thu một khoản tiền thuê đất nhỏ cộng với phí điện nước. Điện thoại được nối vào hầu hết các căn nhà này, đơn giản bằng cách cắm dây vào ổ. Đôi khi, bãi xe có cửa hiệu bán đồ tổng hợp, nhưng nếu không thì những siêu thị rải rác khắp đất nước cũng chẳng thiếu gì. Khó khăn về bãi đậu ở thành phố khiến các siêu thị này dời về thôn quê, nơi chúng không phải chịu thuế như ở đô thị. Các bãi xe rơ-móc cũng vậy. Việc các ngôi nhà này có thể di động không có nghĩa là chúng phải di động. Đôi khi, các chủ nhân của chúng ở lại một chỗ hàng năm trời. Họ trồng vườn, xây những vách tường nho nhỏ bằng gạch xi, che bạt lên và đặt bàn ghế ngoài trời. Đó là cả một lối sống mà với tôi là rất mới mẻ. Những căn nhà này không rẻ chút nào, thậm chí còn đắt tiền, xa hoa. Tôi biết có một số căn trị giá đến 20.000 đô-la và có chứa hàng ngàn món đồ, từ máy rửa chén, máy giặt và sấy tự động, tủ lạnh cho đến cả tủ đông.

Các chủ nhân không chỉ sẵn sàng mà còn vui vẻ, hãnh diện giới thiệu cho tôi căn nhà của họ. Các phòng tuy nhỏ nhưng bố trí rất gọn. Mọi thứ đều được tính toán. Những cửa sổ lớn, một số thậm chí còn được gọi là cửa sổ ngắm cảnh, xóa tan mọi cảm giác tù túng. Phòng ngủ và giường nằm đều rộng lớn, còn kho chứa thì không thể tưởng tượng nổi. Tôi có cảm giác đó là cả một cuộc cách mạng về sinh sống, và xu hướng này lại đang tăng nhanh. Tại sao một gia đình lại chọn sống trong ngôi nhà như thế này nhỉ? Thì đó, nó tiện nghi, gọn gàng, dễ lau chùi, dễ sưởi ấm.

Ở Maine: “Sống trong cái chuồng gia súc lạnh lẽo, gió lùa, tôi chán lắm rồi. Tôi chán bị hành hạ bởi những món thuế nho nhỏ, những khoản thanh toán hết thứ này đến thứ nọ. Ngôi nhà di động này ấm cúng dễ chịu và mùa hè thì có máy điều hòa tha hồ mà mát”.

“Thường thì những chủ nhà này có thu nhập cỡ nào nhỉ?”

“Còn tùy, nhưng thu nhập tốt là vào cỡ mười ngàn đến hai chục ngàn đô-la”.

“Công việc không ổn định liệu có liên quan gì đến việc gia tăng nhanh chóng mấy ngôi nhà này không?”

“Ờ thì cũng có thể lắm. Ai biết được ngày mai rồi sẽ như thế nào? Thợ cơ khí, kỹ sư nhà máy, kiến trúc sư, kế toán, và đây đó còn có cả các bác sĩ, nha sĩ sống trong nhà di động nữa đấy. Nếu nhà máy, xí nghiệp đóng cửa thì tài sản sẽ bị kẹt, không bán được. Giả dụ anh chồng có công ăn việc làm, đang trả góp mua một căn nhà rồi sau đó bị mất việc. Nhà của anh ta sẽ tiêu tùng. Nhưng nếu anh ta có căn nhà di động, anh ta có thể thuê dịch vụ kéo và dời đi, và chẳng mất gì cả. Có thể anh ta chẳng bao giờ phải chuyển đi, nhưng nội việc anh ta có thể cũng đủ khiến anh ta thấy thoải mái rồi.”

“Họ trả như thế nào nhỉ?”

“Theo thời gian, giống hệt như thuê xe hơi thôi. Trả tiền thuê ấy mà”.

Và tôi đã phát hiện ra cái hấp lực bán hàng lớn nhất làm mê mẩn hầu như tất cả mọi người Mỹ. Những ngôi nhà di động này được sửa sang hàng năm. Nếu làm tốt, bạn có thể biến ngôi nhà của bạn thành một mô-đen nhà di động mới, cũng y như bạn làm với xe hơi nếu bạn có điều kiện. Chuyện này liên quan đến địa vị. Và giá trị mang đến có thể còn cao hơn giá trị chiếc xe vì luôn có một thị trường sẵn sàng cho các ngôi nhà đã qua sử dụng. Sau vài năm, những ngôi nhà trước đây vốn mắc tiền sẽ đón vào những gia đình nghèo hơn. Chúng rất dễ chăm sóc, chỉ cần sơn lại vì chúng thường bằng nhôm. Và chúng chẳng liên can gì đến việc biến động giá đất.

“Còn trường học thì thế nào?”

Xe đưa rước học sinh đến đón trẻ ngay tại bãi xe rồi đưa chúng về. Xe gia đình đưa người chủ gia đình đến chỗ làm và đưa gia đình đến bãi chiếu phim cho khách ngồi trong xe^[44] vào ban đêm. Đó là một cuộc sống lành mạnh giữa không khí đồng quê. Các khoản thanh toán, dù có cao và bị tính lãi suất, vẫn không thể nhiều hơn so với thuê một căn hộ và chiến đấu với chủ nhà để được sưởi ấm. Liệu có nơi đâu bạn thuê được một căn phòng tầng trệt tiện nghi như thế, có cả chỗ cho xe của bạn ở trước cửa? Liệu có nơi đâu khác mà trẻ em có thể nuôi chó? Hầu như tất cả các ngôi nhà di động đều nuôi chó. Có lẽ Charley đã sướng rơn khi nhận ra điều đó. Tôi đã hai lần được mời dùng bữa trong một ngôi nhà di động, và nhiều lần ngồi xem bóng bầu dục trên tivi. Một người quản lý cho biết, trong lĩnh vực kinh doanh của ông ta, điều đầu tiên cần cân nhắc là tìm mua chỗ nào có tín hiệu truyền hình

tốt. Vì tôi chẳng cần phương tiện gì, chẳng đường nước thải, nước, lẫn điện, nên giá đậu xe qua đêm của tôi chỉ có một đô-la.

Điều gây cho tôi ấn tượng lớn nhất là những cư dân nhà di động không làm gì để ổn định cũng không mong muốn ổn định. Họ mua nhà không phải để dành cho thế hệ mai sau, mà chỉ là trong khi chờ đợi một mô-đen mới vừa với túi tiền của họ. Các ngôi nhà di động không hề giới hạn trong cộng đồng ở bãi xe. Bạn có thể bắt gặp hàng trăm ngôi nhà như thế đang đậu cạnh các ngôi nhà nông trại, và tôi đã được giải thích như sau. Có thời, nhân dịp hôn lễ của con trai, và nông trại được bổ sung một cô vợ và sau này có thêm những đứa con, người ta theo phong tục làm thêm một chái nhà hay ít nhất là một lán nhỏ kề bên ngôi nhà lớn. Giờ đây, trong nhiều trường hợp, nhà di động thế chỗ cho những lán ghép này. Người chủ của nông trại mà tôi đến mua trứng và thịt xông khói nhà làm đã liệt kê cho tôi nghe về những lợi thế của chúng. Mỗi gia đình có được sự riêng tư mà trước đây không hề có. Những cụ già không còn phải điên tiết vì tiếng khóc của em bé. Vấn đề mẹ chồng nàng dâu được xử lý nhờ con dâu có được sự riêng tư mà trước đây không có. Cô ta có được một chốn riêng để dựng lên cấu trúc gia đình của chính mình. Khi họ di chuyển – và hầu hết người Mỹ đều di chuyển – hoặc muốn đi khỏi, họ sẽ không để lại những căn phòng bỏ trống và vô dụng. Quan hệ giữa các thế hệ được cải thiện đáng kể. Người con trai trở thành khách khi anh ta viếng thăm nhà cha mẹ, và cha mẹ cũng là khách khi đến thăm nhà con.

Nhưng có cả những người đơn thân, và tôi cũng đã trò chuyện với họ. Trong khi lái xe, bạn sẽ thấy có những ngôi nhà di động đơn lẻ nằm cao tít trên ngọn đồi để có tầm nhìn rộng. Những nhà di động đơn lẻ khác nằm nép dưới bóng cây bên rìa một con sông hay một chiếc hồ. Những người đơn thân này thuê một mẫu đất nhỏ của chủ đất. Họ chỉ cần một chỗ vừa đủ cho xe đậu và quyền được đi đến chỗ đó. Đôi khi, kẻ đơn thân đào một chiếc giếng hay một hầm phân, trồng một căn vườn nhỏ, nhưng cũng có những người khác chở cả nước đến trong những chiếc thùng dầu hai trăm lít. Một số người đơn thân đã thể hiện sự sáng tạo tuyệt vời ở những nơi mà nguồn

nước nằm cao hơn chỗ đậu xe: họ lấy ống nhựa nối với nguồn nước, dẫn nước về dùng thoải mái.

Vào một trong những bữa ăn tối trong nhà di động mà tôi được mời, thức ăn được nấu trong một căn bếp sạch boong, vách dán gạch nhựa, bồn rửa bằng inox, và bếp lò gắn vào tường. Nhiên liệu sử dụng là bu-tan hay các loại gas đóng chai có thể mua ở bất cứ nơi đâu. Chúng tôi ăn trong một gian ăn lát ván cây dái ngựa. Tôi chưa bao giờ ăn ngon và khoan khoái như thế. Tôi có mang đến một chai whisky để đóng góp, và sau đó chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế sâu thoải mái bọc nệm mút. Gia đình này yêu thích lối sống của họ và không nghĩ sẽ quay về với lối sống cũ. Người chồng là thợ cơ khí ở một ga-ra cách đó hơn sáu cây số và hưởng lương cao. Mỗi sáng, hai đứa con đi bộ ra xa lộ, ở đó một xe đưa rước học sinh màu vàng sẽ đến đón chúng.

Nhắm nháp món rượu pha soda sau bữa ăn, nghe tiếng nước rì rào trong chiếc máy rửa chén chạy điện trong nhà bếp, tôi nêu lên câu hỏi mà tôi hằng thắc mắc. Họ là những người tốt, chín chắn và thông minh. Tôi nói: “Một trong những cảm xúc quý giá nhất của chúng ta là về cội nguồn, sự trưởng thành có cội rễ từ một mảnh đất hay một cộng đồng nào đó”. Họ cảm nghĩ như thế nào khi nuôi dạy những đứa con mà không có những cội rễ? Điều này là tốt hay xấu? Họ có nhớ về cội rễ hay không?

Ông bố – một người điển trai, da trắng trẻo, mắt đen – trả lời tôi, “Thử hỏi ngày nay bao nhiêu người có cái mà ông nói? Cội rễ nào ở trong một căn hộ cao tầng tập tăn tầng thứ mười hai? Cội rễ nào trong các khu nhà chung cư chứa hàng trăm hàng ngàn chỗ ở nhỏ mà nơi nào nơi nấy đều giống hệt nhau? Cha tôi đến từ Ý. Ông ấy lớn lên ở Tuscany, trong một ngôi nhà mà gia đình ông đã sinh sống để đến cả ngàn năm. Cái cội rễ của ông đấy: không nước sạch, không nhà vệ sinh... Và họ nấu nướng bằng than đá hay củi từ cây nho. Họ chỉ có hai căn phòng, một nhà bếp và một phòng ngủ, nơi mọi người đều ngủ chung, ông nội tôi, bố tôi và đám con cái chúng tôi. Chẳng có chỗ nào để đọc sách, để ngồi một mình, và sẽ chẳng bao giờ có nổi. Như vậy có phải là tốt hơn hay không? Tôi dám cá nếu ông để ông cụ nhà tôi lựa chọn thì ông ấy sẽ phang sạch những cội rễ và sống như thế này”.

Anh ta vung tay về phía căn phòng tiện nghi. “Sự thực là ông ấy đã cắt bỏ những cội rễ ấy và đi đến nước Mỹ. Rồi ông ấy sống trong một chung cư ở New York. Chỉ có một phòng, không thang máy, chỉ có nước lạnh và không có lò sưởi. Đó là nơi tôi sinh ra và trải qua tuổi thơ ngoài đường phố, cho đến khi cụ nhà tôi tìm được việc làm cách xa New York, tại một vùng trồng nho. Ông biết đấy, ông ấy sành về nho. Đó là tất cả những gì ông ấy biết. Bây giờ ta hãy xem trường hợp của vợ tôi. Cô ấy là hậu duệ người Ailen. Dân tộc của cô ấy cũng có cội rễ chứ”.

“Trong đầm than bùn”, cô vợ lên tiếng. “Và sống nhờ khoai tây”. Qua cánh cửa, cô ta trồi mồm nhìn căn bếp thơm tất.

“Chẳng lẽ anh chị không khao khát một dạng ổn định nào đó?”

“Ổn định nào ở đây? Nhà máy đóng cửa, người ta phải chuyển đi thôi. Gặp thời làm ăn được, mọi thứ mở ra, người ta cũng di chuyển đến nơi nào tốt hơn. Cứ bám lấy cội rễ thì ngồi đó mà chết đói. Ông cứ xem những người tiên phong trong các sách sử ấy. Họ là những người luôn di chuyển. Họ chiếm đất, bán nó, rồi chuyển đi. Tôi có đọc một cuốn sách kể rằng gia đình Lincoln^[45] đã đến Illinois trên một chiếc bè. Họ có vốn liếng vài thùng whisky để mở một tài khoản ở ngân hàng. Thử hỏi có bao nhiêu đứa trẻ ở Mỹ ở mãi nơi mà chúng được sinh ra, nếu như chúng có điều kiện ra đi?”

“Anh suy nghĩ nhiều về chuyện này nhỉ”.

“Cần gì phải suy nghĩ. Nó hiển nhiên là như thế. Tôi có công ăn việc làm tốt. Khi nào còn xe cộ thì tôi còn việc làm, nhưng giả sử chỗ tôi làm bị dẹp tiệm thì sao? Tôi buộc phải đi đến chỗ nào khác có công việc. Tôi chỉ cần ba phút là có việc. Ông muốn tôi chỉ đi trong vòng ba mươi cây số vì tôi có cội rễ sao?”

Sau đó, họ cho tôi xem các tạp chí chuyên biệt cho các cư dân di động, trong đó có những phóng sự, những bài thơ và những mẹo vặt cho cuộc sống di động. Làm sao ngăn dột. Làm sao chọn một chỗ có nắng hoặc mát mẻ. Và có cả những quảng cáo cho các loại phụ tùng, những thứ rất thú vị để nấu nướng, để lau chùi, để giặt giũ, rồi nào là bàn ghế, giường ngủ, cũi cho em bé. Ngoài ra còn có những ảnh chiếm nguyên trang chụp các mô-đen xe mới, mô-đen sau hoành tráng và bóng lộn hơn mô-đen trước.

“Có đến hàng ngàn kiểu xe mới”, ông bố nói, “và sắp tới sẽ là hàng triệu”.

“Anh Joe anh ấy hay mơ mộng lắm”, cô vợ nói. “Anh ấy cứ tưởng tượng ra mọi thứ. Nói ông ấy nghe các ý tưởng của anh đi, Joe”.

“Ông ấy chẳng quan tâm đâu”.

“Tôi quan tâm chứ”.

“Được thôi, không phải là mơ mộng như cô ấy nói đâu, đó là thật đấy, và tôi sẽ sớm làm việc đó cho coi. Chỉ cần một ít vốn, nhưng sẽ lấy lại nhanh thôi. Tôi đang tìm quanh đây xem có nhà di động cũ nào ưng ý với giá cả vừa túi tiền không. Sau đó tôi dọn dẹp bên trong rồi đưa nó đi sửa. Tôi đã có sẵn gần đủ đồ nghề rồi, và tôi sẽ lắp vào đó những thứ lặt vặt như cần gạt kính chắn gió, cua-roa quạt tản nhiệt, bạc xi-lanh, ruột bánh xe, những thứ đại loại như thế. Cứ tích tiểu thành đại. Một số dân di động có tới hai xe. Tôi sẽ thuê một diện tích chừng ba mươi mét ngay bên cạnh và thế là kinh doanh được rồi. Nói về xe thì hầu như bao giờ cũng có thứ này thứ kia hỏng hóc, cần phải chỉnh sửa. Và tôi sẽ có căn nhà của tôi, căn này sẽ nằm ngay cạnh cửa hàng của tôi. Như vậy, chỉ cần gắn chuông vào là tôi có ngay dịch vụ sửa chữa hai mươi bốn trên hai mươi bốn”.

“Có vẻ được đấy”, tôi nói. Mà đúng vậy thật.

“Điều hay nhất là”, Joe tiếp tục, “nếu kinh doanh thất bại thì cũng chẳng sao, tôi sẽ di chuyển đến nơi nào làm ăn được”.

Cô vợ nói, “Anh Joe anh ấy vẽ ra giấy, tính toán tất tật mọi thứ, đến từng cái cờ-lê, cái khoan, thậm chí cả cái hàn điện. Joe là thợ hàn cừ lắm đấy”.

Tôi nói, “Tôi xin rút lại những điều nói ban nãy. Tôi nghĩ cội rễ của anh chắc là trong ngành kỹ thuật rồi”.

“Ông đã có thể nói tệ hơn. Tôi thậm chí còn hình dung ra. Và ông biết không, khi nào bọn nhỏ lớn lên, chúng tôi thậm chí có thể sẽ đi xuống phía nam vào mùa đông và lên phía bắc vào mùa hè”.

“Anh Joe giỏi nghề lắm”, cô vợ nói. “Ở chỗ làm, anh ấy có nhiều khách hàng ruột. Một số người đi những tám mươi cây số để đến tìm Joe, nhờ anh ấy sửa xe vì anh ấy rất giỏi nghề”.

“Tôi là thợ cơ khí xịn đấy”, Joe nói.

Lái xe trên con đường lớn gần Toledo, tôi có cuộc trò chuyện với Charley về chủ đề cội rễ. Nó lắng nghe nhưng không trả lời. Trong suy nghĩ về cội nguồn, tôi và hầu hết mọi người đều bỏ qua hai điều. Phải chăng người Mỹ là những người không ngơi nghỉ, một dân tộc di động không bao giờ thỏa mãn với nơi họ đang sống, và đó là một vấn đề chọn lọc? Những người tiên phong, những người di cư đã tràn vào lục địa này, là những người không ngơi nghỉ ở châu Âu. Những người bám giữ cội nguồn thì đã ở yên tại nhà mình và vẫn ở đó suốt bao đời nay. Và mỗi người chúng ta – trừ người da đen bị buộc phải đến đây để làm nô lệ – đều là hậu duệ của những người không ngơi nghỉ, những kẻ lang bạt không thỏa chí nếu phải ở nhà. Có phải là bình thường không nếu chúng ta thừa hưởng cái xu hướng đó? Sự thật là chúng ta đã thừa hưởng nó. Nhưng đó là cái nhìn nhỏ hẹp. Cội nguồn là gì và chúng ta đã có nó bao lâu rồi? Nếu loài người chúng ta đã từng tồn tại vài triệu năm thì lịch sử là gì? Những tổ tiên xa xôi của chúng ta cũng theo cuộc chơi đó. Họ di chuyển theo nguồn lương thực, trốn thoát khỏi thời tiết, băng giá và mùa màng thay đổi. Rồi sau nhiều thiên niên kỷ mông muội, họ bắt đầu thuần hóa một số loài vật để họ có thể sống với nguồn lương thực. Do nhu cầu, họ đi theo những vùng đồng cỏ vốn nuôi sống đàn gia súc lang thang bất tận của họ. Chỉ khi nông nghiệp thành hình – và điều này cũng chỉ mới đây thôi nếu so sánh với cả chiều dài của lịch sử – nơi chốn mới trở nên có ý nghĩa, có giá trị, đem lại sự ổn định. Nhưng đất đai là thứ hữu hình, và vì hữu hình mà nó có cách để rơi vào tay một số ít người. Ai đó muốn sở hữu đất đai thì kẻ đó cũng muốn cả sự quy phục vì phải có người để canh tác đất. Cội nguồn nằm ở sự sở hữu đất đai, ở sự cưỡng đoạt hữu hình và không suy suyển. Với cách nhìn đó, chúng ta là một giống loài không ngơi nghỉ với một lịch sử có cội nguồn rất ngắn, và lịch sử ngắn này cũng không ảnh hưởng là bao. Có lẽ chúng ta đã đề cao quá mức cội nguồn do nhu cầu về tâm lý. Có lẽ sự thôi thúc càng lớn thì nhu cầu, ý muốn, sự thèm khát được đến nơi nào khác càng sâu lắng và cổ xưa.

Charley không trả lời giả thiết ấy của tôi. Mà trông nó đúng thật là nhếch nhác. Tôi đã tự hứa với bản thân sẽ thường xuyên chải lông cho nó, để nó được tía tót và đẹp mã, nhưng tôi đã không giữ lời. Lông của nó vón cả lại

và rất bẩn. Chó xù không rụng lông nhiều như cừu. Ban đêm, lúc tôi định xúc tiến vụ chải chuốt danh giá này, tôi luôn mắc bận việc gì đó. Ngoài ra tôi còn phát hiện nó mắc phải một chứng dị ứng hiếm nghèo mà trước đó tôi không biết. Một đêm nọ, tôi đánh xe đến một bãi xe tải, nơi những xe lớn chở gia súc đang đậu để rửa sàn. Quanh bãi là cả núi phân và cả đám mây ruồi. Mặc dù Rocinante đã được đóng chặt cửa nẻo, ruồi vẫn bay được vào hàng đồng, nấp trong những xó xỉnh và không dễ gì mà đuổi ra. Lần đầu tiên tôi lấy ra chiếc bình xịt côn trùng và xịt tứ tung. Charley bị hắt hơi dữ dội và kéo dài, khiến tôi rất cuốc phải bế nó ra ngoài. Đến sáng, trong xe đầy những con ruồi say thuốc nên tôi lại xịt nữa, khiến Charley lại lên cơn hắt hơi. Sau vụ này, mỗi khi bị các vị khách ruồi xâm lấn, tôi luôn đưa Charley ra ngoài rồi xịt thuốc trong nhà hay trên xe cho lũ ruồi chết hết. Tôi chưa từng thấy những cơn dị ứng dữ dội như thế.

Vì từ lâu chưa đến miền Trung Tây nên trong tôi chồng chất lên nhiều ấn tượng khi lái xe đi qua Ohio, Michigan và Illinois. Ấn tượng đầu tiên là sự gia tăng dân số nhanh chóng. Các thôn làng trở thành thị trấn, còn thị trấn thì trở thành đô thị. Các con đường đều nhung nhúc xe. Các đô thị có mật độ dân cư cao đến mức ta luôn phải thận trọng để không tông phải ai và không bị ai tông. Ấn tượng kế tiếp là một thứ điện năng, một sức mạnh, hầu như một dòng năng lượng mạnh đến mức ta sẽ giật bắn người nếu chạm phải. Bất kể theo hướng nào, bất kể là tốt hay xấu, sức sống hùng hực ở khắp nơi. Tôi chưa từng nghĩ, dù chỉ một giây, rằng những người mà tôi gặp và trò chuyện ở New England là thiếu thân thiện hay bất lịch sự, nhưng họ nói năng rất cộc lốc và thường là đợi cho người mới đến mở lời trước. Hầu như chỉ bằng qua biên giới Ohio là tôi đã cảm thấy người dân ở đây cởi mở và xởi lởi hơn. Cô phục vụ ở một quầy hàng ven đường chào hỏi tôi buổi sáng trước cả khi tôi có cơ hội để chào. Cô ta nói về bữa điểm tâm như thể cô ta thích cái ý tưởng ăn sáng, bàn luận rất nhiệt tình về thời tiết, thậm chí còn cung cấp thông tin về chính mình mà chẳng cần tôi tìm hiểu. Những người xa lạ có thể nói chuyện với nhau thoải mái mà không phải giữ kẽ. Tôi đã quên khuấy mất vùng quê nơi đây trù phú và tươi đẹp như thế nào, chỉ nhớ những thửa đất được cày sâu, những cây lớn xum xuê. Xứ hồ Michigan

trông đẹp như một người phụ nữ thon thả, ăn mặc điệu dàng, được tô điểm bởi nữ trang, và có lẽ tính cách người dân nơi đây cũng chịu ảnh hưởng của vùng đất này.

Một trong những mục tiêu của tôi là lắng nghe cách nói, chất giọng, tiết tấu, bội âm, cách nhấn giọng. Bởi lẽ cách nói quan trọng hơn xa từ ngữ và câu cú. Tôi lắng nghe ở khắp nơi. Tôi có cảm giác thổ ngữ nơi đây đang trong quá trình biến mất, chưa biến hẳn nhưng đang. Bốn mươi năm phát thanh và hai mươi năm truyền hình hẳn đã có tác động. Truyền thông hẳn đã hủy diệt tính địa phương trong một quá trình chậm chạp và không thể tránh khỏi. Tôi còn nhớ cái thời mà tôi hầu như nhận ra được quê quán của ai đó chỉ qua giọng nói. Giờ đây, việc này càng lúc càng khó hơn và trong một tương lai thấy trước sẽ trở nên bất khả. Phát âm trên phát thanh và truyền hình trở nên chuẩn mực, có lẽ bằng thứ tiếng Anh nghe hay nhất xưa nay. Hệt như ổ bánh mì của chúng ta, nó được nhào, được nướng, được đóng gói và bán mà không phải ngại ngần bất kỳ sự sơ sẩy nào của con người. Nó ngon một cách đồng bộ và vô vị một cách cũng đồng bộ. Phát âm của chúng ta cũng sẽ trở thành một phát âm duy nhất.

Là người yêu từ ngữ và những khả năng bất tận của ngôn từ, tôi thấy buồn vì cái sự không tránh khỏi này. Vì, cùng với thổ ngữ, phong thái địa phương sẽ biến mất. Những thành ngữ, những sắc thái trong lối nói vốn làm cho ngôn ngữ trở nên giàu có, ngập chất thi ca, đầy ắp những nơi chốn và thời gian... giờ đây phải ra đi. Và thế chỗ cho nó là cách nói quốc gia, được bọc, được gói, được chuẩn hóa... và vô vị. Tính địa phương không mất hẳn, nhưng đang nhạt dần. Tôi đã lắng nghe suốt nhiều năm và thấy sự thay đổi là rất lớn. Di chuyển sang phía tây dọc theo các con đường miền bắc, tôi không nghe thấy một phát âm địa phương thứ thiệt nào cho tới khi đến Montana. Đó là một trong những lý do tôi lại đam si tình Montana. Bờ Tây đã du nhập tiếng Anh đóng gói. Vùng Tây Nam cố bám giữ phát âm địa phương, nhưng chỉ được hơi hơi mà thôi. Dĩ nhiên, Deep South dốc toàn lực để bám giữ những diễn đạt địa phương, giống như nó giữ rịt lấy những nét xưa cũ khác của nó. Nhưng không vùng nào trụ vững lâu dài trước những đường cao tốc, đường cao áp, và truyền hình quốc gia. Cái mà tôi thương

tiếc có lẽ chẳng đáng để gìn giữ, như tôi vẫn thấy tiếc nuôi khi nó đã mất đi vĩnh viễn.

Trong khi tôi chống lại các dây chuyền lắp ráp hàng loạt áp dụng cho thực phẩm, cho âm nhạc, cho ngôn ngữ và thậm chí cả cho tâm hồn chúng ta, tôi vẫn biết có một nơi hiếm hoi nào đó đang làm ra những ổ bánh mì thơm ngon của những ngày xa xưa. Món ăn mẹ nấu thường rất hiếm khi dở. Đó là thứ sữa không khử trùng, chỉ duy nhất bị chạm vào bởi ruồi và một chút ít phân lúc nhúc vi khuẩn. Cuộc sống lành mạnh theo lối xưa luôn ẩn chứa những cơn đau nhức, những cái chết đột ngột không rõ nguyên do, và cái thổ ngữ tôi thương tiếc thật ra là con đẻ của sự thất học và kém hiểu biết. Khi người ta già đi – với thời gian, điều này cũng chóng vánh thôi – lẽ tự nhiên người ta hay phản đối những thay đổi, đặc biệt là những thay đổi để tốt hơn lên. Nhưng sự thực là chúng ta đã đánh đổi sự đói khát lấy sự béo phì, và cả hai thứ này đều giết chết chúng ta. Những ranh giới của sự thay đổi đã hạ thấp. Chúng ta, hay ít ra là tôi, có lẽ chẳng có ý niệm nào về cuộc sống và suy nghĩ của con người trong suốt một trăm năm hay năm mươi năm. Có lẽ sự khôn ngoan lớn nhất của tôi là tôi biết rằng mình chẳng biết gì cả. Những kẻ đáng thương là những kẻ hoài công níu giữ, bởi lẽ họ chỉ có thể cảm nhận nỗi cay đắng của mất mát và không biết đến niềm vui của những gì đạt được.

Khi tôi đi ngang qua hoặc ở gần những trung tâm sản xuất huyện náo – Youngstown, Cleveland, Akron, Toledo, Pontiac, Flint, và sau này là South Bend và Gary – cả đôi mắt lẫn tâm trí tôi bị tràn ngập bởi sự kỳ vĩ và sinh lực của nền sản xuất, một phức hợp giống như sự hỗn loạn và cũng không thể nào là như thế. Cũng giống như khi ta nhìn xuống một tổ kiến và nhận thấy chẳng có phương pháp, hướng đi, hay mục tiêu nào trong những cư dân đang lao đi vội vã. Thật tuyệt vời biết mấy nếu như tôi lại ra được con đường quê yên ảng rợp bóng cây, với những cánh đồng và đàn bò khuôn trong bờ rào. Và tôi có thể đưa Rocinante đến bên một chiếc hồ nước sạch, trong veo, dõi mắt tít lên cao để ngắm nhìn những đàn vịt và ngỗng đang bay thành hình mũi tên, hướng về phương Nam. Nơi đó Charley có thể dùng chiếc mũi thám thính nhạy cảm để đọc thứ văn chương của riêng nó trong

bụi cỏ, gốc cây, và để lại đó những thông điệp của nó, mà có lẽ trong thời gian bất tận cũng quan trọng chẳng kém tiếng sột soạt của cây viết khi tôi ghi chép trên những tờ giấy dễ hủy. Ở đó, trong sự yên tĩnh, với những cơn gió làm xào xạc những cành cây và làm lăn tăn tấm gương mặt nước, tôi nấu những bữa ăn phi thực trong chiếc chảo nhôm dùng một lần, pha món cà phê đậm đà và ngon bổ đến mức gây hưng phấn. Và, ngồi trên bệ cửa sau, tôi rất cuộc có thể đến được những suy nghĩ về những điều đã thấy, cố gắng sắp xếp lại một vài lối tư duy để thích ứng với đây ắp những điều đã thấy và nghe.

Tôi sẽ kể bạn nghe nó là như thế nào. Đến bảo tàng Uffizi ở Florence hay bảo tàng Louvre ở Paris, bạn sẽ thấy mình bị đè bẹp bởi số lượng, vốn từng là sức mạnh của sự vĩ đại, đến mức bạn sẽ ra về trong sầu não, với cảm giác như mình bị táo bón. Và rồi, khi bạn một mình và nhớ lại, những bức tranh sơn dầu tự chúng sẽ hiện ra. Một số bị gạt đi do gu thẩm mỹ hoặc do những hạn chế của bạn, nhưng số khác sẽ bật dậy, hiện lên rõ mồn một. Rồi bạn trở lại để ngắm nghía chỉ một thứ duy nhất, không hề bị quấy nhiễu bởi tiếng hét của số đông. Sau một hồi hỗn độn, tôi có thể đến bảo tàng Prado ở Madrid, băng qua mà không thềm để mắt đến hàng ngàn bức họa đang hét vào tôi để lôi kéo sự chú ý, và đi thẳng đến người bạn của tôi – bức tranh không lớn lắm của El Greco: *San Pablo con un Libro*. Thánh Paul đóng lại một cuốn sách. Các ngón tay của ông còn để lại dấu vết trang cuối cùng vừa đọc, và khuôn mặt ông vẫn đọng lại nỗi thắc mắc mà ông sẽ phải tìm hiểu sau khi đóng sách lại. Có thể sự thông hiểu chỉ diễn ra sau đó. Nhiều năm trước đây, khi tôi còn hay làm việc ở trong rừng, người ta nói rằng những người thợ rừng đốn cây trong nhà thổ và làm tình ở trong rừng. Cho nên tôi phải tìm đường vượt qua những dây chuyền sản xuất đang bùng nổ ở Trung Tây trong khi đang ngồi một mình bên bờ hồ ở phía bắc Michigan.

Giữa lúc tôi đang ngồi bình yên trong tĩnh lặng, một chiếc jeep thẳng kít trên mặt đường và Charley giới giang liền làm việc của nó, cất lên một tiếng rống. Một chàng trai mang giày ống, quần nhung, áo khoác dạ ca-rô đỏ và đen, bước ra và rải những bước dài tiến lại gần. Anh ta nói bằng một giọng

gay gắt, thiếu thân thiện mà cánh đàn ông vẫn thường dùng khi miễn cưỡng phải làm điều gì.

“Ông không biết đất ở đây bị cấm à? Đây là tài sản tư nhân”.

Thông thường thì giọng điệu của anh ta sẽ làm tôi nổi cáu. Tôi sẽ nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp và anh ta sẽ có cơ để trục xuất tôi với sự hài lòng đã làm việc đúng đắn. Chúng tôi có thể sẽ sa vào một cuộc cãi vã hăng máu và dữ dội. Điều đó là lẽ thường, chỉ có điều là cái đẹp và sự yên tĩnh đã khiến tôi chậm đáp trả bằng sự hằn học, và trong khi lưỡng lự tôi đánh mất luôn sự hằn học đó. Tôi nói, “Tôi cũng đoán đây là đất tư. Tôi đang định tìm ai đó để xin phép hay nếu được thì xin trả tiền để nghỉ lại nơi đây”.

“Ông chủ không thích những người cắm trại. Họ xả rác và nhóm lửa lung tung cả lên”.

“Chả trách ông ta. Tôi biết họ gây hỗn độn như thế nào”.

“Ông thấy cái tấm biển trên cây này chưa? Cấm vào, cấm săn bắn, cấm câu cá, cấm cắm trại”.

“Được thôi”, tôi nói, “nghe có vẻ dứt khoát đấy. Nếu công việc của anh là tổng cổ tôi ra thì anh cứ việc tổng cổ tôi. Tôi sẽ ra đi trong hòa bình. Nhưng tôi mới vừa pha xong một bình cà phê. Anh nghĩ chủ của anh có phiền hà gì không nếu tôi uống xong rồi mới đi? Anh vui lòng uống với tôi một tách nhé? Như vậy anh sẽ đuổi được tôi nhanh hơn”.

Chàng trai nhăn mặt lại. “Quý tha ma bắt!”, anh ta nói. “Ông không được nhóm lửa và không được xả rác đấy”.

“Tôi còn đang làm tệ hơn thế. Tôi đang cố hối lộ anh bằng một tách cà phê. Và cả điều này cũng tệ hơn thế: tôi đang đề nghị bỏ một chút Old Granddad^[46] vào cà phê đấy”.

Chàng trai phì cười. “Quý tha ma bắt!” anh ta nói. “Để tôi lui chiếc jeep ra khỏi đường cái đã”.

Thế đấy, toàn bộ kịch bản cũ đã đổ vỡ. Anh ta ngồi xếp bằng trên đám lá thông và nhâm nhi tách cà phê của anh ta. Charley đến đánh hơi và để cho anh ta chạm vào, đó là điều hiếm thấy ở Charley. Nếu là chỗ nào khác thì nó chả bao giờ cho người lạ chạm vào nó. Nhưng các ngón tay của anh chàng

này đã tìm đến đúng cái chỗ phía sau tai mà Charley rất khoái được gãi. Cho nên nó hài lòng thở hắt ra và ngồi xuống.

“Ông làm gì, định đi săn hả? Tôi có thấy mấy cây súng trên xe ông”.

“Chỉ lái xe qua thôi. Anh biết đấy, anh mà thấy một nơi trông rất ổn và anh đã thấm mệt, tôi nghĩ là anh cũng sẽ dừng lại thôi”.

“Ờ”, anh ta nói. “Tôi hiểu ý ông. Ông có cái xe cũng ngon đấy”.

“Tôi thích nó, và Charley cũng thích”.

“Charley à? Chưa từng nghe con chó nào tên Charley. Chào Charley”.

“Tôi không muốn anh gặp rắc rối với ông chủ. Anh nghĩ tôi cuốn xéo được chưa?”

“Quý tha ma bắt!”, anh ta nói. “Ông ta không có đây. Tôi là người quyết định. Ông đâu có làm hại gì”.

“Tôi đang xâm nhập mà”.

“Ông biết không? Fella cắm trại ở đây, một thằng cha gàn dở. Cho nên tôi đến để tổng cổ hẩn đi. Hẩn nói nghe mắc cười. Hẩn nói, “Xâm nhập không phải là tội mà chỉ là một lỗi nhỏ thôi”. Hẩn nói đó là một lỗi lầm. Nói vậy là thế quái gì? Thằng cha đó đúng là gàn dở”.

“Anh khám xét tôi đi”, tôi nói, “Tôi không gàn dở đâu. Để tôi đun cà phê cho anh đã”. Tôi hâm lại cà phê.

“Ông pha cà phê ngon thật đó”, vị khách của tôi nói.

“Trước khi trời quá tối tôi phải tìm ra nơi nào để đậu xe. Anh có biết chỗ nào dọc đường người ta cho phép tôi ở qua đêm không?”

“Nếu ông đánh xe ra sau các cây thông thì từ ngoài đường sẽ chẳng ai thấy ông”.

“Nhưng như vậy là tôi phạm lỗi”.

“Ừ. Cầu Chúa cho tôi hiểu từ ấy nghĩa là gì”.

Anh ta lên xe jeep dẫn đường cho tôi, giúp tôi tìm một nơi bằng phẳng trong rừng thông. Sau khi trời tối anh ta vào thăm Rocinante và rất khâm phục các trang bị của nó. Chúng tôi cùng uống whisky với nhau, có một cuộc thăm viếng tốt và trao đổi với nhau về tình hình cuộc sống và công việc. Tôi cho anh ta xem vài lưỡi câu và mồi giả mà tôi mua ở Abercrombie và Fitch, rồi tặng anh ta một chiếc. Tôi cũng tặng anh ta một số sách truyện

kinh dị mà tôi đã đọc xong, trong đó dày đặc chuyện tình dục và bạo dâm, và tặng luôn cuốn *Field and Stream* (Đồng và suối). Đổi lại, anh ta mời tôi ở lại bao lâu cũng được. Anh ta bảo sẽ trở lại ngày mai và chúng tôi sẽ câu cá một chút. Tôi nhận lời ở lại ít nhất một ngày. Thật là dễ chịu khi có bạn bè. Ngoài ra, tôi cũng cần chút thời gian để suy nghĩ về những thứ tôi đã thấy, những xí nghiệp và nhà máy khổng lồ cùng với sự nhốn nháo của nền sản xuất.

Anh chàng bảo vệ hồ là một gã cô đơn, và anh ta càng cô đơn hơn vì đã lấy vợ. Anh ta cho tôi xem ảnh cô vợ bọc nhựa cất trong bóp. Một cô gái tóc vàng xinh xắn đang cố hết sức để giống các ảnh trên tạp chí, một cô gái của hàng hóa, của những thứ gia dụng, dầu gội đầu, dầu xả, kem dưỡng da. Cô ta ghét đi đến những nơi mà cô ta gọi là “khỉ ho cò gáy”, luôn nhung nhớ quãng đời huy hoàng ở Toledo hay South Bend. Bạn đồng hành duy nhất của cô ta là những trang giấy bóng lộn của tạp chí *Charm and Glamour* (Duyên dáng và quyến rũ). Có những lúc, cô ta hờn dỗi muốn hướng tới con đường của thành công. Chồng của cô phải có việc làm trong một tổ chức lớn, tân tiến, có cái tên nghe thật oách, và sau đó họ sẽ mãi hạnh phúc ở bên nhau. Tất cả những điều này được lượm lặt từ những thổ lộ nho nhỏ, không trực tiếp, trong cuộc trò chuyện của anh ta. Cô ta biết đích xác mình muốn gì, còn anh ta thì không. Nhưng điều anh ta muốn thì có thể khiến anh ta đau đớn suốt cả cuộc đời. Sau khi anh ta lên xe jeep ra về, tôi đã thử sống cuộc đời của anh ta và điều đó phủ lên tôi một màn sương tuyệt vọng. Anh ta muốn cô vợ nhỏ xinh xinh và anh ta cũng muốn cả thứ khác, nhưng anh ta không thể nào có cả hai.

Charley có một giấc mơ rất dữ, khiến tôi phải thức giấc. Chân của nó khua khoảng giống như động tác chạy, và nó khẽ thốt ra những tiếng kêu ăng ăng. Có lẽ nó mơ thấy đang đuổi theo một con thỏ khổng lồ mà không sao bắt được. Hay có lẽ trong mơ có thứ gì đó đang rượt nó. Với giả thiết thứ hai, tôi đưa tay ra đánh thức nó dậy, nhưng giấc mơ hẳn là rất dữ. Nó gừ gừ như nói chuyện với chính mình hay kêu ca gì đó. Nó uống hết nửa tô nước rồi mới chịu ngủ lại.

Anh chàng bảo vệ trở lại ngay sau khi mặt trời lên. Anh ta mang theo một cần câu và tôi cũng lấy cần của mình ra lắp tang quay rồi đeo mắt kính vào để gắn con mồi giả màu sắc sỡ. Sợi dây câu ni-lông trong suốt, người ta nói là để cá không nhìn thấy, và nó cũng trong suốt với tôi nếu không có mắt kính.

Tôi nói, “Anh biết đấy, tôi không có giấy phép câu cá”.

“Quý tha ma bắt”, anh ta nói. “Nhưng chắc gì đã câu được cá đâu mà lo”.

Và anh ta nói đúng, chúng tôi chẳng câu được con nào.

Chúng tôi đi một quãng rồi quãng đây, rồi lại đi, làm tất cả những gì chúng tôi biết để lôi kéo sự chú ý của bọn cá vược hay cá măng. Anh bạn của tôi luôn miệng nói: “Chúng ở ngay dưới đó, chỉ cần chúng ta truyền được tín hiệu đến chúng”. Nhưng chúng tôi chẳng làm sao truyền được cả. Nếu chúng ở dưới đó thì chúng vẫn cứ ở dưới đó. Một số đáng kể những lần đi câu cá của tôi diễn ra giống thế này, nhưng tôi vẫn cứ thích đi câu. Mong muốn của tôi rất giản dị. Tôi chẳng thiết gì theo đuổi cái biểu tượng khổng lồ của số phận và chứng tỏ sự cương nghị của tôi trong cuộc chiến ngoan cường với cá. Nhưng đôi lúc tôi cũng thích có vài chú cá với kích cỡ vừa vặn với chiếc chảo rán chịu hợp tác. Đến trưa, tôi từ chối lời mời dùng bữa tối và gặp gỡ cô vợ. Tôi ngày càng nôn nóng muốn gặp lại cô vợ của chính tôi, cho nên tôi cũng gấp rút hơn.

Có một thời, cũng chẳng lâu la gì lắm, khi đàn ông đi biển và biệt tích trong hai ba năm hoặc vĩnh viễn. Và khi những cỗ xe ngựa bước vào cuộc hành trình xuyên lục địa, bạn bè và thân nhân ở lại nhà có thể chẳng bao giờ còn nghe được tin tức gì từ những kẻ lang bạt. Cuộc sống vẫn tiếp diễn, các vấn đề rồi cũng được giải quyết, các quyết định được đưa ra. Ngay cả tôi cũng còn nhớ cái thời mà một bức điện tín chỉ mang một ý nghĩa: cái chết của một người trong gia đình. Trong thời gian ngắn ngủi một đời người, điện thoại đã làm thay đổi tất cả. Nếu như trong bản tường thuật lan man này tôi có vẻ như đã cắt đứt mối liên hệ với những buồn vui gia đình, đến món nợ quá hạn của con trai và chiếc răng mới mọc của cháu trai, đến những thành tựu và khó khăn trong kinh doanh, thì thật ra không phải là như vậy. Ba lần mỗi tuần, từ một quán bar hay siêu thị hay một trạm vá xăm lõp nào đó, tôi

vẫn gọi điện thoại về New York và tái lập lại danh tính của mình trong cả thời gian lẫn không gian. Trong ba hoặc bốn phút tôi lại có cái tên, có những bốn phận, có niềm vui nỗi buồn mà một người đàn ông luôn mang theo mình như chiếc đuôi sao chổi. Điều đó cũng giống như dao động từ chiều kích này sang chiều kích khác, một cú nổ yên ắng phá tan chiếc hàng rào âm thanh, một thể nghiệm kỳ lạ giống như cú lặn nhanh vào vùng nước vừa quen thuộc mà cũng vừa xa lạ.

Chúng tôi hẹn nhau rằng, vào giữa cuộc hành trình, vợ tôi sẽ bay đến Chicago để gặp tôi trong một thời gian ngắn. Trong hai giờ đồng hồ, ít ra là trên lý thuyết, cô ấy sẽ băng qua một múi giờ của trái đất mà tôi phải mất nhiều tuần lễ lê lét để vượt qua. Tôi trở nên sốt ruột, bám dính vào những con đường có thu phí khổng lồ giăng ngang biên giới phía bắc của Indiana, đi bọc qua Elkhart, South Bend và Gary. Tính chất của con đường nói lên tính chất của cuộc hành trình. Độ thẳng của đường đi, độ nhanh của giao thông, sự không suy suyển của tốc độ, tất cả đều như trong mộng du. Và khi các dặm đường lùi xa thì sự kiệt quệ ngấm ngấm lại ập tới. Đêm và ngày chỉ là một. Mặt trời lặn không hề là sự mời mọc hay mệnh lệnh để dừng xe, bởi lẽ giao thông cứ đều đều tiếp diễn.

Đến rất khuya, tôi mới dong xe vào một khu vực nghỉ ngơi, ăn món hamburger tại một quầy ăn uống tuyệt vời không bao giờ đóng cửa, rồi đi bộ cùng Charley trên thảm cỏ mới xén. Tôi ngủ được một giờ và thức dậy rất lâu trước khi trời sáng. Tôi có mua mấy bộ đồ thành thị, áo vét, sơ-mi, giày, nhưng lại quên mang va-li để đưa chúng từ xe ra phòng khách sạn. Thật ra, tôi không biết phải cất va-li ở đâu trên xe. Trong một chiếc thùng rác dưới ngọn đèn đường hồ quang, tôi tìm thấy một hộp các-tông dọn sạch còn sạch sẽ. Tôi dùng nó để gói ghém những bộ đồ thành thị của mình. Tôi lấy mấy tấm bản đồ bọc các áo sơ-mi và dùng dây câu cá cột chiếc hộp các-tông.

Biết mình dễ bị hoảng khi nghe tiếng xe cộ gầm rú, tôi lên đường đến Chicago từ khá lâu trước trời sáng. Tôi muốn đến sớm Ambassador East, nơi tôi đã đặt phòng trước, nhưng dù tính toán kỹ như thế, tôi rốt cuộc vẫn bị lạc. Cuối cùng, trong một cơn bột phát của óc sáng tạo, tôi thuê một chiếc ta-xi chuyên chạy đêm để dẫn đường cho tôi. Và tôi khá chắc chắn rằng tôi

đã chỉ vượt qua khách sạn một đoạn không xa lắm. Không biết người gác cổng và người khuân hành lý có nhận thấy phương cách du lịch dị thường của tôi không, nhưng họ chẳng thể hiện điều gì cả. Tôi trao lại bộ đồ vét trong móc, đôi giày trong túi áo đi sẵn, các sơ-mi trong lớp bọc gọn ghẽ bằng những tấm bản đồ đường xá New England. Rocinante đã được đưa đến một nhà xe để cất giữ. Charley thì phải đến một chuồng chó để nhốt, để tắm rửa và chải chuốt. Ở cái tuổi của nó, Charley vẫn là một con chó điệu dàng, rất thích được làm đẹp, nhưng khi nó nhận ra mình bị bỏ lại Chicago, sự vững tin thường ngày của nó bị sụp đổ và nó đã rống lên giận dữ và tuyệt vọng. Tôi bưng tai, đi thẳng một lèo về khách sạn.

Tôi nghĩ mình được nhiều người biết đến và yêu quý ở Ambassador East, nhưng điều đó sẽ chẳng đúng nữa nếu tôi xuất hiện trong bộ đồ đi sẵn nhàu nát, râu ria lờm chờm, mình mẩy phủ bụi đường và đôi mắt lơ dờ vì lái xe gần suốt đêm. Đã hẳn là tôi đặt được phòng, nhưng từ đây đến trưa chưa chắc phòng đã trống. Lập trường của khách sạn được giải thích cho tôi một cách cặn kẽ. Tôi hiểu và chẳng chấp người quản lý. Lập trường của chính tôi là tôi muốn được tắm tấp và có chiếc giường để ngủ, nhưng vì chuyện đó là bất khả thi, tôi chỉ còn nước ngồi một đồng trên chiếc ghế ở sảnh đợi và đánh một giấc cho đến khi có phòng.

Tôi thấy sự lúng túng trong ánh mắt người đàn ông ở quầy tiếp tân. Thậm chí tôi biết mình chẳng là niềm vinh dự cho cái tòa nhà lịch lãm, mắc tiền và dễ chịu này. Ông ta ra dấu cho người trợ lý, có lẽ bằng thần giao cách cảm, và cùng với nhau chúng tôi đã tìm ra được giải pháp. Một quý ông vừa trả phòng để đón một chuyến bay sớm. Phòng ông ta chưa được dọn, nhưng tôi sẵn sàng sử dụng nó cho đến khi có được phòng của mình. Thế là vấn đề đã được giải quyết bằng sự thông minh và kiên nhẫn, và mỗi bên đều có được điều mình muốn: tôi có cơ hội để tắm tấp nước nóng và ngủ nghê, còn khách sạn thì tránh được cái rủi ro phải chịu đựng tôi trong sảnh đợi.

Căn phòng còn nguyên vẹn từ khi người thuê cũ rời đi. Tôi thả mình lên chiếc ghế êm ái để tháo giày, thậm chí đã tháo được một chiếc trước cả khi kịp ngồi. Tôi bắt đầu để ý đến nhiều thứ, rồi nhiều hơn, nhiều hơn nữa.

Trong một thời gian ngắn đến bất ngờ, tôi quên cả việc tắm rửa, ngủ nghỉ và thấy mình đang can dự sâu vào câu chuyện của chàng Harry Cô độc.

Một con thú ngửi ngời hoặc đi ngang qua sẽ để lại đám cỏ dập nát, dấu chân, và có thể cả những chất thải của nó. Một người ngụ trong căn phòng trong một đêm cũng để lại những dấu vết về tính cách, tiểu sử, những chuyện gần đây, và đôi khi cả những kế hoạch và hy vọng tương lai. Tôi thậm chí còn tin rằng tính cách con người có thể ngấm vào tường rồi từ từ nhả ra. Điều này giải thích chuyện ma quỷ hiện hình cũng rất ổn. Mặc dù tôi có thể kết luận sai, tôi vẫn thấy mình khá nhạy cảm với các dấu vết của người. Hơn nữa, tôi chẳng ngại ngùng gì khi thú nhận rằng tôi cũng là một Peeping Tom bất trị. Tôi chưa bao giờ đi qua một cánh cửa sổ lộ thiên mà không dỗi mắt vào nhìn, chưa bao giờ bưng tai trước một cuộc đối thoại chẳng can hệ gì đến tôi. Tôi có thể bào chữa hay thậm chí tự nâng lên ý nghĩa cao cả bằng cách viện dẫn rằng công việc của tôi đòi hỏi phải am hiểu người đời, nhưng tôi e rằng đó đơn giản chỉ là vì tôi tọc mạch.

Khi ngồi trong căn phòng chưa dọn này, Harry Cô độc bắt đầu hiện lên, cả hình hài lẫn kích cỡ. Tôi có thể cảm nhận một vị khách vừa rời đi qua từng mẫu, từng mảnh của anh ta mà anh ta bỏ lại ở phía sau. Dĩ nhiên, Charley cũng có thể biết được thậm chí còn hơn thế, ngay cả với chiếc mũi không hoàn hảo của nó. Nhưng Charley đang ở trong chuồng chó, chuẩn bị được đưa đi chải chuốt. Dù vậy, Harry cũng rất thật với tôi như bất cứ người nào tôi từng gặp, thậm chí còn thật hơn nhiều người. Anh ta không đặc sắc, kỳ thực là thành viên của một nhóm khá lớn. Cho nên anh ta trở thành đối tượng quan tâm của mọi cuộc thăm dò ở nước Mỹ. Trước khi tôi ghép từng mảnh miếng của anh ta lại khiến một số người phải lo lắng, hãy để tôi công bố rằng tên thật của anh ta không phải là Harry. Anh ta sống ở Westport, Connecticut. Thông tin này được lấy từ biên lai giặt giũ những chiếc áo sơ-mi. Đàn ông thường sống nơi đâu có thể đưa quần áo đi giặt. Tôi chỉ phân vân không rõ anh ta có dùng phương tiện công cộng để đi làm ở New York hay không. Chuyến đi đến Chicago của anh ta chủ yếu là vì lý do kinh doanh, xen lẫn vào đó là vài hoạt động vui vẻ truyền thống. Tôi biết tên anh ta vì anh ta ký tên một vài lần ở quầy khách sạn, mỗi chữ ký có độ nghiêng

hơi khác nhau. Điều này chỉ ra rằng anh ta không tự tin lắm về bản thân trong thế giới kinh doanh, nhưng cũng còn nhiều vết tích khác nói lên điều này.

Anh ta đã bắt đầu một bức thư viết cho vợ, nhưng nó đã kết thúc trong sọt rác. “Em yêu. Mọi thứ đều rất ổn. Anh đã gọi cho dì em nhưng không thấy trả lời. Giá có em ở đây với anh thì tốt biết mấy. Anh thấy rất cô đơn ở thị trấn này. Em quên bỏ theo khay măng-sét cho anh rồi. Anh đã mua một cặp rẻ tiền ở Marshall Field. Anh đang viết thư trong khi chờ C.E. gọi đến. Hy vọng anh ta mang theo hợp...”

Thật may mà Em yêu không theo cùng để Chicago bớt cô đơn với Harry. Vị khách của anh ta không phải là C.E., cầm theo bản hợp đồng. Cô gái ấy tóc nâu và bôi son rất lợt – Những mẫu tàn thuốc lá trong gạt tàn và mép ly rượu soda. Họ uống loại Jack Daniel’s, hết nguyên chai – chiếc chai rỗng, sáu chai soda và một chiếc xô đựng đá. Cô ta dùng nước hoa rất nồng và không ở lại qua đêm – Chiếc gối thứ hai được sử dụng nhưng không phải để ngủ, ngoài ra không có dấu son trên khăn giấy trong sọt rác. Chẳng hiểu sao, tôi thích gọi tên cô ta là Lucille. Có lẽ đó từng và đang là tên cô ta. Cô ta là một người bạn gái hơi căng thẳng – hút những điếu thuốc đầu lọc của Harry nhưng chỉ hút chừng một phần ba điếu thuốc là dập đi và châm điếu mới, và cô ta không bỏ điếu thuốc xuống mà dúm, mà chà nát đầu thuốc. Lucille đội một chiếc nón be bé, gài bằng những chiếc lược. Một trong những chiếc lược này đã bị bung ra. Điều đó, cùng với chiếc kẹp tóc cạnh giường, nói với tôi rằng Lucille là một cô gái tóc nâu. Tôi không biết Lucille có phải là dân chuyên nghiệp hay không, nhưng ít ra cô ta rất thành thực. Cô ta có một phẩm chất kinh doanh khá tốt, không để lại phía sau quá nhiều dấu vết giống như dân nghiệp dư. Ngoài ra, cô ta không dễ bị say. Ly cô ta tuy có cạn thật nhưng chiếc bình cắm hoa hồng nhung – nhờ sự ý tứ của ban quản lý khách sạn – có phảng phất mùi Jack Daniel’s, và điều này chẳng tốt lắm cho những đóa hồng.

Tôi tự hỏi chẳng biết Harry và Lucille tâm sự gì với nhau. Tôi tự hỏi chẳng biết cô ta có làm Harry bớt cô đơn. Tôi thấy nghi ngờ điều đó. Tôi nghĩ cả hai người đã làm những việc mà họ được trông đợi phải làm. Harry

lẽ ra không nên nốc nhiều như thế. Bao tử anh ta không kham nổi – những vị thuốc bao tử trong sọt rác. Tôi đoán ngành kinh doanh của anh ta chắc là rất nhạy cảm và có hại cho bao tử. Harry Cô độc hẳn đã uống nốt chai rượu sau khi Lucille ra về. Anh ta đã bị một cơn khó ở – hai ống Bromo Seltzer^[47] trong phòng tắm.

Có ba điều ám ảnh tôi về Harry Cô độc. Thứ nhất, tôi nghĩ anh ta cũng chẳng vui vẻ gì; thứ hai, tôi nghĩ anh ta thực sự cô đơn, có khi đã đến tình trạng mãn tính mất rồi; thứ ba, anh ta không làm bất kỳ điều gì mà không thể dự đoán trước: không đập bể chiếc ly hay tấm gương, không có hành động bạo lực nào, không để lại dấu vết vật chất nào của sự vui thú. Tôi đã đi tập tễnh quanh phòng với chỉ một bên giày được tháo, để tìm hiểu về Harry. Tôi thậm chí còn xem xét dưới gầm giường và trong tủ áo. Anh ta thậm chí còn không bỏ quên chiếc cà-vạt. Tôi cảm thấy buồn cho Harry.

PHẦN BA

Chicago là một trạm nghỉ ngơi trong cuộc hành trình của tôi, nơi tôi lấy lại tên tuổi, danh tính và tình trạng hôn nhân hạnh phúc của mình. Vợ tôi bay sang từ phía đông cho cuộc gặp gỡ ngắn ngủi này. Tôi thấy hân hoan trước sự thay đổi, trở về với cuộc sống cũ, quen thuộc và đáng tin cậy. Nhưng ở đây tôi lại rơi vào một khó khăn văn chương.

Chicago làm gián đoạn tính liên tục của tôi. Điều đó là có thể được trong đời sống, nhưng không thể được trong viết lách. Cho nên tôi bỏ Chicago lại, vì nó ở ngoài luồng, ở ngoài bức tranh. Trong hành trình của tôi, nó là điều tốt và dễ chịu, nhưng trong viết lách nó chỉ tạo ra một sự không thống nhất.

Khi nào thời gian đó qua đi và những lời từ biệt được nói xong, tôi sẽ lại phải trở về với nỗi cô đơn lạc lõng cũ, và lần đi này cũng sẽ đau đớn chẳng kém gì lần đầu. Có vẻ như chẳng có liều thuốc nào chữa được chứng cô đơn, ngoại trừ chính nỗi cô đơn.

Tâm trạng Charley như bị xé làm ba: giận tôi vì đã bỏ nó lại, mừng rỡ khi trông thấy Rocinante, và thuần túy tự hào về bề ngoài của nó. Bởi lẽ khi Charley được tắm rửa, chải chuốt thì nó cũng hài lòng chẳng khác gì người đàn ông mặc bộ đồ ưng ý hay người phụ nữ vừa được làm đẹp ở một thẩm mỹ viện, tất cả những người này có thể tin rằng họ chắc chắn trông như thế. Những cẳng chân được chải chuốt của Charley trông rất ư là quý phái, bộ lông màu xanh bạc của nó trông rất phóng đảng, và nó mang cái chòm lông đuôi của mình giống như chiếc gậy của người chỉ huy ban nhạc. Bộ ria mép được chải chuốt cho nó cái vẻ bề ngoài lẫn phong cách của một tay chơi Pháp thế kỷ mười chín, và cũng tình cờ giấu đi chiếc răng cửa bị gãy của nó. Tôi đã biết nó trông thế nào nếu không có sự chăm chút này. Một mùa hè, khi lông của nó bắt đầu rơi và mọc, tôi xén lông cho nó sát đến tận da. Phía trên bốn cẳng chân cứng cáp cao như tháp là phần lông bị xén mỏng, cụt lùn

và không thẳng thớm gì cho lắm. Phần cổ và ngực bị xén làm lộ ra cái bụng nhão của tuổi trung niên. Chẳng biết Charley có ý thức được sự bất tương xứng cực cùng đó hay không, nhưng nó chẳng biểu lộ điều gì cả. Nếu như phong thái tạo nên con người thì phong thái và sự chải chuốt tạo nên con chó xù. Nó ngồi thẳng, vẻ quý phái, trên chiếc ghế bên trong Rocinante, và nó làm cho tôi hiểu rằng mặc dù sự tha thứ không phải là không thể, nhưng tôi phải làm sao đó mới có được điều ấy.

Nó là một tay gian xảo và tôi biết điều đó. Có lần, hồi các con trai của tôi còn bé, chúng tôi đã thực hiện chuyến viếng thăm tai hại của phụ huynh đến trại hè. Khi chúng tôi chuẩn bị về, một phụ huynh nói với chúng tôi rằng cô ta phải về gấp để đưa con không lên cơn khóc lóc. Với đôi môi can trường nhưng run rẩy, cô ta quờ quạng chuồn đi, che giấu cảm xúc của mình nhân danh việc cứu đứa bé. Cậu bé nhìn mẹ đi, rồi với sự nhẹ nhõm bất tận, nó trở lại với băng nhóm và cuộc chơi của nó, biết rằng chính bản thân nó cũng đã đóng kịch. Và tôi biết rõ rằng, chỉ năm phút sau khi tôi đi khuất, Charley đã tìm được những người bạn mới và đã có những dàn xếp thuận tiện cho nó. Nhưng có một điều Charley không giả dối: nó hân hoan được đi tiếp cuộc hành trình. Và trong một vài ngày sau đó, Charley đã trở thành điểm sáng của chuyến đi.

Illinois cho chúng tôi một ngày thu tuyệt đẹp, khô hanh và trong trẻo. Chúng tôi di chuyển nhanh về hướng bắc, tiến thẳng về Wisconsin, băng qua một vùng đất lộng lẫy với những cánh đồng tươi tốt và cây cối tuyệt diệu. Đó là miền quê của những quý ngài. Nó gọn gàng ngăn nắp, được quây trong những bờ rào màu trắng, và tôi đoán là nó phải được trợ cấp bởi những nguồn thu nhập từ bên ngoài. Tôi cảm giác nó không có những căn cơ để hậu thuẫn cho chính nó và các chủ nhân của nó. Nói đúng hơn, nó giống như một phụ nữ đẹp vốn đòi hỏi sự hậu thuẫn và giúp đỡ của rất nhiều khuôn mặt nữ vô danh khác để tiếp tục xinh đẹp. Nhưng điều đó không hề làm cho cô ta kém phần đáng yêu... nếu như bạn chu cấp được cho cô ta.

Có khả năng, thậm chí rất hiện thực, rằng bạn nghe một sự thật về một nơi chốn nào đó, tin vào sự thật đó, biết rõ nó... và đồng thời chẳng biết quái gì về nó cả. Tôi chưa từng đến Wisconsin và trong cả cuộc đời tôi đã nghe kể về nó, ăn những khoanh phô-mai của nó, một số cũng ngon không thua kém bất cứ nơi đâu trên thế giới. Và hẳn là tôi đã thấy những bức ảnh về nó. Ai cũng thế cả thôi. Thế thì cứ sao tôi vẫn cứ bất ngờ trước vẻ đẹp của vùng này, sự đa dạng của các cánh đồng, ngọn đồi, rừng cây và hồ nước của nó? Giờ thì tôi nghĩ rằng, do sản lượng sữa khổng lồ của bang này, cần phải chiêm nghiệm nó từ quy mô lớn của những đồng cỏ cho bò. Tôi chưa từng thấy một miền quê nào thay đổi nhanh như thế, và vì tôi không thể ngờ được nên tất cả mọi thứ tôi thấy đều khiến tôi thích thú. Tôi không biết những mùa khác sẽ như thế nào. Mùa hè có thể trầy trật bởi cái nóng, mùa đông có thể rên xiết bởi cái lạnh tê lương, nhưng khi tôi thấy nó lần đầu tiên và duy nhất vào đầu tháng Mười, không khí của nó tràn ngập ánh nắng màu bơ, không mờ ảo mà khô hanh, trong trẻo, nhờ vậy mà từng ngọn cây sương giá đều hiện rõ, những ngọn đồi vươn cao không hề lẫn với nhau mà tách bạch

riêng ra. Có một sự thẩm thấu của ánh sáng vào những vật chất rắn, nhờ đó mà tôi có thể nhìn thấu suốt sự vật. Loại ánh sáng đó tôi không thấy ở bất cứ nơi nào khác, ngoại trừ Hy Lạp. Tôi nhớ nhiều người bảo tôi rằng Wisconsin là một bang rất đẹp, nhưng dù đã được báo trước tôi vẫn không tin nổi mắt mình. Đó là một ngày kỳ diệu. Đất đai tràn trề sự viên mãn, bò và heo béo ụ điểm xuyết thảm cỏ xanh, và trên những thửa đất nhỏ hơn, ngũ cốc được chất trong những túp lều nhỏ một cách ngăn nắp, và bí ngô mọc rải rác khắp xung quanh.

Chẳng rõ Wisconsin có lễ hội ném phô-mai hay không, nhưng một người mê phô-mai như tôi thì tin hẳn phải có.

Phô-mai có mặt ở khắp nơi: các trung tâm phô-mai, hợp tác xã phô-mai, cửa hàng phô-mai, thậm chí có lẽ cả kem phô-mai. Tôi tin tất tột mọi thứ vì đã từng thấy những tấm biển quảng cáo kẹo phô-mai Thụy Sĩ. Thật tiếc là tôi đã không dừng lại để ném thử món kẹo phô-mai Thụy Sĩ. Giờ thì tôi chẳng thuyết phục được ai rằng nó quả tồn tại, rằng tôi không bịa ra.

Dọc đường, tôi thấy có một cơ sở rất lớn. Đó là cơ sở phân phối sò biển lớn nhất thế giới. Và nó nằm ở Wisconsin cơ đấy, một nơi chẳng dính dấp gì tới biển kể từ thời kỳ tiền-Cambri. Nhưng Wisconsin luôn chất chứa những bất ngờ. Tôi đã từng nghe nói về Wisconsin Dells^[48], nhưng vẫn hoàn toàn bất ngờ trước cái xứ sở kỳ dị do Kỷ Băng hà để gọt nên, một xứ sở lạ lùng, lung linh bởi nước và những tảng đá nhiều hình hài, mang sắc xanh và đen. Nếu thức dậy nơi đây, người ta sẽ tin rằng mình đang nằm mơ về một hành tinh khác, bởi lẽ người ta không thấy đâu những nét của trái đất này, hay chỉ thấy chẳng những ghi khắc của một thời đại khi mà thế giới này còn trẻ trung hơn rất nhiều và khác biệt rất nhiều. Bám theo mép của những con lạch huyền ảo là những rác rưởi của thời đại chúng ta: những khách sạn, quầy hot-dog, những cửa hiệu bán đồ rẻ tiền, kém chất lượng và lèo lẻo mà khách du lịch mùa hè xiết bao yêu thích. Nhưng những lớp vỏ ngoài này cũng đóng cửa do mùa đông tới, và thậm chí nếu có mở thì tôi ngờ rằng chúng chỉ xua tan sự mê hoặc mà Wisconsin Dells mang lại.

Tối hôm đó tôi nghỉ lại tại một bãi đậu trên đỉnh đồi dành cho xe tải, nhưng thuộc loại đặc biệt. Những xe gia súc khổng lồ đậu tại đây và trút bỏ

những đồng cặn bã từ lô hàng mới nhất. Có đến hàng núi phân và phía trên chúng là những đám mây hình nấm^[49] của ruồi và nhặng. Charley tựa như mím cười. Nó hít ngửi một cách ngây ngất, chẳng khác gì một phụ nữ Mỹ bước vào một cửa hàng nước hoa Pháp. Tôi không thể phê phán vị giác của nó được. Có người thích thứ này thì cũng phải có người thích thứ kia chứ. Cái mùi nơi đây quả là nồng nặc và hôi hám, nhưng cũng không đến nỗi tởm lợm.

Khi trời tối, tôi tản bộ cùng Charley giữa những núi khoái cảm của nó, ra đến sườn đồi, từ đó trông xuống một thung lũng nhỏ bên dưới. Đó là một khung cảnh thê lương. Tôi nghĩ việc lái xe quá nhiều đã khiến nhãn quan của tôi bị méo mó hoặc khiến tôi gia tăng định kiến, bởi lẽ vùng đất tối đen phía dưới kia có vẻ như đang di chuyển, mạch đang đập, đang hô hấp. Không phải là nước mà là gợn lăn tăn một chất lỏng màu đen. Tôi đi nhanh xuống đồi để san phẳng sự méo mó nói trên. Đáy thung lũng phủ kín gà tây. Có đến hàng triệu con gà tây, túm tụm nhau dày đặc đến mức che lấp cả mặt đất. Đó là một nguồn tiếp viện lớn. Dĩ nhiên, đó là nguồn dự trữ cho dịp lễ Tạ Ơn.

Túm tụm vào nhau là bản năng của gà tây vào ban đêm. Tôi còn nhớ ở trang trại hồi tôi còn trẻ, gà tây tụ tập và đậu thành bầy trên các cây bách, ngoài tầm với của bọn mèo hoang và sói đồng cỏ. Đó là dấu hiệu duy nhất mà tôi biết về trí thông minh của gà tây. Hiếu về gà tây không có nghĩa là ngưỡng mộ chúng, bởi lẽ chúng rỗng tuếch và rất dễ bị kích động. Chúng tụ tập thành những bầy dễ bắt và động chút là hoảng loạn. Chúng mang tất cả các loại bệnh gia cầm, và lại còn phát minh ra cả các bệnh riêng cho chúng nữa. Gà tây có vẻ như thuộc loại dễ bị trầm cảm-kích động. Chúng luôn quang quác với chiếc mào ửng đỏ, bộ đuôi xòe rộng, đôi cánh khua đập, mới phút trước còn tỏ ra quả cảm, đáng yêu thì phút sau đã tỏ ra đốn hèn, ích kỷ. Thật khó nhận ra chúng có gì ăn nhập với những họ hàng hoang dã, khôn ngoan và đa nghi của chúng. Còn tại đây, tụ tập từng đám cả ngàn con phủ kín mặt đất, chúng đang chờ cái ngày sẽ nằm xụi lơ trên bàn ăn của người Mỹ.

Thật đáng tiếc là tôi chưa bao giờ ghé thăm hai thành phố sinh đôi trắng lệ là St. Paul và Minneapolis, nhưng còn đáng hổ thẹn hơn khi tôi vẫn chưa ghé thăm hai nơi đó mặc dù đã đi ngang qua chúng. Khi tôi đến gần chúng, một dòng thác giao thông bỗng chốc nhấn chìm tôi: cả một làn sóng các xe station wagon^[50], cả dòng thác những xe tải gầm rú. Tôi tự hỏi cứ sao cứ mỗi khi tôi vạch một lộ trình quá đổi chi ly thì y như rằng nó sẽ tan tành mây khói, còn khi tôi nhắm mắt đưa chân thì lại chẳng gặp trục trặc gì. Từ sáng sớm tôi đã nghiên cứu các bản đồ, vẽ ra một đường tỉ mỉ theo lộ trình tôi muốn đi. Tôi vẫn giữ cái kế hoạch ngạo nghễ đó: vào St. Paul bằng đường Cao tốc số 10, rồi từ từ băng qua Mississippi. Đường cong hình chữ S ở Mississippi sẽ đưa tôi ba lần vượt sông. Sau cuộc rong chơi thú vị này, tôi rất muốn đi qua Golden Valley do đã nghe tiếng nơi này. Điều này xem chừng khá đơn giản, chắc có thể thực hiện được, nếu như đó không phải là tôi.

Thứ nhất là giao thông như một làn sóng triều đã nhấn chìm tôi và cuốn tôi theo. Tôi dật dờ đi theo một chiếc xe bồn chở xăng dài đến nửa dãy nhà. Phía sau tôi là một cỗ máy trộn xi-măng khổng lồ trên bánh xe, cái trống của nó cứ quay đều trong lúc chạy. Phía bên phải tôi là thứ mà tôi cho là một khẩu pháo nguyên tử. Tôi thường hay phát hoảng vì bị lạc trong tình cảnh như thế. Như một tay bơi bị đuối sức, tôi tấp sang phải để tìm đến một làn đường dễ chịu hơn, để rồi bị cảnh sát chặn lại. Anh cảnh sát cho tôi biết là xe tải và các loại xe ăn theo không được phép đi làn đó. Rồi anh ta tổng tôi trở vào dòng xe tải cuồng nhiệt.

Tôi lái hàng giờ liền, mắt dính chặt vào mấy con voi ma-mút bao xung quanh. Hẳn là tôi đã băng qua sông, nhưng tôi chẳng thấy gì cả. Tôi chưa bao giờ thấy con sông ấy. Tôi chưa bao giờ thấy St. Paul và Minneapolis. Điều duy nhất tôi thấy là một dòng sông xe tải, điều duy nhất tôi nghe là tiếng gầm rú của máy xe. Không khí bão hòa bởi khói dầu diesel làm phổi tôi muốn cháy bỏng. Charley lên cơn ho sặc sụa mà tôi cũng chẳng có thời gian để vỗ lưng nó vài cái. Đến chỗ đèn đỏ, tôi nhận ra mình đang ở trên một con đường sơ tán^[51]. Phải mất một lúc tôi mới nhận biết điều đó. Đầu tôi quay mòng mòng. Tôi mất hết cả mọi cảm giác về phương hướng. Nhưng

các biển hiệu – “Đường sơ tán” – vẫn tiếp tục. Dĩ nhiên, đó là con đường được hoạch định để thoát khỏi trái bom chưa được thả xuống. Một con đường sơ tán ở ngay giữa cái miền Trung Tây này, một con đường được thiết kế ra từ nỗi sợ hãi. Tôi có thể thấy nó trong tâm trí vì tôi đã từng chứng kiến cảnh người ta chạy nạn: những con đường chật kín đến không thể cựa cựa và sự tán loạn nơi cái vách đá do chính chúng ta thiết kế lên. Và bất chợt tôi nghĩ về cái thung lũng gà tây ấy và tự hỏi có sao tôi lại dám cả gan nghĩ bọn chúng là ngu xuẩn. Thật ra, chúng còn có điểm ưu việt hơn cả chúng ta nữa đấy: thịt chúng ăn rất ngon.

Tôi mất gần bốn tiếng đồng hồ để băng qua hai thành phố sinh đôi. Nghe nói một số khu vực của chúng rất đẹp. Tôi không bao giờ tìm thấy Golden Garden. Charley chẳng giúp được gì. Nó chẳng muốn dây dưa với cái giống loài có thể tạo ra một thứ để rồi phải chạy trốn khỏi nó. Nó chẳng thích lên mặt trắng chỉ để rồi phải cuốn xéo ra khỏi đó. Đối mặt với sự ngu xuẩn của chúng ta, Charley chấp nhận chúng như đúng bản chất của chúng: sự ngu xuẩn.

Đôi lúc, trong những giờ cuồng loạn này, tôi hẳn đã băng qua sông một lần nữa vì tôi thấy mình trở lại với Quốc lộ 10, ở phía đông của Mississippi và đang đi về hướng bắc. Miền quê mở ra và tôi kiệt quệ dừng xe ở một quán ăn bên đường. Đó là một quán ăn Đức có bán xúc xích, sauerkraut^[52] và bán bia. Những ly vại treo thành hàng phía trên quầy trông sáng loáng nhưng không ai dùng tới. Vào giờ này trong ngày mà tôi vẫn là khách hàng duy nhất. Cô phục vụ chẳng phải là Brunhild^[53] mà là một sinh thể gầy gò, khuôn mặt sạm. Hoặc đó là một cô gái trẻ đang gặp rắc rối, hoặc đó là một bà cụ già rất hoạt bát, tôi chẳng biết đằng nào là đúng. Tôi gọi món bratwurst^[54] và sauerkraut, thấy rõ người đầu bếp bóc màng giấy kính khỏi thanh xúc xích và thả nó vào nước sôi. Bia được phục vụ trong lon. Món bratwurst quả là khủng khiếp còn món kraut là một thứ hồ lổn lổn bồng nước đáng nguyên rửa.

“Tôi nhờ cô chuyện này được không?” Tôi hỏi người nữ phục vụ nửa già nửa trẻ.

“Ông có vấn đề gì à?”

“Hình như tôi hơi bị lạc”.

“Ý ông nói lạc là sao?”

Người đầu bếp nhào mình ra khỏi cửa tò vò, chống cùi chỏ trên bệ phục vụ.

“Tôi muốn đi Sauk Centre nhưng hình như bị nhầm đường”.

“Ông từ đâu đến vậy?”

“Từ Minneapolis”.

“Thế thì ông làm gì ở bên này sông?”

“Ừ thì, hình như tôi cũng bị lạc luôn cả ở Minneapolis”.

Cô ta nhìn người đầu bếp. “Ông ấy bị lạc ở Minneapolis”, cô ta nói.

“Ở Minneapolis thì làm sao lạc được”, người đầu bếp nói. “Tôi sinh ở đó nên tôi biết chứ”.

Cô phục vụ nói, “Tôi đến từ St. Cloud thế mà tôi cũng chẳng thể nào lạc ở Minneapolis”.

“Chắc là tôi thuộc loại không giống ai. Nhưng nơi tôi muốn đến là Sauk Centre”.

Người đầu bếp nói, “Nếu ông ta cứ thẳng đường mà đi thì không thể nào lạc được. Ông đang ở trên đường Năm mươi hai. Ông băng qua St. Cloud rồi cứ bám theo đường Năm mươi hai mà đi”.

“Thế St. Cloud có nằm trên đường Năm mươi hai không?”

“Chứ còn gì nữa. Chắc ở đây ông là người lạ nên mới lạc ở Minneapolis. Tôi thì có bịt mắt cũng không thể nào lạc được”.

Tôi nói có phần hơi cáu kỉnh, “Nếu ở Albany hay San Francisco thì ông có bị lạc không?”

“Tôi chưa từng đến mấy nơi đó, nhưng tôi dám cá tôi sẽ không bị lạc”.

“Tôi từng đến Duluth”, cô phục vụ nói. “Và đến Giáng Sinh tôi sẽ đi thác Sioux Falls. Tôi có bà di sống ở đó”.

“Cô có bà con nào ở Sauk Centre không?” người đầu bếp hỏi.

“Dĩ nhiên là có, nhưng nó không xa như San Francisco mà ông ấy nói. Anh tôi làm việc cho Hải quân. Anh ấy sống ở San Diego^[55]. Ông có bà con ở Sauk Centre à?”

“Không, tôi chỉ muốn ngó qua thôi. Sinclair Lewis^[56] quê ở đó”.

“Ồ! Phải. Họ có dựng tấm biển. Tôi nghĩ cũng có người đến đó xem. Chắc thị trấn đó cũng được chút lợi lộc”.

“Ông ấy là người đầu tiên kể cho tôi nghe về khu vực này của nước ta”.

“Ai cơ?”

“Sinclair Lewis”.

“Ồ! Phải. Ông quen ông ta à?”

“Không, chỉ đọc sách của ông ấy thôi”.

Tôi dám cá cô ta sắp sửa hỏi “Của ai?” nhưng tôi ngắt lời cô ta. “Ông nói tôi băng qua St. Cloud rồi bám theo đường Năm mươi hai?”

Người đầu bếp nói, “Tôi nghĩ cái ông mà ông nói không còn ở đó nữa đâu”.

“Tôi biết. Ông ta mất rồi mà”.

“Thế mà ông không nói”.

Quả nhiên có một tấm biển ở Sauk Centre ghi: “Nơi sinh của Sinclair Lewis”.

Vì lý do nào đó, tôi đi nhanh qua nơi ấy rồi quay sang hướng bắc, theo đường 71 đến Wadena. Trời chuyển tối nên tôi cố rướn đi tới Detroit Lakes. Có một khuôn mặt luôn ở phía trước tôi, một khuôn mặt gầy gò, nhăn nheo giống như trái táo ngâm quá lâu trong thùng, một khuôn mặt cô đơn và sâu nảo vì đơn côi.

Tôi không quen thân ông ta, chưa từng biết ông ta trong những ngày sôi sục lúc ông được gọi là Red. Vào khoảng cuối đời, ông ta có gọi tới New York cho tôi vài lần và lẽ ra chúng tôi hẹn ăn trưa với nhau ở Algonquin. Tôi gọi ông ta là Ông Lewis, và trong thâm tâm tôi vẫn tiếp tục gọi như thế. Ông ta đã thôi rượu và không còn vui thú gì nữa trong chuyện ăn uống, nhưng cả bây giờ lẫn khi ấy cặp mắt ông ta vẫn lấp lánh ánh thép.

Tôi đã đọc cuốn *Main Street* hồi còn học phổ thông, và tôi vẫn nhớ như in sự căm thù sôi sục mà cuốn sách đã gây ra ở ngay chính quê hương nơi ông ta sinh thành. Ông ta có trở lại nơi đó không?

Chỉ thắng hoặc đi ngang qua mà thôi. Một cây bút tốt là một cây bút đã chết. Khi đó, ông ta sẽ không còn làm ngạc nhiên ai nữa, không còn làm tổn thương ai nữa. Lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau, ông ta thậm chí còn nhăn nheo hơn thế. Ông nói, “Tôi lạnh. Hình như lúc nào tôi cũng lạnh. Tôi đi sang Ý đây”.

Ông ta làm vậy thật, và ông đã chết ở đó. Chẳng biết có đúng hay không nhưng tôi nghe nói ông ta đã chết trong cô đơn. Và giờ thì ông ta làm lợi cho thị trấn, đem khách du lịch đến. Bây giờ thì ông ta đã là một cây bút tốt rồi.

Rocinante mà còn chỗ thì tôi đã đem theo bộ *W.P.A. Guides to the States*^[57] gồm nguyên bốn mươi tám tập của nó. Tôi có đầy đủ cả bộ, gồm

cả một số tập rất hiếm. Nếu tôi nhớ không lầm thì Bắc Dakota chỉ in có tám trăm bản và Nam Dakota in chừng năm trăm bản. Bộ sách này bao gồm những mô tả toàn diện và đầy đủ nhất về Hoa Kỳ, và từ đó đến nay chưa có một bộ sách nào sánh ngang được. Nó được soạn thảo trong thời kỳ suy thoái bởi những cây bút bậc thầy của nước Mỹ, vốn là những người chịu tác động của suy thoái nặng nề hơn bất kỳ nhóm người nào khác, trong khi vẫn phải đáp ứng cái bản năng ăn uống bất di bất dịch của họ. Nhưng những tập sách này không được lòng phe đối lập với Ông Roosevelt^[58]. Nếu như các công nhân của W.P.A. chỉ cày vào những chiếc xẻng thì các nhà văn chỉ cày vào ngòi bút của họ mà thôi. Kết quả là, ở một số bang, bản kẽm đã bị đập phá chỉ sau khi mới in ra vài bản, và điều này quả là đáng hổ thẹn vì đó là cả một kho thông tin có tổ chức, được chú dẫn và được viết lách mượt mà, bao gồm cả các lĩnh vực như địa lý, lịch sử và kinh tế. Lấy ví dụ, nếu như tôi đem theo bộ sách hướng dẫn đó, thì tôi đã dò tìm Detroit Lakes ở Minnesota, nơi tôi dừng chân, và tôi sẽ biết được do đâu có cái tên Detroit Lakes, ai đặt ra cái tên đó, khi nào và tại sao. Tôi đã dừng lại gần nơi đó vào đêm khuya và Charley cũng vậy. Và tôi chẳng biết gì về nó nhiều hơn là Charley. Ngày kế tiếp, một tham vọng ấp ủ từ lâu đã đơm hoa kết trái.

Thật là thú vị khi có một nơi chẳng ai thăm viếng nhưng lại khắc sâu trong tâm trí đến mức ngay cả cái tên của nó không thôi nghe cũng vang vọng. Với tôi thì nơi đó chính là Fargo^[59], Bắc Dakota. Có lẽ tác động đầu tiên là ở chính cái tên Wells-Fargo^[60], nhưng dĩ nhiên mối quan tâm của tôi còn vượt xa hơn nữa. Nếu bạn lấy một tấm bản đồ nước Mỹ rồi xếp đôi nó lại ở giữa, mép tây khớp vào với mép đông, rồi miết cho kỹ, thì Fargo nằm ở ngay nếp gấp. Trên các bản đồ in trang đôi, Fargo thường bị thất lạc ở phần kết nối trang. Đó không phải là một phương pháp khoa học cho lắm để tìm ra cái phần nằm giữa hai cực đông-tây của đất nước, nhưng nó lại rất hiệu quả. Nhưng ngoài chuyện này ra, với tôi Fargo còn là người anh em của những nơi trứ danh khác trên trái đất, có dây mơ rễ má với những địa điểm xa xăm huyền ảo mà Herodotus^[61], Marco Polo^[62] và Mandeville^[63] từng nhắc đến. Theo trí nhớ của tôi, nói về lạnh thì Fargo chính là nơi lạnh nhất trên lục địa, còn nói về nóng thì Fargo cũng nóng chẳng thua bất cứ nơi nào

nóng nhất. Về ẩm cũng thế, về khô cũng thế và về độ ngập trong tuyết thì cũng thế. Dù gì thì điều đó cũng gây ấn tượng cho tôi. Nhưng tôi biết có đến hàng tá hay thậm chí dăm ba chục thị trấn sẽ ẩm ỨC KỊCH LIỆT phản đối tôi bằng những lý lẽ và số liệu cho thấy chúng mới chính là nơi có khí hậu nghiệt ngã nhất, thậm chí còn hơn cả Fargo nữa. Để xoa dịu những tổn thương, tôi phải thừa nhận rằng khi tôi đi ngang qua Moorhead, Minnesota, và lái nhanh qua sông Red River để đến Fargo ở bờ bên kia, thì đó là vào một ngày thu vàng và cái thị trấn đó cũng đầy nghẹt xe, cũng nhấp nháy ánh đèn neon, cũng huyền ảo và nhộn nhịp với các loại hoạt động như tất cả những thị trấn cỡ bốn mươi sáu ngàn dân đang tồn tại và sẽ mọc lên. Vùng đồng quê cũng chẳng khác mấy so với Minnesota ở bên kia sông. Tôi lái xe đi qua thị trấn như thường lệ, chẳng thấy được gì nhiều ngoài cái xe tải ở phía trước tôi và chiếc Thunderbird^[64] ở trong kính chiếu hậu. Thật là tồi tệ khi một huyền thoại bị rung rinh. Phải chăng điều đó cũng giống như những gì mà Samarkand hay Cathay hoặc Cipango sẽ hứng chịu nếu như được viếng thăm? Ngay khi tôi vượt ra vùng ngoại ô – cái vòng ngoài khúc khuỷu chỉ toàn xe và kính – và băng qua Mapleton, tôi tìm được một nơi dễ chịu để dừng xe bên sông Maple, cách không xa Alice – một cái tên thị trấn thật dễ thương, Alice. Dân số của nó là 162 người vào năm 1950 và 124 người vào cuộc điều tra dân số gần đây nhất. Sự bùng nổ dân số của Alice là như vậy đấy. Dù sao chẳng nữa, bên sông Maple, tôi đã lái xe vào một bãi nhỏ nằm nhô ra sông mọc toàn một loại cây mà tôi nghĩ là ngô đồng, và dừng lại liếm láp những vết thương tưởng tượng của mình. Và tôi vui sướng nhận ra sự thật là Fargo vẫn không hề làm khuấy động bức tranh tâm tưởng của tôi về nó. Tôi vẫn có thể nghĩ về Fargo như tôi luôn hằng nghĩ – nứt nẻ vì bão tuyết, khô héo vì cái nóng, đỏ lòm vì bụi. Tôi thấy sung sướng khi có thể nói rằng trong cuộc chiến giữa thực tại và mộng tưởng, thực tại không phải là phía mạnh hơn.

Mặc dù mới chỉ giữa buổi sáng, tôi vẫn nấu cho mình một bữa ăn hoành tráng, nhưng không sao nhớ nổi là món gì. Charley, vẫn còn vết tích của lần chải chuốt ở Chicago, lộ bì bõm dưới nước và trở lại thành chính nó, chó già Charley dơ bẩn.

Sau những tiện nghi và bầu bạn ở Chicago, tôi cần phải học cách sống đơn độc trở lại. Tôi cũng mất chút ít thời gian. Nhưng tại đây, bên sông Maple này, cách không xa Alice, cái khả năng đó mới thực sự trở về. Charley đã tha thứ cho tôi theo cái cách trịch thượng ghê tởm của nó, nhưng giờ thì nó mới bình thường trở lại. Cái phần đất nhô ra sông này thật là dễ chịu. Tôi bê ra chiếc máy giặt-thùng rác và xả nước chỗ quần áo đã được cho nhảy múa trong nước xà-bông hai ngày qua. Và rồi, do có một luồng gió dễ chịu lùa qua, tôi lấy khăn giường ra phơi trên các lùm cây thấp. Chẳng biết đó là loại cây gì, nhưng lá của nó có mùi thơm giống như cây đàn hương, mà khăn giường thơm tho là điều mà tôi mê ly nhất trần đời. Tôi ghi chú vài điều trên một tấm giấy vàng về tính chất và phẩm chất của sự đơn độc. Theo quy luật thông thường, những ghi chú này rồi sẽ bị thất lạc vì các ghi chú luôn thất lạc, nhưng những ghi chú lần này đã sống rất dai nhờ được bọc quanh chai sốt cà chua và cột lại bằng dây thun. Ghi chú đầu tiên là: “Quan hệ giữa thời gian và sự đơn độc”. Và tôi vẫn còn nhớ điều đó. Có người đồng hành thì bạn sẽ bị cố định trong thời gian: thời hiện tại, còn khi phẩm chất của sự đơn độc được xác lập thì quá khứ, hiện tại, tương lai sẽ tuôn chảy cùng nhau. Ký ức, sự kiện hiện tại và dự báo tương lai đều hiện hữu một cách bình đẳng.

Ghi chú thứ hai bị lem nhem bởi nước sốt cà, nhưng ghi chú thứ ba mới thật là bàng hoàng. Nội dung của nó như sau: “Trở lại với căn bản của hạnh phúc và khổ đau”, và đó là điều rút ra từ quan sát của tôi ở một thời kỳ khác.

Nhiều năm trước đây, tôi đã từng có chút kinh nghiệm sống đơn độc. Trong hai năm liên tiếp, tôi đã sống một mình vào mùa đông suốt tám tháng ròng ở một quãng núi Sierra Nevada trên hồ Tahoe. Khi ấy tôi là người trông nom một biệt thự mùa hè trong những ngày mùa đông khi nó bị tuyết phủ. Và lúc đó tôi đã có vài quan sát. Khi thời gian trôi đi, tôi thấy các phản ứng của tôi cứ tích tụ dần lại. Thông thường thì tôi là người hay huýt sáo. Tôi bỗng ngừng huýt sáo. Tôi ngừng trò chuyện với những con chó của tôi và tin rằng những cảm xúc tinh tế bắt đầu tan biến, cho đến khi tôi lui về với căn bản của hạnh phúc và khổ đau. Rồi tôi chợt nảy ra ý nghĩ là những sắc thái tinh tế của cảm xúc, của phản ứng là kết quả của sự giao tiếp, và không có

sự giao tiếp thì những sắc thái đó sớm muộn gì cũng tan biến. Một người không có gì để nói thì sẽ chẳng có ngôn từ. Liệu nói đảo lại một chút thì có đúng hay không nhỉ – một người không có ai để nói chuyện thì sẽ không có ngôn từ vì anh ta có cần gì đâu đến ngôn từ? Xưa nay vẫn có những chuyện kể về những em bé được nuôi bởi thú vật, như chó sói chẳng hạn. Người ta thường kể lại rằng những đứa bé ấy bò bằng cả tứ chi, phát ra những âm thanh học được từ những cha mẹ nuôi của chúng, và có lẽ mang cả những suy nghĩ của sói. Chỉ qua sự bắt chước mà chúng ta mới phát triển thành cái độc đáo riêng. Lấy Charley làm ví dụ. Nó luôn được gắn với sự có học, hiền hòa, có văn hóa, hợp lẽ của cả Pháp lẫn Mỹ. Và Charley không còn giống như một con chó đích thực, cũng chắc chắn như nó không thể giống con mèo vậy. Nhận thức của nó sắc bén và tinh tế và nó đọc được cả suy nghĩ. Tôi không rõ nó có đọc được suy nghĩ của những con chó khác hay không, nhưng rõ ràng là nó đọc được suy nghĩ của tôi. Trước cả khi một kế hoạch được hình thành phân nửa trong tâm trí tôi thì Charley đã biết tổng cả rồi. Nó còn biết khi nào thì nó bị lôi vào cuộc nữa kìa. Chuyện này là chắc chắn. Tôi hiểu quá rõ cái nhìn tuyệt vọng và hờn dỗi của nó khi tôi vừa chợt nghĩ sẽ để nó lại nhà. Vậy là đã quá đủ cho ba câu ghi chú dưới lớp sốt màu đỏ của một chai sốt cà.

Chẳng mấy chốc, Charley đã xuôi theo con sông và tìm ra vài túi rác đựng đồ vứt đi, mà nó kiểm tra, phân biệt mùi vị bằng khứu giác của mình. Nó đánh hơi một hộp đậu rỗng, ngửi ngửi bên trong, rồi bỏ đi chỗ khác. Rồi nó ngoạm một chiếc bao giấy, lắc giũ nhẹ nhẹ để những kho báu bên trong tuôn ra ngoài, trong đó có một mảnh giấy trắng dày bị vo tròn.

Tôi trải nó ra và vuốt phẳng những nếp nhăn giập dứ trên bề mặt của nó. Đó là một trát tòa gửi đến Jack Gì-giđó, thông báo rằng nếu anh ta không chịu trả khoản tiền cấp dưỡng cần phải trả thì coi như anh ta phạm tội không chấp hành pháp luật và sẽ bị trừng phạt. Tòa nằm ở một bang miền Đông, mà đây lại là Bắc Dakota. Một anh chàng đáng thương đang đào tẩu. Anh ta không nên để vương vãi lung tung cái vết tích này, lỡ có ai đó đang truy lùng anh ta. Tôi lôi ra chiếc bật lửa Zippo, châm lửa đốt cái bằng gỗ đó với đầy đủ nhận thức rằng tôi đang vi phạm pháp luật. Ôi, Chúa lòng lành,

những vết tích mà chúng ta để lại! Giả dụ có ai đó tìm thấy chai nước sốt cà này và cố tái lập tôi từ các ghi chú thì sao nhỉ? Tôi giúp Charley lục lại mớ rác, nhưng chẳng còn thứ gì có chữ viết nữa, chỉ toàn là những vỏ hộp thức ăn nấu sẵn. Anh chàng này không biết nấu nướng. Anh ta sống bằng thức ăn đóng hộp, nhưng có lẽ cô vợ cũ của anh ta cũng thế thôi.

Lúc này chỉ mới sau giấc trưa một chút, nhưng tôi thấy thoải mái dễ chịu đến mức chẳng muốn đi. “Ta qua đêm ở đây nhé, Charley?” Nó dò xét tôi và ngúc ngoắc chiếc đuôi giống một ông giáo sư đang khua khua cây viết – một ngoắc sang trái, một ngoắc sang phải, rồi trở lại giữa. Tôi ngồi trên bờ, cởi cả giày lẫn vớ, nhúng đôi chân vào dòng nước lạnh đến mức rất bỏng tận thẳm sâu và làm tê dại cảm giác. Mẹ tôi tin rằng ngâm chân vào nước lạnh sẽ làm cho máu dâng lên đầu và nhờ vậy mà người ta suy nghĩ tốt hơn. “Đến lúc đi thám thính rồi đó, anh bạn già”, tôi nói thành lời, “nói cách khác là tao cảm thấy biếng nhác một cách thoải mái. Tao làm chuyến du hành này để học hỏi vài điều về nước Mỹ. Tao có học được gì chưa nhỉ? Nếu có thì tao vẫn chưa biết đó là điều gì cả. Đến giờ liệu tao có thể trở về với một chiếc túi đầy ắp những kết luận, một mớ những câu trả lời cho những thứ bí ẩn? Tao ngờ lắm, nhưng biết đâu. Nếu tao sang châu Âu, người ta hỏi tao nước Mỹ như thế nào thì tao biết nói sao? Tao cũng chả biết nữa. Thôi được, mày cứ dùng cái phương pháp điều tra bằng khứu giác của mày đi, mày tìm hiểu được gì hả anh bạn?”

Hai cái vẩy đuôi hần hoi. Chỉ ít nó đã không phớt lờ câu hỏi này.

“Cho đến nay có phải cả nước Mỹ đều có mùi giống nhau không? Hay có nhiều mùi cục bộ?” Charley bắt đầu quay vòng vòng về bên trái, rồi trở ngược quay tám vòng về bên phải trước khi nằm xuống, gác mõm lên chân và để chiếc đầu của nó trong tầm tay của tôi. Nó đã trải qua một khoảng thời gian khó khăn. Hồi nó còn trẻ, một chiếc xe đã tông vào nó làm nó gãy xương hông, phải bó bột mất một thời gian dài. Giờ vào thời kỳ vàng son, cái hông lại làm khó cho nó mỗi khi nó thăm mết. Sau mỗi cuộc chạy quá dài nó thường đi cà nhắc bằng cẳng sau bên phải. Nhưng do cái vụ quay vòng vòng trước khi đi nằm nên đôi khi chúng tôi gọi nó là chú chó xù xoắn tít, thật là không đẹp chút nào. Nếu cái quy luật của mẹ tôi là đúng thì tôi

đang suy nghĩ rất tốt. Nhưng bà còn bảo, “Chân lạnh thì tim ấm”. Và đó lại là vấn đề khác.

Tôi đậu xe cách xa mặt đường và xe cộ để được thông thả nghỉ ngơi và ôn lại mọi sự. Tôi rất nghiêm túc trong chuyện này. Tôi sẽ không đẹp sang bên sự biếng nhác của mình vì một số chuyện tiểu lâm vui vẻ. Tôi đã lên đường với ước vọng muốn tìm hiểu nước Mỹ. Và tôi không dám chắc mình có đang học hỏi được điều gì không. Tôi thấy mình đang trò chuyện thành tiếng với Charley. Tôi thích ý tưởng này, nhưng việc thực hành nó lại khiến cho Charley buồn ngủ.

“Tán dóc một chút nhé, ta hãy thử một chút thứ mà mấy cu cậu con tao thường gọi là những câu chuyện nhảm. Nhảm lớn, nhảm bé. Hãy nói về thức ăn đi nhé. Có rất nhiều khả năng là ở các thành phố mà chúng ta đã đi qua – những nơi giao thông phiền toái – có các nhà hàng ngon lạ với những bản thực đơn hết ý. Nhưng ở các nơi ăn uống dọc đường thì thức ăn luôn sạch sẽ, không mùi, không màu, và nơi nào cũng y chang như nhau. Cứ như thế khách hàng không quan tâm mình ăn thứ gì miễn sao nó không có những đặc tính khiến cho họ lo lắng. Điều đó đúng cho tất cả các nơi ấy, ngoại trừ bữa điểm tâm là ngon một cách đồng bộ nếu như ta trung thành với món thịt xông khói với trứng và khoai tây chiên chảo. Ở các quán ven đường, tao chưa bao giờ có một bữa tối thực sự ngon miệng và một bữa điểm tâm thực sự dở. Thịt xông khói và xúc xích là những món ăn ngon được đóng gói sẵn ở nhà máy, còn trứng thì tươi hoặc được giữ cho tươi trong tủ lạnh, mà giữ đồ trong tủ lạnh lại là chuyện quá phổ biến rồi”. Tôi thậm chí có thể nói các quán ăn ven đường của Mỹ là thiên đàng cho bữa điểm tâm, chỉ có duy nhất một điều như sau. Đôi lúc tôi thấy những tấm biển ghi “xúc xích nhà làm” hoặc “thịt lưng và thịt đùi được xông khói tại nhà” hoặc “trứng gà mới đẻ”, thế là tôi dừng xe và mua ngay để dự trữ. Rồi khi tự làm bữa sáng và tự pha cà phê, tôi thấy sự khác biệt lập tức hiện ra. Trứng gà mới đẻ ngon hơn xa cái loại trứng nhợt nhạt, được sản xuất hàng loạt và cất giữ trong tủ lạnh. Món xúc xích thì ngọt, cay và hăng hơn nhờ gia vị, còn món cà phê thì là cả một niềm hạnh phúc đen sánh. Thế thì liệu tôi có thể nói rằng nước Mỹ tôi chứng kiến đã đặt sự sạch sẽ lên trên tất cả, hy sinh luôn hương vị? Và – do

các dây thần kinh cảm nhận của chúng ta, bao gồm cả vị giác, không chỉ giúp ta cảm thụ mà còn có khả năng gây sốc cho chúng ta – liệu khẩu vị có đang trên đà biến mất và những hương vị nồng, hăng hay lạ lẫm sẽ gây ra những nghi ngờ, ghét bỏ và vì vậy mà cần phải loại trừ?

“Ta hãy đi xa hơn chút nữa sang các lĩnh vực khác, Charley nhỉ. Hãy bàn về những cuốn sách, tạp chí và báo mà ta vẫn thấy bày bán ở những nơi ta dừng chân. Loại ấn phẩm thống trị là truyện tranh. Có nhiều tờ báo địa phương và tao đã mua đọc. Có cả hàng lô lốc những cuốn sách bìa mềm mang những cái tựa rất tuyệt, rất hay nhưng bên trong thì tràn ngập về dung lượng những câu chuyện về tình dục, bạo dâm, và giết người. Báo chí ở các thành phố lớn thì phủ bóng lên các khu vực rộng lớn xung quanh nó. Tờ *New York Times* phủ khắp vùng Great Lakes, tờ *Chicago Tribune* thì phủ từ đây đến tận Bắc Dakota. Này, Charley, tao cảnh báo cho mày biết, nếu mày cứ bị lôi kéo bởi những thứ phổ biến. Nếu những người đó cứ bào mòn cái mầm khẩu vị của họ bằng những loại thức ăn không mùi và không chỉ chấp nhận mà còn yêu thích chúng, thì thử hỏi đời sống cảm xúc của dân tộc này sẽ như thế nào? Liệu họ có thấy cái cảm xúc khẩu vị của họ là nhạt nhẽo cho nên phải dậm thêm vào đó những câu chuyện tình dục và bạo dâm qua trung gian những cuốn sách bìa mềm? Và nếu quả là như thế thì có sao lại không có những gia vị trừ sốt cà và mù tạc ra để làm tăng hương vị những món ăn của họ?

“Đọc suốt đất nước, chúng ta đã nghe nhiều đài phát thanh địa phương. Ngoài một số ít tường thuật về các trận bóng bầu dục, những chất liệu bồi dưỡng tinh thần cũng phổ biến, cũng đóng gói, và cũng thiếu bản sắc y hệt như thức ăn vậy”. Tôi lấy chân hích Charley để giữ cho nó tỉnh.

Tôi rất chăm chú lắng nghe người ta nghĩ thế nào về chính trị. Những người mà tôi gặp không hề nói về đề tài này, và có vẻ như cũng chẳng muốn nói. Theo tôi đó một phần là do sự cẩn trọng, và một phần là do sự thờ ơ, nhưng những ý kiến mạnh mẽ đơn giản là không hề được bày tỏ. Một chủ tiệm thừa nhận với tôi rằng ông ta phải lo buôn bán đến đâu tắt mắt tối, lấy đâu ra cho mình cái ý kiến cá nhân xa xỉ đó. Đó là một người đàn ông xám xịt trong một cửa hiệu nhỏ xám xịt nằm ở ngã tư đường, nơi tôi mua hộp

bánh quy cho chó và một hộp thuốc rê cho tàu thuốc. Người đàn ông đó, cửa hiệu đó có thể xuất hiện ở bất cứ nơi đâu trên đất nước này, nhưng thật ra cuộc đối thoại này xảy ra từ hồi ở Minnesota. Người đàn ông có một tia đăm chiêu màu xám trong ánh mắt như thể ông ta nhớ ra một sự khôi hài nào đó khi nó không trái pháp luật, vì vậy tôi đánh bạo dò hỏi. Tôi nói, “Có vẻ như cái bản chất hay sinh sự của dân ta đã chết ngủm cả rồi. Nhưng tôi không tin như thế. Nó chỉ chuyển qua một kênh khác thôi. Nay ông, ông có nghĩ ra đó là kênh nào không?”

“Ý ông là họ quây nơi đâu chứ gì?”

“Họ quây ở nơi đâu?”

Tôi đã không lầm. Sự long lanh vẫn còn đó, cái ánh mắt quý giá, ẩn chứa sự hài hước.

“Được thôi, thưa ông”, ông ta nói, “lúc này lúc nọ, ta luôn có một tên sát nhân ở đâu đó, hoặc ta có thể đọc về chúng. Rồi ta có *World Series*^[65]. Ông có thể nổi bão lên mỗi lần đội *Pirates* hay đội *Yankees* ra quân. Nhưng tôi nghĩ điều hay nhất là ta có bọn Nga^[66]”.

“Bà con máu me chuyện này lắm hả?”

“Ồ, dĩ nhiên! Hiếm có ngày nào trôi qua mà không có ai đó chửi bới bọn Nga”. Vì lý do nào đó ông ta trở nên xởi lởi hơn, thậm chí còn tự cho phép mình một tiếng cười khan vốn dễ dàng chuyển thành một tiếng đằng hắng nếu như bắt gặp một phản ứng không hay từ phía tôi.

Tôi hỏi, “Có ai biết người Nga nào sống quanh đây không?”

Và bây giờ ông ta mới bật hết ra, cười lên thành tiếng. “Dĩ nhiên là không. Chính vì thế mà chúng mới có giá. Ông mà chửi bọn Nga thì không ai chê trách gì ông đâu”.

“Vì chúng ta không làm ăn gì với chúng à?”

Ông ta nhặt con dao xắt phô-mai từ quầy hàng, tỉ mỉ liếc ngón cái dọc lưỡi dao rồi đặt con dao xuống. “Có thể là như vậy. Với George thì có thể là như vậy. Ta không làm ăn gì với chúng”.

“Vậy ông nghĩ ta có thể dùng bọn Nga làm chỗ xả cho chuyện gì khác à?”

“Tôi chưa từng nghĩ vậy, nhưng chắc là tôi sẽ nghĩ như thế thôi. Sao không nhỉ, tôi còn nhớ cái hồi người ta xả hết mọi thứ lên đầu Ông

Roosevelt. Andy Larsen tức Roosevelt đến đỏ tía cả mặt cái hồi đàn gà của ông ta bị mắc bệnh hen. Đúng đấy, thưa ông”. Ông ta càng nói càng nhiệt tình, “Bọn Nga gặp rắc rối to rồi đấy. Đàn ông mà cãi cọ với vợ là lỗi ngay bọn Nga ra chứ”.

“Có lẽ tất cả mọi người đều cần bọn Nga. Tôi dám cá là ngay cả bọn Nga cũng cần bọn Nga. Có lẽ họ gọi là bọn Mỹ”.

Ông ta cắt ra một khoanh từ bánh phô-mai, chìa cho tôi trên lưỡi dao. “Ông đã cho tôi vài thứ để nghiền ngẫm”.

“Tôi tưởng là ông cho tôi ấy chứ”.

“Cho ông cách nào?”

“Thì về chuyện làm ăn và các ý kiến cá nhân đó”.

“Vâng, có thể là vậy. Ông biết tôi sẽ làm gì không? Lần sau Andy Larsen mà đến đây với cái mặt đỏ bừng thì tôi sẽ tìm hiểu xem bọn Nga có quấy rầy gì đàn gà của ông ta không. Ông Roosevelt qua đời là một tổn thất lớn cho Andy đấy”.

Giờ thì tôi sẽ không nói một số lượng khổng lồ dân ta cảm nhận sự việc giống như người đàn ông này. Có thể là không và cũng có thể là có. Cũng còn tùy vào chỗ riêng tư hay trong những lĩnh vực phi kinh doanh.

Charley ngóc chiếc đầu, rống lên lời cảnh báo mà chẳng buồn nhồm dậy. Rồi tôi nghe tiếng động cơ đến gần. Tôi định đứng lên thì phát hiện chân tôi từ lâu đã tê dại do ngâm trong nước lạnh. Đôi chân tôi chẳng còn cảm giác gì nữa. Trong khi tôi xoa bóp chúng và cảm giác đau thức tỉnh khi tiếp xúc với lá kim, một chiếc xe hơi kiểu cổ tiến tới. Nó kéo theo một toa kếp khá ngắn, trông ị ạch như một con rùa đang la lết từ ngoài đường vào. Chiếc xe chọn một vị trí ở ven sông, cách chỗ chúng tôi chừng bốn mươi lăm mét. Tôi thấy bức bối với sự xâm phạm cõi riêng tư này, nhưng Charley thì sung sướng ra mặt. Trên những căng chân cứng cáp, nó đến thăm dò những kẻ mới tới bằng những bước nhỏ điệu dàng, ra cái điệu bộ của cả chó lẫn người, không nhìn thẳng vào đối tượng quan tâm. Mặc dù tôi có vẻ giấu cợt Charley, nhưng hãy nhìn xem tôi làm gì trong nửa giờ sau đó và người hàng xóm của tôi làm gì. Mỗi bên đều lo việc riêng của mình với một sự chậm rãi cố tình, cố gắng không nhìn sang phía bên kia, nhưng đồng thời cũng lén lút

liếc sang, lường định, đánh giá. Tôi thấy một người đàn ông không già không trẻ, nhưng có bước chân hoạt bát, nhún nhảy. Ông ta mặc một chiếc quần màu xám ô-liu và áo khoác da. Trên đầu ông ta là chiếc nón cao bồi với chóp phẳng, vành nón được bẻ lên và cột vào chóp bằng chiếc dây quai. Ông ta có khuôn mặt cổ điển, và dù ở xa tôi cũng biết ông ta có một bộ râu quai nón liền với tóc mai và dính luôn với bộ tóc. Râu của tôi thì chỉ mọc ở cằm mà thôi. Trời nhanh chóng trở lạnh. Tôi chẳng rõ có phải là đầu tôi bị lạnh hay tôi không muốn lộ diện trước người lạ. Dù thế nào, tôi cũng đã đội chiếc nón hải quân cũ của mình lên, đun ấm cà phê, rồi ngồi ở bậc thềm đuôi xe chăm chú nhìn tất cả mọi thứ xung quanh ngoại trừ người hàng xóm. Lúc này ông ta đang quét dọn toa xe và bê ra cái bồn rửa chứa đầy nước xà bông, trong khi vẫn làm ra vẻ như chẳng để ý gì đến tôi. Mọi quan tâm của Charley thì hướng vào những tiếng gầm gừ và tiếng sửa từ toa xe vọng ra.

Hẳn là trong mỗi chúng ta đều có một thứ ý thức về thời điểm phù hợp cho xã giao, cho nên tôi đã quyết định ra nói chuyện với người hàng xóm. Thật ra, tôi vừa đứng dậy để tiến đến chỗ ông ta thì ông ta cũng dợm bước về phía tôi. Cả ông ta cũng cảm thấy là thời gian chờ đợi đã hết. Ông ta di chuyển với dáng dấp kỳ lạ, khiến tôi liên tưởng đến thứ gì đó mà tôi không tài nào nhớ ra. Có một sự uy nghi đã tàn tạ ở người đàn ông này. Vào thời đại các hiệp sĩ huyền thoại, người ta hẳn sẽ nghĩ ông ta là một kẻ ăn mày hóa ra lại là một hoàng tử.

Ông ta không cúi rạp mình để chào tôi, nhưng tôi có cảm giác ông ta có thể chào như thế hoặc theo lối người lính chào cả một binh đoàn.

“Xin chào”, ông ta nói. “Tôi thấy ông là dân tài tử”.

Tôi đoán miệng tôi chắc hẳn đang há hốc. Biết bao năm rồi tôi chưa nghe lại thuật ngữ ấy. “Thật ra thì không, không phải đâu. Không, tôi không phải tài tử”.

Giờ thì đến phiên ông ta lúng túng. “Không à? Nhưng, ông bạn thân mến, nếu không phải thì làm sao ông biết thuật ngữ đó?”

“Tôi nghĩ tôi chỉ làm những công việc bên lề”.

“A! Bên lề. Dĩ nhiên rồi. Chắc là ở hậu trường hả – giám đốc hay quản lý sân khấu?”

“Sai luôn”, tôi nói. “Ông muốn uống cà phê không?”

“Hân hạnh”. Ông ta không bao giờ khước từ. Đó là một trong những cái hay của dân tài tử, họ rất hiếm khi khước từ điều gì. Ông ta gập người ngồi lên chiếc ghế băng phía sau chiếc bàn của tôi với một sự duyên dáng mà tôi không bao giờ có được trong suốt cuộc hành trình. Tôi lấy ra hai chiếc ca nhựa và hai chiếc ly thủy tinh, rót cà phê vào rồi đặt chai whisky ở nơi vừa tầm với. Có cảm giác mắt ông ta có một màn lệ mỏng, nhưng cũng có thể màn lệ đó là ở trong mắt tôi.

“Sai luôn”, ông ta nói. “Những người này thì tôi cũng có biết mà”.

“Tôi rót cho ông nhé?”

“Cảm ơn... không, đừng thêm nước”. Ông ta lấy khẩu vị bằng cà phê đen rồi thích thú nhâm nhi món whisky trong khi lia mắt quanh nơi sinh sống của tôi. “Chỗ của ông thích nhỉ, thích lắm”.

“Làm ơn cho tôi biết điều gì khiến ông nghĩ tôi làm trong ngành sân khấu”.

Ông ta cười khan. “Đơn giản lắm, vở Watson^[67]. Ông biết đấy, tôi đã diễn vở đó. Hai phần luôn đấy nhé. Thế này, thoát đầu tôi thấy con chó xù của ông, và tôi quan sát bộ râu của ông. Rồi khi đến gần tôi thấy ông đội chiếc nón hải quân với huy hiệu Quân đội Hoàng gia Anh”.

“Và điều đó đã giúp ông nhận ra?”

“Có thể lắm chứ, bạn hiền. Chắc chắn là có thể. Đôi khi tôi đoán mò mà hóa ra lại trúng”.

Giờ đây, khi nhìn gần, tôi thấy ông ta không hề trẻ. Các động tác của ông ta thì rất trẻ nhưng những thớ da của ông ta, hai bên mép của ông ta nói lên rằng ông ta đang ở tuổi trung niên hay đã qua lứa tuổi đó. Và đôi mắt của ông ta – với những tròng nâu lớn nồng nhiệt trên một nền trắng đã ngả vàng – càng chứng thực điều này.

“Chúc sức khỏe”, tôi nói. Chúng tôi uống cạn hai chiếc ly nhựa chứa cà phê rồi tôi lại rót đầy tiếp.

“Nếu không phải chuyện cá nhân hay chuyện gì quá đau lòng, ông có thể cho tôi biết ông làm gì trong ngành sân khấu không?”

“Tôi viết một số vở kịch”.

“Biên kịch à?”

“Vâng. Chúng đều thất bại cả”.

“Tôi có biết tên ông không nhỉ?”

“Chắc không đâu. Chẳng ai biết cả”.

Ông ta thở dài. “Đó là một công việc nhọc nhằn. Nhưng một khi ông đã dính vào là nó đeo cứng ông luôn. Tôi bị dính vào nghiệp của ông nội tôi và cha tôi chính là người đưa tôi vào tròng”.

“Cả hai là diễn viên à?”

“Cả mẹ tôi và bà ngoại tôi cũng thế”.

“Chúa ơi. Đó là nghệ thuật biểu diễn! Ông đã...” – Tôi tìm kiếm một từ ngữ cũ, “... giải nghệ chưa?”

“Không hề. Tôi vẫn đang diễn đấy chứ”.

“Nhân danh Chúa, ông diễn gì vậy, diễn ở đâu?”

“Ở bất cứ nơi đâu có khán giả. Trường học, nhà thờ, các câu lạc bộ. Tôi mang lại văn hóa, tôi biểu diễn để phục vụ. Tôi nghĩ ông đã nghe cộng sự của tôi ở đằng kia đang phàn nàn. Nó cũng rất giỏi giang đấy. Nó lai giữa giống Airedale^[68] và sói đồng cỏ. Nó mà hứng lên là được hoan nghênh nhiệt liệt ngay”.

Tôi bắt đầu thấy thích người đàn ông này. “Tôi đâu biết những công việc như thế vẫn đang diễn ra”.

“Có những lúc chúng không diễn ra thật”.

“Ông làm việc này lâu chưa?”

“Hai tháng nữa là tròn ba năm”.

“Đi khắp đất nước à?”

“Bất cứ nơi đâu có vài ba người tụ họp. Tôi đã không làm việc gì khác hơn một năm rồi. Chỉ lôi bầu đoàn đi lang thang, biểu diễn và sống tằn tiện bằng thu nhập của mình. Với tôi thì không có chuyện làm gì khác. Đó là tất cả những gì tôi biết, tất cả những gì tôi am hiểu từ trước đến nay. Cách đây lâu rồi, dân kịch nghệ sống thành một cộng đồng ở đảo Nantucket. Cha tôi có mua một lô đất đẹp ở đó và dựng lên một ngôi nhà gỗ. Vâng, tôi đã bán nó, rồi mua đạo cụ ở đó và kể từ đấy tôi cứ luôn di chuyển, và tôi thích như thế. Tôi không nghĩ mình sẽ trở lại với cuộc sống cũ. Dĩ nhiên, nếu chỉ là

một phần thì cũng được. Nhưng, chết tiệt, nếu là một phần, dù là phần nào đi nữa, thì liệu có còn ai nhớ ra tôi?”

“Ở đó thì ông coi như ở nhà rồi còn gì”.

“Phải, đó là một công việc nhọc nhằn”.

“Tôi mong ông đừng nghĩ tôi tọc mạch cho dù tôi có quả là như thế. Tôi rất muốn biết ông chèo chống như thế nào. Điều gì xảy ra? Người ta đối xử với ông thế nào?”

“Người ta đối xử với tôi rất tốt. Và tôi cũng chả biết mình chèo chống như thế nào nữa. Đôi khi tôi thậm chí phải thuê một căn sảnh và chi cho quảng cáo, đôi khi tôi nói chuyện với hiệu trưởng trường học”.

“Nhưng liệu người ta có sợ dân du mục, kẻ lang thang và những người diễn rong?”

“Tôi nghĩ lúc đầu họ cũng sợ chứ. Lúc đầu họ nghĩ tôi là một gã dị hợm vô hại. Nhưng tôi là người lương thiện và tôi không tính giá cao. Sau một hồi thì chất liệu vào cuộc và chinh phục được họ. Ông thấy đấy, tôi tôn trọng chất liệu lắm. Nó tạo ra sự khác biệt. Tôi đâu phải loại lừa bịp. Tôi là một diễn viên, dù giỏi hay dở thì cũng vẫn là diễn viên”. Màu da ông ta ửng lên cùng với rượu whisky và sự sôi nổi. Và có lẽ cũng vì đang được tâm sự với một người có kinh nghiệm hơi hơi giống như ông. Tôi rót thêm vào ly của ông ta và hài lòng ngắm nhìn sự thích thú đang dâng cao. Ông ta uống rồi thở dài. “Chớ để cho những điều như thế diễn ra quá thường xuyên”, ông ta nói. “Hy vọng tôi không gây ấn tượng cho ông là tôi đang nợ ngập đầu. Đôi khi cũng có khó khăn một chút thật”.

“Ông kể nữa đi. Nói tiếp đi”.

“Tôi nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Ông nói ông tôn trọng chất liệu và ông là một diễn viên”.

“Ồ, phải. Vâng, còn một điều này nữa. Chắc ông biết khi mà dân diễn viên phải về diễn ở nơi mà họ gọi là nhà quê, họ khinh miệt các khán giả nhà quê. Tôi mất một thời gian, nhưng khi tôi học được rằng chẳng có người nào là nhà quê cả thì tôi bắt đầu ổn lại. Họ cảm thấy điều đó và họ hợp tác với tôi chứ không chống lại tôi. Một khi ông tôn trọng họ thì họ hiểu ra tất cả những gì ông nói với họ”.

“Kể về chất liệu của ông đi. Ông sử dụng những gì?”

Ông ta nhìn xuống đôi bàn tay. Tôi thấy là chúng được giữ gìn rất tốt và trông rất trắng trẻo, cứ như ông ta lúc nào cũng đeo găng tay. “Tôi hy vọng ông không nghĩ là tôi đánh cắp chất liệu”, ông ta nói. “Tôi rất ngưỡng mộ cách diễn của ngài John Gielgud^[69]. Tôi đã nghe ông ấy diễn màn độc thoại *The ages of Man*^[70] của Shakespeare. Sau đó tôi mua một bản thu băng vở kịch đó đem về nghiên cứu. Không thể tưởng tượng nổi ông ấy đã làm gì với ngôn từ, với sắc điệu và sự truyền cảm!”.

“Ông sử dụng chúng à?”

“Vâng, nhưng tôi không đánh cắp chúng. Tôi đã kể tôi nghe Ngài John diễn và nó tác động lên tôi như thế nào. Và rồi tôi tự nhủ tôi sẽ cố gắng cho người ta cái ấn tượng theo cách thức mà ông ấy đã làm”.

“Thông minh lắm”.

“Vâng, và nó cũng giúp được tôi, vì nó tạo uy lực cho cuộc biểu diễn, mà Shakespeare thì không cần phải quảng cáo. Bằng cách đó, tôi không đánh cắp chất liệu của ông ấy. Nó giống như tôi đang tôn vinh ông ấy, mà tôi làm như thế thật”.

“Họ đáp ứng như thế nào nhỉ?”

“Vâng, tôi nghĩ giờ đây tôi đã giống như ở sân nhà của mình, vì tôi có thể ngắm những ngôn từ thấm vào, và họ đã quên khuấy cả tôi, ánh mắt của họ như hướng ngược vào trong, và với họ tôi không còn là một gã dị hợm nữa. À, ông nghĩ thế nào?”

“Tôi nghĩ Gielgud sẽ rất hài lòng”.

“Ồ! Tôi đã viết cho ông ấy một lá thư rất dài, thuật lại tất cả những gì tôi đang làm”. Ông ta rút từ túi hông ra một chiếc bóp xù xì, lấy ra một mẫu giấy nhôm được xếp lại cẩn thận. Bằng những ngón tay cẩn trọng, ông ta mở nó, lôi ra một tấm giấy viết thư nhỏ có tên được ép kim trên đầu trang. Thư được đánh máy, nội dung như sau, “Ông... thân mến; Xin cảm ơn lá thư tử tế và lý thú của ông. Tôi sẽ chẳng thể là diễn viên nếu không thấu hiểu những lời khen tụng chân thành đã được ông áp dụng cho công việc của mình. Chúc ông may mắn và cầu Chúa phù hộ cho ông. John Gielgud”.

Tôi thở dài, nhìn những ngón tay kính cần của ông ta xếp lại tấm giấy, bọc nó vào lớp áo giáp bằng giấy nhôm và cất vào trong bóp.

“Tôi chưa bao giờ khoe nó cho bất cứ ai để có được một cuộc trình diễn”, ông ta nói. “Tôi không bao giờ nghĩ mình sẽ làm như thế”.

Tôi tin chắc ông ta không làm thế.

Ông ta xoay xoay chiếc ly nhựa trong bàn tay, nhìn chỗ whisky còn sót lại ở bên trong, một động tác dễ gây sự chú ý của chủ nhà về chiếc ly đã cạn rượu. Tôi mở nút chai rượu.

“Không”, ông ta nói. “Tôi không uống nữa đâu. Từ lâu tôi đã học được rằng kỹ thuật diễn xuất quan trọng và giá trị nhất là biết rút lui đúng lúc”.

“Nhưng tôi đang muốn hỏi thêm ông vài câu nữa đây”.

“Thế thì càng có lý do để rút lui”. Ông ta uống nốt giọt cuối cùng. “Giữ cho người ta luôn thắc mắc”, ông ta nói, “và rút lui nhanh gọn. Cảm ơn ông và chúc ông một buổi tốt tốt lành”.

Tôi nhìn ông ta khẽ đóng cửa trở về chiếc xe của mình, và tôi biết mình sẽ bị ám ảnh bởi một câu hỏi. Tôi gọi với theo: “Chờ chút đã”.

Ông ta dừng lại, quay về phía tôi.

“Con chó thì làm gì?”

“Ồ, vài trò ngớ ngẩn ấy mà”, ông ta nói. “Nó giúp cho cuộc biểu diễn được suôn sẻ. Khi biểu diễn nhạt nhẽo thì nó làm cho sôi động lên”. Rồi ông ta đi tiếp về nhà mình.

Thế là nó vẫn tiếp diễn, một cái nghề còn xưa hơn cả nghề viết và biết đâu nó sẽ còn tiếp diễn cả sau khi nghề viết lụi tàn. Và tất cả các thành tựu vô trùng như điện ảnh, truyền hình và phát thanh sẽ chẳng thể nào quét nó đi. Một người sống thực trong cuộc giao tiếp với một khán giả sống thực. Nhưng ông ta sống bằng cách nào? Ai đồng hành cùng ông ta? Cuộc sống ẩn của ông ta ra sao? Ông ta đã nói đúng. Sự rút lui của ông ta kích thích những câu hỏi.

Màn đêm chất chứa những điềm báo chẳng lành. Bầu trời buồn bã đã biến dòng nước nhỏ thành một khối kim loại nguy hiểm. Và rồi gió từ đâu dâng lên – không phải là gió bão, gió lốc vùng bờ biển mà tôi từng biết. Đó là một cơn gió quét bùng nổ một cách bột phát và không gì có thể ngăn nổi nó trong vòng bán kính một ngàn sáu trăm ki-lô-mét. Vì đó là một cơn gió lạ, và vì thế mà bí ẩn đối với tôi, nó cũng gợi nên những đáp ứng đầy bí ẩn trong tôi. Về lý mà nói, nó chỉ lạ vì tôi thấy nó lạ. Nhưng phần lớn kinh nghiệm của chúng ta, mà ta cho là không thể giải thích, đều diễn ra như thế. Theo sự hiểu biết chắc chắn của tôi, nhiều người đã che giấu những trải nghiệm vì sợ mình trở nên lỗ bịch. Có bao nhiêu người từng thấy hoặc nghe hoặc cảm giác một điều gì làm tổn thương cảm xúc của họ đến nỗi toàn bộ điều đó được họ quét đi thật nhanh giống như bụi bặm dưới tấm thảm?

Với tôi thì tôi để ngỏ đường cho cả những thứ mà tôi không thể hiểu hoặc giải thích, nhưng điều đó chẳng dễ gì trong thời khắc kinh hoàng này. Vào giây phút này, ở Bắc Dakota, tôi đang chần chừ chẳng muốn lái xe đi tiếp và sự chần chừ đó đang tích tụ thành nỗi sợ. Cùng lúc đó, Charley lại muốn đi. Quả thật nó đã làm náo loạn mọi thứ để đòi đi, đến mức tôi phải ra sức lý sự với nó.

“Nghe này, Charley. Trong tao có sự thôi thúc rất lớn phải ở lại giống như có lệnh trời vậy. Nếu tao không tuân theo, cứ đi và một cơn bão tuyết lớn ập xuống chúng ta, tao sẽ hối hận vì phớt lờ lời cảnh báo. Còn nếu như tao ở lại và bão tuyết ập xuống thì tao sẽ chắc chắn là số tao nó thế”.

Charley hắt hơi và chạy quanh không ngừng nghỉ. “Thôi được, chó quậy, ta xem xét từ phía mày vậy nhé. Mày muốn đi chứ gì. Giả sử ta đi, và trong đêm một thân cây đổ xuống ngay tại chỗ mà ta đang đứng đây. Thế thì kẻ được thần thánh chiếu cố chính là mày rồi. Khả năng đó luôn luôn có. Tao

có thể kể mà nghe hàng lô lốc những câu chuyện về những con vật trung thành đã cứu chủ, nhưng tao nghĩ mà sẽ thấy chán phèo mà tao thì cũng không muốn tâng bốc mà làm gì”. Charley ngược nhìn tôi bằng cặp mắt hoài nghi nhất. Tôi nghĩ nó chẳng thuộc loại lãng mạn mà cũng chẳng mê tín gì. “Tao biết ý mày rồi. Nếu ta đi và không có cái cây nào rơi xuống, hoặc ta ở lại và không có bão tuyết nào cả... vậy thì sao nào? Để tao nói mày nghe. Ta quên bécng toàn bộ tình tiết này đi và chuyện tiên tri sẽ chẳng bị làm sao cả. Tao bỏ phiếu ở. Mày bỏ phiếu đi. Nhưng do tao ở gần đỉnh cao tạo hóa hơn mày, mà lại còn là chủ nhân của mày nữa, nên lá phiếu của tao là quyết định”.

Chúng tôi ở lại và chẳng có bão tuyết hay cây rơi nào, nên đương nhiên chúng tôi quên luôn toàn bộ sự việc và sẵn sàng hơn để đón nhận mọi linh cảm thần bí khi nào mà chúng tới. Và vào buổi sáng sớm trời quang mây tạnh, trên mặt đất dày tuyết trắng, phủ sương giá, chúng tôi lạo xạo dong xe ra đường. Toa xe nghệ thuật kia vẫn tối mù, nhưng từ bên trong có tiếng chó sủa khi chúng tôi ra đến mặt đường.

Hình như có ai đó đã kể cho tôi nghe về sông Missouri ở Bismarck, Bắc Dakota, hay tôi đã từng đọc về nó. Dù là trường hợp nào thì tôi cũng đều đã không chú ý. Tôi sẽ sờ khi đến đó. Đây hẳn phải là nơi nằm trên nếp gấp bản đồ, hẳn phải là ranh giới giữa Đông và Tây. Phía bên Bismark là phong cảnh miền Đông, cây cỏ miền Đông, với cả dáng vẻ lẫn mùi vị của miền Đông nước Mỹ. Vượt qua sông Missouri, phía bên Mandan, là một khung cảnh thuần túy miền Tây, với cỏ nâu, rãnh nước và những mô đất nhỏ. Hai bên bờ của một con sông mà sao như cách nhau ngàn dặm. Do tôi không chuẩn bị cho cái ranh giới Missouri này, nên tôi cũng không hề chuẩn bị cho Bad Lands^[71]. Cái tên sao mà xứng thế! Nó giống như tác phẩm của một đứa bé hư đốn. Một nơi như thế này ắt hẳn là do các thiên thần lạc bước xây nên để trêu ngươi Thượng đế. Nó vừa khô vừa lạnh, vừa hoang vu vừa nguy hiểm, và với tôi còn mang đầy những điềm gở. Có thể cảm thấy rằng nó không ưa và cũng chẳng ghênh đón loài người. Nhưng loài người có ý chí của loài người và tôi là một con người. Tôi rời đường cao tốc đi vào một con đường đá, cắm đầu len lỏi giữa các mô đất, nhưng với một sự then thừng

như thể mình vừa phá tan một bữa tiệc. Mặt đường cầu xé các bánh xe của tôi một cách dữ dội và làm cho các nhíp xe quá tải của Rocinante kêu rên thảm thiết. Quả là một nơi lý tưởng cho những bầy người hang động, hay đúng hơn, cho những người khổng lồ độc ác. Và ở đây có một điều kỳ lạ. Tôi càng cảm thấy không được chào đón ở miền đất này thì càng do dự chẳng muốn viết về nó.

Lúc này tôi thấy có một anh chàng đang đứng tựa vào một hàng rào bằng hai sợi kẽm gai. Các sợi kẽm gai này không gắn vào cọc mà vào những cành cây cong queo chôn xuống đất. Chàng trai đội một chiếc nón sẫm, mặc quần jean, áo khoác dài “wash” màu xanh nhạt với những chỗ bạc màu ở cùi chỏ và đầu gối. Đôi mắt xám nhạt của anh ta như bị nắng chói làm bất động và da của anh ta thì sần như da rắn. Một khẩu .22 gác lên hàng rào cạnh anh ta, còn trên mặt đất là một đồng lông chim và lông thú – thỏ và các loài chim nhỏ. Tôi trở tới để bắt chuyện với anh ta. Đôi mắt anh ta vuốt ve Rocinante, soi đến từng chi tiết, rồi thụt trở lại hốc mắt. Và tôi chợt thấy mình chẳng có gì để nói với anh chàng này cả. Những câu như “Có vẻ như mùa đông đến sớm nhỉ”, hay “Có chỗ nào gần đây câu cá tốt không?” có vẻ chẳng phù hợp. Thế nên chúng tôi chỉ đơn giản là gườm gườm nhìn nhau.

“Xin chào!”

“Chào ông”, anh ta nói.

“Có nơi nào gần đây bán trứng không?”

“Gần đây thì không. Ông muốn thì ra tí Galva hoặc tới Beach”.

“Tôi đang thèm ăn trứng gà tươi”.

“Chỉ có bột trứng thôi”, anh ta nói. “Tôi có bột trứng hiệu Bà Gets”.

“Sống ở đây lâu chưa?”

“Lâu”.

Tôi chờ anh ta hỏi gì đó hay nói gì đó để khởi đầu câu chuyện, nhưng anh ta im như thóc. Và vì sự im lặng cứ tiếp diễn nên càng lúc càng khó nghĩ ra điều gì đó để mà nói.

Tôi thử thêm lần nữa. “Mùa đông ở đây có lạnh không?”

“Lạnh”.

“Anh nói nhiều nhỉ”.

Anh ta toét miệng cười. “Bà xã tôi cũng bảo thế”.

“Tạm biệt”, tôi nói, rồi gài số đi tới. Qua tấm kính chiếu hậu, tôi thấy anh ta nhìn theo tôi. Có thể anh ta chẳng phải là một người Bad Lands tiêu biểu, nhưng lại là một trong những người dân ít ỏi nơi đó mà tôi gặp.

Đi xa hơn một chút, tôi dừng trước một căn nhà nhỏ trông như một cái trại lính dự bị, nhưng lại sơn trắng viền vàng. Bên cạnh là vết tích sắp tan biến của một căn vườn với những cây phong lữ rũ trong sương giá và lèo tèo vài bụi hoa cúc với những nụ nhỏ màu vàng và đỏ-nâu. Tôi bước trên lối vào mà trong đầu biết chắc có ai đó đang nhìn tôi từ sau những tấm rèm cửa sổ màu trắng. Một bà cụ ra tiếp khi tôi gõ cửa. Khi tôi xin nước, bà cho tôi uống và bắt đầu hỏi han và nói liên tục, không để tôi mở miệng. Bà ta nói một cách thèm khát, một cách cuống cuồng, về những người thân của bà, về bạn bè của bà và về việc bà không sao quen được với nơi này. Bởi lẽ bà không phải là người ở đây và không thực sự thuộc về nơi đây. Quê của bà là một nơi có sữa, có mật ong, có những loài linh trưởng, ngà voi và những con công. Giọng của bà liên thoảng như thể bà quá khiếp sợ cái viễn cảnh sự im ắng sẽ trở lại ngay sau khi tôi ra đi. Khi bà nói, tôi chợt nghĩ bà sợ hãi nơi đây và, nghĩ thêm nữa, cả tôi cũng cảm thấy sợ hãi. Tôi cảm thấy mình không muốn bị kẹt lại đây vào ban đêm.

Tôi rơi vào trạng thái muốn xa chạy cao bay khỏi cái phong cảnh kỳ dị này. Và rồi, buổi chiều muộn đã làm thay đổi tất cả. Khi mặt trời xuống thấp, những ụ đất và khe sâu, những vách đá, những ngọn đồi và hẻm núi khúc khuỷu chợt mất đi cái vẻ chói nắng và dễ sợ của chúng. Chúng ánh lên dịu dịu một sắc vàng và nâu cùng hàng trăm sắc thái khác nhau của màu đỏ, màu xám bạc, tất cả nổi lên nhờ những đường vân đen nhánh. Nó đẹp quá mức khiến tôi phải dừng lại gần những cây tuyết tùng và bách xù thấp bé bị gió thổi oằn, bàng hoàng trước sự trong vắt của ánh sáng. Trên nền mặt trời lặn, những ngôi nhà trông tối đen và sắc nét. Trong khi đó, ở hướng đông, nơi ánh sáng tự do đổ chênh chếch, là một phong cảnh kỳ lạ tràn trề màu sắc. Ban đêm không còn chút gì đáng sợ mà lại tuyệt vời ngoài cả sức tưởng tượng. Bởi lẽ các vì sao ở ngay sát trên đầu, và mặc dù trời không trăng, ánh sáng sao vẫn tạo ra một vầng bàng bạc trên bầu trời. Vì niềm vui thuần

khiết, tôi gom một mớ cành tuyết tùng khô, nhóm một ngọn lửa nhỏ chỉ để ngửi mùi thơm gỗ cháy và nghe những tiếng lách tách dễ chịu của cành khô. Đám lửa tạo thành một quầng vàng trên đầu tôi, và gần đó tôi nghe có tiếng cú săn mồi kêu inh ỏi và cả tiếng sủa của sói đồng cỏ, không hề là tiếng tru mà là tiếng sủa trắng ngần, giật cục. Đó là một trong những nơi ít ỏi tôi thấy ban đêm thân thiện hơn ban ngày. Và tôi dễ dàng hiểu ra vì sao người ta bị thôi thúc phải trở lại Bad Lands.

Trước khi ngủ, tôi trải một tấm bản đồ ra giường, tấm bản đồ bị Charley vọc nát. Beach ở không xa lắm, và đó hẳn là nơi tận cùng của Bắc Dakota. Kế tiếp là Montana, nơi tôi chưa từng đến. Đêm đó lạnh đến mức tôi phải mặc vào những đồ lót chống lạnh bên trong bộ pyjama. Và khi Charley làm xong các bốn phận của nó, xới hai chiếc bánh quy, uống bốn lít nước như thường lệ và cuối cùng cuộn mình ở chỗ nằm của nó dưới gầm giường, tôi lấy ra một chiếc chăn dự trữ và đắp cho nó, trùm khắp cả mình chỉ chừa ra cái mũi. Nó thở phì, hơi vặn mình, phát ra một tiếng rên hoàn toàn khoan khoái ngất ngây. Và tôi nghĩ chẳng hiểu sao trong suốt cuộc hành trình tôi cứ tìm thứ này là lại gặp thứ khác. Vào ban đêm Bad Lands đã trở thành Good Lands^[72]. Tôi không thể giải thích được. Nó là như thế.

Đoạn kế tiếp trong cuộc hành trình của tôi là một câu chuyện tình. Tôi si tình Montana. Với các bang khác, tôi thấy khâm phục, nể nang, thừa nhận, thậm chí có ít nhiều tình cảm, nhưng với Montana thì tôi yêu, và thật khó mà giải thích vì sao bạn yêu một khi bạn đang yêu. Có lần, khi thấy tôi ngất ngây trong vầng hào quang màu tím của Người đẹp lòng tôi, cha tôi đã hỏi tôi vì sao, và tôi đã nghĩ ông ấy chắc là điên mới không nhận ra. Giờ thì tôi biết cô ta khi đó chỉ là một cô bé tóc bù xù, mũi tàn nhang, đầu gối đầy nốt ghẻ, chất giọng như loài dơi, và sự tử tế đáng yêu thì giống như loài thằn lằn độc. Nhưng lúc đó cô ta phủ hào quang khắp xung quanh và cả lên chính tôi. Với tôi, Montana có vẻ như là một kỳ quan vĩ đại nhất. Kích thước của nó khổng lồ nhưng không đến mức áp chế. Miền đất ấy rất giàu cỏ cây và màu sắc. Và những ngọn núi của nó chính là loại mà tôi muốn tạo ra nếu như có quyền năng sáng tạo. Montana với tôi cũng giống như những tưởng tượng của một cậu bé về Texas qua lời kể của một người Texas^[73]. Tại đây, lần đầu tiên tôi nghe thấy những phát âm đích thực địa phương, không hề bị truyền hình tác động, một thứ phát âm chậm rãi và ấm áp. Có vẻ như sự bùng phát điên cuồng của nước Mỹ không với tới Montana. Người dân ở đây có vẻ không sợ cái bóng của những nhóm kiểu như John Birch Society^[74]. Sự tĩnh tại của những ngọn núi và đồng cỏ bạt ngàn đã thấm thấu vào người dân. Tôi lái xe qua bang này vào giữa mùa săn bắn. Những người đàn ông mà tôi nói chuyện không có vẻ gì đang lao vào một cuộc tàn sát theo mùa, mà chỉ đơn giản đi săn để lấy thịt ăn. Một lần nữa, thái độ của tôi có thể bị tình yêu chi phối, nhưng tôi cảm thấy các thị trấn ở đây là những nơi để sống chứ không phải là những tổ ong chộn rộn. Người dân có thời gian dừng tay khỏi công việc để trao cho nhau tình láng giềng hòa thuận.

Tôi nhận ra mình không vội vã đi qua các thị trấn để chúng khuất mắt. Tôi thậm chí nhận ra tôi đã mua những thứ lặt vặt chỉ để nấn ná ở lại. Ở Billings, tôi mua một chiếc nón, ở Livingston tôi mua một chiếc áo khoác, ở Butte, tôi mua một khẩu súng trường mà chẳng đặc biệt cần đến. Đó là một khẩu Remington .222 dùng then trượt, tuy là hàng xài rồi nhưng trong tình trạng tốt. Rồi tôi tìm ra một ống ngắm mà tôi cần, và chờ người ta lắp vào súng cho tôi. Trong thời gian này tôi đã làm quen được với tất cả mọi người trong cửa hiệu và tất cả mọi khách hàng bước vào đó. Súng đã lắp ống ngắm và gỡ then trượt, chúng tôi ngắm vào một mục tiêu trên ống khói cách đó ba lô đất, và sau này, khi tôi có dịp dùng đến khẩu súng nhỏ này, tôi thấy chẳng có lý do gì phải thay súng mới cả. Tôi dành phần lớn buổi sáng cho chuyện này, chủ yếu vì tôi muốn nấn ná thôi. Nhưng tôi hiểu rằng tình yêu, như muôn thuở, là không thể giải bày được. Montana đã bỏ bùa tôi. Nó quá kỳ vĩ và ấm áp. Nếu Montana mà có bờ biển hoặc nếu tôi sống được xa bờ biển, tôi sẽ lập tức dọn đến đó và nộp đơn xin thường trú. Trong tất cả các bang, đó là bang tôi ưa thích và yêu mến nhất.

Tại Custer, chúng tôi rẽ xuống phía nam để tưởng niệm tướng Custer và tù trưởng Sitting Bull tại chiến trường Little Big Horn. Tôi không tin có người Mỹ nào không ghi tạc trong tâm trí bức tranh của Remington vẽ về đợt phòng thủ cuối cùng của đội hình trung tâm của Lữ đoàn kỵ binh số 7. Tôi ngả nón tưởng niệm những con người quả cảm, và Charley cũng chào theo kiểu cách của nó, nhưng tôi tin là cũng rất thành kính.

Toàn bộ miền Đông Montana và miền Tây Dakota trong ký ức xưa thuộc về xứ Injun, mà thật ra ký ức đó cũng chẳng xa xưa mấy. Vài năm trước đây, tôi có một người hàng xóm tên là Scott Wood, tác giả của cuốn *Heavenly Discourse*^[75]. Lúc tôi quen ông ta thì ông ta đã là một ông cụ rất già, nhưng hồi là một trung úy trẻ vừa tốt nghiệp học viện quân sự, ông đã được điều động đến chỗ tướng Miles và phục vụ trong chiến dịch Chief Joseph^[76]. Ký ức của ông ta rất sống động và đau thương. Ông ta nói đó là một cuộc rút lui hào hoa nhất trong toàn bộ lịch sử. Chief Joseph và các chiến binh Nez Percés cùng phụ nữ, trẻ em, chó và toàn bộ tài sản của họ đã rút lui, vượt qua hàng ngàn dặm để trốn sang Canada dưới đạn pháo dữ dội. Ông Wood

nói họ chiến đấu với muôn vàn khó khăn trên từng bước đi, cho đến khi cuối cùng bị vây hãm bởi đội kỵ binh dưới quyền tướng Miles, và phần lớn đoàn người đã bị quét sạch. Theo ông Wood, đó là nhiệm vụ đau buồn nhất mà ông phải thực thi, và ông chưa bao giờ thôi khâm phục tinh thần chiến đấu của người Nez Percés. “Nếu họ không phải gồng gánh gia đình thì chúng tôi sẽ chẳng bao giờ bắt kịp họ”, ông nói. “Và nếu người và vũ khí của hai bên là ngang nhau thì chúng tôi sẽ chẳng đời nào đánh bại được họ. Họ là những người đàn ông”, ông ta nói, “Những người đàn ông thực thụ”.

Tôi phải thú nhận là mình không quan tâm mấy đến vấn đề Công viên Quốc gia. Tôi rất ít khi tham quan các Công viên này. Có lẽ đó là vì chúng giam hãm những thác nước độc đáo nhất, ngoạn mục nhất, sừng sốt nhất, hoành tráng nhất, những hẻm núi sâu nhất, những mỏm đá cao nhất, những công trình kỳ diệu nhất của con người và thiên nhiên. Và tôi thà xem một tấm ảnh đẹp của Brady^[ZZ] còn hơn là đỉnh Rushmore. Vì, theo thiện ý của tôi, chúng ta đang giam hãm thiên nhiên và khoa trương những trò đồng bóng của dân tộc chúng ta, nền văn minh chúng ta. Xét về tính biểu trưng cho nước Mỹ thì Công viên Quốc gia Yellowstone chẳng hơn gì Disneyland.

Đó là thái độ tự nhiên của tôi. Tôi không hiểu điều gì đã khiến tôi quay ngoắt về hướng nam và băng qua biên giới bang để ghé thăm Yellowstone. Có lẽ là do e ngại mấy người hàng xóm. Tôi như nghe thấy họ nói, “Anh bảo anh đã đến gần Yellowstone mà không ghé qua đó sao? Chắc là anh điên rồi”. Một lần nữa, đó có thể là xu hướng của người Mỹ khi đi du lịch. Người ta đi không phải để xem mà là để kể lại sau đó. Cho dù mục đích ghé thăm Yellowstone của tôi có là gì, tôi vẫn mừng là mình đã đi vì nhờ đó tôi phát hiện ra một số điều tôi chưa từng biết về Charley.

Người bảo vệ trông dễ chịu của Công viên Quốc gia soát vé vào cổng của tôi rồi nói, “Con chó này thì sao? Chó không được phép vào đây trừ phi được cột xích”.

“Tại sao?” tôi hỏi.

“Tại vì có gấu”.

“Ông ơi”, tôi nói, “đây là một con chó rất đặc biệt. Nó chẳng nhe nanh múa vuốt với ai bao giờ. Nó tôn trọng cả quyền làm mèo của bọn mèo mặc dù nó chẳng ngưỡng mộ gì chúng. Nó thà quay lui chứ chẳng muốn làm phiền một con sâu. Điều mà nó sợ nhất là ai đó trỏ tay vào con thỏ và bắt nó

rượt. Đây là một con chó yêu hòa bình và thích yên ổn. Theo tôi thì nguy cơ lớn nhất cho mấy con gấu của ông là chúng sẽ phật lòng vì bị Charley phớt lờ”.

Người đàn ông phá lên cười. “Tôi không lo cho mấy con gấu lắm đâu”, ông ta nói. “Nhưng mấy con gấu chỗ chúng tôi lại không dung nạp loài chó. Một con nào đó có thể sẽ bày tỏ thành kiến của nó bằng một cú tát vào mõm, và thế là... tiêu luôn chó”.

“Thưa ông, tôi sẽ nhốt nó ở sau xe. Tôi xin hứa là Charley sẽ không gây chút xáo trộn nào cho thế giới loài gấu, và với tư cách một khách già đi ngắm gấu, cả tôi cũng vậy luôn”.

“Tôi chỉ cảnh báo ông theo nghĩa vụ thôi”, ông ta nói. “Con chó của ông chắc cũng có thiện chí đấy, nhưng đám gấu chỗ chúng tôi thì chẳng thiện chí lắm đâu. Xin đừng để thức ăn lại. Chúng không chỉ cướp thức ăn mà còn rất hay nổi quạu với những ai tìm cách chiêu dụ chúng. Nói tóm lại, đừng tin bộ mặt hiền lành của chúng nếu không ông sẽ trả giá đấy. Và đừng thả con chó ra ngoài. Gấu thì chẳng có lý lẽ gì đâu”.

Chúng tôi đi vào xứ thần tiên của thiên nhiên hoang dã và bạn sẽ phải tin điều gì sắp xảy ra. Cách duy nhất để tôi chứng minh điều đó là có một con gấu.

Rời khỏi cổng khoảng một cây số rưỡi, tôi thấy một con gấu ở bên đường. Nó thông thả đi như thể đang muốn vẫy xe quá giang. Đột nhiên, một sự thay đổi chợt đến với Charley. Nó gào lên giận dữ. Lợi của nó nhe hết cả ra, để lộ hàm răng lởm khởm vốn thường ngày đã vất vả trong việc nhai những chiếc bánh quy cho chó. Nó tuôn ra những lời chửi bới hướng về con gấu. Nghe tiếng nó, con gấu xồng xộc lao đến, và tôi có cảm giác khi chồm lên nó còn cao hơn cả Rocinante. Tôi cuống cuống quay cửa kính đóng lại, nhào thật nhanh sang trái để né con thú, trong khi Charley giận dữ quát tháo ngay cạnh tôi, diễn tả một cách cụ thể nó sẽ làm những gì với con gấu nếu được thả ra ngoài. Tôi chưa bao giờ ngạc nhiên đến thế trong cuộc đời. Theo như tôi biết thì Charley chưa từng bao giờ gặp gấu, và trong suốt lịch sử cuộc đời, nó luôn thể hiện sự khoan dung cao độ với mọi loài sinh vật. Cạnh đó, Charley còn là một con chó nhát gan, nhát gan thậm tệ đến mức nó

thường phải phát triển các kỹ thuật để che giấu điều đó. Thế mà lúc này nó lại thể hiện rất rõ ràng rằng nó chỉ muốn lao ra để tàn sát con gấu vốn nặng cân hơn nó để đến cả một ngàn lẻ một lần. Tôi không sao hiểu nổi.

Lên trên chút nữa có hai con gấu xuất hiện, và tác động lên Charley cũng được nhân đôi lên. Charley trở nên phát rồ. Nó nhảy tán loạn qua người tôi, gầm gừ, nguyên rủa, nhe nanh và sủa vang trời đất. Tôi không ngờ nó có khả năng nhe nanh dữ tợn như thế. Nó học điều đó ở đâu vậy kia? Gấu ở đây rất nhiều nên con đường trở thành cơn ác mộng. Lần đầu tiên trong đời, Charley chống cự lại lý lẽ, thậm chí chống cự lại cái bạt tai. Nó trở thành một sát thủ nguyên thủy đang khát máu kẻ thù, và cho đến tận lúc đó nó chưa từng có kẻ thù. Trên một quãng đường không có gấu, tôi mở cửa buồng lái, nắm lấy vòng đeo cổ của Charley để lôi nó nhốt vào nhà. Nhưng điều này chẳng ích lợi gì. Khi chúng tôi băng qua những con gấu khác, nó nhảy dựng cả lên bàn và cào vào kính cửa để đòi ra ngoài xử lý chúng. Tôi nghe thấy những đồ hộp thức ăn bị ngã đổ khi Charley vật vã với cơn điên loạn của nó. Điều gì đã gây ra chuyện này? Bọn gấu đơn giản đã lôi ra ông Hyde trong chiếc đầu Jekyll của con chó^[78]. Điều gì có thể gây ra chuyện này? Phải chăng đó là thứ ký ức nguyên thủy của một thời kỳ mà con sói vẫn còn bên trong nó? Tôi hiểu nó rất rõ. Cũng có lúc nó chơi trò lấu cá, nhưng đó là sự giả dối có thể sờ nắn được. Còn lần này thì tôi thề rằng đó không phải là sự giả dối. Tôi dám chắc nếu thả nó ra, nó sẽ tấn công mọi con gấu chúng tôi gặp để tìm chiến thắng hay cái chết.

Đó là một màn kịch quá đối căng thẳng, quá sức kích động, giống như ta thấy một người bạn già, hiền hòa của mình bỗng chốc lên cơn điên. Không một cảnh quan thiên nhiên, một vách đá cứng, một dòng nước phun trào, một dòng suối bốc khói nào còn lôi cuốn sự chú ý của tôi khi mà cái Pandemonium^[79] đó còn đang tiếp diễn.

Sau lần chạm trán thứ năm, tôi đầu hàng, cho Rocinante quay đầu lại trở về. Nếu tôi ở lại qua đêm và việc nấu nướng của tôi lôi kéo bọn gấu đến, tôi không biết điều gì sẽ xảy ra.

Ở cổng, người bảo vệ cho tôi ra. “Ông không ở lâu lắm nhỉ. Con chó đầu mất rồi?”

“Tôi nhốt nó phía sau. Tôi nợ ông một lời xin lỗi đấy. Con chó này có trái tim và tâm hồn sát gấu mà trước đây tôi không biết. Trước giờ nó chỉ là một con thú dịu dàng, chỉ ăn thịt nấu sẵn mà thôi”.

“Vâng!” ông ta nói. “Chuyện đó đôi khi cũng xảy ra. Chính vì vậy nên tôi mới cảnh báo ông. Một con chó sát gấu thì phải coi xem nó may mắn cỡ nào. Tôi từng thấy một con Pomeranian^[80] bắn lên trời cứ y như một cột khói vậy. Ông biết đấy, một con gấu bảnh có thể vọt con chó như một trái banh quần vợt”.

Tôi lái nhanh, theo đường cũ trở về. Và tôi đã do dự, không cắm trại lại vì sợ có những con gấu không chính thức, phi chính phủ, còn quanh quẩn đâu đây. Đêm đó tôi ngụ tại một bãi xe đẹp gần Livingston. Tôi dùng bữa tối tại nhà hàng. Và trong khi nhâm nhi ly rượu trên chiếc ghế thoải mái, đôi chân trần vừa được kỳ cọ đặt trên tấm thảm có thêu những bông hồng đỏ, tôi quan sát Charley. Trông nó phờ phạc. Ánh mắt nó xa xăm và nó hoàn toàn kiệt quệ, không nghi ngờ là về mặt tinh thần. Nó khiến tôi nghĩ đến một người đàn ông vừa trải qua một bữa nhậu lớn, kéo dài: tả tơi, rời rã, suy sụp. Nó không ăn nổi bữa tối, từ chối đi tản bộ. Khi vào đến phòng thì nó đổ sụp xuống sàn và ngủ thiếp đi. Ban đêm, tôi nghe tiếng nó rên rỉ và kêu ăng ăng. Tôi bật đèn lên thì thấy chân nó khua khua như đang chạy, thân mình nó giật thót còn đôi mắt thì mở thao láo. Nhưng đó chỉ là một cơn ác mộng về gấu. Tôi đánh thức nó dậy và cho nó uống chút nước. Lần này thì nó chìm vào giấc ngủ và không co giật gì nữa suốt cả đêm. Đến sáng nó vẫn chưa hết mệt. Tôi tự nhủ những suy nghĩ và xúc cảm của loài vật cũng không hề đơn giản.

Tôi còn nhớ hồi bé, khi đọc hoặc nghe nói về “Đại phân tuyến”^[81], tôi luôn sững sốt trước âm hưởng hoành tráng của cụm từ này để mô tả cột xương sống granite của lục địa. Trong tâm trí, tôi hình dung ra những vách dốc đứng dang cao đến tận mây xanh, một dạng Vạn lý Trường thành tự nhiên. Những dải núi đá đều quá lớn, quá dài, quá đồ sộ đến hơn cả hùng vĩ. Ở Montana, nơi tôi vừa đi qua, sự dang cao diễn ra từ từ, và nếu như không có dấu sơn thì tôi sẽ chẳng đời nào biết mình đã băng qua Đại phân tuyến vào lúc nào. Nó không cao như một dốc đứng. Tôi băng qua nó khi thấy dấu sơn, nhưng tôi đã dừng lại, lui xe, ra ngoài và đứng dang chân qua nó. Khi tôi đứng trên nó, quay mặt về hướng nam, trong tôi có một cảm xúc kỳ lạ khi biết rằng nước mưa rơi trên chân phải của tôi sẽ ra đến Thái Bình Dương, trong khi nước mưa rơi trên chân trái của tôi sẽ vượt qua muôn vàn dặm để ra Đại Tây Dương. Nơi đây chẳng có ấn tượng gì đặc biệt so với việc nó mang một thực tế kỳ diệu như thế.

Đến miền đất cao ráo và hiểm trở này, ta không thể nào không nghĩ đến những người đầu tiên đã băng qua nó, các nhà thám hiểm người Pháp, những người đi theo đoàn của Lewis và Clark^[82]. Chúng ta có thể bay qua đó trong năm giờ, lái xe qua đó trong một tuần, nhón nhờ thăm thú nó như tôi đang làm trong một tháng hay sáu tuần. Nhưng Lewis và Clark cùng đội của họ đã xuất phát từ St. Louis vào năm 1804 và quay về vào năm 1806. Và nếu nghĩ về mình như con người, ta hẳn phải nhớ rằng trong suốt hai năm rưỡi dẫn bước trong hoang dã và vượt qua những miền đất xa lạ để lần mò đến Thái Bình Dương, chỉ có duy nhất một người chết và một người bỏ cuộc. Và bây giờ thì chúng ta chỉ chực đau ốm nếu việc giao sữa bị chậm trễ và chực chết vì đau tim nếu như thang máy bị hỏng. Những người đàn ông đó đã nghĩ gì khi một thế giới mới thực thụ mở ra ở phía trước? Hay sự tiến

triển đã diễn ra chậm chạp đến mức tác động của cái mới cũng thất lạc mất luôn? Tôi không tin là họ không có ấn tượng nào. Chắc chắn bản báo cáo của họ gửi về cho chính phủ là một tài liệu đầy phần khích. Họ không hề lúng túng. Họ biết rõ mình đã tìm ra được gì.

Tôi lái xe băng qua ngón tay cái giường lên của Idaho, vượt qua những dải núi thực thụ cao vun vút, dày đặc những ngọn thông và ngập sâu trong tuyết. Chiếc đài của tôi đã tắc tị và tôi nghĩ là nó đã bị hỏng, nhưng thật ra chỉ là vì những vách đá cao đã ngắt sóng vô tuyến. Tuyết bắt đầu rơi nhưng tôi vẫn may mắn vì đó là một cơn tuyết lột phốt. Không khí nhẹ hơn so với phía bên kia của Đại phân tuyến, và tôi nhớ có đọc đâu đó về những luồng không khí ấm từ dòng hải lưu Nhật Bản xâm nhập sâu vào nội địa. Những tầng cây thấp mọc rất dày, rất xanh, và khắp nơi đều có nước chảy. Đường đi vắng tanh, thoảng hoặc mới có những tốp người đi săn đội nón đỏ, mặc áo khoác vàng, đôi lúc với một con nai hoặc hươu trùm mền trên nóc xe. Vài ngôi nhà gỗ miền sơn cước nhô ra từ những bờ dốc đứng, nhưng cũng chẳng phải là nhiều nhận gì.

Tôi dừng lại rất nhiều lần vì Charley. Nó đang gặp những khó khăn ngày càng lớn trong việc xả xú-páp, điều mà những người đồng tính nam hay gọi là hội chứng đáng buồn của việc bí tiểu. Điều này đôi lúc làm cho nó đau đớn và luôn khiến nó ngưng ngừng. Hãy nghĩ về con chó này với bầu nhiệt huyết lớn, với điệu bộ hào hoa phong nhã, và ít nhiều uy phong. Nó không chỉ đau về thể xác mà cảm xúc của nó cũng bị tổn thương. Tôi dừng lại ven đường, để nó đi lang thang và tử tế quay lưng lại với nó. Nó làm việc ấy rất lâu. Nếu là một con người giống đực thì tôi hẳn đã nghĩ là người này mắc chứng tiền liệt tuyến. Charley là một quý ông cao niên thuộc trường phái Pháp. Người Pháp chỉ thừa nhận có vụ này và vụ gan yếu là bệnh tật.

Cho nên, trong khi chờ đợi nó, giả tảng như đang ngắm nghía cỏ cây và những lạch nước nhỏ, tôi cố ghép lại cuộc hành trình thành một mảnh duy nhất, thay vì là một chuỗi các sự kiện. Tôi đã phạm sai lầm nào? Liệu nó có diễn ra như mong muốn? Trước khi đi, tôi đã được dạy dỗ, hướng dẫn, chỉ bảo và tẩy não bởi rất nhiều người bạn. Một người trong số này là một phóng viên chính trị có tiếng và rất được trọng vọng. Anh ta đã từng la cà,

đồng vai phải lứa với những ứng viên tổng thống, và khi tôi gặp anh ta thì anh ta không được vui vẻ lắm. Đó là vì anh ta yêu đất nước mình và cảm thấy nó đang mắc bệnh. Tôi có thể nói luôn rằng anh ta là một người tuyệt đối lương thiện.

Anh ta cay đắng nói, “Nếu đâu đó trong cuộc hành trình, anh gặp một người quả cảm, xin anh hãy ghi lại. Tôi muốn gặp người đó. Đâu đâu tôi cũng chỉ thấy những loại người dốt hèn và thủ đoạn. Thế mà đây đã từng là một đất nước của những vĩ nhân. Họ đã đi đâu hết cả rồi? Anh không thể bảo vệ đất nước bằng một hội đồng quản trị. Việc ấy cần những người đàn ông. Họ đâu hết cả rồi?”

“Chắc là phải ở đâu đó”. Tôi nói.

“Thôi được, ta hãy thử moi ra một vài người xem sao. Chúng ta đang cần họ. Tôi thì có Chúa chứng giám, những người duy nhất có chút can đảm trên đất nước này là người da đen, anh nghĩ có đúng không?” anh ta nói. “Tôi không có ý loại người da đen khỏi cuộc luận bàn về anh hùng, nhưng tôi sẽ quá quắt nếu muốn họ độc chiếm thị trường. Anh chỉ cần đào ra cho tôi mười người Mỹ da trắng có năng lực mà không sợ hãi vì có một niềm tin mạnh mẽ, một ý tưởng, hay ý kiến trong một lĩnh vực không phổ biến, và tôi sẽ tạo ra được phần chính yếu của quân đội thường trực”.

Sự bức xúc của anh ta trong chuyện này gây ấn tượng cho tôi, cho nên tôi đã thử nghe ngóng và quan sát dọc đường. Và quả thật là tôi đã không nghe thấy nhiều sự xác tín. Tôi chỉ thấy có hai vụ những người đàn ông thứ thiệt choảng nhau, bằng nắm đấm hằn hoi và với một sự hăng hái không đúng chỗ. Nhưng cả hai vụ này đều dính dấp đến phụ nữ.

Charley trở về với cái vẻ hối lỗi vì đã làm mất nhiều thời gian. Tôi ước mình có thể giúp nó nhưng nó muốn ở một mình. Và tôi chợt nhớ một điều khác mà anh bạn tôi đã nói.

“Từng có một thứ hay một món hàng mà chúng ta luôn đề cao. Thứ đó được gọi là Nhân dân. Nhân dân đã đi đâu cả rồi. Tôi không nói đến thứ Nhân dân dung tục. Có thể họ chưa bao giờ tồn tại, nhưng nếu đã từng có Nhân dân thì đó chính là món hàng mà Bản tuyên ngôn đã nói đến, và cả Ông Lincoln nữa. Nhân tiện, tôi có biết một vài người chân chính, nhưng

không nhiều. Bản Hiến pháp có ngớ ngẩn quá không khi viết cho một người trẻ tuổi mà cuộc đời quay quanh tiếng huýt sáo, cái nháy mắt, và keo vuốt tóc Wildroot?”

Tôi nhớ mình đã vặn lại, “Có thể Nhân dân là những người đã từng sống cách đây một thế hệ”.

Charley bị cồng. Tôi phải giúp nó leo lên ca-bin của Rocinante. Rồi chúng tôi đi lên núi. Một cơn tuyết rất nhẹ lất phất như làn bụi trắng. Đêm đang đến sớm hơn, tôi nghĩ vậy. Ngay dưới lưng đèo, tôi dừng xe để đỗ xăng tại một cụm nhỏ những ca-bin lắp ghép dạng đủ-thứ-dịch-vụ, đó là những nhà hộp hình vuông, mỗi nhà có một bậc thang, một cánh cửa và một cửa sổ, và chẳng có vết tích nào của vườn tược hay đường đi trải sỏi cả. Cái chuỗi cửa hiệu liên hoàn nho nhỏ này, gồm cửa hiệu sửa chữa, phòng ăn phía sau cột bơm xăng, nhìn cũng mất cảm tình như tất cả các chuỗi cửa hiệu tôi từng thấy. Những biển hiệu màu xanh của quán ăn trông cũ kỹ, trên đó lưu lại những dấu tích của nhiều mùa hè đã qua. “Bánh nướng giống như của mẹ làm, nếu mẹ biết nấu bánh”. “Chúng tôi không nhìn miệng bạn, xin đừng nhìn vào nhà bếp của chúng tôi”. “Không nhận chi phiếu, trừ khi có kèm dấu vân tay”. Những câu nói chuẩn theo lối cũ. Ở đây chắc là không có giấy kính bọc trên các món ăn.

Không ai bước ra cột bơm xăng cả, nên tôi đi vào nhà ăn. Có tiếng cãi vã vọng ra từ phòng sau mà có lẽ là nhà bếp: một giọng trầm và một giọng nam nhẹ nhàng hơn thỉnh thoảng cự cãi lại. Tôi cất tiếng gọi, “Có ai ở đây không?” và các giọng nói ngừng bật. Rồi một người đàn ông lực lưỡng bước qua cửa, chưa hết cau có bởi cuộc cãi vã.

“Ông muốn gì?”

“Đỗ xăng. Nhưng nếu các ông có một ca-bin, tôi có thể trọ qua đêm”.

“Ông chọn đi. Ở đây chẳng có ma nào”.

“Tôi tắm rửa được không?”

“Tôi sẽ đem cho ông một xô nước nóng. Giá mùa đông là hai đô-la”.

“Tốt. Có gì ăn không?”

“Giăm-bông đút lò, đậu và kem”.

“Được thôi. Tôi có con chó”.

“Đất nước này tự do mà. Các ca-bin đều mở cửa. Ông cứ việc chọn. Hãy gọi nếu ông cần thứ gì”.

Không hề có nỗ lực nào để làm cho các ca-bin đỡ thiếu tiện nghi và đỡ xấu xí hơn. Giường thì cập kênh, các vách tường thì màu vàng bẩn, rèm cửa giống như váy lót của một phụ nữ nhếch nhác. Và căn phòng khi đóng cửa thì có một mùi hỗn hợp giữa chuột và hơi ẩm, giữa mồi meo và những bụi bặm rất, rất xưa. Nhưng được cái là khăn trải giường sạch sẽ và những lỗ thông gió nhỏ giúp tẩy đi ký ức về những người từng cư trú. Một bóng đèn trần trụi treo lủng lẳng trên trần, và căn phòng được sưởi bằng lò đốt dầu hỏa.

Có tiếng gõ cửa, và tôi đón vào một chàng trai trạc hai mươi, mặc quần vải fla-nen xám, đi giày hai màu, đeo cà-vạt lớn chấm bi, khoác áo cộc tay có huy hiệu trường trung học Spokane. Mái tóc đen nhánh và sáng loáng của anh ta là cả một tuyệt tác của sự chải chuốt, phần tóc phía trước chải ngược ra sau, đan vào những lọn tóc dài xõa xuống hai bên, chỉ chừa ra đôi tai. Anh ta là một cú sốc đối với tôi sau khi đã tiếp xúc với gã chần tinh ở quầy ăn.

“Nước nóng của ông đây”, anh ta nói, và đó chính là giọng nói của người cãi cọ thứ hai. Cánh cửa để ngỏ và tôi thấy ánh mắt anh ta lướt trên Rocinante rồi dừng lại ở bảng số.

“Ông đến từ New York thật à?”

“Phải”.

“Tôi mong khi nào đó sẽ đến đấy”.

“Mọi người ở đó đều mong đến đây”.

“Để làm gì? Ở đây thì có gì mà xem. Chỉ thiếu điều mục ruỗng ra mà thôi”.

“Mục ruỗng thì ở đâu chẳng thế”.

“Ý tôi là ở đây chẳng có cơ hội phát triển nào”.

“Anh muốn phát triển chuyện gì nào?”

“Thôi được, ông biết đấy, ở đây không có nhà hát và âm nhạc, chẳng có ai để trò chuyện. Thậm chí đến các tạp chí mới cũng khó mà có được trừ phi đặt mua dài hạn”.

“Vậy anh đọc *The New Yorker* à?”

“Sao ông biết? Tôi đặt mua dài hạn tờ đó đấy”.

“Còn tạp chí *Time*?”

“Dĩ nhiên”.

“Anh chẳng cần phải đi đâu cả”.

“Xin lỗi?”

“Anh đã có cả thế giới trong tầm tay anh rồi còn gì, thế giới thời trang, thế giới nghệ thuật, thế giới tư tưởng... ngay sau sân nhà anh. Anh mà đi thì chỉ cảm thấy rối tung lên mà thôi”.

“Ai cũng muốn nhìn tận mắt cả”, anh ta nói.

Tôi thề là anh ta đã nói như thế.

“Đó là cha của anh à?”

“Vâng, nhưng tôi giống mồ côi cha hơn. Ông ta chỉ thích câu cá, săn bắn và nhậu nhẹt”.

“Còn anh thì thích gì?”

“Tôi muốn bước ra thế giới. Tôi đã hai mươi tuổi rồi. Tôi phải tính chuyện tương lai của mình chứ. Vì chuyện đó mà ông ta quát nạt tôi. Ông ta không thể nói bất cứ điều gì mà không quát nạt. Ông ăn cùng chúng tôi chứ?”

“Dĩ nhiên”.

Tôi chậm rãi tắm với chiếc xô sắt mạ cũ kỹ. Trong một thoáng tôi đã nghĩ đến việc lục ra các bộ đồ New York để đem lại chút cảm hứng cho cậu nhóc, nhưng tôi bỏ ý tưởng này và mặc vào chiếc quần vải bông, áo dệt kim.

Khuôn mặt lực lưỡng của ông chủ đỏ như quả mâm xôi chín khi tôi bước đến quầy ăn. Ông ta hất hàm nói. “Rắc rối còn chưa đủ hay sao mà ông còn đến từ New York”.

“Điều đó không tốt à?”

“Với tôi thì là thế. Tôi vừa mới đập cho thẳng nhóc câm mồm thì ông đến châm thêm dầu vào lửa”.

“Tôi chẳng tán tụng gì New York cả”.

“Phải, nhưng ông từ đó đến, và bây giờ thì nó lại sôi sục lên nữa rồi. Chết tiệt, được cái quái gì? Nó chẳng có tích sự gì ở đây cả. Vào đi, ông ăn với chúng tôi trong kia cũng được”.

Trong kia ở đây là nhà bếp, kho thực phẩm, nơi cất chén đĩa, kiêm phòng ăn. Và chiếc giường con trải tấm mền quân đội biến nó thành cả phòng ngủ. Một chiếc bếp củi cổ lỗ sĩ đang kêu lách tách, rì rì. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn vuông phủ khăn vải dầu màu trắng, đầy vết dao khứa. Chàng trai trông căng thẳng khi bưng lên những chén súp đậu Hà Lan sủi bọt và thịt ba rọi.

“Tôi muốn một cây đèn đọc sách có được không?”

“Khi thật, khi đi nằm thì tôi cũng ngắt máy phát điện luôn rồi. Để tôi cho ông mượn cây đèn sáp. Nhúc nhích coi. Lấy món giăm-bông nướng trên lò ra đây”.

Chàng trai đầy tâm trạng phục vụ món đậu một cách hờ hững.

Ông mặt đỏ lên tiếng. “Tôi cứ tưởng nó học hết trung học là xong xuôi hết cả, nhưng nó đâu có chịu. Robbie nhà ta không chịu. Nó học thêm lớp ban đêm, trời ạ, không phải là ở nhà trường. Nó tự trả học phí cơ đấy. Chả hiểu nó lấy tiền đâu ra”.

“Nghe cũng có chí đấy chứ”.

“Có chí cái khi mồi. Ông biết nó học cái gì không? Học làm đầu. Không phải hớt tóc mà làm đầu... cho phụ nữ ấy. Giờ thì ông hiểu vì sao tôi lo rồi chứ”.

* * *

Robbie dừng tay, quay đầu lại. Bàn tay phải của anh ta bấu chặt con dao xắt thịt. Anh ta tìm kiếm trên khuôn mặt tôi sự khinh khi mà anh ta nghĩ ắt phải có.

Tôi cố tỏ ra vừa nghiêm nghị, vừa dăm chiêu, mà cũng vừa lấp lửng. Tôi sờ râu, một dấu hiệu của sự tập trung. “Cho dù tôi có nói gì, một trong hai cha con các anh cũng sẽ trút giận lên đầu tôi. Các anh làm tôi kẹt cứng ở giữa rồi”.

Ông bố thở dài đánh thượt, từ từ nói. “Nhân danh Chúa, ông có lý”. Rồi ông cười khan một tiếng và sự căng thẳng lập tức rời căn phòng.

Robbie bê những đĩa thịt nướng lại bàn và mỉm cười với tôi, tôi nghĩ đó là một nụ cười biết ơn.

“Bây giờ chúng tôi hết sừng cò với nhau rồi, ông nói thử xem ông nghĩ gì về cái trò làm đầu cho mấy người đẹp này?”, ông bố hỏi.

“Ông sẽ không thích nghe những gì tôi nói đâu”.

“Ông chưa nói sao biết tôi thích hay không”.

“Được thôi, nhưng tôi ăn nhanh cho xong cái đĩa, biết đâu tôi phải bỏ chạy thì sao?”

Tôi làm sạch chỗ đậu và phân nửa món thịt nướng rồi mới trả lời ông ta.

“Thế này nhé”, tôi nói. “Ông đã nêu ra một chủ đề mà cả tôi cũng đã suy nghĩ rất nhiều. Tôi biết rất nhiều bà nhiều cô – đủ mọi lứa tuổi, vóc dáng, tính tình – và chẳng có người nào giống người nào cả, chỉ trừ có một thứ duy nhất, đó là người thợ làm đầu. Theo thiên ý của tôi thì thợ làm đầu là người có ảnh hưởng nhất trong bất cứ cộng đồng nào”.

“Ông đùa đấy à?”

“Tôi không đùa. Tôi đã làm một nghiên cứu sâu về chuyện này. Khi phụ nữ đi đến thợ làm đầu – và các bà các cô nào mà có điều kiện là sẽ đến đó ngay thôi – điều gì sẽ xảy ra với họ? Họ cảm thấy an toàn, cảm thấy thư giãn. Họ không cần phải vờ vịt, màu mè gì nữa. Người thợ làm đầu biết rõ da của họ trông thế nào bên dưới lớp hóa trang. Anh ta biết tuổi tác của họ, việc họ căng da mặt. Cho nên phụ nữ luôn sẵn sàng khai ra với thợ làm đầu cả những điều mà ngay cả với cha cố họ cũng chẳng dám xưng tội. Và họ cũng cởi mở cả về những vấn đề mà họ thường che giấu các bác sĩ”.

“Ông nói thật đấy à”.

“Chứ sao nữa. Tôi nói với ông tôi có nghiên cứu chuyện này rồi mà. Khi phụ nữ trao bí ẩn cuộc đời mình vào tay thợ làm đầu, anh ta sẽ có một thứ quyền năng mà rất ít người nào khác có được. Tôi đã từng nghe những người thợ làm đầu trích dẫn rất tự tin về nghệ thuật, văn học, chính trị, kinh tế, chăm sóc trẻ em, và đạo lý”.

“Tôi nghĩ ông là tay đùa có cỡ”.

“Ông có thấy tôi cười khi nói không? Tôi cho ông biết, một người thợ làm đầu thông minh, chín chắn và có hoài bão luôn có một quyền năng vượt

ngoài tầm hiểu biết của phần lớn cánh đàn ông”.

“Lạy Chúa Giê-xu! Con nghe thấy chưa, Robbie? Con có biết mấy chuyện này không, con trai?”

“Con cũng nghe đôi chút, trong khóa học có cả một phần về tâm lý nữa đó”.

“Tôi chưa bao giờ nghĩ được như thế”, ông bố nói. “Này, ta uống một chút gì đó nhé?”

“Cảm ơn ông, tối nay thì không được đâu. Con chó của tôi không được khỏe. Mai tôi phải dậy sớm để đi tìm một bác sĩ thú y”.

“Thế này nhé. Robbie sẽ lấy cây đèn đọc sách cho ông, tôi sẽ để máy phát chạy suốt đêm. Ông có ăn sáng không vậy?”

“Không đâu. Tôi phải đi từ rất sớm”.

Trở lại ca-bin sau khi giúp Charley làm xong công việc khó khăn của nó, tôi thấy Robbie đang cột chiếc đèn ngủ vào khung sắt chiếc giường ọp ẹp của tôi.

Anh ta khẽ khàng nói. “Thưa ông, tôi không biết ông có tin tất cả những gì ông nói không, nhưng chắc chắn là ông đã giúp tôi rất nhiều”.

“Anh biết đấy, tôi nghĩ phần lớn những điều đó là sự thật. Nếu quả như vậy thì trách nhiệm là nặng nề lắm đấy, đúng vậy không hả Robbie?”

“Chắc chắn rồi”, anh ta trịnh trọng nói.

Đó là một đêm mất ngủ. Tôi đã thuê một ca-bin chẳng tiện nghi gì hơn chiếc xe của tôi, và trong khi làm thế tôi đã can thiệp luôn vào một chuyện chẳng can hệ gì đến tôi. Mặc dù quả thật người ta rất hiếm khi hành động theo lời khuyên của kẻ khác, trừ phi đảng nào họ cũng phải làm điều đó, cũng có một nguy cơ nho nhỏ rằng sự nhiệt tình của tôi trong bài thuyết giáo về thợ làm đầu có thể làm nổi lên một cơn bão.

Giữa đêm, Charley đánh thức tôi dậy bằng những tiếng rên rỉ nhẹ nghe như lời tạ tội, và vì nó là một con chó không hay rên rỉ nên tôi lập tức nhồm dậy. Nó đang gập rắc rồi. Bụng của nó căng phồng, còn mũi và tai thì nóng ran. Tôi mang nó ra ngoài và ở lại đó với nó, nhưng áp lực ở bụng nó vẫn không thuyên giảm.

Ước chi tôi biết được chút đỉnh về kiến thức thú y. Trước một con vật bị bệnh, tôi luôn có một cảm giác tuyệt vọng. Không thể nào giải thích cảm giác đó ra sao, mặt khác tôi biết rằng nó không thể lừa dối, dựng lên những triệu chứng, hay bày ra những lạc thú của bệnh tưởng. Tôi không nói những thứ này là không thể nguy tạo. Ngay cả một con chó lương thiện như Charley cũng có xu hướng đi tập tễnh khi cảm xúc của nó bị tổn thương. Tôi ước chi có ai đó viết ra một cuốn sách tốt, bao quát về thuốc men dành cho chó nhà. Tôi sẽ làm như thế nếu tôi làm nghề thú y.

Charley đúng là một con chó mắc bệnh. Và nó sẽ còn bệnh nặng hơn nếu như tôi không tìm ra cách nào đó để làm giảm áp lực đang dâng lên. Một ống thông đường tiểu sẽ được việc, nhưng lấy đâu ra thứ đó ở vùng núi này giữa ban đêm? Tôi có một ống nhựa để hút xăng, nhưng đường kính của nó lại quá lớn. Rồi tôi nhớ ra rằng hình như áp lực sẽ tạo ra căng cơ, và đến phiên nó lại làm tăng áp lực v.v... cho nên bước đầu tiên là phải làm giãn các cơ ra. Túi đựng đồ y tế của tôi không được tính toán cho y thuật tổng quát, nhưng nó cũng có một lọ thuốc ngủ seconal, loại 0,1 gram. Nhưng cho nó liều lượng như thế nào đây? Đó chính là chỗ mà một cuốn sách y tế gia đình có thể giúp ích. Tôi tách viên con nhộng, lấy ra nửa chỗ thuốc rồi gắn nó trở lại. Tôi đặt viên con nhộng vào dưới lưỡi Charley – nơi mà nó không thể nhè ra – rồi nâng đầu nó lên, vuốt cho viên thuốc trôi xuống họng. Rồi tôi bế nó lên giường và đắp chăn cho nó. Sau một giờ đồng hồ nó vẫn y như cũ, nên tôi lại mở viên con nhộng thứ hai và cho nó uống thêm nửa phần nữa. Tôi nghĩ với trọng lượng của nó thì 0,1 gram là một liều cũng khá nặng, nhưng hẳn là Charley có sức chịu đựng cao. Nó kháng cự lại thuốc trong khoảng bốn mươi lăm phút rồi hơi thở của nó chậm dần và nó chìm vào giấc ngủ. Hẳn là cả tôi cũng đã lơ mơ ngủ. Điều kế tiếp tôi nhận thức được là nó rơi xuống đất. Trong điều kiện say thuốc, chân nó trở nên yếu ớt. Nó đứng dậy, quỵ xuống, rồi lại đứng dậy. Tôi mở cửa cho nó ra ngoài. Vâng, phương pháp của tôi đã có tác dụng, nhưng tôi không hiểu nổi làm cách nào một cơ thể chó có kích cỡ trung bình lại chứa được bấy nhiêu chất lỏng. Cuối cùng, nó loạng choạng bước vào, đổ sập xuống tấm thảm nhỏ và ngủ luôn tại chỗ. Trông nó kiệt quệ đến mức tôi đâm lo không biết mình có cho quá liều hay

không. Nhưng nhiệt độ của nó đã hạ, hơi thở của nó đã bình thường và nhịp tim của nó nghe khỏe và đều đặn. Tôi ngủ chập chờn, và khi bình minh đến tôi thấy Charley vẫn không động đậy. Tôi đánh thức nó và nó tỏ ra rất dễ thương khi trông thấy tôi. Nó ngáp ngáp cười, rồi ngủ lại.

Tôi bế nó vào ca-bin rồi mở hết tốc lực chạy một mạch đến Spokane. Tôi không nhớ bất cứ thứ gì dọc đường ở miền đất này. Đến ngoại ô, tôi tìm một cơ sở thú ý trong cuốn niên giám điện thoại, hỏi đường đi, rồi bế Charley xông thẳng vào phòng khám như một trường hợp cấp cứu. Tôi sẽ không nói tên ông bác sĩ đó, nhưng ông ta là một lý do thêm nữa vì sao cần phải có một cuốn cẩm nang gia đình về điều trị cho chó. Ông bác sĩ đó khám một cách quờ quạng. Có thể là ông ta đã già, chứ làm sao tôi dám nói ông ta còn chưa già rệu? Bằng bàn tay run rẩy, ông ta banh miệng Charley ra, vạch xem mí mắt của nó rồi buông đầu nó xuống.

“Nó bị gì vậy?” ông ta hỏi, vẻ hững hờ.

“Chính vì vậy nên tôi mới đến đây: xem nó bị cái gì”.

“Một dạng trì độn ấy mà. Chó già là vậy. Có thể nó bị một cơn tai biến”.

“Bàng quang nó bị trướng. Còn nếu như trông nó giống trì độn thì đó là vì tôi cho nó uống 0,1 gram thuốc seconal”.

“Để làm gì?”

“Để nó thư giãn”.

“Tốt, nó thư giãn rồi đấy”.

“Cho liều như vậy có nhiều quá không?”

“Tôi không biết”.

“Thôi được, nếu là ông thì ông cho cỡ bao nhiêu?”

“Tôi sẽ chẳng cho nó uống thứ đó”.

“Ta bắt đầu lại đi. Nó bị gì vậy?”

“Có thể là bị cảm lạnh”.

“Cái đó có gây ra những triệu chứng ở bàng quang không?”

“Nếu bị cảm thì có đấy”.

“Này ông, tôi đang vội. Tôi muốn có sự chẩn đoán sát sao hơn một chút”.

Ông ta khịt mũi. “Ông nhìn đây nè. Nó là một con chó già. Chó già thì hay bị đau nhức. Tất cả chỉ có vậy”.

Chắc là tôi cũng có phần cáu bẳn do mất ngủ. “Cả người già cũng thế”, tôi nói. “Điều đó đâu ngăn họ làm gì đó để chữa trị”. Tôi nghĩ đó là lần đầu tiên tôi làm ông ta hiểu.

“Tôi cho ông thứ gì đó để rửa thận cho nó”, ông ta nói. “Chỉ là bị cảm thôi”.

Tôi cầm mấy viên thuốc nho nhỏ, trả tiền khám rồi bước ra. Không phải cái ông bác sĩ thú y đó không ưa thú vật. Tôi nghĩ ông ta không ưa chính ông ta. Ông ta phải tìm một đối tượng để ghét bỏ ở bên ngoài chính bản thân. Nếu không, ông ta sẽ phải thừa nhận sự khinh ghét chính mình.

Mặt khác, tôi cũng chẳng kém cạnh ai trong việc khinh ghét những kẻ yêu chó tự xưng. Đó là loại người dồn nén những thất vọng của mình và bắt con chó phải gánh vác chúng chạy rông. Những người yêu chó kiểu đó thường trò chuyện với những con vật trưởng thành và chín chắn y như nói chuyện với con nít. Họ thường gán những tính cách luộm thuộm của mình vào con vật cho đến khi trong đầu họ con vật trở thành một cái tôi ích kỷ. Tôi cảm thấy những loại người này cứ tưởng là mình tử tế, nhưng thật ra lại đang tiến hành những cuộc tra tấn kéo dài lên con vật. Họ gạt bỏ những ham muốn và chức năng tự nhiên của con vật, cho đến khi con vật yếu đuối bị bẻ gãy và trở nên béo phì, hen suyễn, loạn chức năng thần kinh. Khi người lạ nói chuyện với Charley theo kiểu con nít thì nó thường tránh đi. Vì nó không phải là người mà là chó và nó thích như thế. Nó cảm thấy nó thà là chó hạng nhất còn hơn là người hạng hai. Khi cái ông thú y nghiện rượu kia chạm vào Charley bằng những bàn tay lầy bầy và lóng ngóng, tôi thấy một sự khinh bỉ che giấu trong ánh mắt của nó. Tôi nghĩ nó biết rõ ông ta, và có lẽ ông bác sĩ cũng biết là nó biết. Và có lẽ đó là vấn đề đối với ông ta. Thật đau đớn xiết bao khi biết rằng bệnh nhân không tin vào mình.

Sau Spokane, nguy cơ tuyết rơi sớm đã qua đi vì không khí đã thay đổi, cuốn đi bởi hơi thở mạnh của Thái Bình Dương. Thời gian đi đường thật sự từ Chicago là khá ngắn, nhưng kích cỡ đồ sộ và sự đa dạng của đất đai, những sự kiện liên tiếp và những con người dọc đường đã kéo thời gian dài ra ngoài sức chịu đựng. Bởi lẽ không ai nhớ được ngay những quãng thời gian không sự kiện trong quá khứ. Ngược lại, chỉ những sự kiện tiêu tốn

nhều thời gian mới tạo ra được những chiều kích của ký ức đã qua. Sự thiếu vắng sự kiện làm thời gian sụp đổ.

Thái Bình Dương là đại dương quê hương tôi. Tôi biết đến nó đầu tiên, lớn lên bên bờ của nó, nhặt nhạnh các động vật hải dương dọc theo những bãi biển của nó. Tôi hiểu tinh thần của nó, màu sắc của nó, bản chất của nó. Tôi bắt được mùi hương đầu tiên của Thái Bình Dương khi đang ở rất xa trong nội địa. Khi ai đó đi biển lâu ngày, hương vị của đất liền luôn lan tỏa ra rất xa để đón họ. Và điều tương tự cũng xảy ra khi người ta ở lâu trong nội địa. Tôi tin mình đã ngửi thấy mùi đá biển, mùi rong tảo, mùi phấn khích của những con sóng lao xao, mùi hăng hắc của chất i-ốt và dư vị của những vỏ mai can-xi được tắm gội và chôn vùi. Cái mùi vị xa xăm và nhung nhớ ấy ập đến một cách tinh tế đến mức ta không ý thức mình đã ngửi thấy nó, mà tất cả giống như một luồng điện phấn khích chột phát ra, một dạng hân hoan sôi sục. Tôi thấy mình đang lao nhanh trên những con đường của Washington, như đang dốc sức hướng về biển chẳng khác gì đám chuột lemming^[83] di cư.

Tôi nhớ rất rõ miền Đông Washington lộng lẫy và yêu kiều với con sông Columbia thanh lịch từng lưu dấu của Lewis và Clark. Và mặc dù có những chiếc đập và đường dây điện mà tôi chưa từng thấy trước đây, nó vẫn không thay đổi nhiều so với ký ức của tôi. Chỉ khi đến gần Seattle, những thay đổi ngoài sức tưởng tượng mới hiển hiện.

Dĩ nhiên, tôi đã đọc về sự bùng nổ dân số ở West Coast^[84], nhưng phần lớn mọi người dùng West Coast để chỉ California. Người ta đổ xô đến, các thành phố nhân đôi, nhân ba về số dân, trong khi những người bảo vệ về tài chính rên rỉ trước áp lực cải thiện ngày càng gia tăng và nhu cầu chăm lo cho cơn lũ mới những người nghèo khổ. Tôi nhớ Seattle từng là một thị trấn tọa lạc trên những ngọn đồi cạnh những khu cư trú không đâu sánh bằng: một thành phố nhỏ với không gian, cây cối, vườn tược, và những ngôi nhà tương xứng với cái hậu cảnh đó. Nó không còn như vậy nữa. Các đỉnh đồi đã được đồn trụi để xây những tòa nhà cao tầng^[85] cho những con thỏ thời hiện đại. Những đường cao tốc tám làn xe trông tựa như những sông băng xuyên qua những vùng đất khó đi. Seattle này quả là chẳng có quan hệ gì

với Seattle tôi hằng nhớ. Giao thông nhộn nhịp với một mật độ chết người. Ở những khu ngoại ô một thời tôi thông thạo, nay tôi không tìm ra được đường. Dọc những nơi từng là những đường làng giàu quả mọng, nay mọc lên những hàng rào kẽm cao ngất, những nhà máy trải dài hàng dặm đường, và lơ lửng bên trên là những cột khói vàng của sự tiến bộ, chống chọi lại nỗ lực xua chúng đi của những cơn gió biển.

Nghe có vẻ như tôi đang hoài niệm thuở xa xưa. Đó là tâm trạng thường thấy ở người già, hoài cổ, chống lại những đổi thay, xem đó như việc phổ cập hóa sự giàu có và ngu muội. Không phải vậy đâu. Seattle này không phải là sự thay đổi của một nơi tôi từng biết. Đó là một nơi hoàn toàn mới. Đến nơi đây mà không biết trước nó là Seattle thì tôi không thể nói mình ở đâu. Sự phát triển điên cuồng diễn ra ở khắp nơi, sự phát triển như một khối ung thư. Xe ủi đất dọn sạch những khu rừng xanh và chặt cao những cây cảnh để thiêu hủy. Những cột bê tông trắng được chất đồng cạnh những bờ tường xám. Tôi tự hỏi sao mà sự tiến bộ lại giống với sự hủy diệt đến thế.

Ngày kế tiếp, tôi tản bộ trên bến cảng cũ của Seattle, nơi mà cá, cua và tôm được bày đẹp đẽ trên những sạp bằng đá bào, nơi mà những rau trái được rửa sạch bóng và xếp thành hình. Tôi uống một ly nước ép trai và ăn món cua trộn ở các quầy dọc bến tàu. Nó không thay đổi nhiều lắm, chỉ xuống cấp và dơ bẩn hơn đôi chút so với cách đây hai mươi năm. Và tại đây tôi nhận thấy có một sự phổ quát liên quan đến các thành phố Mỹ, có vẻ như rất đúng với tất cả các thành phố mà tôi biết. Khi một thành phố bắt đầu tăng trưởng và mở rộng ra ngoài thì, so với ngoài rìa, khu trung tâm theo nghĩa nào đó bị phó mặc cho thời gian. Rồi các tòa nhà mọc lên đen đặc và một dạng suy tàn được thiết lập. Người nghèo hơn chuyển vào sinh sống khi giá thuê hạ xuống, và những hoạt động kinh doanh lật vật chiếm dần lấy những vị trí mà trước kia là những cơ ngơi tươm tất. Khu vực vẫn còn quá tốt chưa đáng bị phá hủy và quá cổ lỗ nên không còn được yêu thích. Cạnh đó, toàn bộ năng lượng đã chảy ra những công trình mới, những siêu thị nửa nông thôn, những rạp chiếu phim ngoài trời, những ngôi nhà mới với thảm cỏ rộng và những ngôi trường trát vữa nơi sự thiếu học thức của trẻ em được xác nhận. Bến cảng cũ với những con đường nhỏ hẹp và những bề mặt trái

sỏi hay ám khói đi vào một giai đoạn hoang phế, vào ban đêm bị xâm chiếm bởi những đám người tàn tạ, những kẻ ăn hoa sen^[86] vật lộn hàng ngày để đạt đến sự mơ màng bằng rượu cồn. Hầu như tất cả các thành phố mà tôi biết đều có một khu trung tâm chết dần chết mòn bởi bạo lực và tuyệt vọng như thế. Những nơi ấy, vào ban đêm, ánh sáng của những ngọn đèn đường bị hút đi mất sạch, và những viên cảnh sát phải đi tuần thành đôi. Và rồi, có lẽ một ngày nào đó, thành phố lại trở về, bóc đi những vết thương và xây lên một tượng đài cho quá khứ của nó.

Việc nghỉ ngơi ở Seattle đã giúp cho sức khỏe của Charley được cải thiện. Tôi tự hỏi, ở độ tuổi đã cao của nó, liệu những rung động của xe có phải là nguyên do những rắc rối nó gặp phải không?

Một cách rất tự nhiên, khi chúng tôi di chuyển dọc bờ biển xinh đẹp, phương pháp du lịch của tôi đã thay đổi. Mỗi tối, tôi dừng chân ở một bãi xe dễ chịu, một trong những địa điểm đẹp đẽ đã mọc lên ồ ạt trong những năm gần đây. Giờ đây tôi bắt đầu thể nghiệm một xu hướng ở miền Tây mà có lẽ tôi đã quá già không chấp nhận nổi. Đó là nguyên tắc tự làm lấy. Vào bữa điểm tâm, một chiếc máy nướng bánh được đặt trên bàn của bạn. Bạn tự nướng những mẫu bánh của mình. Khi tôi vào đến những hòn ngọc tiện nghi và tiện ích đó, đăng ký và được dẫn vào căn phòng tiện nghi của mình sau khi đã trả tiền trước, dĩ nhiên đó là sự kết thúc mọi tiếp xúc với ban quản lý. Không hầu bàn, không phục vụ theo chuông. Những người dọn phòng rón rén ra vào như tàng hình. Nếu tôi muốn đá viên, thì có ngay một cỗ máy gần văn phòng. Tôi tự lấy đá, tự lấy giấy tờ của mình. Mọi thứ đều tiện lợi, đều bố trí hợp lý... và đơn độc. Tôi sống trong xa hoa tột bậc. Những người khách khác im lặng đến rồi đi.

Nếu ta gặp họ và nói “Xin chào”, họ sẽ hơi lúng túng và đáp lại, “Xin chào”. Tôi có cảm giác họ nhìn tôi như một cỗ máy bán hàng tự động.

Đâu đó ở Oregon, vào một ngày Chủ nhật mưa, Rocinante lịch lãm đã đòi tôi phải chú ý. Tôi đã không nói nhiều về cỗ xe đáng tin cậy của tôi, ngoại trừ những lời tán tụng qua loa và hình thức. Có phải vậy không nhỉ? Chúng ta đánh giá cao những phẩm chất nhưng ít khi thảo luận về chúng. Một thủ quỹ lương thiện, một người vợ chung thủy, một học giả háo hức thường rất

hiếm khi lơ lười cuốn sự chú ý của chúng ta so với những kẻ biến lận, lằng lờ, và gian dối. Nếu như Rocinante không được nhắc đến nhiều thì đó là vì nó hoàn hảo. Tuy vậy, sự xao lãng của tôi không hề áp dụng cho phần cơ khí của nó. Tôi đã rất cẩn thận trong việc thay dầu nhớt và tra mỡ bôi trơn. Tôi ghét thấy những động cơ bị bỏ bê, bị đối xử tàn tệ và bị bắt làm việc quá công suất.

Rocinante đáp lễ rất đúng mực sự tử tế của tôi bằng tiếng máy chạy đều và công năng hoàn hảo. Chỉ có một điều duy nhất là tôi đã quá bất cẩn, hay có lẽ quá hăng hái. Tôi mang theo quá nhiều thứ: quá nhiều thực phẩm, quá nhiều sách, quá nhiều dụng cụ đến mức có thể lắp ráp cả một chiếc tàu ngầm. Khi tìm được những con suối có vị ngọt, tôi chất đầy nước vào chiếc bồn của nó, nhưng một trăm hai mươi lít nước thì nặng đến những một trăm ba mươi sáu ký. Một bình khí bu-tan dự trữ nặng đến ba mươi bốn ký. Các nhíp của nó bị nén sâu xuống, nhưng có vẻ vẫn an toàn, và trên những con đường nhồi xóc mạnh tôi thường đi chậm lại để không gây khó cho nó. Do tình trạng tốt của nó, tôi đã đối xử với nó giống như với người thủ quỹ lương thiện, người vợ chung thủy: tôi đã xao lãng nó. Và ở Oregon trong một ngày Chủ nhật mưa, giữa lúc di chuyển qua một vùng nước bùn trải dài bất tận, bánh sau bên phải của Rocinante đã nổ một phát tung tóe nước. Tôi đã biết và từng sở hữu những chiếc xe chất lượng tồi. Chúng có thể cư xử giống như thế, thuần túy để chơi khăm chủ nhân, nhưng Rocinante thì không đâu.

Chẳng có gì lạ cả, tôi nghĩ, đó là hệ quả tất yếu của một trái banh nảy quá nhiều lần. Thì đấy, trái banh này đã nảy trong hai tắc nước bùn, và bánh xe dự phòng nằm bên dưới ca-bin đã bị ngập trong bùn. Các dụng cụ thay bánh được cất dưới sàn, bên dưới chiếc bàn, cho nên tôi phải dỡ chúng ra. Chiếc kích mới – chưa từng sử dụng và còn sáng như sơn nhà máy – cứng và khó điều khiển, và không được thiết kế cho phần nhô ra của Rocinante. Tôi nằm sấp bụng và trườn lết, lội nước vào dưới gầm xe, cố giữ cho hai lỗ mũi ở cao hơn mặt nước. Tay kích trơn trượt do nước bùn nhờn nhờn. Đám bùn kết lại trên bộ râu của tôi. Tôi nằm hõn hển như một con vịt què, miệng lồm rồm rửa xả, trong lúc ấn chiếc kích xuống dưới thanh trục mà tôi phải sờ soạng để tìm vì nó đã bị ngập nước.

Và rồi, với những tiếng lằn nhằn, với nhiều bọt sủi và với những nỗ lực phi phàm làm đôi mắt muốn lòi ra khỏi hốc, tôi đã kích được cái trọng lượng đồ sộ đó. Tôi cảm thấy các cơ của mình như rách toạc ra, tách khỏi những phần xương. Về thời gian thì chưa đến một giờ trôi qua cho đến khi tôi gần được chiếc bánh dự phòng. Phủ nhiều lớp bunn vàng, tôi lem luốc đến không thể nhận ra. Tay tôi bị rách và chảy máu. Tôi vắn chiếc bánh xe, lặn nó ra chỗ cao và xem xét nó. Toàn bộ vách ngoài đã nổ toác. Rồi tôi xem đến bánh xe sau bên trái và kinh hoàng phát hiện ra một chỗ phù lớn ở một bên, và khi xem tiếp, cả bên kia cũng có. Rõ ràng là bánh xe này có thể nổ bất cứ lúc nào. Mà hôm nay lại là chủ nhật, và trời lại đang mưa, và đây lại là Oregon. Nếu bánh xe kia cũng nổ nốt thì chúng tôi coi như tiêu, trơ trọi trên con đường ướt sũng và cô quạnh, không có nguồn dự trữ nào và chỉ còn nước bật khóc, ngồi chờ chết mà thôi. Và biết đâu sẽ có những con chim tốt bụng nào đó mang lá đến phủ lên xác chúng tôi. Tôi cởi cả lớp bunn lẫn bộ đồ và mặc bộ đồ mới, cả nó cũng bị dính bunn trong lúc thay.

Chưa từng có chiếc xe nào được đối xử một cách khúm núm như thế khi chúng tôi chậm chậm nhích dần lên. Mỗi chỗ nhấp nhô trên mặt đường đều làm tim tôi thót lại. Chúng tôi lết đi với tốc độ chưa tới tám ki-lô-mét giờ. Và cái quy luật cổ xưa ấy đã ứng nghiệm. Nó nói rằng khi bạn cần thứ gì đó thì thứ ấy luôn ở rất xa. Mà tôi thì cần nhiều hơn là một thứ. Tôi cần đến hai chiếc bánh sau mới, hạng nặng. Những người thiết kế xe của tôi đã không lường được tải trọng mà tôi mang theo.

Sau một quãng thời gian dài như bốn mươi năm cực nhọc lê lết trên hoang mạc sũng nước không có mây ban ngày lẫn cột lửa ban đêm để dẫn đường, chúng tôi đến được một trị trấn nhỏ ẩm ướt, thiếu sinh khí mà tôi không tài nào nhớ tên vì chưa bao giờ nghe thấy. Mọi nơi đều đóng cửa. Mọi nơi, trừ một trạm phục vụ nhỏ. Người chủ là một gã khổng lồ với khuôn mặt sẹo và đôi mắt trắng dã trông hung dữ. Nếu ông ta là con ngựa thì tôi sẽ không bao giờ mua nó. Một người đàn ông khá kiêu ngạo. “Ông gặp rắc rối rồi”, ông ta nói.

“Thì ông thấy rồi đấy. Ông có bán bánh xe không?”

“Kích cỡ như của ông thì không. Phải đưa đến Portland mới có. Mai gọi điện, có thể mất lấy”.

“Ở thị trấn này không nơi nào có à?”

“Hai nơi. Cả hai đều đóng cửa. Tôi không nghĩ họ có kích cỡ đó. Ông cần bánh xe lớn hơn đây”. Ông ta gãi bộ râu, sầm soi nhìn hồi lâu các chỗ phù trên bánh sau bên trái, nhấn nhấn vào chúng bằng ngón trỏ trông cứ như chiếc dũa. Cuối cùng, ông ta bước vào văn phòng nho nhỏ của mình, lùa sang bên đồng để thẳng, dây cua-roa quạt tản nhiệt và ca-ta-lô, từ bên dưới lôi ra một chiếc điện thoại. Và nếu lúc nào tôi mất niềm tin ở tính thánh thiện nơi con người, hẳn tôi sẽ nghĩ ngay đến người đàn ông trông hắc ám này.

Sau ba cuộc gọi, ông ta tìm ra người bán hàng. Tay này có một bánh xe đúng loại và đúng kích cỡ yêu cầu, nhưng lại đang kẹt một đám cưới và không thể giao hàng được. Sau ba cú điện thoại nữa, ông ta xoay được một tin đồn về một chiếc bánh xe khác, nhưng nó lại ở cách đây đến tám dặm. Mưa vẫn tiếp tục rơi. Cuộc tìm kiếm là bất tận vì giữa các cuộc gọi là cả dãy xe hơi xếp hàng chờ đổ xăng, và tất cả những việc này diễn ra với một sự chậm chạp đến phát ngốt.

Cuối cùng thì một người em rể bỗng từ đâu xuất hiện. Anh ta có một trang trại ở miệt phía trên con đường này một chút. Anh ta không muốn đội mưa đi, nhưng vị thần ác ở trong tôi đã gây chút áp lực lên anh ta. Người em rể này đã lái xe đến hai nơi cách xa nhau và tìm ra được các bánh xe đem về cho tôi. Trong chưa đầy bốn giờ đồng hồ, tôi đã được trang bị sẵn sàng, chễm chệ trên những bánh xe lớn hạng nặng thuộc loại mà lẽ ra phải được lắp ngay từ đầu. Tôi có thể quỳ xuống bòn, hôn tay người chủ trạm, nhưng tôi không làm thế. Tôi boa cho ông ta rất hào phóng và ông ta nói, “Ông không cần phải làm vậy. Chỉ xin ông nhớ cho điều này. Bây giờ thì các bánh xe lớn hơn rồi. Chúng sẽ không còn đúng với tốc độ trên đồng hồ của ông. Ông sẽ đi nhanh hơn là kim đồng hồ chỉ và ông sẽ lọt vào tầm ngắm của một tay cớm ngứa nghề nào đó, vâng, có thể hẳn sẽ lượm ông đấy”.

Tôi thấy ngập tràn lòng biết ơn sâu sắc đến mức không nói được nên lời. Điều đó đã xảy ra vào một ngày Chủ nhật trời mưa ở Oregon, và tôi hy vọng

rằng người đàn ông hắc ám ở trạm phục vụ kia sẽ sống được hàng ngàn tuổi và làm tràn ngập trái đất này bằng các con cái của ông ta.

Giờ đây, khỏi phải bàn, Charley đã nhanh chóng trở thành một chuyên gia tầm cỡ về cây cối. Có khi nó nhận một chân tư vấn cho công ty Davies^[87] cũng được đấy. Nhưng ngay từ đầu tôi đã giấu nó mọi thông tin về những cây gỗ đỏ khổng lồ. Tôi cho rằng một con chó xù ở Long Island từng thực thi chức năng của nó tại *Sequoia sempervirens* hay *Sequoia gigantea*^[88] thì có thể xem là không giống với những con chó khác, hay thậm chí có thể ví như Galahad^[89] khi nhìn thấy Chén Thánh. Ý tưởng thật là sùng sốt. Sau trải nghiệm này, có thể nó sẽ chuyển sang một mặt bằng tồn tại khác, một chiều kích khác. Trải nghiệm này có thể khiến nó phát điên. Tôi đã nghĩ đến điều đó. Mặt khác, nó có thể biến con chó của tôi thành tầm thường. Một con chó với trải nghiệm như thế có thể trở thành hạ đẳng theo đúng với nghĩa đen của từ này.

Một khi bạn thấy cây gỗ đỏ, nó sẽ để lại trong bạn dấu vết hay tạo ra một hình ảnh sẽ ở lại mãi mãi bên trong bạn. Xưa nay, chưa từng ai thành công trong việc vẽ hay chụp ảnh cây gỗ đỏ. Cảm xúc mà chúng gây ra không thể nào truyền đạt được. Trước chúng, người ta chỉ có thể im lặng và tôn kính. Không chỉ là đáng vóc không thể tin nổi của chúng, không chỉ là màu sắc như luôn dịch chuyển và biến động dưới mắt bạn. Không, chúng không giống bất cứ ngọn cây nào mà chúng ta từng gặp. Chúng là sứ giả của một thời đại khác. Chúng mang bí ẩn của những cây dương xỉ đã biến mất cách đây hàng triệu năm, trở thành than đá kỷ các-bon. Chúng mang theo ánh sáng và bóng râm của chính chúng. Đứng trước cây gỗ đỏ, một kẻ kiêu ngạo, tếu táo, bất kính nhất cũng bị bỏ bùa, trở nên ngưỡng mộ và tôn trọng. Tôn trọng – đúng là từ này rồi. Người ta sẽ cảm thấy cái nhu cầu cúi gập người trước quyền uy hiển hiện. Tôi đã từng thấy những cây lớn như thế từ hồi còn rất bé, từng sống cùng với chúng, cắm trại và ngủ tựa lưng vào cơ

thể khổng lồ ấm áp của chúng, và sự liên kết đó trong tôi không bao giờ phai nhòa. Và không phải riêng tôi mới có những cảm xúc đó.

Vài năm trước đây, một người mới đến, một kẻ lạ chuyển đến sống ở quê tôi gần Monterey. Những cảm xúc của hăn hăn đã bị mài mòn và bóp nghẹt bởi đồng tiền và cách thức kiếm tiền. Hăn mua một khu rừng nhỏ cây thường xanh tọa lạc trong một thung lũng gần bờ biển. Và rồi, vì có quyền sở hữu, hăn đốn sạch cây, đem gỗ đi bán, để lại trên mặt đất đồng đống nát từ cuộc tàn phá của hăn. Cả thị trấn bị sốc và chết điếng. Đó không chỉ là sát nhân mà còn là sự báng bố. Chúng tôi nhìn hăn với sự kinh tởm, và hăn đã bị đánh dấu cho đến tận ngày hăn chết.

Dĩ nhiên, đã có nhiều khu rừng nhỏ cổ xưa bị đốn nhẵn, nhưng nhiều tượng đài uy nghi này vẫn và sẽ còn tồn tại vì một lý do khá hay và thú vị. Các bang và chính quyền không thể mua và bảo vệ những cây thiêng liêng này. Vì vậy mà các câu lạc bộ, các tổ chức, hay thậm chí những cá nhân đã mua chúng và dành chúng cho tương lai. Tôi không biết trường hợp nào tương tự như thế. Đó là nhờ tác động của những cây đại thụ lên tâm trí con người. Nhưng liệu chúng tác động thế nào lên Charley đây?

Đến gần khu vực cây gỗ đỏ ở miền Nam Oregon, tôi nhốt nó phía sau Rocinante với phần mui đóng kín. Tôi đi qua nhiều khu rừng nhỏ mà không dừng lại vì chưa thích hợp. Và rồi, trên một đồng cỏ cao, cạnh một dòng suối, tôi nhìn thấy ngọn cây ông nội đó. Nó đứng một mình, cao đến hơn chín mươi mét, với chu vi bằng cả một căn hộ nhỏ. Các cành của nó xum xuê những lá dẹt màu xanh tươi, chỉ bắt đầu xuất hiện ở độ cao không dưới bốn mươi lăm mét. Bên dưới là một cây cột thẳng, hơi thon thon, với những màu đỏ, tím và xanh. Phần đỉnh của nó trông hoành tráng tuy bị sét đánh nứt toác trong cơn bão nào đó ở quá khứ. Đó chính là thời gian tôi chờ đợi. Tôi mở cửa sau cho Charley ra ngoài và im lặng đứng nhìn, vì đây có thể là giấc mơ đẹp nhất về thiên đàng của loài chó.

Charley đánh hơi và rung lắc chiếc vòng cổ. Nó thông dong đi ra bãi cỏ, nơi có những cành cây non, tiến đến con suối và uống nước. Rồi nó tìm xem có gì khác để làm không.

“Charley”, tôi gọi. “Nhìn kìa!” tôi trở cho nó cây ông nội. Nó ngoe nguẩy đuôi và lại uống tiếp. Tôi nói, “Dĩ nhiên. Nó không nhấc đầu lên đủ cao, làm sao thấy được các cành để biết đó là một thân cây”. Tôi tiến đến chỗ nó, nhấc thẳng chiếc mõm của nó lên. “Coi kìa, Charley. Đây là vua của các loài cây. Đây là kết thúc của cuộc Truy tìm”.

Charley bị hắt hơi như tất cả mọi con chó khi bị nhấc đầu lên quá cao. Tôi cảm thấy cơn tức giận và chán ghét mà người ta vẫn thường hay dành cho những kẻ không biết thưởng thức, những kẻ mà sự thiếu hiểu biết của họ làm hủy hoại cả một kế hoạch quý báu. Tôi lôi nó đến thân cây và dí mũi nó vào đó. Nó lạnh lùng nhìn tôi, tha thứ cho tôi, rồi ung dung đi ra một bụi cây phi.

“Chẳng biết nó làm thế có phải vì thù hằn hay đùa cợt không”, tôi tự nói với chính mình. “chắc mình tức điên đến giết nó quá. Nếu không hiểu ra chuyện này, mình không thể sống nổi”. Tôi mở con dao xếp và đi đến bên con lạch, nơi tôi cắt một nhánh của một cây liễu nhỏ, một chạc ba chứa đầy lá. Tôi tỉ mỉ tỉa các đầu cành, vót nhọn phần gốc, rồi đi tới cây ông nội đáng kính kia, cắm cành liễu lên mặt đất để những lá xanh của nó tựa lên vỏ cây gỗ đỏ xù xì. Rồi tôi huýt sáo gọi Charley và nó đáp lại một cách đáng yêu. Tôi cố tình không nhìn nó. Nó vờn vờ xung quanh cho đến khi nhận ra cành liễu và có vẻ như giật mình vì bất ngờ. Nó tinh tế đánh hơi những chiếc lá vừa bị cắt. Và rồi, sau khi quặt qua quặt lại để lấy đà và chọn hướng, nó lao vút đi.

Tôi ở hai ngày cạnh cơ thể của những người khổng lồ, và ở đó không có những kẻ dạo chơi, không có những nhóm người lú lo với những chiếc máy ảnh. Nơi đây là sự im lặng của một thánh đường. Có thể lớp vỏ dày và mềm đã hấp thụ âm thanh để tạo ra sự im ắng. Những ngọn cây vươn cao đến tận thiên đình: không có một chân trời nào phía trên. Bình minh đến sớm và vẫn mãi là bình minh cho đến khi mặt trời lên cao. Rồi những tán lá giống của cây dương xỉ kéo giãn ánh nắng ra thành một màu vàng xanh và phân bố nó thành những luống, đúng hơn là những dải xen kẽ giữa ánh sáng và bóng râm. Khi mặt trời đi qua thiên đình thì buổi chiều bắt đầu, rồi nhanh chóng là buổi tối với sự nhá nhem, xào xạc chẳng khác gì ban mai.

Và như thế những phân chia thông thường của ban ngày đã thay đổi. Với tôi, bình minh và chạng vạng là những khoảng thời gian tĩnh lặng. Chim bay lượn trong ánh sáng mờ mờ hay lao vun vút qua những dải nắng, nhưng chúng chẳng gây mấy ồn ào. Dưới chân là một tấm thảm lá kim lắng đọng từ trên hai ngàn năm qua. Không có tiếng bước chân trên tấm thảm dày dặn này.

Với tôi, nơi đây tạo một cảm giác ẩn dật, xa xăm. Người ta không dám lên tiếng vì sợ làm phiền thứ gì đó, nhưng là thứ gì kia chứ? Từ khi còn rất bé, tôi đã cảm thấy điều gì đó đang diễn ra trong những khu rừng nhỏ, điều gì đó mà tôi không thuộc về. Và nếu như có lúc nào tôi quên đi cảm giác đó thì nó sớm muộn rồi cũng trở lại.

Về tối, màn đêm phủ kín một màu đen, chỉ duỗi ra những chỗ cho một vài mảng xám hay thoảng hoặc một vì sao. Và trong bóng tối vẫn có hơi thở, bởi lẽ những thứ khổng lồ kiểm soát ban ngày và ngự trị ban đêm này là những vật thể sống. Chúng tồn tại, có lẽ cũng cảm nhận, và đâu đó trong nhận thức sâu thẳm, có thể chúng còn đang giao tiếp nữa. Tôi đã có cả cuộc đời gắn bó với những thứ này. (Thật lạ là từ “cây” không thể dùng được ở

đây). Tôi có thể chấp nhận chúng, quyền năng của chúng, tuổi tác của chúng vì tôi đã sớm phơi mình ra trước chúng. Mặt khác, những người thiếu trải nghiệm này sẽ bắt đầu cảm thấy lúng túng nơi đây, do sợ nguy hiểm, sợ bị giam nhốt, sợ bị vây bủa hay lấn át. Không chỉ kích cỡ mà cả sự lạ lẫm của cây gỗ đỏ sẽ làm họ hoảng sợ. Và tại sao không nhỉ? Vì đó là những thành viên cuối cùng còn sót lại của một giống đã từng rộ nở trên khắp bốn lục địa từ một thời kỳ rất xa xưa trong các kỷ địa chất, mãi tới tận kỷ Thượng Jura. Hóa thạch của chúng đã được định niên đại là từ kỷ Phấn trắng. Đến thế Eocene và Miocene, chúng tràn ngập khắp nước Anh, châu Âu và châu Mỹ. Và rồi các sông băng di chuyển xuống và quét sạch những người khổng lồ, chẳng cho chúng có cơ hội phục hồi. Để rồi chỉ có một vài ngọn cây còn sót lại – một mảnh ký ức đáng sửng sốt về việc thế giới đã từng như thế nào cách đây rất lâu. Có lẽ nào chúng ta không thích được nhắc nhở rằng chúng ta còn rất trẻ và non nớt trong một thế giới cổ xưa khi ta bước vào đó? Có lẽ nào chúng ta đang kháng cự một cách mạnh mẽ cái điều hiển hiện rằng thế giới sống sẽ tiếp tục con đường uy nghi của nó ngay cả khi chúng ta không còn cư trú trên đó nữa.

Tôi luôn gặp khó khăn khi viết về nơi tôi sinh ra, Bắc California. Lẽ ra đó phải là điều dễ nhất, vì tôi biết rõ dải đất chồm ra Thái Bình Dương này hơn bất cứ nơi đâu trên thế giới. Nhưng với tôi không chỉ có một thứ để viết mà là quá nhiều thứ, thứ này xen chồng lên thứ khác cho đến khi tất cả trở nên rối tung. Thứ hiện tại bị cong oằn dưới ký ức của thứ quá khứ và thứ đã xảy đến với bản thân tôi tại đó, tất cả chồng lấn lên nhau cho đến khi sự khách quan trở thành hầu như vô phương. Con đường bê tông bốn làn bị xẻ dọc bởi những cỗ xe tốc độ cao khiến tôi hồi tưởng về con đường núi nhỏ hẹp, ngoằn ngoèo, nơi có những cỗ xe gỗ do những con la ì ạch kéo. Chúng báo hiệu mình đang đến bằng những tiếng lanh lảnh và ngọt ngào của những chiếc chuông đeo cổ. Đó từng là một thị trấn nhỏ thật nhỏ, một cửa hiệu tổng hợp dưới bóng cây, một tiệm rèn và một băng ghế để người ta ngồi nghe tiếng búa đánh giông trên đe. Giờ đây, những căn nhà nhỏ, căn này giống hệt căn kế bên – đặc biệt kể từ khi chúng cố sức làm sao để khác biệt – trải dài hàng dặm đường ra khắp mọi hướng. Đó từng là một ngọn đồi xum xuê, với những cây sồi lá xanh xanh trên đám cỏ khô quắt, nơi bọn sói đồng cỏ vẫn hát ca trong những đêm sáng trăng. Đỉnh đồi nay đã bị cạo trọc, một trạm tiếp sóng truyền hình vươn cao lên bầu trời để mớm những hình ảnh căng thẳng cho hàng ngàn ngôi nhà co cụm như những đám rệp dọc theo những con đường.

Và đó phải chăng là một lời than phiền tiêu biểu? Tôi chưa bao giờ kháng cự những đổi thay, ngay cả khi chúng được gọi tên là tiến bộ, nhưng tôi vẫn cảm thấy oán trách những người lạ đã làm tràn ngập nơi mà tôi nghĩ là quê hương bằng những tiếng ồn ào huyên náo, và bằng những vành đai rác rến không thể nào tránh khỏi. Và dĩ nhiên, đến phiên những người mới này sẽ oán trách những người mới hơn nữa. Tôi nhớ hồi còn nhỏ chúng tôi

đã từng nuôi lòng khinh ghét một cách tự nhiên đối với những người lạ. Chúng tôi sinh trưởng nơi đây và cha mẹ chúng tôi cũng cảm thấy một sự ưu việt lạ lùng trước những người mới đến, những người man rợ, những *forestiero*^[90], và họ, những người nước ngoài, cũng oán trách chúng tôi và thậm chí còn làm ra cả một bài thơ khinh mạn về chúng tôi nữa:

Thợ mỏ đến năm bốn chín,

Gái điếm đến hai năm sau

Và khi họ tụ với nhau Xuất đầu thẳng Cu bản địa

Chúng tôi là sự sỉ nhục đối với người Mỹ gốc Tây Ban Nha, còn họ là nỗi hận của người Da đỏ. Phải chăng đó là lý do vì sao các cây đại thụ làm cho người ta căng thẳng? Những “người bản xứ” đó là những cây đã trưởng thành khi cuộc hành quyết chính trị diễn ra ở Golgotha^[91]. Họ cũng là những cây ở độ tuổi trung niên khi Caesar^[92] hủy diệt nền cộng hòa La Mã trong quá trình bảo vệ nó. Với các cây đại thụ thì tất cả mọi người đều là kẻ lạ, bọn man rợ.

Đôi khi cái nhìn về sự thay đổi bị bóp méo bởi sự đổi thay bên trong chính chúng ta. Căn phòng tưởng như lớn bỗng dưng thu nhỏ lại, ngọn núi cao bỗng chốc thành ngọn đồi. Nhưng trường hợp này thì không có ảo tưởng nào cả. Tôi còn nhớ Salinas – thị trấn nơi tôi sinh ra – từng hãnh diện tuyên bố mình có bốn ngàn dân. Giờ đây, dân số của nó đã là tám chục ngàn, và còn đang nhảy vọt trong sự tăng trưởng toán học: một trăm ngàn dân trong ba năm nữa, hay có lẽ hai trăm ngàn dân sau mười năm, và không có dấu hiệu nào sẽ dừng lại? Ngay cả những người hân hoan với các con số và ấn tượng với sự to lớn cũng đã bắt đầu lo lắng, dần dần ý thức được rằng phải có một điểm bão hòa, và sự tiến bộ có thể trở thành tiến về phía sự bóp nghẹt. Và chưa có giải pháp nào được tìm ra. Đâu thể nào cấm người ta sinh đẻ, ít ra là cho đến lúc này.

Tôi đã nói về sự trỗi dậy của các nhà rơ-moóc, hay các nhà di động. Tôi cũng đã kể về một số điều tiện lợi cho các chủ nhân của chúng. Tôi tưởng rằng chúng có rất nhiều ở miền Đông và Trung Tây, nhưng chính ở California chúng mới thực sự đông kìn kịt. Các bãi nhà di động này nằm rải rác khắp nơi, phủ kín những sườn đồi, tràn xuống các lòng sông. Và chúng

mang theo mình một vấn đề mới. Những người này chia sẻ tất cả những phương tiện của địa phương, từ bệnh viện, trường học, đến sự bảo vệ của cảnh sát, các chương trình phúc lợi, nhưng họ lại không đóng một đồng xu thuế nào. Các phương tiện địa phương được thiết lập dựa trên thuế đánh vào địa ốc, mà thuế này thì các nhà di động lại được miễn nhiễm. Thực ra thì tiểu bang cũng có áp đặt một loại phí cấp phép, nhưng phí này không đến được tay tiểu bang hay thị trấn, ngoại trừ phí bảo trì và mở rộng đường xá. Cho nên chủ nhân của các bất-di-động-sản cảm thấy mình đang phải nuôi báo cô một đồng những người khách, và họ tỏ ra rất giận dữ về điều đó. Nhưng các luật thuế của chúng ta và cách thức chúng ta nghĩ về chúng đã được triển khai từ lâu rồi. Tinh thần chung là né thuế thân và thuế đánh lên phương tiện. Trong chúng ta từng bén rễ sâu cái ý niệm về bất động sản thực như nguồn gốc và biểu tượng của sự phồn vinh. Và giờ đây một lượng lớn người đã tìm ra được cách để lũng đoạn nó. Điều này cũng có thể là đáng hoan nghênh đấy vì chúng ta nhìn chung chẳng vẫn hay ngưỡng mộ những kẻ trốn được thuế đấy thôi, cho dù gánh nặng của sự tự do này có chất lên vai người khác, mỗi lúc một nặng hơn. Nhưng rõ ràng là, trong một thời gian ngắn, người ta sẽ phải nghĩ ra cả một phương pháp hoàn toàn mới để tính thuế, nếu không thì gánh nặng trên vai các địa ốc sẽ lớn đến mức chẳng còn ai chịu đựng nổi. Sự sở hữu sẽ không còn sinh lợi nhuận nữa mà trở thành một án phạt, và đó sẽ là đỉnh điểm của ngọn kim tự tháp nghịch lý. Trong quá khứ, chúng ta đã từng phải miễn cưỡng thay đổi do bị ép buộc bởi thời tiết, hỏa hoạn hay dịch bệnh. Nay thì áp lực lại đến từ sự thành công sinh học của chính chúng ta với tư cách một giống loài. Chúng ta đã vượt qua tất cả mọi kẻ thù, ngoại trừ chính bản thân mình.

Khi tôi còn bé, sống ở Salinas, chúng tôi gọi San Francisco là “Thành phố”. Dĩ nhiên khi ấy đó là thành phố duy nhất mà chúng tôi biết, nhưng đến giờ tôi vẫn nghĩ đó là Thành phố, và tất cả những ai từng gắn bó với nó đều nghĩ hết như thế. “Thành phố” quả là một từ kỳ lạ và độc đáo. Ngoài San Francisco ra, chỉ vài phần nhỏ của London và Rome còn là “Thành phố” trong tâm trí người dân. Mexico City thì đã là Thủ đô mất rồi.

Từng có thời tôi biết Thành phố rất rõ, trải qua những ngày sôi động của tôi ở đó trong khi những người khác đang mơ tưởng về Paris. Tôi vào đời ở San Francisco, từng leo lên các ngọn đồi của nó, ngủ trong các công viên của nó, làm việc trên các bến cảng của nó, tuần hành và la hét trong các cuộc xuống đường của nó. Theo một cách nào đó tôi luôn cảm thấy mình sở hữu Thành phố chẳng khác gì nó sở hữu chính tôi.

San Francisco trưng ra phía trước tôi. Tôi thấy nó từ bên kia vịnh, từ những con đường bọc qua Sausalito và đi lên cây cầu Golden Gate. Năng chiều sơn lên nó một màu trắng vàng, ngự trên những ngọn đồi của nó khiến nó giống như một thành phố tráng lệ trong giấc mơ hạnh phúc. Một thành phố trên đồi với những địa điểm bằng phẳng. New York tự tạo ra những ngọn đồi của chính mình bằng những tòa nhà vươn cao, nhưng cái thành lũy vàng trắng lớp lớp dựng trên nền trời xanh Thái Bình Dương này lại là một thứ gây sững sờ, một thứ được vẽ ra như bức tranh trung cổ Ý không có trong thực tại. Tôi dừng xe trong một bãi đậu để chiêm ngưỡng nó, ngắm nghía cả chiếc cầu trông như chiếc vòng cổ từ biển khơi dẫn lối vào nội thành. Trên những ngọn đồi xanh nhô cao ở phía nam, sương đêm ồ ạt tới như bày cừu bị lừa vào chiếc chuồng bên trong thành phố vàng. Nó chưa bao giờ đẹp như thế. Thuở bé, mỗi khi sắp được lên Thành phố, tôi thường thao thức suốt nhiều đêm trước đó vì sự sôi háo hức. Nó để lại cho tôi một dấu ấn.

Tôi băng qua chiếc vòm lớn treo bằng những sợi dây. Và thế là tôi đã bên trong cái thành phố xiết bao thân thuộc.

Nó vẫn là Thành phố mà tôi nhớ. Nó tự tin xiết bao vào sự vĩ đại của mình, đến mức có thể cư xử một cách tử tế. Nó đã từng tử tế với tôi trong những ngày nghèo túng và không hề oán trách những cơn túng quẫn của tôi. Tôi có thể ở lại đó không biết đến bao lâu, nhưng tôi phải đến Monterey để bỏ lá phiếu vắng mặt của mình.

Những ngày tôi còn trẻ, ở quận Monterey phía nam San Francisco, tất cả mọi người đều theo đảng Cộng hòa. Gia đình tôi cũng theo phe Cộng hòa. Nếu tôi còn ở đó, có lẽ tôi vẫn còn theo phe Cộng hòa. Nhưng Tổng thống Harding^[93] đã lôi kéo tôi về phía đảng Dân chủ và Tổng thống Hoover^[94] đã

chôn chân tôi ở đó. Nếu tôi tự cho phép mình có một lịch sử chính trị cá nhân, ấy là vì tôi nghĩ kinh nghiệm của tôi có thể không phải là độc nhất.

Tôi vừa đến Monterey là cuộc chiến đã bắt đầu. Các chị em gái của tôi vẫn còn theo phe Cộng hòa. Nội chiến được xem là cuộc chiến cay đắng nhất, và quan điểm chính trị của gia đình đương nhiên là thứ gì đó vừa say đắm vừa độc địa. Tôi không thể tranh luận về chính trị một cách lạnh lùng và sắc sảo như với những người lạ. Với các chị em gái tôi thì đừng hòng. Mỗi cuộc thảo luận chính trị đều kết thúc trong sự hỗn hển và kiệt quệ vì giận dữ. Không thể có bất cứ thỏa hiệp nào. Không bên nào buông tha hoặc xin buông tha.

Mỗi tối, chúng tôi đều tự hứa, “Phải hòa thuận và thân ái với nhau. Tối nay không được bàn chính trị”. Và chỉ mười phút sau chúng tôi đã quát tháo vào mặt nhau. “John Kennedy^[95] là người tuyệt vời thế này, tuyệt vời thế nọ...”

“Thôi được, nếu thái độ của cậu là như vậy, cậu làm cách nào đây để hòa giải với Dick Nixon^[96]?”

“Bình tĩnh đã nào. Chúng ta là những người có lý lẽ mà. Hãy xem xét chuyện này cái đã”.

“Chị đã xem xét rồi. Ta làm một ly whisky Scotland nhé?”

“Ồ, chị đã nói thế thì cứ gì whisky. Tại sao không phải là cửa hàng tạp phẩm ở Santa Ana? Tại sao ta không làm một ván cờ, hả bà chị thân mến?”

“Cha mà nghe cậu nói thì chắc ông ấy phải đội mồ mà dậy”.

“Này, đừng có lời cha vào đây. Ông ấy mà còn sống thì có khi giờ đây ông ấy đã theo phe Dân chủ rồi”.

“Cậu nói vậy mà được à. Bobby Kennedy^[97] đang chạy rộng mua hàng túi phiếu bầu kia kìa”.

“Bộ phe Cộng hòa chưa bao giờ mua phiếu sao? Chị làm tôi thấy buồn cười quá đi”.

Cay nghiệt và không có hồi kết. Chúng tôi đào lên tất cả những món vũ khí quý ước đã lạc hậu và sỉ vả nhau bằng những lời lẽ to tiếng qua lại.

“Cậu nói cứ y như Cộng sản ấy”.

“Vâng. Còn chị thì nói nghe chẳng khác gì Thành Cát Tư Hãn cả”.

Thật là kinh khủng. Người lạ mà nghe chúng tôi tranh luận thì có khi đã gọi cảnh sát để ngăn ngừa đổ máu rồi. Và tôi nghĩ chúng tôi không phải là những người duy nhất. Tôi tin rằng chuyện như thế này xảy ra ở những chốn riêng tư trên khắp đất nước ta. Có lẽ chỉ ở những nơi công cộng dân tộc ta mới bị líu lười lại.

Mục đích chính của lần về nhà này có vẻ như để đấu tranh chính trị, nhưng giữa các trận đấu tôi cũng đã viếng thăm những nơi xưa cũ. Đã diễn ra một cuộc đoàn tụ cảm động ở quán bar của Johnny Garcia tại Monterey với những cái ôm và những giọt nước mắt, với sự âu yếm và những lời triu mến giữa làn điệu Tây Ban Nha thuở thiếu thời. Ở đó có những người da đỏ Jolón mà tôi biết hồi còn rất trẻ. Chúng tôi nhảy múa một cách trang trọng, hai tay khóa lại phía sau lưng. Và chúng tôi hát vang khúc ca của quận nam, “There was a jung guy from Jolón – got seek from leeving halone. He wan to Keeng Ceety to get sometheeng pretty^[98] – *Put a chingada carbrón*”^[99]. Đã nhiều năm qua tôi không nghe bài hát này. Đó là một bài hát hội hè. Những năm tháng lốm ngốm bò ra từ những hang hốc của chúng. Đó là Monterey, nơi mà người ta đưa lên võ đài một con bò điên và một con gấu xám cho chúng đấu với nhau, nơi của bạo lực ngọt ngào và cảm động, khi mà sự láu cá giả nai vẫn còn là điều xa lạ, và vì thế không bị vấy bẩn bởi những tư duy tã lót.

Chúng tôi ngồi ở quầy bar và Johnny Garcia nhìn chúng tôi với đôi mắt Gallego^[100] rơm rớm nước. Áo của anh ta phanh ngực và trên cổ anh ta treo lủng lẳng tấm mẽ dây vàng đeo trên sợi dây chuyền. Anh ta chồm qua quầy và nói với người đàn ông ở gần nhất, “Nhìn nó nè! Juanito^[101] đã tặng nó cho tôi nhiều năm trước đây. Anh ấy mang nó đến từ Mexico, la Morena, La Virgincita de Guadalupe, và coi nè!” Anh ta xoay chiếc mẽ dây vàng hình bầu dục. “Tên tôi và tên anh ấy”.

Tôi nói, “Khắc bằng kim đấy”.

“Tôi chưa bao giờ cởi nó ra”, Johnny nói.

Một *paisano*^[102] đen bự mà tôi không quen bỗng đứng lên thanh gác chân, chồm qua quầy bar. “*Favor*”^[103] anh ta nói. Rồi, không thềm nhìn

Johnny, anh ta nâng tấm mề đay lên, hôn nó đánh chụt, nói “*Gracias*”^[104] rồi đi một mạch ra ngoài qua cánh cửa lò xo.

Lồng ngực Johnny căng lên vì xúc động, mắt anh ta rơm rớm nước. “Juanito”, anh ta nói. “Về nhà đi! Hãy về với bạn bè của anh. Chúng tôi yêu anh. Chúng tôi cần anh. Đây là chỗ ngồi của anh, *comprade*,^[105] đừng để nó bị trống chứ”.

Phải thừa nhận rằng tôi cảm thấy sự trỗi dậy của tình yêu và muôn điều muốn nói, và rằng tôi không có lấy một giọt máu Galicia^[106] nào. “*Cuñado mio*”^[107], tôi rầu rĩ nói. “Giờ đây tôi sống ở New York mất rồi”.

“Tôi không ưa New York”, Johnny nói.

“Anh chưa từng đến đó mà”.

“Tôi biết chứ. Chính vì vậy mà tôi không ưa nó. Anh phải trở về thôi. Anh thuộc về nơi đây”.

Tôi uống một ngụm dài, tự nguyện rửa mình nếu như không tìm ra được lời. Những từ ngữ cũ lâu ngày không dùng bỗng ồ ạt kéo về. “Hãy để trái tim của anh biết lắng nghe, bạn thân ạ. Anh và tôi, chúng ta đâu còn bé bỏng gì cho cam. Thời gian đã giải quyết một số vấn đề của chúng ta”.

“Anh im đi”, anh ta nói. “Tôi sẽ không nghe điều đó. Nó không đúng. Anh vẫn thích rượu, anh vẫn mê gái. Điều gì đã thay đổi nào? Tôi biết rõ anh. *No me cagas, ñino*”.^[108]

“Anh không hiểu đâu. Có một người vĩ đại tên là Thomas Wolfe. Ông ấy đã viết một cuốn sách mang tựa đề *You Can't Go Home again* (Không thể trở lại nhà). Và đó là sự thực”.

“Nói dối”, Johnny nói. “Đây là chiếc nôi của anh, là mái nhà của anh”. Bất chợt anh ta giộng lên quầy bar bằng cây gậy bóng chày chơi trong nhà bằng gỗ sồi mà anh ta thường hay dùng trong các cuộc tranh luận để vẫn hồi trật tự. “Theo dòng thời gian, có khi là hàng trăm năm nữa, đây sẽ là nấm mồ của anh”. Cây gậy rơi khỏi tay anh ta khi anh ta khóc trước viễn cảnh sự từ trần của tôi. Bản thân tôi cũng rơm rớm nước mắt trước viễn cảnh đó.

Tôi nhìn chăm chặp chiếc ly rỗng của mình. “Người Gallego các anh thật là bất lịch sự”.

“Ồ, nhân danh Chúa”, Johnny nói. “Ôi, cho tôi xin lỗi!” rồi anh ta rót rượu cho cả hai chúng tôi.

Hàng người ở quầy bar giờ đây im phăng phắc, những khuôn mặt tối, lịch sự không biểu lộ cảm xúc.

“Mừng anh trở về nhà, *compadre*”, Johnny nói. “John the Babtist^[109], hãy trục xuất địa ngục ra khỏi những lời lẽ tầm phào đó đi”.

“*Conejo de mi alma*.^[110] Linh hồn tôi rất yếu mềm.”

Anh chàng đen bự từ ngoài đường trở vào. Anh ta chồm qua quầy bar, hôn tấm mề đay của Johnny rồi bỏ đi lần nữa.

Tôi cúi kính nói, “Ở đây khó nói chuyện quá. Tôi có phải mua vé không vậy? Chẳng lẽ phải đăng ký mới nói chuyện được hay sao?”

Johnny quay sang quầy bar im ắng. “Im lặng!” anh ta quát rồi lượm cây gậy bóng chày chơi trong nhà.

“Tôi sẽ nói thật với anh, anh rể ạ. Cứ bước ra đường là thấy người lạ, người ngoại quốc, hàng ngàn, hàng vạn người. Nhìn mấy ngọn đồi mà xem, cả đồng chuồng bồ câu. Ngày nay tôi đi dọc đường Alvarado rồi trở về theo đường Calle Principal và tôi chỉ thấy có những người lạ mà thôi. Chiều nay tôi bị lạc ở Cổng Peter. Tôi ra Cánh đồng Tình yêu rồi trở về qua nhà của Joe Duckworth gần công viên Ball. Ở lô đất chứa các xe cũ ấy mà. Đến các đèn giao thông là thần kinh tôi căng thẳng. Ngay cả cảnh sát cũng là người lạ, người ngoại quốc. Tôi ra thung lũng Carmel, nơi có thời ta có thể bắn súng trường ba mươi – ba mươi ra khắp mọi hướng. Giờ thì anh không thể quăng một viên bi gỗ^[111] mà không trúng phải một người ngoại quốc. Johnny à, tôi không ghét bỏ gì họ, anh biết rồi đấy. Nhưng bọn họ là những người giàu có. Họ trồng cây phong lữ trong những chậu to thùng. Họ có những hồ bơi nuôi được cả ếch và tôm. Không, bạn vàng của tôi. Nếu đây là nhà tôi thì sao tôi lại bị lạc ở đó? Nếu đây là nhà tôi thì sao tôi đi trên đường mà không nghe thấy những lời chúc phúc cho nhau?”

Johnny ngả người dựa vào quầy bar. “Nhưng, Juanito ạ, ở đây vẫn như cũ. Chúng tôi không để họ bước vào”.

Tôi nhìn xuống hàng dài những khuôn mặt. “Phải, ở đây thì khá hơn rồi. Nhưng liệu tôi có thể sống mãi ở quầy bar này? Chúng ta hãy dừng dối mình

nữa. Những gì chúng ta biết đều đã chết cả rồi, và có lẽ phần lớn những gì là chúng ta cũng đã chết. Những thứ ở ngoài kia là mới mẻ và cũng có thể là tốt đẹp, nhưng chẳng có thứ nào chúng ta biết cả”.

Johnny chống thái dương trong lòng bàn tay khom khom, cặp mắt anh đỏ hoe.

“Những người tuyệt vời đâu hết cả rồi nhỉ? Nói tôi nghe xem, Willie Trip đang ở đâu?”

“Chết rồi”, Johnny nói một cách vô hồn.

“Còn Pilon, Johnny, Pom Pom, Miz Gragg, Stevie Field, họ ở đâu?”

“Chết, chết, chết”, Johnny lầm bầm.

“Còn Ed Ricketts, Whitey Số Một và Số Hai? Sonny Boy, Ankle Varney, Jesús Maria Corcoran, Joe Portagee, Lee Lùn, Flora Wood, và cái con bé dấu nhện trong nón ấy, họ đâu hết cả rồi?”

“Chết, chết cả rồi”, Johnny nói như rên rỉ. “Có vẻ như chúng ta là một băng những hồn ma”.

Anh chàng đen bực bước vào và Johnny chìa ra chiếc mẽ-day cho anh ta hôn mà không đợi phải hỏi.

Johnny quay đầu rải những bước dài đi về phía tấm gương của quầy bar. Anh ta nhìn ngắm bộ mặt mình một hồi lâu rồi lấy một chai whisky, mở nút bần, ngửi và nếm rượu. Rồi anh nhìn xuống các móng tay. Dọc quầy bar bỗng trở nên náo nhiệt, những bờ vai khuỳnh ra, những đôi chân dang rộng.

Sắp có rắc rối rồi đây, tôi tự nhủ.

Johnny trở lại, nhẹ nhàng đặt chai rượu lên quầy bar giữa chúng tôi. Cặp mắt anh xa xăm và mơ màng.

Johnny lắc đầu. “Tôi nghĩ anh không ưa chúng tôi nữa rồi. Có lẽ anh quá tốt so với chúng tôi”. Các đầu ngón tay của anh chậm chậm gõ chiếc bàn phím vô hình trên quầy bar.

Trong một thoáng, tôi cảm thấy háo hức. Tôi nghe thấy tiếng rên rỉ của kèn đồng và tiếng va chạm của vũ khí. Nhưng chết tiệt, tôi đã quá già để làm chuyện đó. Tôi phóng hai bước ra đến cửa rồi quay đầu lại. “Tại sao anh chàng đó lại hôn chiếc mẽ-day?”

“Anh ta đang cá độ”.^[112]

“Thôi nhé, hẹn gặp anh ngày mai, Johnny”.

Cánh cửa kép đóng đưa sau lưng tôi. Tôi đang ở trên đường Alvarado sáng choang đèn neon. Và quanh tôi chỉ toàn những người lạ.

Với cái tinh thần luyện thương quá khứ quá đổi sục sôi ấy, tôi đã tỏ ra bất công với bán đảo Monterey. Đó là một nơi đẹp đẽ, sạch sẽ, được quản lý tốt và tiến bộ. Các bãi biển của nó là những nơi xưa kia từng ung thối bởi ruột cá và ruồi nhặng. Những nhà máy đồ hộp từng là nguồn gốc của những mùi lộn mửa nay đã được di dời, thay vào đó là những nhà hàng, cửa hàng đồ cổ và những thứ tương tự. Giờ đây người ta câu cá để phục vụ khách du lịch, không phải cá mòi cơm mà là các loài cá xem chừng cũng khó mà cạn kiệt. Và Carmel, khởi đầu là nơi chốn của các nhà văn chết đói và các họa sĩ bị ruồng bỏ, nay đã trở thành một cộng đồng khá giả và là nơi ở của những người hữu trí. Nếu những người sáng lập Carmel trở lại nơi đây, chắc là họ sẽ không thể xoay sở mà sống nổi, nhưng có lẽ cũng chẳng cần nói gì xa xôi đến thế. Họ sẽ lập tức bị “lợm” như những phần tử khả nghi và bị trục xuất ra khỏi những lằn ranh của thành phố.

Nơi xuất thân của tôi đã thay đổi và đã rời xa tôi vì tôi đã không đổi thay kịp theo nó. Trong ký ức của tôi, nó vẫn sừng sững như xưa, và bề ngoài của nó đã khiến tôi lúng túng và giận dữ.

Điều mà tôi sắp kể hẳn cũng là trải nghiệm của rất nhiều người trên đất nước này, nơi có quá nhiều người bỏ đi lang thang và lúc nào đó quay trở về. Tôi gọi về những người bạn cũ xiết bao quý báu. Tôi nghĩ tóc họ rụng nhiều hơn tôi chút ít. Sự đón tiếp diễn ra đầy nhiệt tình, những ký ức lũ lượt tràn về. Những tội lỗi cũ, những thắng lợi xưa được lôi ra phủ bụi. Và bất chợt sự chú ý của tôi đi lang thang, và nhìn vào những người bạn, tôi nhận ra sự chú ý của họ cũng đi lang thang nốt. Và điều tôi nói với Johnny Garcia là rất đúng: tôi đã là một hồn ma. Thị trấn của tôi đã phát triển và thay đổi, và cùng với đó là những người bạn của tôi. Giờ đây khi trở lại, tôi đã thay đổi với bạn bè, giống như thị trấn đã đổi thay với tôi. Tôi đã bóp méo bức tranh

về họ, làm vẫn đục những ký ức của họ. Lúc tôi đi khỏi nơi đó cũng là lúc tôi chết, và do đó mà nó đã trở thành cố định và không thể đổi thay trong tôi. Sự trở về của tôi chỉ có thể tạo ra những bối rối và khó chịu. Mặc dù không nói ra nhưng các bạn của tôi đều muốn tôi ra đi để tôi giữ mãi nơi chốn của mình trong khuôn khổ hồi niệm. Và tôi cũng muốn ra đi vì cùng lý do ấy. Tom Wolfe đã nói đúng. Bạn không thể về lại nhà vì nhà đã ngừng tồn tại, chỉ còn đọng trong những xó xỉnh của ký ức mà thôi.

Sự ra đi của tôi giống như sự tháo chạy. Nhưng trước khi quay lưng, tôi đã làm được một việc vừa là hình thức vừa là tình cảm. Tôi lái xe lên tới đỉnh Fremont, điểm cao nhất trong chu vi nhiều dặm. Tôi leo đến tận những tảng đá sắc nhọn cuối cùng ở trên đỉnh. Tại đây, giữa những tảng granite xám lộ thiên, tướng Frémont đã dàn trận chống lại quân đội Mexico và đã đánh bại họ. Khi bé, chúng tôi thỉnh thoảng vẫn tìm thấy những quả đạn pháo và những lưỡi lê sét rỉ tại khu vực này. Đỉnh núi đá trơ trọi này chứng giám không chỉ toàn bộ tuổi thơ và tuổi trẻ của tôi mà cả thung lũng Salinas rộng lớn trải dài xuống phía nam hàng trăm dặm. Thị trấn Salinas nơi tôi sinh ra giờ đây lan tỏa như cỏ cua ra đến các chân đồi. Ngọn Toro, thuộc rặng núi anh em nằm ở hướng tây, là một ngọn núi tròn trịa, ôn hòa, và từ phía bắc vịnh Monterey nó trông sáng loáng như một chiếc đĩa xanh. Tôi cảm thấy, ngửi thấy, nghe thấy những cơn gió lùa lên từ thung lũng kéo dài. Tôi ngửi thấy những ngọn đồi nâu phủ kín yến mạch dại.

Tôi nhớ đã từng có lúc – vào cái thời kỳ tuổi trẻ mà người ta thường quan tâm sâu sắc đến cái chết – tôi muốn được chôn trên đỉnh núi này, nơi mà chẳng cần có mắt tôi vẫn nhìn thấy được tất cả những thứ mà tôi biết, tôi yêu. Bởi lẽ, vào những ngày đó, phía sau những ngọn núi này không có bất kỳ thế giới nào. Và tôi nhớ mình đã cảm nhận sâu sắc ra sao về sự chôn cất của bản thân. Thật lạ và cũng thật may mắn vì, khi thời gian cạn kiệt dần, cái chết trở thành một thực tế hơn là một khung cảnh lộng lẫy. Tại đây, trên những tảng đá cao này, ký ức đậm huyền thoại của tôi đã tự nó vá vúi lại. Sau khi đã thám sát khu vực, Charley ngồi xuống dưới chân tôi. Đôi tai viền tua của nó cứ phấp phật như áo quần phơi trên dây. Chiếc mũi ẩm ướt vì hiếu kỳ của nó đánh hơi những sắc thái của hàng trăm dặm gió.

“Mày không biết đâu, Charley ạ. Ở ngay dưới kia, trong cái thung lũng nhỏ, tao đã câu cá hồi với một người có cái tên giống mày, chú Charley. Còn ở bên kia – có thấy tay tao chỉ không – mẹ tao đã bắn chết một con mèo hoang. Thằng xuống phía dưới này, cách chừng sáu mươi bốn cây số, là trang trại nhà tao, trang trại đôi kém thuở nào. Mày có thấy cái nơi tôi tới phía bên kia không? Đó là một hẻm núi nhỏ với con suối trong veo thật đáng yêu chảy qua những hàng cây đỗ quyên và những cây sồi lớn. Trên một trong các cây sồi đó, cha tao đã lấy sắt nung ghi lại tên của ông và tên cô gái ông yêu. Nhiều năm qua đi, vỏ cây mọc ra, đè lên những vết đốt và che khuất chúng. Và chỉ mới gần đây thôi, có một người đàn ông đã chặt cây sồi để lấy củi đốt. Chiếc rìu nhức nhối của ông ta đã làm lộ ra tên của cha tao và ông ta đã gửi phần vỏ cây đó đến cho tao. Vào mùa xuân, Charley à, khi thung lũng phủ một lớp đậu lu-pin xanh giống như một biển hoa, có một mùi hương dâng lên đến tận đây, mùi hương của địa đàn hương”.

Tôi in nó lần nữa vào đôi mắt mình, nam, tây và bắc. Và rồi chúng tôi vội vã rút khỏi cái quá khứ thường trực và không đổi, nơi mà mẹ tôi vẫn đang bắn con mèo hoang và cha tôi vẫn đang khắc tên mình và tên người ông yêu.

Tôi sẽ rất hài lòng nếu như có thể nói về cuộc hành trình của tôi cùng Charley như sau: “Tôi đi tìm sự thật về đất nước tôi và tôi đã phát hiện ra nó”. Vấn đề còn lại đơn giản chỉ là trình ra những điều tìm thấy rồi thoải mái ngả lưng với cái cảm giác dễ chịu nhờ đã phát hiện ra sự thật và thuật lại cho độc giả. Tôi ước gì việc đó dễ dàng như thế. Nhưng điều tôi mang trong đầu và sâu thẳm trong nhận thức lại là một thùng giòi bọ. Từ lâu lắm rồi tôi đã phát hiện trong lúc sưu tập và phân loại các sinh vật biển rằng thứ mà tôi tìm ra luôn gắn bó chặt chẽ với việc tôi cảm nhận thế nào vào lúc đó. Thực tế khách quan bên ngoài có một cách thức để không khách quan chút nào.

Mảnh đất khổng lồ này, dân tộc hùng mạnh bậc nhất này, hạt giống của tương lai này hóa ra chỉ là một thế giới vĩ mô của cái tôi vi mô. Nếu một người Anh, hoặc Pháp, hoặc Ý, thực hiện cùng một cuộc hành trình như tôi, thấy những điều tôi thấy, nghe những điều tôi nghe, nhất định họ sẽ lưu giữ những tấm ảnh chụp không chỉ khác với ảnh chụp của tôi mà ảnh họ cũng khác với ảnh kia. Nếu những người Mỹ khác đọc bản tường thuật này thì họ sẽ cảm thấy nó là thật, và sự tán thành này chỉ có thể mang ý nghĩa rằng chúng ta giống nhau trong nhãn quan Mỹ của mình.

Từ đầu đến cuối, thật ra tôi đã không tìm thấy những người lạ. Nếu tìm ra, có lẽ tôi đã kể được về họ một cách khách quan hơn. Nhưng đó là những người dân của đất nước tôi và đó cũng là đất nước tôi. Nếu như tôi tìm thấy những vấn đề để mà phê phán, để mà tìm hiểu, thì những vấn đề đó có xu hướng cũng tồn tại cả trong tôi nữa. Nếu tôi phải đưa ra một cái nhìn khái quát được kiểm tra một cách hoàn chỉnh thì nó sẽ là như sau: Vì tầm vóc địa lý khổng lồ của đất nước ta, vì tính vùng miền của đất nước ta, vì sự đan xen các nòi giống đến từ mọi khu vực sắc tộc trên thế giới, chúng ta đã trở thành một dân tộc, một giống nòi mới. Người Mỹ luôn thể hiện mình là Mỹ hơn là

người miền Bắc, miền Nam, miền Tây hay miền Đông. Các hậu duệ của người Anh, người Ai-len, người Ý, người Do Thái, người Đức, người Ba Lan đều cơ bản là người Mỹ. Đó không phải là một lối yêu nước ồn ào, mà là một thực tế được quan sát kỹ lưỡng. Người Hoa ở California, người Ai-len ở Boston, người Đức ở Wisconsin, vâng, cả người da đen ở Alabama nữa, họ đều có những điểm chung nhiều hơn những điểm riêng. Và đó là điều đáng chú ý nhất vì nó đã diễn ra nhanh biết bao. Thực tế là người Mỹ từ tất cả các vùng miền và tất cả các sắc tộc còn giống nhau hơn cả người xứ Wales giống người Anh, người Lancashire giống người Highland. Thật là sững sốt khi điều này chỉ diễn ra trong chưa đầy hai trăm năm và phần lớn lại diễn ra trong năm mươi năm đổ lại. Bản sắc Mỹ là một thứ gì đó chuẩn xác, có thể chứng minh được.

Bắt đầu cuộc hành trình trở về, giờ đây tôi nhận ra rằng tôi không thể thấy điều gì cả. Bức họa phẩm đầy ấn tượng của tôi đã trở nên hỗn độn. Tôi quyết định thăm thú thêm hai miền nữa trước khi khép lại cuộc hành trình: Texas và một phần đại diện của Deep South. Từ những gì tôi đọc được, Texas hình như nổi lên như một thế lực tách biệt và miền Nam vẫn trong cơn đau đẽ, trong khi gốc gác của đứa con tương lai thì vẫn chưa ai biết rõ. Và tôi nghĩ rằng có khi cơn đau đẽ đó khốc liệt đến mức người ta quên luôn cả đứa con.

Cuộc hành trình này giống như một bữa tối thịnh soạn với nhiều món ăn, dọn ra trước mắt một người sắp chết đói. Thoạt tiên, người này cố ăn tất cả mọi thứ, nhưng khi các món ăn tiếp tục được dọn ra, anh ta nhận thấy mình nên bỏ qua vài món để giữ khẩu vị, để vị giác của anh ta còn có thể hoạt động.

Tôi thúc Rocinante ra khỏi California bằng con đường ngắn nhất, con đường mà tôi đã biết rõ từ những ngày xa xưa trong thập niên 1930. Từ Salinas đến Los Banos, băng qua Fresno và Bakersfield, rồi qua con đèo đi vào sa mạc Mojave, một sa mạc từng nóng cháy và vẫn đang nóng cháy ngay cả vào thời điểm cuối năm này. Những ngọn đồi của nó từ xa trông như những đồng than đen, và mặt đất nứt nẻ của nó bị mặt trời đói khát hút cho đến khô kiệt. Nay mọi thứ là khá dễ dàng với đường cao tốc, với cỗ xe tiện nghi và đáng tin cậy, với những trạm dừng để lấy chút bóng râm và với

những trạm dịch vụ phô trương hệ thống máy lạnh của mình. Nhưng tôi còn nhớ cái thời mà chúng tôi đến đây, lòng thầm cầu nguyện, nghe ngóng những trục trặc bên trong cái động cơ già cỗi phải làm việc cật lực, phả ra cả một màn khói hơi nước từ bộ tản nhiệt cháy bỏng. Sau đó cái cỗ xe nghĩa địa này đã phải nằm đường vì hỏng nặng, chờ đến khi ai đó dừng lại để giúp đỡ. Và, tôi chưa bao giờ đi qua mà không chia sẻ tâm trạng nào đó với những gia đình đầu tiên lê bước đến miền đất địa ngục này, để lại phía sau họ những bộ xương trắng hếu của bò và ngựa, mà đến phiên chúng trở thành những điểm mốc đánh dấu đường.

Mojave là một sa mạc không lồ và đáng sợ. Nó giống như một thử thách của thiên nhiên đối với sự bền bỉ và dai dẳng của con người, nhằm xác thực rằng người đó đủ tốt, đủ tài để xứng đáng đến California. Cái nóng hanh lung linh làm nảy sinh những ảo giác về nước tại những vùng bằng phẳng. Và ngay cả khi bạn lái xe ở tốc độ cao, những ngọn đồi đánh dấu những lần ranh vẫn lui xa phía trước bạn. Charley, một con chó háo nước, cứ hỗn hển như bị ngạt, ngo nguậy toàn bộ thân mình của nó bằng tất cả những nỗ lực, và chiếc lưỡi dài hai tấc của nó lè ra lũng lằng như một chiếc lá dẹt ẩm ướt. Tôi lái xe rời khỏi đường, tạt vào một con mương nhỏ để cho nó uống nước từ chiếc bồn một trăm hai mươi lít của tôi. Nhưng trước khi cho nó uống, tôi dội nước khắp người nó và dội cả lên tóc, lên vai, lên áo của tôi. Không khí khô hanh đến mức nước bốc hơi làm bạn đột nhiên cảm thấy lạnh.

Tôi khui một lon bia lấy từ tủ lạnh và ngồi trong bóng râm của Rocinante nhìn ra đồng bằng bị mặt trời hành hung, nơi này nơi kia lốm đốm những bụi cây gai đắng.

Cách chừng bốn mươi lăm mét có hai con sói đồng cỏ đứng nhìn tôi, bộ lông màu hung hung của chúng trộn cả nắng lẫn cát. Tôi biết chỉ cần một cử động nhanh và đáng ngờ của tôi, chúng sẽ biến vào cõi vô hình. Với sự chậm rãi bình thường nhất, tôi với lấy khẩu súng trường mới từ chiếc móc trên đầu giường – khẩu .222 với nòng nhỏ, tốc độ cao và tầm xa. Rất từ từ, tôi nâng khẩu súng lên. Có lẽ trong bóng râm ngôi nhà của tôi, tôi đã bị khuất một phần bởi ánh sáng chói chang bên ngoài. Ống ngắm của khẩu

súng trường nhỏ hướng ra một khung cảnh đẹp bên ngoài cánh đồng hoang. Bọn sói vẫn không nhúc nhích.

Tôi đưa cả hai con vào ống ngắm và kính ngắm đưa chúng lại rất gần. Lưỡi của chúng lè ra khiến chúng trông giống như đang cười nhạo. Đó là những con thú trông tươi tốt, không có vẻ gì là đói khát. Bộ lông của chúng rất mượt mà, những sợi vàng làm dịu những sợi đen. Cặp mắt vàng chanh của chúng hiện rõ trong kính ngắm. Tôi dịch ống ngắm xuống mở lông tạp trên lồng ngực của con bên phải rồi mở chốt an toàn. Khuỷu tay tôi tì lên bàn để cố định cây súng. Đám lông tạp vẫn bất động trên ức. Và rồi con sói đột ngột nằm xuống giống như một con chó, cẳng sau bên phải của nó thò lên gãi gãi bờ vai phải.

Ngón tay tôi ngập ngừng trên cò súng. Hẳn là tôi đã trở nên quá già và những phản xạ cũ đã xói mòn. Sói là một loài rác rưởi. Chúng bắt trộm gà. Chúng làm các trang trại thừa đi những con chim cút và những loài chim lấy thịt. Cần phải giết chúng. Chúng là kẻ thù. Phát súng đầu tiên của tôi sẽ hạ gục con thú nằm, và con kia sẽ quay ngoắt lại bỏ chạy. Tôi hoàn toàn có thể đồn ngã nó bằng một phát đạn rượt vì tôi là một tay súng cừ.

Và tôi đã không bắn. Những gì mà tôi đã được huấn luyện nói với tôi, “Bắn đi!” và tuổi tác của tôi thì đáp lại, “Làm gì có con gà nào trong vòng năm mươi cây số quanh đây, và nếu có đi nữa thì chúng cũng đâu phải là gà của tôi. Và cái nơi không nước này đâu phải là đất của chim cút. Không, mấy anh chàng này giữ thể hình của mình bằng món chuột túi và thỏ hoang, và đó là chuyện rác rưởi xoi rác rưởi. Cớ sao tôi phải can thiệp vào?”

“Giết chúng đi!”, sự huấn luyện của tôi lên tiếng. “Mọi người đều giết chúng. Đó là một nghĩa vụ công cộng”. Ngón tay tôi lại nhích lên chiếc cò. Chỗ lông tạp hiện rõ trên bộ ngực, ngay phía dưới chiếc lưỡi thập thò. Tôi có thể hình dung cú nổ cùng âm thanh chói lói và giận dữ của thép, cú nảy và sự vật lộn cho đến khi trái tim bị xé toạc ngưng hoạt động, và rồi, chẳng bao lâu sau đó, là bóng của một con chim ó, rồi thêm một con nữa. Lúc đó tôi đã đi xa rồi, đã ra khỏi sa mạc và băng qua sông Colorado. Và bên cạnh bụi ngải đắng sẽ là một đầu lâu trơ trụi không có mắt, một vài khúc xương bị mổ lổ đổm, một vũng máu khô và vài tấm giẻ rách lông vàng.

Tôi nghĩ mình đã quá già và biếng nhác để sắm vai một công dân tốt. Con sói thứ hai đứng kề bên họng súng của tôi. Tôi chuyển từ đám lông tạp sang bờ vai của con này. Không thể có chuyện bắn hụt với cây súng này và tầm bắn cỡ đó. Tôi đã sở hữu cả hai con thú. Mạng của chúng thuộc về tôi. Tôi đóng chốt an toàn lại và đặt cây súng xuống bàn. Nếu không có ống ngắm thì chúng đã không ở gần một cách mật thiết như thế. Ánh sáng nóng vò nhàu không khí, khiến cho nó lung linh.

Rồi tôi nhớ lại một câu chuyện đã nghe từ lâu mà tôi hy vọng là có thật. Người ta nói với tôi rằng có một thứ luật bất thành văn ở Trung Quốc theo đó nếu một người cứu mạng một người khác thì sẽ chịu trách nhiệm gánh vác cuộc đời của người đó cho đến tận những ngày cuối cùng. Do can thiệp vào định mệnh, kẻ cứu người sẽ không thể trốn tránh trách nhiệm của mình. Câu chuyện này luôn khiến tôi cảm thấy mình thông tuệ.

Và giờ đây, tôi đã có một trách nhiệm tương tự đối với hai con sói sống và khỏe mạnh. Trong thế giới tinh tế của các mối quan hệ, chúng ta mãi mãi bị cột chặt vào nhau.

Tôi khai hai hộp thức ăn cho chó và để chúng lại như một món quà tạ ơn.

Tôi đã nhiều lần lái xe qua miền Tây Nam, và bay qua nơi ấy thậm chí còn nhiều lần hơn nữa. Đó là một vùng đất hoang rộng lớn và bí ẩn, một nơi bị mặt trời trừng trị. Có một thứ gì đó bí ẩn, che giấu và rình rập ở nơi đó. Nó có vẻ hoang vắng, không có những con người ký sinh, nhưng cũng không phải hoàn toàn là như vậy. Đi theo hai đường dấu bánh xe trên cát và đá, bạn sẽ tìm thấy một khu nhà nào đó túm tụm trong một khu vực được bảo vệ, với vài ngọn cây cắm rễ trong những mạch nước ngầm. Bạn sẽ thấy vài dây ngô và bí trông tồi tàn, và những dải thịt bò khô treo trên dây. Ở đó có một giống người sa mạc, không hoàn toàn là ẩn cư mà là đi đến nơi cứu rỗi từ những tội lỗi của sự lầm lạc.

Ban đêm, trong bầu không khí không nước này, các vì sao hạ xuống chỉ vừa vịn thoát khỏi các ngón tay vươn lên bắt. Tại một nơi như thế này, những kẻ ẩn dật của những nhà thờ đầu tiên đã nhìn xuyên qua cõi bất tận bằng những bộ óc không hề kém cõi của họ. Những khái niệm vĩ đại về tính thống nhất và trật tự nguy nga hình như luôn luôn nảy sinh từ sa mạc. Việc

thăm lặng đếm sao và quan sát các chuyển động của chúng đã diễn ra đầu tiên tại các vùng sa mạc. Tôi có quen biết một số người sa mạc. Họ đã chọn địa điểm của mình với một niềm đam mê lặng lẽ và chậm rãi, chối bỏ sự căng thẳng của thế giới có nước. Những người này không hề thay đổi cùng những thời kỳ bùng nổ. Họ chỉ chết đi và được thay thế bởi những người giống như họ.

Và sa mạc luôn ẩn chứa những điều huyền bí, những câu chuyện kể đi kể lại về những nơi chốn bí ẩn trên các ngọn núi vùng sa mạc, nơi những thị tộc sống sót từ những thời xưa cũ đang chực chờ trỗi dậy. Thông thường, các nhóm này canh gác những kho báu chôn giấu sau những làn sóng chinh phục, những tác phẩm nghệ thuật bằng vàng của Montezuma^[113] thuở nào, hay một mỏ vàng giàu trữ lượng đến mức việc phát hiện ra nó có thể làm thay đổi cả thế giới. Nếu một người lạ nào đó phát hiện ra sự tồn tại của họ, thì người này sẽ bị giết chết hoặc bị buộc phải nhập bọn để không bao giờ còn xuất hiện. Những câu chuyện này không tránh khỏi làm nảy sinh một câu hỏi: Nếu đã không trở về thì làm sao ai biết có thứ gì ở đó? Câu trả lời là: Ồ, nó có ở đó thật mà, nhưng nếu anh tìm ra nó thì mọi người sẽ không bao giờ tìm ra anh nữa.

Và còn cả một câu chuyện chắc nịch khác, mãi mãi không thay đổi. Hai người tìm vàng hợp tác với nhau và phát hiện ra một mỏ lớn lạ thường, với cả vàng lẫn kim cương và hồng ngọc. Họ lấy về những mẫu, tối đa họ có thể mang vác, và đánh dấu nơi đó trong tâm trí bằng các cảnh quan xung quanh. Rồi, trên đường trở ra thế giới bên ngoài, một trong hai người đã chết vì khát và kiệt sức, nhưng người kia đã cầm cự được nhờ bỏ lại phần lớn kho báu vì anh ta không thể mang vác nổi do quá yếu. Cuối cùng, anh ta về đến một khu định cư, hay có lẽ được những người tìm vàng khác phát hiện. Họ xem xét các mẫu của anh ta một cách đầy phấn khích. Trong câu chuyện này, đôi khi người sống sót từ trần sau khi chỉ đường đi cho những người đã cứu mình, đôi khi anh ta được bồi dưỡng và khỏe lại. Rồi một nhóm người trang bị đầy đủ đã lên đường tìm kho báu, và không ai còn thấy họ trở về. Đó là hồi kết không đổi của câu chuyện: không ai còn trở về. Tôi đã nghe câu chuyện này nhiều lần, và nó chưa bao giờ thay đổi. Sa mạc là nguồn

dinh dưỡng cho huyền thoại, nhưng huyền thoại đâu đó cũng phải bén rễ từ thực tế.

Và những chuyện đó đã trở thành những bí ẩn có thực của sa mạc. Trong cuộc chiến giữa mặt trời và sự khô hạn chống lại những vật thể sống, sự sống có những bí quyết tồn tại của nó. Sự sống, dù ở cấp độ nào, cần phải được tưới tắm, nếu không sẽ biến mất. Tôi thấy thú vị nhất là mưu mẹo của sự sống nơi sa mạc nhằm kháng cự những tia nắng chết chóc của mặt trời – kẻ chinh phục có sức mạnh vô biên. Đất đai bị vùi dập có vẻ như đã bại trận và chết, nhưng đó chỉ là bề ngoài mà thôi. Một tổ chức rộng lớn và sáng tạo của vật thể sống vẫn tồn tại bằng cách giả chết. Những bụi ngải đắng màu xám đầy bụi bặm khoác một lớp vỏ dầu để bảo vệ chút hơi ẩm ở bên trong. Một số cây nốc vào một lượng nước khổng lồ từ những cơn mưa hiếm hoi và trữ nó lại để dùng cho tương lai. Động vật nơi đây thường có một lớp da khô, cứng hay một khung xương bên ngoài để chống lại việc mất nước. Và mọi vật thể sống đều triển khai những kỹ thuật để tìm hoặc tạo ra bóng râm. Các loài bò sát nhỏ và các loài gặm nhấm thì đào, trườn dưới lòng đất, hay bám vào bề mặt râm của một ụ đất. Chúng chuyển động rất chậm để tiết kiệm năng lượng và hiếm có loài vật nào có thể thách thức lại mặt trời một cách dài lâu. Một con rắn chuông sẽ chết sau một tiếng đồng hồ phơi dưới nắng mặt trời. Một số loài côn trùng với khả năng sáng tạo cao hơn còn tạo ra một hệ thống làm lạnh cá nhân cho riêng chúng. Những con thú lớn hơn thì lấy nước từ những nguồn thứ cấp: thỏ lấy nước từ lá, còn sói thì lấy nước từ máu thỏ.

Vào ban ngày, việc tìm kiếm những sinh thể sống có lẽ là vô ích, nhưng khi mặt trời ngời ngời và màn đêm kéo đến, cả một thế giới các loài sinh vật như thức dậy và phô diễn những sắc thái phức tạp của chúng. Rồi những con thú bị săn bước ra, tiếp đến là những con thú săn mồi và những con thú săn thú săn mồi. Màn đêm thức dậy trong tiếng vo ve, tiếng rống và tiếng sủa.

Rất muộn trong lịch sử của hành tinh chúng ta, khi diễn ra sự tình cờ khó tin về việc hình thành sự sống, khi diễn ra sự cân bằng các yếu tố hóa học, khi diễn ra sự phối hợp cùng nhiệt độ một cách tinh tế đến khó tin tùy theo liều lượng và thể loại, tất cả đã kéo đến cùng một lúc trong một khoảng thời

gian ngắn và những thứ mới mẻ đã trôi dạt. Rồi quá trình thay đổi và đa dạng hóa đã diễn ra trong các sinh thể, khiến sinh thể này khác với sinh thể kia. Nhưng có một thứ chất, có lẽ là chất quan trọng nhất trong tất cả, đã được cấy vào mọi dạng sống. Đó là nhân tố tồn tại. Không một vật sống nào thiếu nó, và sự sống cũng chẳng thể nào tồn tại được nếu như không có cái công thức thần kỳ này. Dĩ nhiên, mọi dạng đều triển khai cỗ máy tồn tại của riêng mình. Một số đã thất bại và biến mất, trong khi số khác sinh sôi khắp trái đất. Sự sống đầu tiên đã có thể dễ dàng tắt ngúm và sự tình cờ kia có thể chẳng bao giờ diễn ra lần nữa, nhưng một khi đã tồn tại, phẩm chất của nó, bốn phận của nó, mối quan tâm của nó, hướng đi và sự kết thúc của nó, mà tất cả mọi sinh vật đều chia sẻ, là làm sao để tiếp tục sống mãi. Nó đã và sẽ còn làm như thế trừ phi có một sự tình cờ nào khác hủy diệt nó. Và sa mạc – cái sa mạc khô héo và cháy nắng – chính là một trường học, nơi người ta có thể quan sát sự khôn ngoan và sự đa dạng vô biên của những kỹ thuật tồn tại dưới những điều kiện tàn khốc. Sự sống không thể làm thay đổi mặt trời hay nước trong sa mạc, do đó nó đã tự thay đổi chính mình.

Sa mạc – vốn là một nơi chốn không ai ưa thích – rất có thể là phòng tuyến cuối cùng của sự sống chống lại sự không-sống. Về phần những vùng đất giàu có, nhiều nước và được ưa chuộng trên toàn thế giới, sự sống nơi đây cứ chồng chất lên nhau và, trong sự hỗn độn đó, nó liên minh cả với cả kẻ thù của nó là sự không-sống. Các vũ khí làm héo tàn, làm cóng lạnh, làm ngộ độc của sự khôngsống đã thất bại. Nhưng chúng vẫn có thể quay về để hoàn tất đến tận cùng sự hủy hoại và tuyệt diệt của chúng nếu như những sách lược tồn tại gặp khó khăn. Nếu như sự thăng hoa cao nhất của các dạng sống, tức con người, cứ đấu tranh để tồn tại như nó xưa nay vẫn thế, nó có thể loại bỏ không chỉ chính bản thân nó mà tất cả các dạng sống khác. Và nếu như điều này diễn ra, những nơi không mong muốn như sa mạc có thể sẽ là bà mẹ khắc khổ để hồi sinh lại dân cư. Bởi lẽ cư dân sa mạc đã được huấn luyện tốt và vũ trang tốt để chống lại sự tàn phá. Ngay cả những nòi giống lầm lạc như chúng ta cũng có thể hồi sinh từ sa mạc. Người đàn ông cô độc cùng bà vợ sạm nắng đang bầu vút vào bóng râm ở cái nơi không màu mỡ và chẳng ai thèm muốn này rất có thể cùng với các chiến hữu của

họ – sói, thỏ hoang, cóc gai mắt, rắn chuông, cùng cả bầy đàn những loại côn trùng vỏ cứng, những mẫu sự sống được huấn luyện và thử thách – trở thành niềm hy vọng cuối cùng của sự sống khi đối mặt với sự không-sống. Sa mạc đã sản sinh ra những phép lạ trước đó.

Tôi đã nói về sự thay đổi ở các đường biên giới bang, những thay đổi trong tiếng Anh trên các đường cao tốc, trong dạng hành văn của các tấm biển, trong tốc độ cho phép. Các quyền của bang được đảm bảo theo Hiến pháp có vẻ như đã được thực thi một cách đầy nhiệt tình và hân hoan. California khám xe để tìm rau và trái cây, vốn được cho là có thể mang theo những loại côn trùng và dịch bệnh nguy hại, và những điều luật như thế được thực thi với một sự nồng nhiệt hầu như là tôn giáo.

Vài năm trước đây, tôi có quen một gia đình vui nhộn và sáng tạo đến từ Idaho. Lên kế hoạch viếng thăm họ hàng ở California, họ mang theo một xe chất đầy khoai tây để bán dọc đường nhằm bù đắp các chi phí. Họ giải quyết được phân nửa lô hàng thì đến biên giới California, và đồng khoai tây của họ bị từ chối không cho vào. Họ không đủ khả năng tài chính để bỏ chỗ khoai tây đó lại, vì vậy họ vui vẻ cắm trại ngay tại đường biên giới, nơi mà họ ăn khoai tây, bán khoai tây, trao đổi khoai tây. Sau hai tuần lễ, chiếc xe trống rỗng. Thế là họ đường đường chính chính đi đến trạm kiểm tra và tiếp tục cuộc hành trình.

Tính cục bộ của các bang, thường được chua chát gọi là Balkanization^[114], đã tạo ra rất nhiều vấn đề. Rất hiếm khi hai bang có cùng mức thuế đánh lên xăng giống nhau, mà các thuế này hậu thuẫn rất nhiều cho việc xây dựng và bảo trì các đường cao tốc. Những xe tải khổng lồ đi xuyên bang thường sử dụng các con đường này và chính tải trọng và tốc độ của chúng đã làm tăng chi phí bảo trì. Cho nên các bang đều có trạm cân xe tải, nơi tải trọng được đo đạc và tính thuế. Và nếu như có sự chênh lệch trong thuế xăng thì bồn xăng cũng được đo đạc và tính thuế nốt. Các biển hiệu ghi, “Xe tải dừng lại”. Vì cũng bị xem là xe tải nên tôi dừng lại, chỉ để chờ được ngoắc cho qua trạm cân. Người ta không màng lắm đến các loại xe như

của tôi. Nhưng đôi lúc tôi cũng dừng lại trò chuyện với các thanh tra khi họ không quá bận bịu. Và việc này dẫn tôi đến chủ đề về cảnh sát bang. Như hầu hết người Mỹ, tôi không ưa cớm và những cuộc điều tra dày đặc của các lực lượng thành phố về nạn hối lộ, bạo lực. Cái danh sách dài đầy ấn tượng của họ về những hoạt động phạm pháp không hề trấn an tôi. Nhưng sự thù ghét của tôi không mở rộng cho các cảnh sát tiểu bang mà nay được duy trì ở hầu khắp đất nước. Bằng cách đơn giản là tuyển dụng những người thông minh và có giáo dục, trả lương họ xứng đáng, và kéo họ ra khỏi các chi phối chính trị, nhiều bang đã thành công trong việc tạo ra một lực lượng ưu tú, đảm bảo sự phục vụ của họ bằng phẩm giá và sự kiêu hãnh. Thỉnh thoảng, các thành phố của chúng ta cũng cảm thấy cần thiết phải tái tổ chức lại đội ngũ cảnh sát của họ theo hình mẫu của cảnh sát bang. Nhưng điều này sẽ chẳng bao giờ xảy ra khi mà các tổ chức chính trị còn nắm quyền lực, dù là chỉ chút ít, để tưởng thưởng hay trừng phạt.

Bằng qua sông Colorado từ Needles, những bờ thành đen đúa và lờm chờm của Arizona vươn cao lên bầu trời, và phía sau chúng là một đồng bằng đông dốc, một lần nữa dâng lên tận cột sống của lục địa. Đã nhiều lần đi qua nên tôi biết con đường này quá rõ – Kingman, Ash Fork, Flagstaff với những đỉnh núi ở phía sau, rồi đến Winslow, Holbrook, Sanders nằm dưới đồi rồi dâng lên trở lại, và rồi Arizona được vượt qua. Các thị trấn hơi lớn hơn và sáng sủa hơn đôi chút so với trí nhớ của tôi, các khách sạn cũng lớn hơn và sang trọng hơn.

Tôi vượt biên giới vào New Mexico, phóng vội qua Gallup trong đêm và cắm trại trên Phân tuyến Lục địa – và điều còn độc đáo hơn thế là nó nằm ở đây chứ không phải phía bắc. Ban đêm rất lạnh và khô, và các ngôi sao thì rất sắc. Tôi lái xe vào một khe núi nhỏ cho khuất gió và đậu lại gần đông chai vỡ – chai whisky và gin, có đến hàng vạn chai. Tôi không rõ vì sao chúng lại nằm nơi đây.

Tôi ngồi trên ghế và đối diện với điều mà tôi đã giấu giếm chính mình. Tôi đã cầm cùi lái xe đi, xóc nảy trên bao dậm đường bởi vì tôi đã không còn nghe thấy và nhìn thấy gì nữa. Tôi đã vượt qua cái giới hạn để thu nạp hoặc, giống như một người cứ tiếp tục nạp thức ăn sau khi đã no, tôi cảm

thấy vô vọng trong việc tiêu thụ những gì tôi đã nạp vào qua đôi mắt. Mỗi ngọn đồi đều giống như ngọn đồi vừa đi qua. Tôi đã cảm thấy như thế tại bảo tàng Prado ở Madrid sau khi xem hàng trăm bức họa. Đó là cái cảm giác bít bùng và vô vọng của việc mất khả năng xem tiếp.

Có lẽ đã đến lúc tìm một nơi trú ẩn bên cạnh một dòng suối để nghỉ ngơi và làm mới lại mình. Ngồi ở chỗ ghế tắm tối của nó bên cạnh tôi, Charley nhắc nhở tôi về một sự khó khăn của nó bằng những tiếng thở dài than vãn nho nhỏ. Tôi thậm chí đã quên cả nó. Tôi cho nó ra ngoài và nó loạng choạng đi ra ngọn núi vỏ chai vỡ, đánh hơi một hồi rồi hướng ra nơi khác.

Không khí ban đêm rất lạnh, lạnh điếng người, cho nên tôi thắp sáng cabin và bật bếp gas lên để làm nóng không khí. Cabin không được ngăn nắp lắm. Giường của tôi vẫn chưa dọn và các đĩa thức ăn điểm tâm vẫn còn nằm chỏng chơ trong bồn rửa. Tôi ngồi trên giường nhìn khung cảnh ảm đạm ở xung quanh. Cớ sao tôi lại nghĩ mình có thể biết được gì từ vùng đất này? Trong hàng trăm dặm cuối, tôi đã tránh gặp người. Ngay cả khi buộc phải dừng lại để đổ xăng, tôi cũng chỉ trả lời nhát gừng và không lưu giữ một hình ảnh nào. Cả mắt lẫn tâm trí tôi đều phản lại tôi. Tôi đã lừa dối chính mình rằng nơi đó là quan trọng và có nhiều thông tin. Dĩ nhiên, có một phương thuốc luôn sẵn sàng. Tôi với lấy chai whisky mà không buồn ngồi dậy, rót ra một nửa ly, ngửi nó, rồi rót trở lại vào chai. Cái này không phải là phương thuốc.

Charley vẫn chưa về. Tôi mở cửa, huýt sáo gọi và không nhận được câu trả lời nào. Điều đó làm tôi giật mình. Tôi chộp lấy cây đèn pha và xoay chùm sáng về phía khe núi. Ánh sáng lóe ra từ hai con mắt ở cách đó chừng bốn mươi lăm mét. Tôi chạy lên theo con đường mòn và phát hiện nó đang đứng nhìn vào hư không, hệt như tôi ban nãy.

“Có chuyện gì vậy, Charley, mày có ổn không đấy?”

Chiếc đuôi của nó chậm chậm đưa ra câu trả lời. “Ồ, ổn chứ. Rất ổn, tôi nghĩ thế”.

“Tại sao tao huýt sáo mà mày không trả lời?”

“Tôi có nghe ông huýt sáo đâu”.

“Mày nhìn cái gì vậy?”

“Tôi cũng không biết nữa. Chắc là chẳng gì cả”.

“Thôi được, mày có muốn ăn tối không?”

“Tôi không thấy đói lắm. Tôi sẽ giả no vậy”.

Trở về ca-bin, nó nằm đánh phịch xuống sàn, đặt chiếc má lên hai bàn chân.

“Leo lên giường đi nào, Charley. Ta cùng sầu khổ với nhau nhé”. Nó tuân theo nhưng không mấy nhiệt tình. Tôi luồn các ngón tay vào phần lông trên đầu nó, gãi gãi phía sau hai tai theo cách mà nó thích. “Thấy thế nào?”

Nó nghiêng nghiêng cái đầu. “Ra trái một chút. Đúng rồi. Chỗ đấy đấy”.

“Chúng ta là những nhà thám hiểm thảm hại. Vài bữa nữa chúng ta sẽ mắc chứng đau thắt bụng thôi. Người da trắng đầu tiên đi qua đây, tao nghĩ tên ông ta là Narváez và tao nhớ hình như cuộc rong chơi nho nhỏ của ông ta đã mất đến sáu năm trời. Nhiều hơn nữa đấy. Tao sẽ coi lại. Không, là tám năm, từ năm 1528 đến năm 1536. Và bản thân Narváez cũng không đi được đến đích. Tuy vậy, bốn người trong đoàn của ông ta đã làm được. Tao tự hỏi không biết họ có mắc chứng đau thắt bụng không. Chúng ta mềm yếu lắm, Charley à. Có lẽ đã đến lúc phải chải chuốt lại chút đỉnh. Sinh nhật của mày là khi nào ấy nhỉ?”

“Tôi không biết. Chắc là cũng giống như ngựa thôi, ngày một tháng Giêng ấy”.

“Hay có khi là bữa nay?”

“Biết đâu đấy”.

“Tao sẽ làm cho mày một ổ bánh. Bánh kẹp thôi vì đó là thứ mà tao có. Bơm đầy xi-rô vào rồi cắm cây nến trên đỉnh”.

Charley nhìn tôi ra tay với ít nhiều vẻ chú ý. Cái đuôi ngốc nghếch của nó phát ra những lời trò chuyện tinh tế. “Ai mà thấy ông làm bánh sinh nhật cho con chó mà thậm chí không biết nó sinh ra ngày nào chắc sẽ nghĩ ông bị khủng”.

“Mày mà không nói năng tử tế hơn thế bằng cái đuôi của mày thì thà là mày không biết nói còn hơn”.

Tôi đã xoay sở khá tài tình: bốn lớp bánh kẹp với xi-rô kẹp giữa và một mẩu nến thợ mỏ trên đỉnh. Tôi uống mừng sức khỏe Charley với whisky

nguyên chất trong khi nó ăn bánh và liếm láp xi-rô. Và cả hai chúng tôi đều thấy dễ chịu hơn. Nhưng đoàn người của Narváez vẫn lớn vờn trong óc tôi. Tám năm trời. Thuở đó quả là có những người đàn ông đích thực.

Charley liếm chỗ xi-rô dây trên lông mép nó. “Điều gì khiến ông thần thờ vậy?”

“Đó là vì tao đã không thấy gì. Khi chuyện đó xảy ra, người ta thường nghĩ mình sẽ không thấy gì nữa”.

Nó đứng dậy, đuổi mình, đầu tiên ra phía trước rồi tiếp đến ra sau. “Ta tản bộ lên đồi chút đi”, nó gợi ý. “Có thể ông sẽ thấy trở lại”.

Chúng tôi thám thính đồng chai whisky vỡ rồi leo tiếp lên đường mòn. Không khí lạnh khô toát ra khỏi chúng tôi thành từng màn hơi. Một con thú lớn nào đó đã phóng lên ngọn đồi đá vụn, hay có lẽ chỉ là một con thú nhỏ và một cơn sạt lở be bé.

“Cái mũi của mày nói đó là con gì vậy?”

“Tôi chẳng nhận ra con gì cả. Nó có cái mùi như mùi xạ. Dù thế nào, tôi cũng chẳng rượt theo nó đâu”.

Màn đêm đen kịt đến mức khiến tôi nổi da gà. Cây đèn của tôi bắt được một tia đáp trả đến từ bờ đá dốc. Tôi leo lên, bị trượt chân, loạng choạng, để lạc mất tia phản hồi và tìm lại được nó. Thì ra là một tảng đá nhỏ mới bị vỡ, bên trên có một mẫu mi-ca. Chẳng phải là một gia tài gì, nhưng cũng là một món vật hay hay đáng để có. Tôi nhét nó vào túi rồi chúng tôi đi về ngủ.

PHẦN BỐN

Khi khởi đầu bản tường thuật này, tôi biết sớm muộn gì tôi cũng phải đến Texas và tôi sợ điều đó. Tôi có thể tránh Texas cũng dễ dàng như một nhà du hành vũ trụ né tránh dải Ngân hà. Nó cắm cái cán chảo lớn Panhandle^[115] lên phía bắc, còn phần sườn nhô ra của nó thì nằm dọc theo sông Rio Grande. Một khi bạn đã vào đến Texas thì có thể bạn sẽ mãi mãi không ra được, và một số người đã bị như thế.

Tôi xin nói ngay từ đầu rằng dù tôi có muốn tránh Texas thì cũng không thể được, bởi lẽ tôi đã cưới vợ người Texas, có mẹ vợ, có chú, có dì, có anh em họ hàng ở cả đó, tất cả đều rất gần gũi gắn bó với tôi. Tránh Texas về mặt địa lý cũng không xong nốt, vì Texas nằm trên đường về nhà chúng tôi ở New York, trên đường về căn nhà câu cá của chúng tôi ở Sag Harbor, và hồi tôi có căn hộ ở Paris thì Texas cũng nằm ở dọc đường. Nó thấm thấu vào thế giới ở một mức độ buồn cười. Có lần, ở Florence, khi gặp một công chúa nhỏ người Ý xinh xắn, tôi đã nói với cha của bé, “Sao trông bé không giống người Ý nhỉ? Cũng lạ thật, bé lại giống người Mỹ da đỏ cơ đấy”. Người cha trả lời, “Tại sao lại không? Bà ngoại bé là người da đỏ Cherokee Texas mà”.

Các nhà văn khi đối mặt với Texas thường thấy mình lúng túng bởi tính lừng lờ của nó, và tôi không phải là ngoại lệ. Texas là một bang của tâm thức. Texas là một nỗi ám ảnh. Vượt lên trên tất cả, Texas là một quốc gia theo mọi nghĩa của từ này. Có một thành ngữ nói lên tính lừng lờ của Texas. Một người Texas ở bên ngoài Texas là một người nước ngoài. Vợ tôi thường tự nhận mình là một người Texas mất gốc, nhưng điều đó chỉ đúng một phần mà thôi. Bình thường cô ấy nói hầu như không có thổ âm, nhưng khi gặp một người Texas thì lại khác, cô ấy chuyển giọng hoàn toàn. Chẳng cần phải vất vả gì để tìm ra gốc gác của cô ấy. Cô ấy phát âm những từ như yes, air, hair, guess với hai âm tiết: yayus, ayer, hayer, gayus. Đôi khi, vào những lúc

một nhọc, từ ink cũng chuyển thành ank. Con gái của chúng tôi, sau một thời gian dài sống ở Austin^[116], đã đưa bạn bè của nó đến thăm New York. Nó nói, “Ba có cây kim không?”^[117]

“Tất nhiên rồi, con gái”, tôi đáp. “Con muốn kim gút hay kim băng?”

“Con muốn mượn cây bút máy cơ”.^[118]

Tôi đã nghiên cứu vấn đề Texas dưới nhiều góc độ và trong suốt nhiều năm. Và dĩ nhiên, cứ mỗi khi tôi đến được “chân lý” là y như rằng lại có một chân lý khác phủ định nó. Tôi nghĩ, khi ở bên ngoài bang của mình, người Texas thường hơi lo lắng và rất căng thẳng trong các cảm xúc của họ. Những phẩm chất của họ đã tạo ra những kiểu nói thánh nói tướng, kiêu ngạo và tự mãn một cách ồn ào, tức các biểu hiện của một đứa trẻ nhút nhát. Ở quê nhà mình, người Texas không phải là như thế. Những người Texas mà tôi biết đều rất duyên dáng, thân thiện, hào phóng và trầm lặng. Ở New York thì chúng tôi lại rất thường nghe họ huênh hoang về những bản sắc quý báu của họ. Texas là bang duy nhất gia nhập Liên minh bằng hiệp ước^[119]. Nó vẫn có quyền ly khai nếu nó muốn. Chúng tôi nghe người ta dọa dẫm ly khai nhiều đến mức tôi đã lập ra một tổ chức thiện nguyện mang tên Những người bạn Mỹ ủng hộ Texas ly khai. Hành động này khiến cho chủ đề trên hạ nhiệt ngay lập tức. Họ muốn có khả năng ly khai nhưng họ không muốn người khác muốn họ làm vậy.

Như tất cả các quốc gia giàu nhiệt huyết, Texas cũng có lịch sử riêng của nó dựa trên các sự kiện nhưng không chỉ có vậy. Truyền thống cứng cỏi và tháo vát của những người dân biên giới là đúng tuy không phải của riêng họ. Chỉ một số ít người biết rằng vào cái thời hoàng kim xa xưa của Virginia có ba loại hình phạt như sau cho các tội nặng: xử tử, trục xuất sang Texas và bỏ tù, xếp theo mức độ nghiêm trọng. Và một số những kẻ bị trục xuất chắc là phải có những hậu duệ.

Một lần nữa, cuộc tử thủ đầy vinh quang để bảo vệ Alamo^[120] trước những đoàn quân của Santa Anna^[121] là một sự kiện. Những đoàn quân dũng cảm người Texas thực sự đã giành lấy quyền tự quyết từ tay Mexico, mà tự do, tự quyết lại là những từ ngữ nghe linh thiêng lắm. Nhưng ta phải gặp những nhà quan sát đương đại ở châu Âu mới tìm được những ý kiến

không-Texas về bản chất của sự chuyên chế đã làm nảy sinh nhu cầu một cuộc nổi dậy. Các nhà quan sát này nói rằng người Texas không muốn trả thuế nữa, thứ đến là Mexico đã bãi bỏ chế độ nô lệ vào năm 1829 và Texas – vốn là một phần của Mexico – được yêu cầu phải thả các nô lệ. Dĩ nhiên, cuộc nổi dậy cũng có thể vì những nguyên nhân khác, nhưng hai nguyên nhân này là đáng chú ý nhất đối với người châu Âu... và rất hiếm khi được nhắc đến tại đây.

Tôi đã nói Texas là bang của tâm thức, nhưng tôi nghĩ có khi nó còn hơn thế. Đó là một dạng thần bí rất gần gũi với tôn giáo. Và nó rất đúng theo nghĩa người ta sẽ hoặc là yêu Texas một cách say mê hoặc là ghét nó một cách điên cuồng. Giống như trong các tôn giáo khác, rất ít người dám khảo sát về nó vì sợ sẽ mất đi mối dây liên lạc của mình với sự thần bí và nghịch biện. Mọi quan sát của tôi đều có thể nhanh chóng bị bác bỏ bởi một ý kiến khác hay một quan sát đối nghịch. Nhưng tôi nghĩ, trong các cảm nhận của tôi về Texas, có một điều chắc sẽ không gây cãi vã nhiều. Do diện tích rộng lớn của nó, do sự đa dạng về khí hậu, do sự khác biệt ở vẻ bề ngoài của người dân, và do tất cả những cuộc cãi cọ, tranh giành và đấu đá nội bộ của nó, Texas có một sự cố kết có lẽ là mạnh hơn so với bất kỳ vùng miền nào khác của nước Mỹ. Người giàu, người nghèo, người Panhandle, người vùng Vịnh, người thành phố, người nông thôn, Texas là một nỗi ám ảnh, một trường hợp cá biệt và là sự sở hữu đầy đam mê của người Texas. Vài năm trước đây, Edna Ferber có viết một cuốn sách về một nhóm nhỏ người Texas rất giàu có. Theo như hiểu biết của tôi thì mô tả của bà rất chuẩn xác, nhưng điểm nhấn lại có phần miệt thị. Lập tức, cuốn sách bị tấn công bởi người Texas thuộc tất cả các nhóm, các tầng lớp, các hội đoàn. Tấn công một người Texas đồng nghĩa với “lãnh đạn” từ tất cả mọi người Texas. Mặt khác, cách đùa của người Texas lại là độc nhất vô nhị, rất đáng yêu và trong phần lớn trường hợp đều có xuất xứ từ Texas.

Truyền thống của những người chăn bò vùng biên giới được chặt chiu nuôi dưỡng giống như ở Anh người ta từng chặt chiu huyết thống Norman^[122] vậy. Và mặc dù nhiều gia đình có nguồn gốc từ những binh lính thực dân sang đánh thuê chứ không phải là những công nhân thời vụ Mexico

như hiện nay, tất cả đều đeo bám vào giấc mơ tiếng rống của bò sừng dài^[123] và chân trời không rào chắn. Khi một người phất lên nhờ dầu hỏa, nhờ các hợp đồng chính phủ, nhờ buôn bán hóa chất hay nhờ bán sỉ hàng tạp phẩm, hành động đầu tiên của anh ta là mua một trang trại, càng lớn càng tốt, và gây dựng một đàn bò. Nghe nói ai muốn ứng cử vào cơ quan công quyền mà không có trang trại riêng thì sẽ khó lòng mà được chọn. Truyền thống gắn bó với đất đai đã ăn sâu vào tâm lý người Texas. Các doanh nhân vẫn mang ủng có gót thúc dù chẳng một lần cảm nhận bàn đạp ngựa. Những người giàu có, dù sở hữu nhà cửa tại Paris và đi săn gà gô ở Scotland, vẫn cứ tự xem mình là một cậu bé đồng quê. Thái độ này rất dễ bị cười nhạo nếu ta biết rằng cũng bằng cách đó mà họ giữ vững sự liên kết với sinh lực và sự mộc mạc của đất. Một cách bản năng, họ cảm thấy đất đai không chỉ là nguồn gốc của sự phồn vinh mà còn là nguồn gốc của năng lượng. Mà năng lượng ở người Texas thì vô biên và bùng phát. Một người Texas thành công với trang trại của mình, chí ít theo kinh nghiệm của tôi, là một chủ nhân có mặt thường trực. Anh ta làm mọi việc ở trang trại, giám sát đàn gia súc của mình và bổ sung thêm số lượng. Trong một khí hậu nóng đến kinh ngạc thì năng lượng của người Texas cũng cao đến kinh ngạc. Và truyền thống lao động cần cù đã được duy trì tốt cho dù người ta giàu hay nghèo.

Sức mạnh của một thái độ quả là kinh khủng. Một trong các khuynh hướng đáng chú ý của Texas là tính chất quân sự của nó. Quân đội Mỹ đầy ắp những người Texas và thường bị thống trị bởi người Texas. Ngay cả những môn thể thao được ưa chuộng, thu hút nhiều chú ý cũng được điều hành giống như hoạt động quân sự. Không nơi nào khác có những ban nhạc lễ hội lớn hơn. Cũng không nơi nào có nhiều tổ chức tuần hành hơn, với những đội thiếu nữ mặc đồng phục xoay xoay những cây gậy lấp lánh. Những trận bóng bầu dục mang đậm tính cục bộ đều có hơi hám sự vinh quang và tuyệt vọng của chiến tranh. Và khi đội bóng Texas ra sân thi đấu với một bang khác thì luôn có nguyên cả một đoàn quân mang biểu ngữ.

Nếu tôi cứ nhắc hoài về năng lượng của người Texas thì đó là vì tôi biết rất rõ điều đó. Tôi có cảm giác chính sự năng động này đã cho phép, đã tạo ra làn sóng những người di cư đến chinh phục trong các thời kỳ trước đây.

Đất đai ở Texas rất giàu khả năng phục hồi. Nếu không thế thì tôi đồ rằng năng lượng không ngơi nghỉ của người Texas sẽ chuyển ra bên ngoài để chinh phục những vùng đất mới. Niềm tin này ít nhiều được minh họa cả trong hoạt động không ngơi nghỉ của thủ phủ Texas. Tuy nhiên, ngày nay, việc chinh phục được tiến hành thông qua hoạt động thu mua chứ không phải bằng khí giới nữa. Những sa mạc dầu hỏa ở Cận Đông, những khu đất mở ở Nam Mỹ đã cảm nhận cơn khát. Rồi tiếp đến là những hòn đảo mới của sự chinh phục tư bản: các nhà máy ở Trung Tây, các cơ sở chế biến thực phẩm, sản xuất công cụ, xẻ gỗ và bột giấy. Ngay cả những nhà xuất bản cũng góp phần vào các chiến lợi phẩm hợp pháp trong thế kỷ hai mươi của Texas. Không có triết lý nào cho các quan sát này, và cũng không có sự cảnh báo nào. Năng lượng thì phải có đâu ra và nó sẽ đi tìm đâu ra.

Trong mọi thời đại, một khi đã xác lập được chỗ đứng của mình trên thế giới, các quốc gia giàu có, năng động và thành công sẽ cảm thấy đối nghệ thuật, đối văn hóa, thậm chí đối cả học thức và sắc đẹp. Các thành phố của Texas bành trướng theo cả chiều cao lẫn chiều rộng. Các trường đại học chứa đầy ắp những tài năng.

Các nhà hát và dàn nhạc giao hưởng mọc lên như nấm chỉ qua một đêm. Trong mọi sự trỗi dậy sôi sục của năng lượng và nhiệt tình bao giờ cũng có những lầm lỗi và tính toán sai, thậm chí cả những đánh giá sai và thẩm mỹ sai. Và điều đó luôn đi kèm những chỉ trích không xây dựng nhằm làm mất uy tín, nhằm nhạo báng, nhằm tỏ ra ghê tởm hay khinh khi. Mỗi quan tâm của tôi chỉ tập trung vào cái thực tế là những điều này đã diễn ra thôi, chứ những thất bại đáng nực cười thì có đến hàng vạn. Tuy nhiên, trong lịch sử thế giới, các nghệ sĩ luôn bị cuốn hút đến những nơi nào mà họ được chào đón và đối xử tốt.

Bản sắc và kích cỡ của Texas khuyến khích tính lừng lơ của nó, mà tính lừng lơ lại thường kết thúc bằng một nghịch lý: “cậu bé nhà quê” đi nghe nhạc giao hưởng, chủ trang trại mang giày ống và quần jean xanh đến cửa hàng thời trang Neiman-Marcus mua ngọc bích Trung Hoa.

Texas tiếp tục những nghịch lý của nó cả trong lĩnh vực chính trị. Xét về truyền thống lẫn sự hoài niệm thì nó là một bang Dân chủ kỳ cựu ở miền

Nam, nhưng điều này cũng không ngăn nó bỏ phiếu cho phe Cộng hòa bảo thủ trong các cuộc bầu cử quốc gia, trong khi vẫn bầu những người tự do vào các chức vụ ở thành phố và quận huyện. Tuyên bố ban đầu của tôi vẫn đứng vững: mọi thứ ở Texas hình như đều bị bác bỏ bởi một thứ khác.

Phần lớn lãnh thổ trên thế giới đều được xác định bởi vĩ độ và kinh độ, được mô tả về thành phần hóa học của đất, của trời, của nước, được bén rễ và mọc lên những cây cỏ xác định, được định cư bởi con người và những loài động vật được biết đến. Rồi có cả những phần lãnh thổ nơi mà ngụ ngôn, thần thoại, tiên niệm, tình yêu, nhớ nhung, hay định kiến bước vào rồi làm méo mó đi những nhận định lạnh lùng, rõ nét. Đến mức một sự lẫn lộn thần diệu, nhiều màu sắc đã trở nên thường trực. Hy Lạp là một vùng đất như thế, và cả những phần của nước Anh nơi vua Arthur từng ngự trị cũng thế. Có một phẩm chất của những nơi như thế này mà tôi cố xác định: một phần rất lớn của chúng là riêng tư và chủ quan. Và chắc chắn Texas cũng là một nơi như vậy.

Tôi đã đi qua phần lớn Texas và biết rằng bên trong các ranh giới của nó tôi đã thấy rất nhiều loại cảnh quan, đường nét, khí hậu, và hình thù như quy tụ từ khắp mọi nơi trên thế giới, ngoại trừ Bắc cực. Nhưng một làn gió mạnh từ phương Bắc cũng có thể mang xuống nơi đây hơi thở băng giá của nó. Những bình nguyên khắc nghiệt trải đến tận chân trời của Panhandle là hoàn toàn xa lạ với những ngọn đồi nhỏ rợp cây và những dòng suối ngọt ngào ở rặng Davis. Những vườn quýt xum xuê của thung lũng sông Rio Grande không hề liên quan gì đến những cánh đồng ngải đắng ở miền Nam Texas. Không khí nóng ẩm của vịnh Gulf Coast không hề giống với không khí giá lạnh của vùng Tây Bắc Panhandle. Và thủ phủ Austin trên các ngọn đồi của nó, giữa những hồ nước bao quanh, có lẽ là cả một thế giới khác so với Dallas^[124].

Điều mà tôi muốn nói là không hề có sự đồng nhất về cảnh quan hay địa lý ở Texas. Sự đồng nhất này nằm trong tâm trí. Cái tên Texas trở thành một biểu tượng cho mọi thứ trên thế giới. Chắc chắn rằng huyền thoại về Texas-trong-tâm-trí thường là do thêu dệt, đôi khi không xác thực, và thường

xuân là lãng mạn, nhưng nó không khi nào làm thuyên giảm cái sức sống vốn là biểu tượng của Texas.

Sự điều tra như đã nêu về bản chất ý tưởng của Texas là khúc dạo đầu cho cuộc hành trình xuân Texas của tôi cùng Charley trong Rocinante. Chẳng mấy chốc đã lộ rõ rằng đoạn đường này sẽ khác biệt với tất cả các đoạn đường còn lại trong chuyến đi. Thứ nhất là tôi đã biết cảnh quan nơi đây, và thứ hai là tại đây tôi có những bạn bè và bà con bên vợ, và tình thế này khiến cho tính khách quan là hầu như không thể, bởi lẽ tôi chưa thấy nơi nào mà lòng hiếu khách được thực thi một cách nồng nhiệt như ở Texas.

Nhưng trước khi diễn tả cái tính cách làm mát lòng và đôi khi làm mệt mỏi này, tôi có cư ngụ ba ngày không tên tuổi tại một khách sạn đẹp đẽ ở ngay giữa Amarillo. Một chiếc xe băng qua con đường sỏi đã làm bắn sỏi vụn, làm vỡ nguyên tấm kính cửa sổ lớn phía trước của Rocinante và nó cần được thay. Nhưng quan trọng hơn là Charley lại bộc phát căn bệnh cũ và lần này nó nguy to và rất là đau đớn. Tôi vẫn chưa quên cái ông bác sĩ bất tài ở Tây Bắc, người chẳng biết gì và cũng chẳng quan tâm gì. Và tôi vẫn còn nhớ Charley nhìn ông ta bằng ánh mắt đau đớn, hoang mang xen lẫn khinh bỉ.

Ở Amarillo, viên bác sĩ mà tôi mời tới hóa ra là một chàng trai trẻ. Anh ta đến trên một chiếc xe mui trần giá cả cỡ trung bình. Anh ta cúi xuống Charley. “Nó bị gì vậy?” Tôi giải thích những khó khăn của Charley. Hai bàn tay của viên thú y trẻ luôn xuống, sờ lên hông và chiếc bụng căng cứng, những bàn tay được huấn luyện và đầy am hiểu. Charley thở dài đánh sượt, chiếc đuôi của nó chậm chậm vẫy rồi lại buông xuống sàn. Charley giao mình vào tay anh chàng này, hoàn toàn tin tưởng. Tôi từng thấy sự mật thiết này trước đây, và nhìn nó thật dễ chịu.

Những ngón tay khỏe khoắn sờ nắn và thăm dò, rồi chàng trai đứng thẳng dậy. “Mấy chú khuyến già vẫn hay bị thế này”, anh ta nói.

“Có đúng như tôi đoán không vậy?”

“Đúng đấy. Viêm tuyến tiền liệt”.

“Anh chữa được không?”

“Được chứ. Tôi cho nó thư giãn trước đã, sau đó sẽ cho nó uống thuốc. Ông để nó lại đây chừng bốn bữa được không?”

“Không được thì cũng phải được thôi. Tôi sẽ để nó lại”.

Anh ta bế Charley lên, đưa nó ra ngoài và đặt nó lên ghế trước chiếc xe mũ trần của anh ta. Chiếc đuôi bờm xồm ngoe nguẩy trên lớp da bọc ghế. Charley rất hài lòng và tin cậy, và cả tôi cũng vậy. Và đó chính là lý do tôi phải quanh quẩn ở lại Amarillo một thời gian. Đoạn kết câu chuyện này là tôi đến đón Charley bốn ngày sau và nó hoàn toàn bình phục. Viên bác sĩ đưa tôi thuốc men cho nó uống cách quãng trong khi đi đường để đảm bảo bệnh không tái phát. Tuyệt đối chẳng gì có thể thay thế được một người tốt.

Tôi không có ý định dây dưa ở Texas. Từ sau cái chết của Hollywood, bang Ngôi sao cô đơn^[125] đã choán chỗ của nó, chiếm vị trí dẫn đầu những nơi được phỏng vấn, xem xét và tranh luận nhiều nhất. Nhưng mọi mô tả về Texas sẽ là không hoàn chỉnh nếu không đề cập đến những cuộc bù khú của nó, trong đó những người đàn ông giàu có và khoe mẽ ném hàng triệu đô-la của họ vào những trò phô trương nhạt nhẽo và bốc đồng. Vợ tôi bay từ New York đến để gặp tôi, và chúng tôi đã được mời đến thăm một trang trại ở Texas trong dịp lễ Tạ ơn. Trang trại này thuộc về một người bạn văn thình thoảng đến New York, nơi chúng tôi cũng đã dành cho anh ta một cuộc bù khú. Tôi sẽ không nói tên của anh ta, giữ vững truyền thống dành quyền cho bạn đọc suy đoán. Tôi đoán rằng anh ta rất giàu có mặc dù chưa bao giờ hỏi anh ta về chuyện này. Được mời, chúng tôi đến trang trại vào buổi chiều trước cuộc bù khú dịp lễ Tạ ơn. Đó là một trang trại đẹp, có suối có hồ, có nhiều cây cối và bãi cỏ. Khắp mọi nơi, xe xúc đang moi đất lên đập đập giữ nước, tạo ra hàng loạt những chiếc hồ mang lại sự sống ở phía trung tâm của trang trại. Bò Hereford^[126] nhớn nhợ gặm cỏ, chỉ ngóc đầu lên nhìn khi chúng tôi lái xe qua, để lại phía sau cả một đám mây bụi. Tôi không rõ trang trại lớn cỡ nào. Tôi cũng chẳng hỏi chủ nhân của nó.

Ngôi nhà là một cấu trúc bằng gạch một tầng lầu, tọa lạc giữa rừng dương, trên mô đất nhỏ nhô trên một cái ao tạo thành từ con suối bị chặn. Mặt nước đục bị khuấy động bởi đám cá hồi được thả nuôi tại đó. Ngôi nhà thật tiện nghi, có ba phòng ngủ, mỗi phòng ngủ đều có phòng tắm, trang bị cả bồn tắm lẫn vòi sen. Phòng khách được dát gỗ thông nhuộm, dùng làm phòng ăn luôn thể, có lò sưởi ở một góc và tủ kính đựng súng ở kế bên. Qua

cánh cửa bếp để ngỏ, có thể trông thấy những người giúp việc – một bà da sẫm đầy đà và một cô gái lúc nào cũng khúc khích. Chủ nhà ra đón chúng tôi và giúp đưa các túi nỏ của chúng tôi vào nhà.

Cuộc bù khú bắt đầu ngay tức thì. Chúng tôi đi tắm rửa và khi vừa ló đầu ra là được trao ngay món rượu scotch và soda mà chúng tôi uống như sắp chết khát. Sau đó, chúng tôi đi xem kho thóc ở ven lối đi, khu chuồng chó trong đó có ba con chó săn, một con xem chừng không được khỏe lắm. Tiếp đến là bãi quây gia súc, nơi cô con gái của chủ trại đang huấn luyện một con ngựa đua. Đó là một con ngựa hay tên là Speckle-bottom^[127]. Sau đó, chúng tôi thăm hai chiếc đập mới xây, phía sau có nước lững lờ trôi, rồi thăm tiếp nhiều khu vực uống nước thông ra chỗ một bầy nhỏ gia súc mới tậu. Cuộc thăm thú liên miên khiến chúng tôi kiệt sức, phải trở về nhà để chớp mắt đôi chút.

Khi tỉnh dậy, chúng tôi thấy bạn bè lối xóm đã kéo đến. Họ mang theo một nồi chili con carne^[128] nấu theo một công thức gia đình. Đó là món thịt bò hầm ngon nhất mà tôi từng ăn. Giờ thì những người giàu khác bắt đầu lục tục đến, che giấu thân thế của mình bằng những chiếc quần jean xanh và giày ống cưỡi ngựa. Thức uống được dọn lên và một cuộc trò chuyện vui vẻ liền nổ ra liên quan đến săn bắn, cưỡi ngựa, phối giống gia súc, với nhiều trận cười rôm rả. Trong hoàng hôn, tôi ngả người vào chiếc ghế bên cửa sổ, ngắm nhìn đám gà lôi đại đang kéo về đậu thành đàn trên những ngọn cây dương đen. Chúng vụng về bay tới, phân chỗ cho nhau, rồi bất chợt hòa vào những ngọn cây và biến mất. Ít nhất ba mươi con đã kéo đến.

Khi màn đêm buông xuống, cửa sổ trở thành tấm gương, qua đó tôi quan sát anh bạn tôi và những vị khách của anh ta mà họ chẳng hề hay biết. Họ ngồi quanh quẩn trong căn phòng nhỏ lát ván ô, một số ngồi ghế xích đu và ba trong số các phụ nữ ngồi trên chiếc trường kỷ. Và tôi bị thu hút bởi sự tinh tế trong cách phô trương của họ. Một trong các phụ nữ đang thêu chiếc áo len dài tay, một người khác đang giải ô chữ, răng nghiến chặt cục tẩy ở đuôi chiếc bút màu vàng. Cánh đàn ông nói chuyện vu vơ về cỏ và nước, về một người nào đó vừa tậu một con bò vô địch từ Anh và đưa nó về bằng máy bay. Họ đều mặc quần jean màu xanh nhạt, nhạt hơn và hơi sòn một

chút ở chỗ những đường may, phải qua hàng trăm lần giặt mới được như vậy.

Nhưng các chi tiết cầu kỳ không dừng lại ở đó. Giày ống được mài bên trong và tấm mồ hôi ngựa, gót giày có vết sần. Cổ áo phanh ra của những sơ-mi nam làm lộ ra những đường ăn nắng màu đỏ sậm trên cần cổ. Một người khách đã gặp sự cố, bị gãy mất ngón tay trở. Ngón này được nẹp và băng bó bằng miếng da có dây buộc cắt ra từ một chiếc găng tay. Bạn tôi đã hứng chí phục vụ cho khách từ quầy bar, nơi có một chậu đá, những chai soda một lít Anh^[129], hai chai whisky và một hộp thức nhắm.

Mùi tiền phảng phất ở khắp nơi. Cô con gái của bạn tôi là một ví dụ. Cô ta ngồi trên sàn vừa lau chùi khẩu súng trường .22 vừa kể một câu chuyện tiêu lâm về việc bằng cách nào mà chàng ngựa Specklebottom của cô đã nhảy qua một cổng rào năm thanh ngang để viếng thăm một nàng ngựa ở hạt bên cạnh. Cô ta nghĩ mình có chủ quyền trong việc duy trì huyết thống của Specklebottom mặc dù nó là ngựa. Cảnh tượng này minh chứng cho những điều mà chúng ta đã nghe kể về các tỉ phú Texas lừng danh.

Tôi nhớ một lần ở khu rừng nhỏ Pacific Grove, khi tôi đang vẽ nội thất căn nhà gỗ mà cha tôi đã dựng trước cả khi tôi ra đời. Cậu bé được thuê để phụ việc ngồi vẽ ngay bên cạnh, và vì cả hai chúng tôi đều là dân nghiệp dư nên chúng tôi làm tung tóe sơn khắp mọi nơi. Bất chợt, chúng tôi nhận ra sơn đã cạn sạch. Tôi nói, “Neal, chạy ra cửa tiệm ông Holman mua giùm hai lít sơn và một lít Anh dầu pha cái coi”.

“Vậy ông đợi tôi tắm rửa thay quần áo cái đã”, cậu ta nói.

“Ngốc ẹ! Cứ mặc vậy mà đi đi”.

“Dạ, không được ẹ”.

“Tại sao không? Là tôi thì tôi cứ mặc như thế”.

Và rồi, cậu ta phát ra một câu nói khôn ngoan, nhớ đời. “Chắc ông phải giàu kinh khủng lắm mới dám ăn mặc bê bối như thế”, cậu ta nói.

Điều đó chẳng có gì là khôi hài cả. Nó quá đúng! Và nó cũng đúng trong cuộc bù khú này. Những người Texas này hẳn phải giàu khủng khiếp lắm mới sống giản dị như thế.

Tôi cùng vợ đi tản bộ vòng quanh ao cá hồi rồi ra trước ngọn đồi. Trời se lạnh và gió từ phương Bắc có mang theo cả mùa đông. Chúng tôi cố nghe ngóng tiếng ếch kêu, nhưng chúng đã trốn đông hết cả rồi. Nhưng chúng tôi nghe được tiếng sói tru vọng đến theo chiều gió, và chúng tôi nghe thấy một con bò kêu ồm ồm vì chú bê con không chịu chui ra khỏi bụng. Đám chó săn bu lại tấm lưới chắn của khu chuồng chó, ngoe nguẩy như những con rắn hạnh phúc và sụt sịt một cách đầy nhiệt tình. Kể cả con bị ốm cũng ra khỏi chỗ của nó, đến đánh hơi chúng tôi. Rồi chúng tôi đứng ở cổng vào cao ngất của kho thóc, hít thở hương vị ngọt ngào của cỏ linh lăng và mùi thơm như bánh mì của yến mạch xay. Tại bãi quây gia súc, những con ngựa bị nhốt thở phì phò khi chúng tôi đến gần, cạ đầu vào những thanh chắn ngang. Specklebottom thì phóng ra cú đá vào người bạn bị thiến, đơn giản chỉ để tập luyện. Đêm đó cú bay lượn và kêu la inh ỏi để bắt đầu cuộc săn. Và một con chim ưng đêm đang phát ra những tiếng kêu đều đặn ở cách đó xa xa. Tôi ước gì ngài Able Baker Charley Dog^[130] có mặt ở đây cùng chúng tôi. Chắc hẳn nó ngưỡng mộ cái đêm hôm nay lắm lắm. Nhưng nó lại đang ngâm thuốc an thần nằm quay lơ ở Amarillo để điều trị chứng viêm tiền liệt tuyến của nó. Cơn gió gắt từ phương Bắc làm các cành trơ trụi của những cây dương đen va chạm nhau. Tôi có cảm giác là mùa đông, vốn luôn bám theo gót chân tôi trong suốt cuộc hành trình, rốt cuộc đã tóm được tôi rồi. Đâu đó trong quá khứ động vật mới gần đây của chúng ta, hay ít ra là của tôi, ngủ đông còn là một hành vi để tồn tại. Nếu không phải vậy thì có sao trời đêm lạnh giá lại khiến tôi buồn ngủ như thế này? Xưa cũng thế mà nay chắc cũng thế. Chúng tôi trở vào nhà, nơi mọi người đã rút lui, và chúng tôi đi nằm.

Tôi dậy từ rất sớm. Tôi thấy có hai cần câu cá hồi để tựa vào tấm ngăn ở phòng ngoài. Tôi đi ra đồi cỏ, luồn trong sương ra đến bờ ao nước xanh thẳm. Một con mồi giả^[131] đã được cột vào dây câu, một con ruồi nhuộm màu đen, hơi bị sờn một chút nhưng vẫn còn đủ lông lá. Nó vừa chạm vào mặt vũng là nước đã sủi tăm và khuấy động. Tôi tóm được một chú cá hồi cầu vồng^[132] dài hai mươi lăm phân, lôi nó lên cỏ và đập đầu nó. Tôi quăng câu

bốn lần và bắt được bốn con cá hồi. Tôi rửa sạch chúng và vứt đám đồ lòng cho bạn bè chúng xơi.

Trong nhà bếp, bà đầu bếp trao cho tôi tách cà phê và tôi ngồi trong một hốc phòng trong khi chờ bà ấy tẩm ướp cá của tôi vào bột bắp, chiên giòn chúng trong mỡ lợn rồi dọn ra cho tôi trên một lớp lót bằng thịt xông khói. Nó vỡ vụn ra trong miệng tôi. Lâu lắm rồi tôi mới ăn cá hồi như thế này. Năm phút đồng hồ từ vũng lên chảo. Cầm một cách khéo léo ở phần đuôi và phần đầu, rồi gặm nhấm nó, rửa khỏi bộ xương. Cuối cùng là ăn luôn cái đuôi giòn như khoai tây chiên. Cà phê có cái hương vị đặc biệt của sương sớm, và tách thứ ba cũng ngon như tách đầu. Tôi có thể nấn ná trong bếp, nói chuyện vu vơ với bà bếp, nhưng bà xua tôi ra vì còn phải nhồi hai con gà tây để chuẩn bị cho cuộc bù khú lễ Tạ ơn.

Vào giữa sáng trời nắng, chúng tôi đi săn chim cú. Tôi mang theo khẩu súng cũ bóng loáng cỡ nòng 12 với cái nòng bị móp cắt trong Rocinante. Khẩu này vốn đã không ngon lành lắm khi tôi mua nó, hàng xài rồi, cách đây mười lăm năm. Và từ đó đến nay nó cũng chẳng khá gì hơn. Nhưng tôi cho rằng nó cũng khá cỡ như tôi. Tôi mà bắn được thì khẩu súng chắc cũng hạ gục được chim cú thôi. Nhưng trước khi bắt đầu, tôi thèm thuồng nhìn qua cửa kính khẩu Luigi Franchi hai nòng cỡ 12 với khóa nòng Purdy. Khẩu này đẹp đến mức tôi thấy thèm xốn xang. Vết khắc trên thép có cái ánh ngọc của một con dao găm Damascus. Báng của nó liền lạc với khóa, khóa liền lạc với nòng cứ như mọi thứ mọc ra từ một hạt mầm thần diệu. Tôi biết chắc anh bạn của tôi mà thấy tôi thèm thuồng như thế thì nhất định sẽ cho tôi mượn “người đẹp” này, nhưng tôi không hỏi mượn. Giả như tôi bị vấp ngã hay đánh rơi nó, hay lỡ tay khua cặp nòng xinh đẹp của nó va vào đá. Không, như vậy có khác gì mang một chiếc vương miện nam đầy ngọc đi qua một bãi mìn? Khẩu súng cũ kỹ tả tơi của tôi tuy không thể so bì nhưng chí ít chuyện gì có xảy ra đi nữa cũng chẳng có gì phải lo lắng.

Trong suốt một tuần lễ, anh bạn tôi đã theo dõi bọn gà gô tụ tập nơi đâu. Chúng tôi tản ra, di chuyển qua các bụi cây, lội qua nước, lên bờ, leo lên tiếp, trong khi đám chó săn bật nảy ở phía trước. Một con chó cái mập, già, mắt có lửa tên là Duchess^[133] tỏ ra xông xáo nhất đàn, và dĩ nhiên hơn cả

chúng tôi. Chúng tôi tìm thấy dấu chim cú trên bụi, trên cát và trên lớp bùn của lòng suối. Có những sợi lông cú vương trên đầu cành khô của các cây ngải đắng. Chúng tôi đi hàng dặm, từ tốn, súng giương lên, sẵn sàng nã đạn vào đàn cú tung bay. Nhưng chẳng được tích sự gì cả. Bọn cú đã đi khỏi, thực sự đi khỏi. Tôi chỉ là một tay săn cú kha khá, chứ những người đi cùng tôi là những tay săn cừ khôi, dám chớ thì rất chuyên nghiệp, ngoan ngoãn, chịu khó và làm việc cật lực. Không có cú. Nhưng đi săn có một điểm hay. Cho dù không săn được chim, bạn vẫn thà là cứ đi còn hơn là không.

Anh bạn tôi chắc nghĩ là tôi thất vọng lắm. Anh ta nói, “Thôi. Chiều nay anh mang khẩu .222 nhỏ của anh theo và bắn lấy một con gà gô đại”.

“Chúng có bao nhiêu con cả thầy nhỉ?” tôi hỏi.

“Xem nào, hai năm trước đây tôi gây một đàn ba chục con. Chắc bây giờ chúng cỡ tám chục”.

“Trong đàn kéo đến gần nhà hồi tối qua tôi đếm được ba chục con đấy”.

“Còn có hai đàn khác nữa mà”, anh ta nói.

Tôi chẳng muốn săn gà gô. Tôi làm gì với nó đây trong Rocinante? Tôi nói, “Chờ thêm một năm nữa đi. Khi nào chúng đủ một trăm con tôi sẽ xuống đây cùng đi săn với anh”.

Chúng tôi về nhà tắm rửa, cạo râu. Và vì lễ hôm nay là lễ Tạ ơn, chúng tôi mặc áo trắng, khoác áo vét-tông, đeo cà-vạt. Cuộc bù khú đến đúng theo kế hoạch vào lúc hai giờ. Tôi sẽ lướt nhanh qua các chi tiết để độc giả khỏi bị sốc, và lại tôi chẳng thấy có lý do nào để khiến những người này bị coi thường. Sau hai cữ whisky, hai con gà tây nâu vàng và bóng nhẫy được dọn lên, bạn tôi xẻ thịt, còn chúng tôi thì tự phục vụ. Chúng tôi nói những lời hoa mỹ rồi cụng ly uống xoay vòng, sau đó mạnh ai nấy hì hục ăn. Rồi, giống như những người Roma suy đồi trong bàn tiệc của Petronius^[134], chúng tôi đi bách bộ rồi lui về phòng để đánh một giấc vừa cần thiết vừa tất yếu. Và đó là cuộc bù khú lễ Tạ ơn của tôi ở Texas.

Dĩ nhiên, tôi không nghĩ họ bù khú như thế mỗi ngày. Họ không thể. Và ở một mức độ nào đó, những cuộc vui tương tự cũng diễn ra khi họ viếng thăm chúng tôi ở New York. Dĩ nhiên, họ muốn xem những cuộc biểu diễn và đến các câu lạc bộ đêm. Vào đoạn kết của vài ngày như thế, họ nói,

“Chúng tôi không tin nổi anh chị sống như thế”. Chúng tôi trả lời, “Thì chúng tôi đâu có sống như thế. Khi anh chị về nhà, chúng tôi cũng sẽ không sống như thế nữa”.

Và giờ đây tôi đã cảm thấy dễ chịu hơn sau khi lôi được ra ánh sáng những hoạt động suy đồi của những người giàu Texas mà tôi quen. Nhưng không hề có mảy may ý nghĩ rằng mỗi ngày họ đều ăn món chili con carne hay gà tây nướng.

Khi lập kế hoạch cho cuộc hành trình, có những câu hỏi cụ thể mà tôi muốn có những câu trả lời tương thích. Tôi đã không nghĩ đó là những câu hỏi không thể trả lời. Tôi cho rằng tất cả đều quy về một câu hỏi duy nhất: “Ngày nay người Mỹ là như thế nào?”

Ở châu Âu, người ta đưa nhau mô tả người Mỹ là như thế nào. Có vẻ như ai cũng hiểu người Mỹ cả. Và cả người Mỹ chúng ta cũng vui vẻ tham gia trò chơi này. Chẳng biết đã bao lần tôi nghe những người đồng bào của tôi, sau vài tuần lễ du lịch ở châu Âu, mô tả một cách chắc nịch về tính cách của người Pháp, người Anh, người Ý, người Đức, và nhất là người Nga? Du lịch cũng đã nhiều, tôi sớm nhận ra sự khác biệt giữa người Mỹ cụ thể và người Mỹ nói chung. Sự khác biệt này lớn đến mức đôi khi trở nên đối chọi nhau. Rất thường xuyên, khi một người Âu nào đó mô tả người Mỹ một cách hằn học hay khinh miệt, anh ta thường quay sang tôi và nói, “Dĩ nhiên, tôi không nói về ông. Tôi nói về những người Mỹ khác cơ”. Tóm lại là thế này: người Mỹ hay người Anh nói chung là những đám đông không có khuôn mặt mà người ta không quen biết, còn một người Pháp hay một người Ý cụ thể thì là những người quen hay bạn bè. Anh ta không có những tính cách khiến người ta ghét do không hiểu biết.

Tôi luôn xem chuyện này như một cái bẫy của ngữ nghĩa học, nhưng khi lang thang trên đất nước của chính mình, tôi hoàn toàn không dám chắc là như vậy. Những người Mỹ mà tôi gặp và trò chuyện quả thật là những cá nhân chẳng ai giống ai, nhưng dần dần tôi nhận ra rằng vẫn tồn tại người Mỹ nói chung, rằng họ quả tình có những nét tính cách giống nhau bất kể thuộc bang nào, tầng lớp nào, địa vị tài chính nào, nền tảng giáo dục nào, tôn giáo nào, và lập trường chính trị nào. Nhưng nếu như quả thật có một hình ảnh Mỹ xây dựng trên sự thực hơn là phản ánh sự hằn học hay khát khao thì đó

là hình ảnh gì? Nó trông ra sao? Nó như thế nào? Nếu cùng một bài hát, cùng một câu chuyện khôi hài, cùng một phong cách có thể tràn ra tức thì trên khắp các vùng miền của đất nước, thì có lẽ quả thật tất cả mọi người Mỹ đều giống nhau ở một điều gì đó. Thực tế là câu chuyện khôi hài đó, phong cách đó không hề tác động gì đến người Pháp, người Anh, người Ý và vì vậy mà luận điểm này trở nên có giá trị. Nhưng càng nghiên cứu cái hình ảnh Mỹ đó, tôi càng không dám chắc mình đã trở nên giống như thế. Tôi càng lúc càng thấy sự nghịch lý, và theo kinh nghiệm của tôi, khi có quá nhiều nghịch lý diễn ra một cách dễ dàng thì trong phương trình hẳn là phải thiếu đi vài thông số nào đó.

Giờ đây, tôi đã đi qua hàng lô lốc bang, mỗi bang có một tính cách khác nhau, đã gặp hàng lô lốc người, phía trước tôi chỉ còn lại miền Nam mà tôi rất ngại gặp, dù vẫn biết tôi phải gặp và nghe. Tôi không bao giờ hào hứng với nỗi đau đớn và bạo lực. Tôi chưa từng nhìn một tai nạn trừ phi tôi có thể giúp đỡ, chưa từng xem một trận choảng nhau ngoài phố chỉ vì thích thú. Tôi đối mặt với miền Nam với nỗi sợ sệt. Tôi biết ở đó là nỗi đau, sự hỗn loạn và tất cả những hệ quả cuồng nhiệt của sự hoang mang và sợ hãi. Và vì miền Nam cũng là một bộ phận của đất nước, sự đau đớn của nó lan tỏa ra khắp nước Mỹ.

Tôi biết – và mọi người đều biết – điều tiên tri có thật nhưng còn chưa hoàn tất, theo đó tội lỗi của cha ông sẽ trút lên đầu con cháu thuộc các thế hệ tiếp nối. Tôi có nhiều bạn người miền Nam, da đen cũng có mà da trắng cũng có, nhiều người trong số họ là những bộ óc và tính cách lớn. Nhưng khi chẳng có vấn đề gì ghê gớm, chỉ cần khơi gợi một chút về chủ đề da trắng-da đen là y như rằng họ lại thu mình vào căn buồng của kinh nghiệm mà tôi không cách gì vào được.

Có lẽ, so với hầu hết những người từ nơi được gọi là “miền Bắc”, tôi không có sự hiểu biết thực và giàu cảm xúc về nỗi đau ấy. Không phải vì tôi, một người da trắng, không có nhiều kinh nghiệm với người da đen, mà là vì tính chất những kinh nghiệm của tôi.

Ở Salinas, California – nơi tôi sinh ra, lớn lên và cắp sách đến trường để tìm kiếm những cảm giác đã hình thành nên con người tôi – chỉ có duy nhất

một gia đình người da đen. Họ của gia đình này là Cooper và ông bố, bà mẹ đã sống ở đó trước cả khi tôi ra đời. Họ có ba người con trai, người con đầu lớn hơn tôi một chút, người thứ hai bằng tuổi tôi và người con út kém tôi một tuổi. Do đó mà ở trường tiểu học và trung học, luôn luôn có một Cooper năm trước tôi, một Cooper trong lớp tôi, và một Cooper sau tôi một lớp. Tóm lại là tôi luôn bị kẹp giữa các anh em nhà Cooper. Ông bố – mà người ta thường gọi là Ông Cooper – kinh doanh nhỏ trong lĩnh vực vận tải. Ông ta làm ăn tốt và kiếm tiền cũng khá khá. Vợ của ông là một phụ nữ đôn hậu và thân thiện. Nói về những ổ bánh mì gừng mỗi khi chúng tôi muốn ăn thì bà ấy quả là người rất tốt bụng.

Nếu như có một thành kiến nào đó về màu da ở Salinas thì tôi chưa từng nghe thấy hoặc cảm thấy hơi hướng gì về nó. Gia đình Cooper được tôn trọng và lòng tự trọng của họ là không hề gượng gạo. Ulysses, người con trưởng, là một trong những vận động viên nhảy sào giỏi nhất thị trấn chúng tôi, một anh chàng cao lớn và hiền lành. Tôi còn nhớ những động tác rất uyển chuyển của anh ta trên đường chạy đà, và tôi nhớ mình đã ghen tỵ với việc tính toán thời gian một cách trơn tru và hoàn hảo của anh ta. Anh ta đã chết vào năm thứ ba ở trung học và tôi là một trong những người hộ táng anh. Tôi nghĩ mình mang tội khi hãnh diện vì được lựa chọn. Người con thứ hai, Ignatius, học cùng lớp tôi và tôi không ưa anh ta lắm. Giờ đây tôi mới nhận ra lý do là vì anh ta học quá giỏi. Trong môn số học, và sau đó là môn toán, anh ta luôn đứng đầu cấp lớp, còn trong môn La-tinh thì anh ta không những giỏi nhất mà còn không quay cóp nữa mới tài. Ai mà ưa nổi một người bạn cùng lớp như thế? Cooper út – bé Cooper – lúc nào cũng toét miệng cười. Thật lạ lùng khi tôi không nhớ nổi tên cậu ấy. Ngay từ bé cậu ấy đã là một nhạc sĩ. Lần cuối cùng tôi gặp cậu ấy thì cậu ấy đã dẫn sâu trên con đường sáng tác âm nhạc và, theo như lỗ tai phần nào được dạy dỗ của tôi, những sáng tác của cậu ấy là khá sắc sảo, độc đáo và dễ nghe. Nhưng tài năng là một lẽ, điều đáng nói là anh em nhà Cooper là những người bạn của tôi.

Họ là những người da đen duy nhất mà tôi quen và giao du trong những ngày thơ ấu xếp máy bay giấy của tôi. Và chắc các bạn cũng thấy tôi đã ít

được chuẩn bị như thế nào cho thế giới lớn. Lấy ví dụ, khi tôi nghe ai đó nói người da đen là một giống hạ đẳng, tôi nghĩ ngay rằng có sự nhầm lẫn nào đó. Khi tôi nghe ai nói người da đen dơ bẩn, tôi liền nhớ đến căn bếp sạch như lau như ly của bà Cooper. Lười nhác ư? Còn tiếng lộc cộc của cỗ xe ngựa kéo vẫn thường đánh thức chúng tôi lúc bình minh, mỗi khi Ông Cooper dong xe qua thì sao đây? Không đành lòng ư? Ông Cooper là một trong những cư dân Salinas không bao giờ để những món nợ của mình tồn đọng quá ngày mười lăm mỗi tháng.

Đó là sự trải nghiệm với người da đen của tôi cho đến khi tôi lớn lên, có lẽ là quá lớn để cải cách những thói quen thiếu linh hoạt của tuổi thơ. Ồ, tôi đã thấy vô khối thứ kể từ đó và đã cảm nhận những đợt sóng choáng váng của bạo lực, tuyệt vọng và bối rối. Tôi đã thấy những trẻ em da đen thực sự không thể học hành, đặc biệt là những đứa trẻ mà trong những ngày tháng đầu đời đã bị nói như tát vào mặt rằng chúng là những thành phần hạ đẳng. Và khi nhớ lại gia đình Cooper, cách họ nghĩ về bản thân, tôi nhận ra trong mình cảm giác chủ yếu là sự buồn bã cho cái tấm màn sợ hãi và giận dữ đã buông xuống giữa chúng ta. Tôi vừa nghĩ ra một khả năng cũng vui vui. Nếu ở Salinas có ai đó từ một thế giới khôn ngoan và tinh xảo hơn hỏi chúng tôi, “Các anh có thích em gái mình lấy một cậu chàng nhà Cooper không?” Tôi nghĩ chúng tôi sẽ phá lên cười. Vì điều cũng có thể xảy ra là cậu chàng nhà Cooper đó có thể đâu muốn lấy em gái chúng tôi, dù chúng tôi có là bạn tốt của nhau đi nữa.

Và như thế, về cơ bản tôi vẫn không sao thích hợp nổi trong việc chọn phe trong cuộc xung đột chủng tộc. Tôi phải thừa nhận rằng sự ác độc và vũ lực đối với kẻ yếu luôn làm tôi giận điên người, nhưng những thứ đó cũng đúng trong cả trong cách ứng xử của kẻ mạnh với kẻ yếu.

Do không thể là một gã kỳ thị chủng tộc, tôi biết mình không được ưa chuộng lắm ở miền Nam. Khi người ta dấy vào chuyện gì đó không đáng tự hào lắm, thì người ta chẳng ưa gì các nhân chứng. Trên thực tế, người ta còn đi đến chỗ tin rằng chính các nhân chứng đang phá hoại.

Trong toàn bộ cuộc tranh luận này về miền Nam, tôi chỉ xin bàn về bạo lực phát sinh từ các phong trào chống kỳ thị chủng tộc trong nhà trường.

Những trẻ em cắp sách đến trường, những người da đen trẻ tuổi, đang đòi hỏi những đặc quyền tai hại trong việc thụ hưởng quầy ăn trưa, xe buýt và nhà vệ sinh. Nhưng sở dĩ tôi đặc biệt quan tâm đến khu vực trường học là vì tôi cảm thấy rằng cái xấu chỉ biến mất khi có đến hàng triệu Cooper trên đất nước này.

Gần đây, một người bạn thân người miền Nam đã sôi nổi trình bày với tôi về lý thuyết “bình đẳng nhưng cách ly”. “Điều đang xảy ra là”, anh ta nói, “ở thị trấn của tôi có đến ba trường học mới cho trẻ da đen. Các trường này không ngang bằng mà thậm chí còn ưu việt hơn cả các trường cho trẻ da trắng. Anh nghĩ xem họ đã hài lòng chưa? Và ở các trạm xe buýt, phòng vệ sinh cho người da trắng và da đen là y hệt như nhau. Anh thấy chuyện này như thế nào?”

Tôi nói, “Có thể người ta làm vậy là do thiếu hiểu biết thôi. Biết đâu anh có thể giải quyết chuyện này, đặt họ về đúng vị trí của họ, bằng cách hoán chuyển trường học và nhà vệ sinh? Đến lúc họ nhận ra rằng trường học của các anh không tốt bằng trường của họ, biết đâu họ sẽ nhận ra họ sai lầm?”

Và các bạn biết anh ta nói gì không? Anh ta nói, “Anh là đồ chó đẻ phá hôi”. Nhưng anh ta nói như thế với một nụ cười.

Hồi tôi vẫn còn ở Texas, vào cuối thập niên 1960, sự kiện được báo chí viết bài và đăng ảnh nhiều nhất là vụ hai em bé da đen nhỏ xíu trúng tuyến vào một trường học ở New Orleans. Phía sau những sinh linh bé bỏng và đen đúa này là quyền năng và quyền lực của pháp luật. Cả cán cân lẫn thanh kiếm đều đứng về phía các em bé, trong khi chống lại chúng là ba trăm năm sợ hãi, giận dữ, và nỗi kinh hoàng của sự thay đổi trong một thế giới đang đổi thay. Tôi đã thấy những tấm ảnh hàng ngày trên báo chí, những ảnh động trên màn hình vô tuyến. Điều khiến cánh báo chí mê mẩn câu chuyện này là một nhóm phụ nữ trung niên đầy đà – mà theo một định nghĩa kỳ quặc nào đó là những “bà mẹ” – hàng ngày kéo tới để hét những lời thóa mạ hai đứa trẻ. Về sau, một nhóm nhỏ trong bọn họ trở nên chuyên nghiệp đến mức người ta gọi họ là những Cheerleader^[135], và có nguyên cả một đám đông hàng ngày kéo tới để thưởng thức và hoan nghênh màn trình diễn của họ.

Màn kịch kỳ quái này có vẻ như phi thực đến mức tôi cảm thấy phải tận mắt chứng kiến. Nó cũng thu hút chẳng khác gì một con bê ba chân hay một bào thai hai đầu tại một cuộc triển lãm nào đó. Nó là một sự méo mó so với cuộc sống thường ngày và chúng ta cảm thấy lý thú đến mức sẵn sàng bỏ tiền ra để mà xem, có lẽ chỉ để chứng minh với chính mình rằng chúng ta có số chân hay số đầu bình thường. Trong cuộc trình diễn ở New Orleans, tôi cảm thấy toàn bộ cái vui thú của một sự bất thường khó tin, nhưng đồng thời cũng cảm thấy sự ghê tởm. Làm sao lại có thể như vậy được?

Vào lúc này, mùa đông bám theo tôi suốt từ khi tôi rời nhà nay đột ngột giáng xuống cùng một trận gió bắc đen. Nó mang theo băng giá và những cơn mưa tuyết lạnh cóng, trùm lên xa lộ một lớp băng đen thui. Tôi đón Charley tại nhà viên bác sĩ tốt. Nó trông trẻ ra một nửa số tuổi và cảm thấy

tuyệt vời. Để chứng minh điều đó, nó chạy, nhảy, lăn, cười và phát ra những tiếng ăng ăng của sự hân hoan thuần khiết. Tôi cảm thấy thật dễ chịu khi lại có nó đi cùng, ngồi ngay trên chiếc ghế cạnh tôi, mắt dõi về phía trước, nơi con đường đang trải ra, hay cuộn mình nằm ngủ, đầu gác lên đùi tôi, còn đôi tai ngốc nghếch thì chực sẵn để được gãi. Con chó này có thể ngủ với bao nhiêu vuốt ve đúng điệu cũng chẳng đủ.

Giờ thì tôi đã thôi nhớn nhợ, tôi liên tục để cho các bánh xe lăn trên đường. Chúng tôi không thể đi nhanh do băng trơn, nhưng chúng tôi vẫn đi không ngơi nghỉ, ít khi liếc nhìn Texas trôi qua bên cửa sổ. Mà Texas thì kéo dài bất tận đến nhức nhối: Sweetwater rồi Balinger rồi Austin. Chúng tôi đi bọc qua Houston rồi dừng lại đổ xăng, uống cà phê và làm vài khoanh bánh. Charley ăn và đi dạo ở trạm xăng. Ban đêm chúng tôi cũng không dừng. Và khi mắt tôi cay xè do tập trung quá lâu, khi vai tôi trĩu xuống vì đau nhức, tôi dong xe vào một đường nhánh và bò như một con chuột chũi vào trong giường để rồi chỉ thấy đường cao tốc cứ quẩn quại kéo dài đằng sau mi mắt nhắm. Tôi ngủ chưa được đầy hai tiếng thì thức dậy trong cái lạnh tê tái, rồi lại ngủ và ngủ. Mặt nước dọc bên đường đã đóng băng cứng ngắt, và người ta đi lại với khăn choàng và áo len che kín tận lỗ tai.

Đã có những lúc tôi đến Beaumont trong trạng thái sững sờ, thêm thường nước đá và máy lạnh. Giờ thì Beaumont, với những ánh sáng rực rỡ của các bảng đèn quảng cáo, lại đang ở trạng thái mà người ta gọi là đông cứng. Tôi băng qua Beaumont vào ban đêm, nói đúng hơn là trong bóng tối sau nửa đêm. Gã nhân viên đổ xăng vô duyên nhìn vào trong xe thấy Charley. Hắn nói, “Ừa, là con chó hả? Tôi cứ tưởng ông chở theo một tên nigger cơ đấy”. Rồi hắn phá lên cười khoái trá. Đó là lần đầu trong nhiều lần lặp đi lặp lại của hắn. Tôi đã nghe câu này ít nhất hai chục lần: “tưởng ông có một nigger trong đó”. Đó là một câu bông đùa ngộ nghĩnh – luôn tươi mới – trong đó người ta không bao giờ dùng từ Negro hay Nigra mà luôn là Nigger hay thường xuyên hơn nữa là Niggah^[136]. Từ này có vẻ cực kỳ quan trọng, một dạng từ an toàn để bám víu lấy, sợ rằng một cấu trúc nào đó sắp sụp đổ.

Và rồi tôi đã đến Louisiana, với hồ Charles đã lùi xa vào bóng tối, nhưng ánh đèn pha của tôi vẫn lấp lánh trên băng, phản chiếu trong màn sương tinh thể. Và nó rơi cả lên những con người đang lê bước bất tận trên những con đường đêm, quần kín mít trong những trang phục để chống lại cái lạnh. Tôi lì lợm đi tới, vượt qua La Fayette và Morgan City, đến Houma vào trước lúc bình minh. Houma được phát âm giống như Homer, và theo trí nhớ của tôi thì đó là một trong những địa điểm dễ chịu nhất trên thế giới. Ở đó có anh bạn vong niên của tôi, bác sĩ St. Martin, một con người hiền hòa, có học thức, một người Cajun^[137] đã từng đỡ đẻ cho rất nhiều bà bầu và chữa trị chứng đau bụng cho những người Cajun sống biệt lập ở nhiều dặm xung quanh. Tôi nghĩ anh ta biết về người Cajun nhiều hơn bất cứ ai còn sống, và tôi vẫn thèm thường hồi tưởng lại tất cả những tài vật của bác sĩ St. Martin. Anh ta có thể pha món martini ngon nhất và tinh vi nhất thế giới với một quy trình hầu như có ma thuật. Phần công thức duy nhất mà tôi biết là anh ta dùng nước cất để làm đá, và anh ta luôn tự mình chưng cất cho yên tâm. Tôi đã từng ăn thịt vịt đen tại bàn ăn của anh ta: hai ly martini của St. Martin và một khoanh thịt vịt đen, cùng một ít rượu vang burgundy rót ra từ chiếc chai một cách cẩn trọng như khi đón một em bé ra đời. Và bữa ăn đó đã diễn ra trong một căn nhà tối, nơi bóng tối đã khép lại vào buổi bình minh mà không khí lạnh ban đêm thì vẫn còn lưu lại. Bên chiếc bàn có ánh bạc dịu dịu và mờ ảo, bóng như thiếc, tôi vẫn nhớ lần nâng ly nhắm nhấp thứ máu thiêng của nho, cái vuốt nhẹ lên chân ly bằng những ngón tay điệu nghệ và khỏe khoắn của người bác sĩ. Và ngay cả lúc này đây, tôi có thể nghe thấy những lời chúc sức khỏe và chào đón ngọt ngào bằng chất giọng nghe như hát của ngôn ngữ Acadia, vốn trước kia là tiếng Pháp và bây giờ đã là chính nó. Hình ảnh đó choáng ngợp trên tấm kính chắn gió phủ sương giá của tôi, và nếu chẳng may ở trên đường có xe đi lại thì tôi đã trở thành một người lái xe nguy hiểm. Nhưng lúc này ở Houma lại là một bình minh lạnh giá, nhợt nhạt vàng, và tôi biết nếu mình dừng lại để chào hỏi thì ý chí và quyết tâm của tôi sẽ tan biến trước những lạc thú đặc biệt mà St. Martin mang đến, và chúng tôi sẽ tâm sự cùng nhau vô số chuyện khi đêm đến, và sẽ thêm một đêm nữa. Cho nên tôi xoay về hướng nhà bạn tôi, cúi mình thay cho lời

thăm hỏi, rồi phóng thẳng đến New Orleans, vì tôi muốn đến kịp cuộc trình diễn của các Cheerleader.

Tôi vẫn biết tốt nhất là không nên lái xe đến gần nơi rắc rối, đặc biệt là với Rocinante và biển số xe New York của nó. Mới hôm qua, một phóng viên đã bị đánh và máy ảnh của anh ta bị đập nát vì ngay cả những cử tri xằng xái nhất cũng ngần ngại không muốn cái thời khắc lịch sử của mình được chụp ảnh và lưu giữ.

Cho nên, từ tận ngoại ô thành phố, tôi đã lái xe vào một bãi đậu. Người nhân viên ở đó đến bên cửa sổ xe tôi. “Trời, tôi cứ tưởng ông chứa một tên nigger trong đó chứ. Trời ơi, hóa ra là con chó. Tôi thấy cái mặt đen bự của nó mà cứ nghĩ là một tên nigger đen bự”.

“Khi sạch sẽ thì mặt của nó màu xanh-xám”, tôi lạnh lùng nói.

“Thì tôi cũng có thấy vài tên nigger màu xanh-xám, và chúng chẳng sạch sẽ chút nào. New York hả?”

Tôi cảm thấy ớn lạnh cứ như thể khí lạnh ban mai toát ra từ miệng hắn. “Chỉ đi ngang qua thôi”, tôi nói. “Tôi muốn đậu xe chừng vài tiếng đồng hồ. Anh kêu cho tôi chiếc taxi được không?”

“Cho ông biết tôi dám cá điều gì. Tôi cá là ông đi xem các Cheerleader đúng không nào?”

“Đúng đấy”.

“Vậy thì tôi hy vọng ông không phải dân phá hôi hay phóng viên”.

“Tôi chỉ muốn xem thôi mà”.

“Trời, ông sẽ thấy thứ gì đó. Các Cheerleader đó chẳng phải là thứ gì sao? Trời, khi nào họ hành động ông sẽ thấy chưa từng nghe thứ gì như thế”.

Tôi nhốt Charley trong ngôi nhà Rocinante sau khi dắt tên giữ xe đi xem một vòng ngôi nhà, mời hắn một cốc whisky và tặng hắn một đô-la. “Nhớ cẩn thận đừng có mở cửa ra khi tôi vắng mặt đấy”, tôi nói. “Charley rất biết việc của nó. Nó làm anh mất tay dễ như chơi”. Dĩ nhiên đó là một lời nói láo xấu xa, nhưng anh chàng kia đáp: “Vâng thưa ông. Tôi chẳng dại mà đùa với chó lạ đâu”.

Người tài xế taxi – một gã đàn ông vàng vọt, co quắp như một cây đậu xanh trước giá lạnh – nói với tôi, “Tôi thả ông xuống cách đó vài dãy nhà

thôi đấy nhé. Tôi không muốn xe tôi bị tanh bành”.

“Tệ đến vậy sao?”

“Không đến nỗi vậy. Nhưng cũng có thể. Và cũng dám tệ như vậy lắm chứ”.

“Khi nào họ bắt đầu nhỉ?”

Ông ta nhìn đồng hồ. “Họ thường đến từ rạng đông, trừ phi trời lạnh. Còn mười lăm phút nữa. Ông cứ đi đi, sẽ không lỡ dịp đâu, trừ phi trời lạnh”.

Tôi ngụy trang bằng chiếc áo vét-tông xanh và chiếc nón Hải quân Anh với giả định rằng ở một khu cảng biển thì người ta không thèm dòm ngó đến dân đi biển, cũng giống như trong nhà hàng thì chẳng ai đến ý đến người hầu bàn. Ở những nơi chốn tự nhiên của mình, dân đi biển thường không có đặc điểm nhận diện và chắc chắn là chẳng có kế hoạch gì cụ thể ngoại trừ việc nhậu nhẹt và bị tổng giam vì đánh lộn. Ít ra thì đó cũng là cảm nghĩ chung về dân đi biển. Tôi đã kiểm nghiệm rồi. Điều thường xuyên diễn ra nhất là có một giọng nói nhân từ của nhà cầm quyền bảo rằng, “Sao anh không về lại tàu của anh đi, hả thủy thủ? Anh đâu có muốn ngồi khám và lỡ mất con nước, đúng không nào. Bây giờ anh có muốn không, hả thủy thủ?” Và chỉ năm phút sau người nói đã không nhận ra anh nữa. Phù hiệu sư tử và kỳ lân trên chiếc nón của tôi khiến tôi càng vô danh hơn nữa. Nhưng tôi phải báo trước cho những ai muốn kiểm nghiệm lý thuyết của tôi, chớ có làm như thế khi ở cách xa bến cảng.

“Ông từ đâu đến vậy?” người tài xế hỏi, vẻ hoàn toàn hờ hững.

“Liverpool”.

“Limey^[138] hả? Vậy ông không sao đâu. Chính là bọn Do Thái chết tiệt ở New York đã gây ra tất cả mọi rắc rối này”.

Tôi cố bắt chước giọng Anh và thậm chí giọng Liverpool không biết chừng. “Bọn Do Thái hả? Họ gây rắc rối ra sao vậy?”

“Này nhé, thưa ông. Chúng tôi tự biết cách thu xếp. Mọi người đều vui vẻ và chẳng có chuyện gì cả. Có gì đâu, tôi cũng ưa bọn nigger vậy. Và cái bọn Do Thái chết tiệt ở New York bỗng dưng nhào vô, dựng bọn nigger dậy. Chúng cứ ở yên tại New York thì đâu có chuyện gì xảy ra. Phải xử bọn chúng thôi”.

“Ý ông là phải hành hình^[139] bọn chúng?”

“Tôi không có ý gì cả, thưa ông”.

Ông ta thả tôi xuống và tôi dậm chân bước đi. “Đừng đến gần quá, ông nhé”, ông ta nói với theo. “Ông xem thì cứ xem nhưng đừng có mà dấy vào đấy nhé”.

“Cảm ơn”, tôi nói, cố nuốt từ “nhiều” đang chực thoát ra từ đầu lưỡi.

Khi bước về phía trường học, tôi rơi vào giữa dòng người – tất cả đều da trắng – cùng đi về một hướng. Họ chăm chú bước đi như người ta đi xem một đám cháy vừa bùng phát lên không lâu. Họ chống nạnh hay khoanh tay luôn trong áo, và nhiều người đàn ông lót khăn quàng dưới nón để phủ kín đôi tai.

Bên kia đường, phía trường học, cảnh sát đã dựng một hàng rào gỗ để ngăn chặn đám đông. Họ tuần tiễu qua lại, phớt lờ những lời nhạo báng hướng về mình. Mặt trước trường học không có ai, nhưng dọc theo lề đường thì cảnh sát tư pháp^[140] đứng cách quãng, không mặc đồng phục mà đeo băng tay để nhận diện. Những khẩu súng của họ phình ra dưới lớp áo một cách ý nhị. Mắt họ lảo liên đầy căng thẳng, dò xét từng khuôn mặt. Tôi cảm giác họ đã dò xét tôi để xem tôi có phải là phần tử thường trực hay không, rồi họ bỏ qua tôi như một kẻ không đáng kể.

Các Cheerleader đang ở đâu thì quá rõ ràng rồi, vì người ta đang nháo nhác hết cả lên để sắp lại gần họ. Họ được dành một chỗ ưu tiên ở trước rào chắn ngay đối diện cổng trường. Ở đó, cảnh sát tập trung với mật độ lớn, đứng dậm chân và đập những bàn tay không quen đeo găng vào nhau cho bớt lạnh.

Bất chợt, tôi bị xô mạnh và có tiếng hét lên: “Bà ấy đây rồi. Để bà ấy đi... Nào, lui ra đi chứ. Để bà ấy qua. Bà ở đâu nãy giờ vậy? Bà đến trường trễ rồi đó. Bà ở đâu vậy Nellie?”

Tên mẹ ta không phải là Nellie. Tôi quên mất mẹ ta tên gì rồi. Nhưng mẹ ta lách qua đám người dày đặc, đến gần chỗ tôi đứng, đủ để tôi thấy chiếc áo giả lông cừu và đôi bông tai bằng vàng. Mẹ ta không cao, nhưng cơ thể thì phì nộn còn bộ ngực thì đồ sộ. Tôi đoán chừng mẹ ta trạc năm mươi. Mẹ ta đánh phấn cực dày, khiến cho cái rãnh nọng cảm thấy rất sậm.

Mụ khoác trên mặt một nụ cười dữ tợn, chen lên giữa đám người dồn ép, giương cao một bài báo mà mụ nắm chặt trong bàn tay để không bị nhàu nát. Vì đó là bàn tay trái nên tôi đặc biệt tìm xem nó có đeo nhẫn cưới hay không, và chẳng thấy đâu cả. Tôi liền lách theo sau, nép mình theo làn sóng mà mụ tạo ra. Nhưng đám đông rất dày đặc và tôi cũng đã bị hăm he. “Này ông thủy thủ kia, ai cũng muốn nghe cả mà”.

Nellie được đón tiếp bằng những tiếng la hét và chào mừng. Tôi không rõ họ có bao nhiêu Cheerleader cả thấy. Không có ranh giới rõ rệt giữa các Cheerleader và đám đông phía sau họ. Tôi chỉ thấy có một nhóm người đang chuyền tay nhau những mẫu cắt ra từ trên báo rồi đọc to lên cho mọi người với vẻ hài lòng, sung sướng.

Giờ thì đám đông trở nên nhộn nhạo hơn, giống hệt như thái độ của các khán giả khi giờ kéo màn đã qua đi. Những người đứng quanh tôi đều nhìn đồng hồ của mình. Tôi cũng nhìn đồng hồ của tôi. Lúc đó là chín giờ thiếu ba phút.

Cuộc trình diễn được khai mào đúng giờ. Có tiếng còi hú. Có những mô-tô cảnh sát. Rồi có hai chiếc xe lớn màu đen chứa đầy những người to lớn đội những chiếc nón nỉ màu vàng. Họ chui ra khỏi xe ở trước cổng trường học. Đám đông như nín thở. Bốn viên cảnh sát tư pháp to bự bước khỏi xe và chẳng rõ từ đâu trong các xe này, họ lôi ra một cô bé da đen nhỏ nhắn chưa từng thấy. Cô bé khoác một bộ đồ trắng sáng như bột. Chân bé mang đôi giày trắng mới cứng, nhỏ đến mức trông cứ như hình tròn. Khuôn mặt và đôi chân bé bồng trông rất đen trên cái nền trắng đó.

Các cảnh sát tư pháp to bự để cô bé đứng bên lề, và những tiếng la hét nhạo báng inh ỏi bắt đầu cất lên từ phía sau hàng rào. Cô bé không nhìn thẳng vào đám người gào thét, nhưng khóe bên lòng trắng mắt của bé trông cứ như của một con nai con sợ sệt. Những người đàn ông vờn cô bé như một con búp bê. Một đám rước kỳ lạ men theo bờ tường rộng tiến thẳng đến trường học, và cô bé trông lại càng tí tẹo hơn nữa trước những người đàn ông quá đồi to lớn. Cô bé đột nhiên nhảy lên một cách khó hiểu, nhưng tôi nghĩ tôi biết đó là gì. Có lẽ trong cả cuộc đời mình cô bé chưa từng đi mười bước mà không dậm nhảy, nhưng giờ đây, giữa cú nhảy đầu tiên, sức nặng

đã kéo cô bé xuống và đôi bàn chân nhỏ tròn trịa của bé đã phải bước những bước cân đo, ngập ngừng giữa những người bảo vệ to lớn. Một cách chậm chạp, họ leo lên các bậc thang và đi vào trong trường.

Báo chí viết rằng những lời chế diễu và nhạo báng là ác độc và đôi khi thô lỗ. Quả đúng là thế thật, nhưng đó chưa phải là cuộc trình diễn lớn. Đám đông đang chờ đợi người đàn ông da trắng đầu tiên dám đưa đứa con da trắng của mình đến trường. Và anh ta đây rồi, với những người bảo vệ đi kèm. Đó là một người đàn ông cao lớn, mặc bộ đồ màu xám nhạt, tay dắt theo đứa con hoảng hốt của mình. Cơ thể anh ta căng ra như một chiếc lá khôe khoắn đang bị kéo cho bứt. Khuôn mặt anh ta trông nghiêm trọng và xám ngắt, còn đôi mắt anh ta thì cúi gằm, nhìn thẳng xuống mặt đất ngay phía trước. Cơ gò má của anh nhô ra bởi chiếc hàm cắn chặt. Một người đàn ông đang sợ và, bằng ý chí của mình, kiềm chế nỗi sợ hãi tựa như người kỵ sĩ tài ba đang thuần phục một con ngựa hoảng loạn.

Một tiếng hét chói tai, gay gắt chọt cất lên. Tiếng hét đó không phải là đồng thanh. Người ta thay nhau hét và khi đến người cuối thì đám đông vỡ ra trong những tiếng gào, rống và huýt sáo tán thưởng. Đó chính là thứ mà người ta đến để xem và nghe.

Không tờ báo nào nêu ra những từ ngữ mà các mục đó đã hét lên. Điều đó nói lên rằng những từ ngữ này là thiếu tế nhị, một số báo thậm chí đã viết là thô lỗ. Trên truyền hình, các đoạn ghi âm được làm cho nghe không rõ hay lồng thêm các tiếng động khác vào để che đậy. Nhưng giờ đây tôi đã nghe được những từ ngữ ấy, những từ ngữ thú vật, tục tĩu và đồi bại. Trước đây, trong cuộc đời trải dài và không che chắn của mình, tôi đã từng thấy và nghe những con người độc địa ỏi mưa ra. Thế thì có sao những tiếng hét ấy vẫn cứ khiến tôi bị sốc nặng và buồn đến tê tái?

Những từ ngữ thốt ra là dơ bẩn, là tục tĩu một cách trau chuốt và chọn lọc. Nhưng có thứ gì đó còn tệ hại hơn rất nhiều so với sự dơ bẩn: một dạng Lễ hội phù thủy Sabbath^[141] kinh dị. Đây không phải là những tiếng hét ngẫu hứng của giận dữ, của thịnh nộ điên cuồng.

Có lẽ đó là thứ đã làm tôi muốn bệnh vì ghê tởm. Ở đây không có nguyên tắc tốt xấu nào, không có đường hướng nào. Những mục đàn bà thô bỉ đó, với

chiếc nón nhỏ của họ và những bài báo giương lên để thu hút sự chú ý. Họ muốn được người khác ngưỡng mộ. Họ cười toét vì sung sướng, hầu như đắc thắng một cách hồn nhiên khi được người khác hoan nghênh. Họ có sự ác độc điên dại của những đứa bé bị chứng tự kỷ trung tâm, và không hiểu sao điều này càng làm cho sự vô tri như súc vật của họ náo lòng hơn. Họ không phải là những bà mẹ, thậm chí họ không phải là phụ nữ. Họ là những diễn viên điên loạn đang trình diễn trước những khán giả điên loạn.

Đám đông phía sau hàng rào rống lên, hò reo và đâm vào nhau sung sướng. Những cảnh sát căng thẳng vẫn lớn vồn canh chừng mọi sự bùng phát ở bên kia hàng rào. Mọi họ mím lại, nhưng một số người đã mỉm cười và nhanh chóng nén cười. Bên kia đường, các cảnh sát tư pháp đứng bất động. Đôi chân của người đàn ông mặc đồ xám đã tăng tốc trong một thoáng, nhưng anh ta ghìm chúng lại bằng ý chí của mình và đi đến vỉa hè trước cổng trường.

Đám đông lắng xuống và mục Cheerleader kế tiếp đến phiên của mình. Giọng của mục rống lên như tiếng kêu của con bò, một tiếng hét trầm, khỏe và phẳng lì như giọng người rao chương trình trong một gánh xiếc. Chẳng cần thiết phải viết ra những từ ngữ mà mục dùng. Chúng như đúc ra từ cùng một khuôn, chỉ duy nhất nhịp điệu và chất lượng âm là khác nhau. Bất cứ ai gần gũi với kịch nghệ đều biết rằng những bài phát biểu này không phải là ngẫu hứng. Chúng đã được thử, được học thuộc và được cẩn thận diễn tập lại. Đó là kịch. Tôi đã quan sát những khuôn mặt chăm chú từ đám đông lắng nghe, và đó chính là những khuôn mặt của các khán giả xem kịch. Khi có tiếng vỗ tay thì đó là dành cho người diễn.

Cơ thể tôi muốn rối loạn bởi sự tởm lợm đến nôn mửa, nhưng tôi không thể để cho mình phát bệnh sau khi đã đi xa như thế để nhìn và nghe. Và bất chợt tôi hiểu ra rằng có gì đó sai trái, có gì đó bị bóp méo và lạc khỏi bức tranh. Tôi đã biết New Orleans. Qua năm tháng, tôi đã có nhiều bạn bè ở đó, những con người chín chắn, hiền lành, với truyền thống tử tế và lịch thiệp. Tôi nhớ đến Lyle Saxon, một anh chàng to lớn có nụ cười hiền khô. Đã bao ngày tôi trải qua cùng Roark Bradford, anh bạn đã mang những âm thanh và cảnh sắc của Louisiana để tạo ra Chúa và Đồng cỏ xanh mà Người đã dẫn

dắt chúng ta đến. Tôi tìm trong đám đông những khuôn mặt như thế của những người như thế, và chúng không có ở đó. Tôi chỉ thấy những khuôn mặt rỗng lên đòi máu trong những cuộc giác đấu vì tiền thưởng, những khuôn mặt cực khoái khi có người bị húc trong sân đấu bò, những khuôn mặt đang nhìn một cách thèm khát một tai nạn trên xa lộ, những khuôn mặt sẵn sàng xếp hàng để được hưởng cái đặc quyền nhìn ngắm sự đau đớn. Nhưng những người khác đang ở đâu – những người mà cánh tay sẽ ngửa ngáy muốn che chắn cái sinh linh nhỏ bé, đen đúa và khiếp hãi kia?

Tôi không biết họ ở đâu. Có lẽ họ cũng cảm thấy tuyệt vọng giống như tôi, nhưng họ đã bỏ lại một New Orleans bị báo cáo sai trước thế giới. Không nghi ngờ gì nữa, đám đông kia sẽ vội vã về nhà để xem mình trên truyền hình, và những gì họ thấy sẽ lan tỏa khắp thế giới, không hề bị thách đố bởi những thứ khác mà tôi biết cũng đang có ở nơi đó.

Cuộc trình diễn đã kết thúc và dòng thác người cũng bắt đầu rời đi.

Cuộc trình diễn thứ hai sẽ diễn ra khi tiếng chuông đóng cửa trường vang lên và khuôn mặt đen bé nhỏ sẽ lại phải nhìn ra những kẻ lên án nó. Tôi đã từng đến New Orleans của những nhà hàng lớn. Tôi biết tất cả các nhà hàng đó và phần lớn họ cũng biết tôi. Và tôi không còn khả năng nào nữa để đến quán Gallator's gọi món trứng ốp-lết và rượu sâm-banh, giống như tôi không thể nhảy múa trên năm mồ. Ngay cả việc viết những chuyện đó ra giấy cũng làm dấy lên trong tôi sự mệt mỏi, sự tởm lợm vô vọng. Đó không còn là cái thú viết lách. Nó không khiến tôi vui thú.

Tôi mua một chiếc sandwich cho người nghèo và ra khỏi thành phố. Không quá xa, tôi tìm được một nơi dễ chịu để có thể ngồi và nhai và ngẫm và nhìn ra dòng sông Cha của các dòng sông với màu nâu trang trọng và dòng nước chảy chậm. Tâm trí tôi đòi hỏi điều đó. Charley không chạy rông mà ngồi sát bên tôi, tựa bờ vai của nó vào đầu gối tôi, và nó chỉ làm như thế khi nào tôi bị bệnh, vì vậy tôi buồn buồn nghĩ rằng mình đã bệnh mất rồi.

Một khoảng thời gian lạc lõng. Nhưng một lúc sau mặt trời đã đi qua cực đỉnh, có một người đi bộ ngang qua và chúng tôi đã chào nhau. Đó là một người đàn ông ăn mặc trang nhã, đã nhiều tuổi. Ông ta có một khuôn mặt Hy Lạp, mái tóc bạc mịn bị gió làm dựng đứng và bộ ria mép bạc được cắt tỉa gọn gàng. Tôi mời ông ta ghé chơi, và khi ông ta chấp thuận, tôi trở về ngôi nhà của mình để đun nước pha cà phê. Nhớ lại Roark Bradford thích pha như thế nào, tôi tăng gấp đôi lượng cà phê, hai muỗng đầy cà phê cho mỗi tách và hai muỗng đầy cho chiếc ấm. Tôi đập một trái trứng, vớt lòng đỏ ra, rồi bỏ lòng trắng lẫn vỏ trứng vào trong ấm vì tôi biết không có thứ gì có thể làm sáng cà phê và khiến nó bóng lên như thế. Trời vẫn rất lạnh và buổi tối lạnh lẽo đang đến gần, do đó mà bột cà phê, nổi lên từ chỗ nước lạnh để ra

đến chỗ sôi, tạo ra một mùi thơm dễ chịu có thể cạnh tranh thành công với mọi mùi thơm khác.

Vị khách của tôi rất hài lòng. Ông ta sờ ấm bàn tay quanh chiếc ly nhựa. “Theo biến số xe thì ông là người lạ ở đây”, ông ta nói. “Làm cách nào mà ông rành về cà phê như vậy?”

“Tôi học ở phố Bourbon^[142] từ những vĩ nhân trên thế gian”, tôi nói. “Nhưng họ sẽ đòi loại hạt cà phê rang kỹ hơn và một ít rau diếp xoắn để nhấm nháp đấy”.

“Ông rành thật”, ông ta nói. “Xét cho cùng thì ông chẳng phải là người lạ. Thế ông có biết làm món cà phê Diablo^[143] không?”

“Khi tiệc tùng thì có đấy. Ông là người ở đây à?”

“Nhiều thế hệ đến mức tôi không thể nhớ hết, trừ những vị có tên trên bia mộ ở St. Louis”.

“Tôi hiểu. Ông là người dòng dõi nơi đây. Rất mừng được gặp ông. Tôi cũng có biết St. Louis đấy, thậm chí từng sưu tầm các văn bia ở đó”.

“Thật vậy sao? Thế thì chắc ông nhớ cái văn bia kỳ quái đó”.

“Nếu đúng là cái tôi nghĩ thì để tôi cố nhớ xem nào. Ý ông nói cái văn bia bắt đầu bằng, ‘Thương thay cho người mà niềm vui đáng nguyên rủa...’?”

“Chính cái đó đấy. Robert John Cresswell, mất năm 1845 ở tuổi hai mươi sáu”.

“Ước gì tôi nhớ được câu ấy”.

“Ông có giấy không? Ông có thể ghi lại nó đấy”.

Rồi khi tôi có một tập giấy trên đầu gối, ông ta đọc, “Thương thay cho người mà niềm vui đáng nguyên rủa phải cậy nhờ vào thiên đường, dành vui với sự đột ngột này bằng tất cả những hy vọng hào phóng và qua tình yêu đối vì sự can trường chống chọi bệnh dịch chó để chứng minh những thống khổ trên thế gian^[144]”.

“Nghe hay thật”, tôi nói. “Lewis Carroll cũng có thể viết được như thế này. Tôi gần đoán ra ý nghĩa của nó rồi đấy”.

“Ai cũng gần đoán ra. Ông đi du lịch cho vui à?”

“Vui cho đến hôm qua. Tôi vừa mới thấy các Cheerleader”.

“Ồ, vâng, tôi hiểu”, ông ta nói. Một sức nặng và một sự tăm tối bỗng chụp lên ông ta.

“Điều gì sẽ xảy ra kế tiếp?”

“Tôi không biết. Tôi đơn giản là không biết. Tôi không dám nghĩ về nó. Tại sao tôi phải nghĩ về nó cơ chứ? Tôi già quá rồi. Hãy để những người khác gánh vác chuyện này”.

“Ông có thấy một hồi kết không?”

“Ồ, chắc chắn có hồi kết chứ. Đó là một cứu cánh. Một cứu cánh. Nhưng ông từ miền Bắc đến. Đó đâu phải là vấn đề của ông”.

“Tôi nghĩ đó là vấn đề của tất cả mọi người. Nó không phải chỉ của địa phương. Ông có muốn dùng một tách cà phê và trao đổi với tôi về chuyện này không? Tôi không có lập trường nào. Ý tôi là tôi chỉ muốn nghe thôi”.

“Chẳng có gì để học hỏi ở đây cả”, ông ta nói. “Nó có vẻ như sẽ trở mặt tùy theo việc ông là ai, ông đã ở đâu và ông cảm thấy thế nào – cảm thấy chứ không phải suy nghĩ đâu đấy nhé. Ông không thích những gì ông thấy à?”

“Thế ông thích không?”

“Có lẽ ít thích hơn ông vì tôi biết tất cả cái quá khứ đau đớn của nó và một vài tương lai bốc mùi của nó. Đó là một từ không đẹp để gì, thưa ông, nhưng chẳng có từ nào khác cả”.

“Người da đen muốn được làm người. Ông có chống lại điều đó không?”

“Trời ơi, không đâu, thưa ông. Nhưng để được làm người họ phải đấu tranh với những kẻ không thỏa mãn với việc được làm người”.

“Ý ông là người da đen không thỏa mãn với những thành quả họ đạt được?”

“Ông thì sao? Ông có biết ai thỏa mãn không?”

“Ông có bằng lòng để cho họ làm người không?”

“Thì cũng bằng lòng đấy, nhưng tôi không thể hiểu nổi. Tôi có quá nhiều bia mộ cha ông ở đây rồi. Tôi biết nói với ông như thế nào đây? Thôi được, giả sử như con chó của ông đây, trông có vẻ nó là một con chó rất thông minh...”

“Nó thông minh đấy”.

“Thế này nhé, giả sử nó nói được và đứng được trên hai chân sau. Có thể nó làm gì cũng tốt cả. Có lẽ ông sẽ mời nó dùng bữa, nhưng liệu ông có nghĩ nó là con người không?”

“Ý ông là tôi có chịu cho nó lấy em gái của tôi không ấy à?”

Ông ta phá lên cười. “Tôi chỉ muốn nói với ông rằng rất khó mà thay đổi cảm xúc về mọi sự. Và ông có tin không? Làm cho người da đen thay đổi cảm xúc của họ cũng khó không kém gì làm chúng tôi thay đổi cảm xúc của mình. Điều này chẳng có gì mới cả. Nó là như vậy từ lâu lắm rồi”.

“Dù thế nào, chủ đề này luôn hốt đi niềm vui của cuộc trò chuyện”.

“Đúng thế đấy, thưa ông. Tôi nghĩ tôi là kẻ mà ông có thể gọi là một phần tử khai sáng người miền Nam đang lẫn lộn sự thóa mạ với sự ngợi khen. Là giống lai tạp mới toanh đó, tôi biết điều gì sẽ xảy ra theo năm tháng. Nó đang bắt đầu ở châu Phi và châu Á rồi đấy”.

“Ý ông là sự hợp nhất ư? Người da đen sẽ biến mất?”

“Nếu họ đông hơn chúng ta thì chúng ta sẽ biến mất, hay có vẻ đúng hơn là cả hai phía đều biến mất, trở thành thứ gì đó mới mẻ”.

“Còn trong khi đó?”

“Ấy, chính cái ‘trong khi đó’ này làm cho tôi thấy sợ đấy, thưa ông. Các bậc tiền nhân ngày xưa đã đặt tình yêu và chiến tranh vào tay các vị thần có quan hệ mật thiết với nhau. Điều đó không phải là tình cờ đâu nhé. Vâng, thưa ông, đó là sự uyên bác của con người đấy.”

“Ông lý luận hay đấy”.

“Những người mà ông thấy hôm nay, họ chẳng có lý luận gì cả. Họ là những kẻ làm cho thần thánh cũng phải lo lắng”.

“Thế thì ông cho rằng điều đó không thể diễn ra trong hòa bình?”

“Tôi không biết”, ông ta la lên. “Tôi nghĩ đó là trường hợp xấu nhất. Tôi đơn giản là không biết. Đôi lúc tôi thèm được lấy cái tên đúng của mình là Ci Gât”.

“Ước gì ông đi cùng đường với tôi. Ông đang đi phải không?”

“Không. Tôi có một chốn nho nhỏ ở ngay gần đây, phía dưới khu rừng nhỏ kia. Tôi dành nhiều thời gian nơi đó, chủ yếu là đọc sách – vớ vẩn thôi

mà – chủ yếu là nhìn ngang ngó dọc – vợ vẫn thôi mà. Đó là phương pháp cố tình của tôi để tránh vấn đề ấy vì tôi thấy sợ nó”.

“Tôi nghĩ chúng ta đều làm tương tự như thế cả”.

Ông ta mỉm cười. “Tôi có một cặp vợ chồng già người da đen già như tôi chăm sóc cho tôi. Và đôi khi, vào buổi tối, chúng tôi đã quên luôn. Họ quên ghen tỵ với tôi, còn tôi thì quên họ có thể ghen tỵ, và chúng tôi chỉ còn là ba... thứ dễ chịu sống chung với nhau, cùng thưởng thức mùi hương của hoa”.

“Thứ”, tôi lặp lại. “Thứ vị thật đấy, không phải là con vật, không phải đen, không phải trắng mà là những thứ dễ chịu. Vợ tôi kể có một ông cụ già lẩm lẩm là già, ông ấy nói, “Tôi nhớ cái thời khi người da đen không có tâm hồn. Hồi đó tốt hơn và dễ dàng hơn bây giờ nhiều. Bây giờ thì cứ rối tung hết cả lên.”

“Tôi không nhớ nữa, nhưng hẳn phải là như vậy. Tôi nghĩ ta có thể cắt và phân chia tội lỗi mà cha ông để lại giống như cắt, chia một chiếc bánh sinh nhật vậy”, ông ta nói. Ngoài bộ ria mép ra, trông ông cứ như một bức tranh của Greco, *San Pablo đang cầm trong tay một cuốn sách khép lại*.^[145] “Chắc chắn các tổ tiên của tôi đã có những nô lệ, nhưng rất có thể tổ tiên của ông đã bắt họ và đem bán cho chúng tôi”.

“Tôi có dòng máu thanh giáo vốn rất có thể làm như thế”.

“Nếu ông dùng vũ lực bắt một sinh linh phải làm việc như thú vật, ông sẽ không khỏi nghĩ về sinh linh đó như thú vật, nếu không thì sự thối cảm sẽ làm cho ông điên loạn mất thôi. Một khi ông xếp hạng các sinh linh này trong đầu, ông sẽ có cảm giác an toàn”. Ông ta nhìn ra con sông. Gió xới tóc ông lên như một làn khói trắng. “Và nếu trái tim ông có tì vết của sự dửng dưng và giận dữ, mà với loài người thì ta gọi là phẩm giá, thì ông ắt phải sợ con thú nguy hiểm. Và vì trái tim ông có trí khôn, có sự sáng tạo và khả năng che giấu nó, ông sẽ phải sống trong sợ hãi. Cho nên ông phải chà đạp những xu hướng giống người của họ đi và biến họ thành con thú biết vâng lời mà ông mong muốn. Và nếu ông dạy được con ông ngay từ đầu về loài thú, con ông sẽ không chia sẻ sự hoang mang với ông đâu”.

“Tôi nghe nói, vào thời kỳ tốt lành khi xưa, người da đen cũng ca hát, nhảy múa và hài lòng”.

“Và họ cũng bỏ trốn nữa. Các luật lệ ngăn ngừa nạn bỏ trốn cho thấy điều đó diễn ra thường xuyên như thế nào”.

“Ông không giống người miền Nam theo cách nghĩ của người miền Bắc nhỉ”.

“Có lẽ là không. Nhưng tôi không đơn độc”. Ông ta đứng dậy, phúi bụi trên quần bằng những ngón tay. “Không. Không đơn độc đâu. Tôi về chỗ các thứ dễ chịu của tôi đây”.

“Tôi chưa kịp hỏi tên ông, thưa ông, và cũng chưa kịp nói tên tôi”.

“Ci Gît”, ông ta nói. “Ông Ci Gît – một dòng họ lớn. Họ này rất phổ biến”.

Khi ông ta đi khỏi, tôi cảm thấy một sự ngọt ngào như âm nhạc, nếu như âm nhạc có thể làm cho da dẻ dễ chịu với chút se se lạnh.

Với tôi, đó là một ngày lớn hơn một ngày, không thể so sánh với các ngày khác mà mong có được sự tương đồng. Đêm qua ngủ ít nên tôi biết mình phải dừng chân. Tôi rất mệt, nhưng đôi khi sự mệt mỏi lại là một chất kích thích và một sự cưỡng thúc. Tôi buộc mình phải đổ xăng đầy bình và ép mình phải dừng xe, hỏi một cụ già da đen đang lê những gót chân nặng nề bên lề cỏ cạnh con đường bê-tông, xem cụ có muốn đi nhờ hay không. Cụ già ngần ngừ chấp thuận. Và cụ làm thế với cái vẻ kháng cự trong tuyệt vọng. Cụ mặc một bộ đồ tả tơi, kiểu đồ đồng áng, khoác chiếc áo len kiểu cổ bị sờn nhẵn do xưa cũ và mặc nhiều. Khuôn mặt cụ màu cà phê, chẳng chít đến hàng triệu nếp nhăn li ti, mi mắt dưới của cụ có những quầng màu đỏ trông như mắt chó săn. Hai tay cụ siết chặt chiếc vạt áo với những chỗ thắt gút thành từng bướu, trông như một cảnh anh đào. Cả người cụ co rúm trong chiếc ghế, cứ như thể cụ đã hút hết mọi thứ bên ngoài vào để làm cho mình trông nhỏ lại.

Cụ không khi nào nhìn thẳng tôi. Tôi cũng chẳng biết cụ nhìn gì. Nhưng thoát tiên, cụ hỏi, “Chó có cắn không, thưa ông lớn”.

“Không. Nó thân thiện lắm”.

Sau một hồi im lặng kéo dài, tôi hỏi, “Cụ dạo này thế nào rồi?”

“Tốt. Dạ tốt ạ, thưa ông lớn”.

“Cụ cảm thấy thế nào về những chuyện đang xảy ra?”

Cụ già không trả lời.

“Ý tôi là về chuyện trường học và các cuộc biểu tình ấy mà”.

“Tôi không biết gì về chuyện đó cả, thưa ông lớn”.

“Cụ làm việc ở nông trang à?”

“Trồng một thửa bông, thưa ông lớn”.

“Cụ kiếm sống tốt chứ?”

“Cũng tạm tạm ạ, thưa ông lớn”.

Chúng tôi lại im lặng trên đoạn đường hướng về thượng lưu con sông. Cây cối và cỏ nhiệt đới đều héo úa, trông buồn thảm trong cái lạnh dữ dội từ miền Bắc. Sau một lúc, tôi nói, có lẽ là với chính mình hơn là với ông cụ. “Dù thế nào thì hà cớ gì cụ phải tin tôi? Mỗi câu hỏi là một chiếc bẫy và trả lời là đặt một chân vào chiếc bẫy đó”.

Tôi chợt nhớ đến một khung cảnh – một chuyện đã xảy ra ở New York – và đang sắp sửa kể cho ông cụ về nó, nhưng tôi nhanh chóng từ bỏ cơn bốc đồng này vì, từ khóe mắt, tôi thấy ông cụ đã lùi ra, co quắp lại, tựa vào mép xa của buồng lái. Nhưng ký ức là quá mạnh.

Khi đó tôi sống trong một căn nhà gạch nhỏ ở Manhattan. Nhờ dư dật được đôi chút, tôi có thuê một người giúp việc da đen. Bên góc đường phía đối diện có một quán bar và nhà hàng. Trong một buổi chiều chạng vạng mùa đông, khi lề đường bị đóng băng, tôi đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài và thấy một phụ nữ chềch choáng say đang bước ra khỏi quán bar, bị trượt chân trên băng và té nằm sõng soài. Cô ta cố đứng dậy nhưng lại trượt và té, đành nằm một chỗ mà khóc lóc thảm thiết. Vào lúc đó, anh chàng da đen giúp việc cho tôi đi đến góc đường, thấy người phụ nữ, và lập tức băng qua đường, cố tránh cô ta càng xa càng tốt.

Khi anh ta bước vào, tôi nói, “Này cậu em, tôi đã thấy cậu rồi. Tại sao cậu không giúp người phụ nữ kia một tay?”

“Dạ thưa ông, cô ấy đã say xỉn mà tôi lại là người da đen. Nếu tôi chạm vào cô ấy, biết đâu cô ấy hét lên là tôi hiếp dâm, và đám đông sẽ bu lại. Thử hỏi khi đó có ai mà tin tôi chứ?”

“Cậu em cũng nhanh trí nhỉ”.

“Ồ, không đâu thưa ông!” cậu ta nói. “Tôi đã được luyện tập làm một người da đen từ rất lâu rồi”.

Và giờ đây, trong Rocinante, một cách ngu ngốc, tôi đang cố gắng phá hủy cả một cuộc đời dài rèn luyện.

“Tôi sẽ không hỏi gì cụ nữa đâu”, tôi nói.

Nhưng ông cụ vẫn co rúm, bồn chồn. “Ông cho tôi xuống đây được không ạ, thưa ông lớn? Tôi sống ở gần đây”.

Tôi cho ông cụ xuống và, qua kính chiếu hậu, tôi thấy ông lê bước bên con đường. Ông cụ không hề sống gần đó, nhưng đi bộ xem ra còn an toàn hơn là ngồi trên xe cùng tôi.

Sự kiệt quệ làm cho tôi muốn lả, và tôi đã dừng xe ở một khách sạn trông dễ chịu. Những chiếc giường ở đó rất tốt, nhưng tôi không sao ngủ được. Người đàn ông mặc đồ xám đi ngang qua mắt tôi, rồi đến khuôn mặt của những Cheerleader, nhưng chủ yếu là tôi thấy ông cụ già co quắp tránh né tôi càng xa càng tốt, cứ như thể tôi mang bệnh truyền nhiễm. Và biết đâu là vậy thật. Tôi lên đường để học hỏi. Tôi đã học được những gì nào? Không một khoảnh khắc nào tôi thoát khỏi sự căng thẳng, sự trữu nặng và nỗi sợ hãi hoang dại. Chắc chắn tôi cảm thấy nhiều hơn vì là người mới tới, nhưng nó hiện diện sẵn ở đó. Mọi người, trắng và đen, đang sống và thở cùng với nó. Mọi người, đủ mọi độ tuổi, nghề nghiệp, và tầng lớp xã hội. Với họ, tôi là một thực thể của sự tồn tại. Và áp lực đang cứ dâng lên như một ấm nước sôi. Liệu có sự thư giãn nào cho đến khi tất cả bùng nổ?

Tôi đã thấy quá ít ỏi trong cái tổng thể lớn. Tôi đã chẳng thấy được gì nhiều trong Thế chiến thứ hai: một cuộc đổ bộ trong số hàng trăm cuộc, vài trận chiến riêng rẽ, vài ngàn người chết so với hàng triệu người. Nhưng tôi đã thấy đủ và cảm nhận đủ để tin rằng chiến tranh không phải là điều lạ lẫm. Ở đây cũng thế: một giai đoạn nhỏ, một vài con người, nhưng hơi thở của sợ hãi vẫn tràn lan khắp nơi. Tôi muốn trốn thoát, có lẽ là một thái độ hèn nhát, nhưng sẽ còn là hèn nhát hơn nếu như tôi chối bỏ thực tại. Nhưng những người quanh tôi sống ở đó. Họ chấp nhận nó như một lối sống thường trực, không bao giờ biết thứ gì khác hơn, và cũng chẳng mong nó chấm dứt.

Những trẻ em ở quận Cockney của London^[146] đã trở nên bồn chồn khi bom ngừng rơi và vì thế mà làm rối đi một mẫu hình mà chúng đã trở nên quen thuộc.

Tôi trở mình liên tục cho đến khi Charley nổi cáu và nói “Phù” với tôi nhiều lần liên. Nhưng Charley không vướng phải những vấn đề của chúng ta. Nó không thuộc về một loài đủ khôn ngoan để làm phân rã nguyên tử, nhưng lại không đủ khôn ngoan để có thể chung sống hòa bình với nhau. Nó thậm chí chẳng biết về chủng tộc, và cũng chẳng quan tâm đến cô em mình lấy ai. Quả là một sự trái ngược. Có lần Charley si tình một con dachshund^[147]. Đó là một cuộc tình thơ mộng tuy không phù hợp về mặt nòi giống, khắp khiêng đến lối bạch về mặt thể trạng, và bất khả thi về mặt kỹ thuật. Nhưng Charley bất chấp tất cả những điều này. Nó yêu một cách sâu sắc và đã thử hết sức chó của nó. Thật khó mà giải thích cho một con chó về cái mục tiêu tốt đẹp và đạo đức của hàng ngàn con người tụ tập lại để nguyên rửa một con người nhỏ bé. Tôi đã từng thấy một ánh mắt chó, một ánh mắt thoáng nhanh chứa chất sự sừng sốt khinh bỉ. Và tôi tin rằng, về cơ bản, loài chó luôn nghĩ loài người là gốc gác.

Tôi không chọn người trò chuyện đầu tiên của mình ngày hôm sau. Chính anh ta chọn tôi. Anh ta ngồi trên chiếc ghế ở gần tôi, ăn món hamburger mà người anh em song sinh cũng đang nằm trong tay tôi. Anh ta trạc từ ba mươi đến ba mươi lăm, cao ráo, gầy như cây que, và trông dễ ưa. Mái tóc dài suôn thẳng có màu gần như vàng xám. Anh ta để tóc dài và xem nó như báu vật, bởi lẽ anh ta chải nó bằng chiếc lược bỏ túi một cách vô tri giác và thường xuyên. Anh ta mặc bộ com-lê màu xám nhạt với đầy các vết nhăn do đi đường. Vắt trên vai anh ta là chiếc áo vét-tông. Chiếc sơ-mi trắng của anh ta mở nút ở cổ, được vậy là nhờ anh kéo xệ nút thắt của chiếc cà-vạt màu nhạt có họa tiết đường cong những cánh hoa. Tôi chưa từng nghe giọng ai đậm chất miền Nam như thế. Anh ta hỏi tôi đi đâu, và khi tôi nói đi Jackson và Montgomery, anh ta bèn xin tôi cho đi nhờ. Khi thấy Charley, anh ta thoát tiên nghĩ tôi có mang theo một nigger trong xe. Tôi đã quá quen với kiểu nói này.

Chúng tôi ngồi vào xe một cách thoải mái. Anh ta chải lại mái tóc và khen ngợi tôi về Rocinante. “Dĩ nhiên”, anh ta nói. “Tôi có thể nói ngay ông từ miền Bắc đến”.

“Tai anh tốt thật đấy”, tôi nói và nghĩ như vậy là hóm hỉnh.

“Ồ, tôi đi cũng nhiều mà”, anh ta thừa nhận.

Tôi nghĩ mình có trách nhiệm đối với chuyện xảy ra. Nếu tôi chịu ngậm miệng lại thì có khi đã học được điều gì đó giá trị rồi. Cũng một phần tại cái đêm mất ngủ, và cả chiều dài của cuộc hành trình và sự căng thẳng nữa. Rồi, ngoài ra, Giáng sinh cũng đang tới, và tôi thấy mình cứ suy nghĩ chuyện về nhà một cách thường xuyên hơn là cần thiết.

Qua câu chuyện, chúng tôi biết được rằng tôi đang du lịch cho vui còn anh ta thì đang trên đường tìm việc làm.

“Ông từ miệt dưới lên”, anh ta nói. “Vậy ông có thấy những chuyện xảy ra ở New Orleans không?”

“Có đấy”.

“Có hay không vậy, nhất là cái bà Nellie ấy? Bà ta quả thật đã làm nổ tung hết cả lên”.

“Bà ta như vậy thật”.

“Thật là dễ chịu khi nghe ai đó làm tròn bốn phận của mình”.

Tôi nghĩ chính câu này đã làm tôi mất hết cả bình tĩnh. Lẽ ra tôi chỉ nên cau có và để hăn ta cứ nhận định thế nào hăn ta muốn. Nhưng cơn sâu nhỏ xấu xa của sự giận dữ bắt đầu khuấy động bên trong tôi. “Họ làm thế vì bốn phận sao?”

“Dĩ nhiên rồi, Cầu Chúa phù hộ cho họ. Phải có ai đó ngăn không cho bọn nigger chết tiệt đó đến trường chứ”. Sự hy sinh cao cả của các mục Cheerleader đã làm cho hăn choáng ngợp. “Đã đến lúc người ta phải ngồi xuống và suy nghĩ, và đó cũng là lúc phải gội sạch tư duy để bán mạng mình cho điều gì đó mà mình tin tưởng vào”.

“Anh định làm như vậy à?”

“Chắc chắn rồi, và nhiều người khác giống như tôi cũng thế”.

“Thế anh tin tưởng vào cái gì?”

“Tôi sẽ không cho con cái của tôi đến trường học chung với đám nigger. Vâng, thưa ông. Tôi sẽ bán mạng tôi nhưng trước hết tôi phải giết một tá tên nigger chết bầm đó cái đã”.

“Anh có bao nhiêu con rồi?”

Hắn vung tay về phía tôi. “Tôi chưa có con, nhưng rồi tôi sẽ có. Và tôi hứa với ông rằng chúng sẽ không bao giờ đến trường cùng với bọn nigger”.

“Anh định bán mạng anh trước hay sau khi anh có con?”

Tôi phải dòm chừng đường nên chỉ thấy được một thoáng biểu hiện của hắn ta, và nó không hề dễ chịu. “Ông nói cứ như một tên mê nigger vậy. Lẽ ra tôi phải đoán ra trước. Đám phá hôi xuống đây để dạy dỗ chúng tôi phải sống như thế nào. Thế thì ông không thoát được đâu, thưa ông. Chúng tôi đã canh chừng bọn các ông, đám Cộng sản mê nigger”.

“Tôi vừa có được tấm ảnh bán mạng dũng cảm của anh đấy”.

“Chúa ơi, tôi đoán đúng rồi. Ông là một tên mê nigger”.

“Không, tôi không là tên mê nigger nào cả. Và tôi cũng chẳng phải là tên mê da trắng luôn, nếu như nó bao gồm các mục Cheerleader cao quý đó”.

Khuôn mặt hắn gí rất sát vào tôi. “Ông có muốn nghe tôi nghĩ gì về ông không?”

“Không. Tôi đã nghe Nellie dùng các từ ngữ của bà ta”. Tôi đập thẳng và đưa Rocinante tạt vào lề.

Hắn có vẻ bối rối. “Ông dừng lại làm gì?”

“Đi ra”, tôi nói.

“Ồ, thì ra ông muốn đi loanh quanh”.

“Không. Tôi muốn tổng cổ anh. Đi ra ngay”.

“Ông muốn chơi tôi hả?”

Tôi vớ tay vào khoảng trống giữa ghế ngồi và cánh cửa, nơi chẳng có vật gì.

“Thôi được, thôi được”, hắn nói rồi bước ra, sập cửa mạnh đến mức Charley phải rên lên vì phiên toái.

Tôi vọt xe đi tức thì, nhưng tôi nghe hắn la lối và qua kính chiếu hậu tôi thấy khuôn mặt căm thù và cái miệng lảm nhảm của hắn. Hắn gào lên. “Mê nigger, mê nigger, mê nigger”, cho đến khi tôi đi khuất, và tôi cũng không

biết mãi bao lâu sau đó. Quả thực là tôi đã trêu tức hẳn, nhưng tôi không thể nào làm khác. Tôi nghĩ khi nào người ta tuyển những nhà hòa giải thì tốt nhất là đừng có lấy tôi vào.

Tôi đón thêm một hành khách khác giữa Jackson và Montgomery, một sinh viên trẻ người da đen với khuôn mặt sắc sảo, với dáng vẻ và khí chất bồn chồn một cách dữ dội. Anh ta dắt ba cây bút máy trong túi ngực, còn túi bên trong của anh ta cộm lên bởi những tờ giấy. Tôi biết anh ta là sinh viên vì tôi có hỏi. Anh ta rất cảnh giác. Biển số xe và câu chuyện giữa chúng tôi làm anh ta thư giãn dù anh ta có vẻ chưa bao giờ thư giãn.

Chúng tôi thảo luận về các cuộc biểu tình ngồi. Anh ta đã tham gia chúng, và cả trong vụ tẩy chay xe buýt. Tôi nói anh ta biết những gì tôi đã thấy ở New Orleans.

Anh ta đã từng ở đó. Anh ta đoán được điều gì khiến tôi bị sốc.

Cuối cùng, chúng tôi nói về Martin Luther King^[148] và những rao giảng của ông về sự kháng cự thụ động nhưng không ngừng nghỉ.

“Nó quá chậm”, anh ta nói. “Nó mất quá nhiều thời gian”.

“Đã có những cải thiện, những cải thiện không ngớt, Gandhi^[149] đã chứng minh rằng đó là vũ khí duy nhất có thể giúp chiến thắng trước bạo lực”.

“Tôi biết tất cả những điều đó. Tôi đã nghiên cứu nó. Nhưng thành quả đạt được chỉ như những giọt nước. Tôi muốn nó nhanh hơn. Tôi muốn có hành động, hành động ngay bây giờ”.

“Điều đó có thể làm hỏng tất cả mọi thứ”.

“Tôi có thể trở thành một ông lão trước khi kịp thành người đàn ông. Tôi có thể chết trước đó”.

“Đúng vậy. Và Gandhi đã chết. Có nhiều người muốn hành động như anh không?”

“Có chứ. Ý tôi là, một số người... Ý tôi là, tôi không biết có bao nhiêu nữa”.

Rồi chúng tôi nói với nhau rất nhiều chuyện. Anh ta là một thanh niên sôi nổi và nói năng lưu loát với sự khẩn khoản và quyết liệt ở ngay dưới bề mặt. Nhưng khi tôi thả anh ta xuống ở Montgomery, anh ta chồm qua cửa sổ buồng lái và mỉm cười. “Đó chỉ là suy nghĩ ích kỷ thôi. Nhưng tôi muốn

thấy điều đó, tức thấy chính tôi – không chết. Đây! Tôi đây! Tôi muốn thấy điều đó – thật sớm”. Anh ta quay ngoắt lại, lấy tay chùi mắt rồi bước đi thật nhanh.

Với tất cả những cuộc bầu cử và thăm dò dư luận, với những tờ báo có nhiều ý kiến hơn tin tức khiến chúng ta không còn biết tờ nào với tờ nào nữa, tôi muốn một chuyện phải thật rõ ràng. Tôi không có ý định trình bày ra – cũng không có ý nghĩ rằng mình đã trình bày – mọi dạng lát cắt khiến độc giả có thể nói: “Ông ta tưởng mình đang trình bày bức tranh thực của miền Nam cơ đấy”. Không. Tôi chỉ nói lại những điều mà một vài người đã nói với tôi và những điều tôi đã thấy. Tôi không biết chúng có tiêu biểu hay không và từ đó có thể rút ra kết luận gì hay không. Nhưng tôi biết đó là một nơi có vấn đề và người dân đang mắc kẹt ở đó. Và tôi biết rằng giải pháp, khi xuất hiện, sẽ chẳng dễ dàng và đơn giản gì. Tôi có cùng cảm nghĩ với Ông Ci Gít rằng kết cục còn là điều chưa thể bàn tới. Đó là một cứu cánh – một sự bất định đáng sợ của cứu cánh.

Mở đầu bản tường trình này, tôi đã cố khai phá bản chất của các cuộc hành trình, chúng là chính chúng như thế nào, mỗi cuộc hành trình là cá biệt ra sao, và không hành trình nào giống như hành trình nào. Tôi đã bàn với ít nhiều sừng sốt về sức mạnh của tính cá biệt của các cuộc hành trình, và dừng lại ở định đề rằng người ta không “làm” cuộc hành trình mà cuộc hành trình “làm” người ta. Tuy vậy cuộc thảo luận này đã không đi vào đời sống của các cuộc hành trình. Nó có vẻ như còn dao động và không thể tiên liệu. Ai chẳng biết một cuộc hành trình có thể qua đi và chết trước cả khi người thực hiện nó kịp trở về? Điều ngược lại cũng đúng nốt: nhiều cuộc hành trình vẫn tiếp tục kéo dài sau khi sự chuyển động trong không gian và thời gian đã chấm dứt. Tôi nhớ có một người đàn ông ở Salinas, người mà vào tuổi trung niên đã đi du lịch đến Honolulu và quay trở về, và cuộc hành trình đó đã ở lại với ông ta trong suốt cuộc đời còn lại. Chúng ta có thể ngắm ông ta ngồi trong chiếc xích đu ở cổng trước nhà mình, đôi mắt lim dim, nửa nhắm nửa mở, chu du bất tận đến Honolulu.

Cuộc hành trình của chính tôi đã bắt đầu từ lâu trước khi tôi lên đường, và đã kết thúc trước khi tôi về nhà.

Tôi biết đích xác nơi đâu và khi nào nó kết thúc. Gần Abingdon, tại một khúc quanh của bang Virginia, vào lúc bốn giờ một buổi chiều lộng gió, không hề báo trước, không nói lời từ biệt và chẳng hôn đôi chân tôi, cuộc hành trình của tôi đã ra đi, bỏ tôi lại bơ vơ cách xa nhà. Tôi cố gọi nó về, cố níu giữ nó lại – một hành động ngốc nghếch và vô vọng, bởi lẽ nó đã dứt khoát và vĩnh viễn kết thúc. Con đường trở thành một dải băng bất tận, những ngọn đồi trở thành những chướng ngại, những ngọn cây xanh mờ nhạt đi, con người đơn giản trở thành những sinh vật biết di chuyển, tuy có đầu nhưng không có khuôn mặt. Và thức ăn dọc đường đều giống như món

súp, kể cả chính món súp. Giường tôi không được dọn. Tôi chui vào đó đánh những giấc ngủ dài với những độ cách quãng khác nhau. Lò sưởi không được bật và một ổ bánh mì nằm mốc meo trong tủ tôi. Những dặm đường cứ lẩn qua bên dưới một cách vô tri giác. Tôi biết trời đang lạnh, nhưng không cảm thấy lạnh. Tôi biết đồng quê hẳn rất đẹp, nhưng tôi không thấy gì. Tôi quờ quạng lủi xuyên qua Tây Virginia, lao vào Pennsylvania, lôi Rocinante vào con đường cao tốc thênh thang có thu tiền. Không đêm, không ngày, không khoảng cách. Lẽ ra tôi phải dừng lại để đổ đầy bình xăng, để tản bộ và cho Charley ăn, để ăn uống, để gọi điện, nhưng tôi không nhớ bất cứ việc gì cả.

Thật là kỳ lạ. Trước Abingdon, Virginia, tôi có thể tua ngược cuộc hành trình như tua ngược một cuốn phim.

Tôi hồi tưởng hầu như tất cả, từng khuôn mặt ở đó, từng ngọn đồi, ngọn cây, màu sắc, âm thanh, lời nói và từng khung cảnh nhỏ cũng sẵn sàng để diễn lại trong ký ức tôi. Sau Abingdon – không còn gì. Con đường trở thành một đường hầm xám xịt, bất tận và vô sự, nhưng ở cuối đường có một thực tế sáng chói: đó là vợ tôi, ngôi nhà của tôi, con đường của chính tôi, chiếc giường của chính tôi. Tất cả đều ở đó và tôi la lết hướng về nó. Nếu bạn nghĩ tôi đang tự cho phép một ảo giác về chuyến đi thì bạn giải thích sao đây khi chính Charley cũng biết rằng chuyến đi đã kết thúc? Ít ra nó cũng không phải là một kẻ mơ mộng, một kẻ giả tạo về tinh thần. Nó ngủ vùi, đầu gác lên đùi tôi, không bao giờ nhìn ra cửa sổ, không bao giờ nói “Phù”, không bao giờ thúc tôi dừng xe. Nó thực hiện những chức năng của nó như một kẻ mộng du, phớt lờ những đồng rác đầy hộp thức ăn. Nếu điều đó không đủ chứng minh sự thật những điều tôi nói thì không gì còn có thể chứng minh được nữa.

New Jersey là một khúc quanh nữa. Cơ thể tôi như lơ lửng trong chân không, không cảm xúc, không mệt mỏi. Dòng sông xe hướng về New York mỗi lúc một gia tăng đã cuốn tôi theo, và bất chợt là cái cuống họng biết bao trông đợi của đường hầm Holland và đầu bên kia đã là nhà.

Một viên cảnh sát vẫy tôi ra khỏi đoàn xe rong rảnh rồi ra hiệu cho tôi dừng lại. “Ông không thể vào hầm với bình khí bu-tan này”, ông ta nói.

“Nhưng thưa sĩ quan, nó đã được khóa lại rồi mà”.

“Cũng vậy thôi. Đó là luật. Không thể mang ga vào hầm”.

Bất chợt, tôi thấy rõ rồi, chỉ như muốn đổ sụp xuống trong kiệt quệ.

“Nhưng tôi muốn về nhà”, tôi rên rỉ. “làm cách nào để tôi về nhà đây?”

Ông ta rất tử tế với tôi, và cả kiên nhẫn nữa. Có lẽ ông ta cũng có một mái nhà ở đâu đó. “Ông có thể đi tới, qua lối cầu George Washington, hay ông đón phà cũng được”.

Lúc đó là giờ cao điểm, nhưng viên cảnh sát đôn hậu kia hẳn đã thấy khả năng gàn dở trong tôi. Ông ta chặn dòng xe hoang dại cho tôi qua và chỉ dẫn cho tôi rất ân cần. Tôi nghĩ ông ta rất mong lái xe đưa tôi về.

Thật là mâu thuẫn, tôi đã ở trên phà Hoboken rồi qua bên kia bờ, ở cách xa khu thị tứ với sự cuống cuồng hàng ngày của những người sử dụng phương tiện công cộng đang nhảy bám lên xe, đang chạy, đang lạng lách phía trước, không tuân thủ bất kỳ một tín hiệu nào. Mỗi tối là một Pamplona^[150] ở phía nam New York. Tôi rẽ một lần, rồi rẽ tiếp lần nữa, đi nhầm vào một con đường một chiều. Tôi phải lùi xe lại, để rồi bị nhốt giữa ngã tư bởi một dòng thác cuộn cuộn những người đang rẽ.

Đột nhiên, tôi tắt xe vào lề, ở một khu vực cấm đậu. Tôi tắt máy, ngả lưng ra ghế rồi bật cười thành tiếng và không sao dừng lại. Bàn tay tôi, cánh tay tôi và bả vai tôi bật rung lên cùng sự rung động của đường phố.

Một viên cảnh sát trông cổ lỗ với khuôn mặt đỏ ửng và đôi mắt xanh lạnh lùng cúi xuống tôi và hỏi. “Có chuyện gì vậy bồ tèo, xin rồi hả?”

Tôi nói, “Thưa sĩ quan, tôi đã lái cái xe này đi khắp đất nước, qua núi, qua đồng bằng, qua sa mạc. Và bây giờ tôi trở về thành phố nơi tôi sống... và tôi đã bị lạc”.

Ông ta vui vẻ cười. “Thường thôi mà bồ tèo”, ông ta nói. “Mới Thứ bảy vừa rồi tôi bị lạc ở Brooklyn đó. Bây giờ nói xem ông muốn đi đâu nào?”

Và đó là cách mà một người du lịch trở về lại ngôi nhà của mình.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA JAY PARINI

Trong lịch sử văn học Mỹ, hiếm thấy tác giả nào có những suy nghĩ kiên định về bản chất và số phận tổ quốc mình như John Steinbeck. Như Walt Whitman từng nói trong phần giới thiệu của ông cho tập thơ *Lá cỏ*,^[151] “Nước Mỹ về cơ bản là một bài thơ vĩ đại nhất”. Steinbeck dĩ nhiên đã tin vào điều này. Trong nhiều cuốn sách, bắt đầu bằng tuyển tập truyện đầu tiên *Những cánh đồng của thiên đường* (1932),^[152] ông đã làm nổi bật một hình ảnh đáng nhớ về đồng bào của mình trong môi trường sống tự nhiên của họ.

Tác giả hiển nhiên là một người viết tiểu thuyết nổi tiếng. Những cuốn tiểu thuyết như *Thị trấn Tortilla Flat* (1935),^[153] *Trong trận chiến mơ hồ* (1936)^[154], *Về Chuột và người* (1937),^[155] *Chùm nho phần nộ* (1939),^[156] *Phố Cannery Row* (1945),^[157] *Phía đông vườn địa đàng* (1952),^[158] và *Mùa đông bất mãn* (1961)^[159] đã trở thành một phần của ký ức tập thể lâu nay của nước Mỹ. Khởi đầu từ những phiên bản điện ảnh quy mô lớn dựa trên tiểu thuyết của Steinbeck vào đầu thập kỷ 1930 – như bộ phim kinh điển *Chùm nho phần nộ* của đạo diễn John Ford – một loạt phiên bản nhạc kịch khác đã xuất hiện, bao gồm một vở diễn Broadway của Rodgers và Hammerstein với cái tên *Ổng sáo trong mơ*,^[160] vốn dựa trên tác phẩm *Ngày thứ năm ngọt ngào* (1954),^[161] tiểu thuyết cuối cùng của Steinbeck với bối cảnh Monterey.

Vào thời điểm Steinbeck nhận được giải Nobel văn học vào năm 1962, chỉ có năm người Mỹ từng có được vinh dự này. Trong lễ nhận giải ở Stockholm, ông đã đọc một bài diễn văn đầy nhiệt huyết, trong đó ông phát biểu như sau: “Nhiệm vụ cổ xưa của các tác giả vẫn không thay đổi. Mỗi tác giả đều có nghĩa vụ vạch trần những lỗi lầm và thất bại đau buồn của chúng ta, lôi ra ánh sáng những giấc mơ đen tối và nguy hiểm với mục đích hướng đến sự cải thiện”. Từ khi bắt đầu sự nghiệp viết tiểu thuyết, ông đã chấp

nhận nghĩa vụ này một cách không do dự. Ông vạch trần những lỗi lầm và thất bại nguy hiểm của một quốc gia trong khi vẫn tôn vinh những phẩm chất tốt đẹp và cao quý nơi những công dân của nó.

Điều này cũng đúng khi nói đến các tác phẩm phi tiểu thuyết của ông, mặc dù các tác phẩm thuộc lĩnh vực này của Steinbeck rất ít được quan tâm. Trên thực tế, ông viết rất hay trong lĩnh vực này, và thường là với cùng một nhiệt huyết cho công lý xã hội mà ông vẫn đưa vào các tác phẩm tiểu thuyết của mình. Thật vậy, tác phẩm *Chùm nho phần nô* – chắc chắn là tác phẩm được ngưỡng mộ rộng rãi nhất của ông – vốn được bắt đầu bằng một loạt các bản phác thảo đăng trên tờ *San Francisco News*. Steinbeck đã đi thực tế với một cuốn sổ để ghi nhận hoàn cảnh sống của những người lao động nhập cư ở những khu bụi bặm miền Tây Nam. Hàng ngàn người dân nhập cư đã đến California với ước mơ một cuộc sống tốt đẹp hơn, nhưng rồi chỉ thấy bản thân họ bị bỏ rơi trong những trại tập thể dơ bẩn và chật chội, bị khinh rẻ bởi người dân bản xứ.

Lối kể đầy cuốn hút của Steinbeck về cuộc sống của một ngôi làng Mexico qua cuốn sách xuất bản năm 1941 với tựa đề *Ngôi làng bị lãng quên*^[162] (dựa trên một bộ phim tài liệu cùng tên mà Steinbeck viết kịch bản và sản xuất) đã tạo tiền đề cho tác phẩm sau này của ông *Hòn ngọc trai* (1947). Vô số những bài tiểu luận du hành và những bài góp ý của ông đã xuất hiện xuyên suốt các thập niên trên các tạp chí định kỳ như *The Saturday Review* và *Newsday*.

Từ trẻ, Steinbeck đã thích chu du. Ở tuổi hai mươi (khi ông tạm thời bỏ học trường Stanford vì điểm kém), ông đã suy nghĩ đến việc vượt Thái Bình Dương trên thuyền chở hàng giống như Jack London, thần tượng của ông. Kế hoạch viễn vông này đã không đi đến đâu. Nhưng ba năm sau, tức vào năm 1925, khi ông rời trường Stanford mà chưa có bằng đại học, ông đã lên một chiếc tàu hàng băng qua kênh đào Panama đến thành phố New York. Người vợ thứ ba của ông, Elaine Steinbeck, cho biết: “John đáng lý đã đến Paris, như Hemingway và Fitzgerald, nhưng anh không có tiền để làm chuyện đó”.

Trong thập niên kế tiếp, Steinbeck làm việc ở các công trường. Ông làm mộc và nhận một số việc vặt ở bất cứ nơi nào ông tìm được việc. Phần lớn thời gian, ông sống ở miền Trung California, gần Salinas – nơi ông được sinh ra năm 1902 và lớn lên trong một gia đình trung lưu. Dần dần, ông kiếm được một nguồn thu nhập từ viết lách nhờ xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên mang tên *Chiếc tách vàng*^[163] vào 1929 và đăng hàng loạt truyện khác nhau trên những tạp chí có tiếng toàn quốc như *Collier's* và *The Saturday Evening Post*. Nhưng chỉ đến khi *Thị trấn Tortilla Flat*, tác phẩm thứ tư của ông, thu hút được một lượng độc giả đáng kể và được Hollywood mua, ông mới bắt đầu kiếm được một số tiền đáng kể, đủ để chi trả cho các chuyến du hành đến bất cứ nơi nào ông muốn.

Người ta thường gắn Steinbeck với Monterey và thung lũng Salinas – những bối cảnh xanh tươi cho hầu hết các cuốn tiểu thuyết và truyện của ông. Dù vậy, trên thực tế, trong nửa cuối đời mình, ông sống chủ yếu tại thành phố New York và thường xuyên đi nước ngoài. Những địa điểm ưa thích của ông bao gồm Mexico, Pháp và Anh. Những ghi chép về các chuyến du hành của tác giả có thể được tìm thấy trong tác phẩm *Biển Cortez* (1941),^[164] vốn là một câu chuyện ẩn tượng về cuộc hành trình của ông trên con tàu đi dọc bờ biển Nam California đến Mexico.

Trong cuốn *Nhật ký nước Nga* (1948),^[165] ông cũng mô tả một chuyến du hành sâu vào lòng Liên bang Xô Viết với nhà nhiếp ảnh Robert Capa.

Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ được xuất bản năm 1962. Đó là tác phẩm cuối, và trên một số phương diện, cũng là tác phẩm mà Steinbeck hài lòng nhất trong số các ghi chép du hành của ông. Tác phẩm này tập hợp được một bức tranh phức tạp về nước Mỹ vào giai đoạn đầu của một thập kỷ đầy thăng trầm. Đây là tác phẩm của một nhà văn già dặn, đang trong giai đoạn cuối của một sự nghiệp văn chương dài. Nó cũng là bản điều trần cho một thế giới đã mất của tác giả. Ngoài ra, tác phẩm còn là một cuốn nhật ký thú vị, một bức tự họa của một người vốn không mấy hào hứng với việc viết tự truyện.

Đến năm 1960, Steinbeck ngày càng trở nên thất vọng về tổ quốc mình; Ông cho rằng chủ nghĩa tiêu thụ và vị kỷ đã trở nên phổ biến và đang phá

hủy những giá trị cộng đồng mà ông cho là vô cùng quan trọng đối với chuẩn mực đạo đức của tổ quốc mình. Trong lá thư gửi cho Adlai Stevenson (người đã hai lần thất bại trong tranh cử tổng thống và điều đó khiến Steinbeck cảm thấy vỡ mộng), ông đã than phiền về “sự vô đạo đức đáng ngờ” của nước Mỹ. “Vì quá giàu có về VẬT CHẤT”, ông nói “[người Mỹ] đang bỏ thời gian và tiền bạc ra ngồi trên ghế sa lông mà tìm kiếm một tâm hồn. Chúng ta thật là một giống loài kỳ lạ. Chúng ta có thể chịu đựng được mọi thứ Chúa và thảm họa Tự nhiên giáng xuống đầu, nhưng lại không chống chọi nổi sự dư thừa. Nếu tôi muốn tàn phá một quốc gia, tôi sẽ cho quốc gia đó sự thừa thãi, và quốc gia đó sẽ phải quỳ xuống trong khốn khổ, tham lam và bệnh hoạn”.

Vào năm 1960, ông đã hoàn thành cuốn tiểu thuyết cuối cùng của mình, *Mùa đông bất mãn*. Một thời gian đáng kể trong thập kỷ cuối đời mình, tác giả đã sống ở nước ngoài, tại Anh và Pháp. Ông cảm thấy như mình mất liên lạc với nước Mỹ và người Mỹ. Trong một lá thư gửi người bạn thân Frank Loesser, tác giả viết:

Vào mùa thu – ngay sau ngày lễ Lao động – tôi sẽ đi tìm hiểu về chính đất nước tôi. Tôi đã đánh mất các hương vị, âm thanh và cảm nhận về nó. Tôi đã không thấy đất nước mình nhiều năm nay. Bởi vậy! Tôi sẽ mua một chiếc xe bán tải với một căn hộ nhỏ gắn trên xe, tương tự như cabin của những du thuyền nhỏ, với giường, bếp, bàn làm việc, thùng đá, phòng vệ sinh – không phải là xe rơ-moóc, mà gần như xe khách. Tôi sẽ đi một mình, hướng về phía đông qua con đường phía bắc, nhưng sẽ đi lòng vòng qua vùng Trung Tây và các bang miền núi. Tôi sẽ tránh những thành phố, và chỉ đi qua những thị trấn nhỏ, các nông trại và trại chăn nuôi. Ở đó, tôi sẽ ngồi trong các quán bar, các quầy hamburger, và sẽ đi lễ nhà thờ mỗi Chủ nhật. Tôi sẽ đi dọc theo bờ biển [Bờ Tây] xuống phía nam từ bang Washington và Oregon, và sẽ đi xuyên qua vùng Tây Nam và miền Nam để quay trở lại Bờ Đông, nhưng luôn bằng đường vòng. Elaine thỉnh thoảng sẽ đi chung với tôi, nhưng tôi sẽ chủ yếu đi một mình, như một kẻ vô danh. Tôi chỉ muốn quan sát và lắng nghe. Tôi rất cần những trải nghiệm đó – một cuộc khám

phá lại đất nước của tôi – cũng như các cách nói chuyện, góc nhìn, những thái độ. Đáng lý ra tôi đã phải làm điều này từ lâu rồi – lâu lắm rồi.

Một phần sự cuốn hút mà cuốn tiểu thuyết giá trị nhất này của Steinbeck tạo ra là từ cảm giác gần gũi của tác giả đối với các cảnh quan thiên nhiên và nhân tạo, cũng như với các nhóm người thiết yếu cho các bối cảnh đó. Thực vậy, nhiều nhà phê bình đã cho rằng sức sáng tạo của Steinbeck đã giảm sút phần nào đó sau những năm 1930, và việc ông không còn sống California có liên quan đến sự suy nhược này. “Steinbeck đáng lý ra không nên rời khỏi California”, bạn ông Elia Kazan đã nhận xét một vài năm sau khi ông mất. “Nơi đó là nguồn cảm hứng của anh ấy”.

Chính Steinbeck cũng cảm thấy mối liên hệ với vùng đất và con người là rất quan trọng đối với một nhà văn như ông. Ông muốn chiêm ngưỡng phong cảnh tự nhiên, lắng nghe tiếng nói của những người đàn ông và đàn bà giản dị trong lúc họ làm việc và giải trí. Những trải nghiệm này là nguồn cảm hứng cho trí tưởng tượng của ông. Và khi thiếu chúng, ông cảm thấy bị trừu tượng hóa, bị cô lập, và trở nên nghèo nàn. Sau khi hoàn thành tác phẩm cuối của mình, Steinbeck rất cần được nghỉ dưỡng. Như Elaine Steinbeck đã nói: “Chuyến đi xuyên Mỹ chỉ đơn giản là một điều mà John phải làm. Và anh ấy phải làm điều đó một mình. Anh ấy muốn tự chứng minh mình không phải là một ông già, mình vẫn kiểm soát được cuộc đời, vẫn lèo lái được bản thân, và một lần nữa tìm hiểu được mọi thứ”.

Việc cho phép chồng thực hiện chuyến du hành như thế là rất khó khăn đối với Elaine. Không lâu trước đó, bà đã chứng kiến Steinbeck ngắt xiu ở Ý và Pháp. Ông cũng đã mắc một số căn bệnh mà sau này được nhìn nhận là những cơn đột quỵ nhẹ. Các ngón tay của ông bị tê dại và ông gặp khó khăn trong việc cầm nắm đồ vật; phát âm cũng không được mạch lạc nữa. Sức khỏe ổn định, vốn là một phần đặc điểm tuổi trung niên của ông, đã dần phai pha, dù ông chỉ mới 58 tuổi vào năm 1960.

Steinbeck đã chuẩn bị rất kỹ cho cuộc hành trình của mình bằng cách trang bị cho chiếc xe tải của ông những công cụ cắm trại tiện lợi nhất. Ông lấy tên “Rocinante” – tên con ngựa của nhân vật *Don Quixote* trong tác phẩm của văn hào Cervantes – để đặt cho phương tiện vận chuyển mới và

đầy ấn tượng của mình (“Tôi được tư vấn rằng cái tên Rocinante được sơn trên hông xe theo kiểu chữ Tây Ban Nha thế kỷ mười sáu sẽ gây tò mò và nghi vấn ở vài nơi. Chả biết có bao nhiêu người biết đến cái tên này, nhưng chắc chắn là đã chẳng có ai hỏi han gì về nó”).

Chuyến đi của Steinbeck đã bị hoãn lại vì cơn bão Donna, vốn đã quét qua và tàn phá bờ biển Đại Tây Dương mùa hè năm đó. Steinbeck diễn tả cơn bão một cách sống động trong những đoạn mở đầu của *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ*: “Gió ập tới vào lúc đã dự báo, xé mặt nước như xé tấm vải đen. Nó giông xuống như một quả đấm. Nguyên phần ngọn của một cây sồi đổ ụp xuống, sượt qua ngôi nhà gỗ nơi chúng tôi đang đứng quan sát. Đợt gió to kế tiếp làm bật tung một cái cửa sổ lớn của ngôi nhà gỗ”. Ông đã chứng kiến cơn gió xé toạc “đất và biển”.

Vào những năm cuối cuộc đời mình, ông đã sống ở Sag Harbor vào mùa hè. Vào thời đó, nơi này là một làng đánh cá bình dị trên Long Island. Sự gần gũi với biển cả làm ông nhớ đến Monterey, nơi ông đã trải qua những mùa hè khi còn nhỏ, và ông đã dành nhiều thời gian trên chiếc thuyền máy của mình. Chiếc thuyền này được ông đặt tên là *Fayre Eleyne* – một liên tưởng kép đến vợ ông, Elaine, và một nhân vật khác trong tác phẩm *Cái chết của Arthur*^[166] của Sir Thomas Malory – tác phẩm mà Steinbeck đã dịch ra tiếng Anh hiện đại không lâu trước đó.

Như Steinbeck đã kể, cơn bão đột nhiên giật phăng con thuyền ông yêu mến khỏi những mỏ neo. “Nó [con thuyền] bị lôi đi, cố chống trả hướng gió và bị xô tới một cầu tàu bên cạnh. Chúng tôi nghe được cả tiếng nó kêu réo khi thân của nó bị dồn nén vào những cây cọc bằng gỗ sồi”. Vào lúc đó, cơn gió đã vượt trên một trăm năm mươi km/h, và ngay cả những căn nhà cạnh bờ biển cũng đã bị đe dọa một cách nghiêm trọng.

Steinbeck đã cương quyết lao vào cơn bão để cứu con thuyền của mình, phớt lờ cả những phản đối của vợ. Vợ ông đã đuổi theo ông trong mưa gió và chứng kiến việc không tưởng khi ông lao vào dòng nước để bơi về phía con thuyền. Ông đã phải chiến đấu với những đợt sóng mạnh – một việc không đơn giản với một người có sức khỏe không tốt. Steinbeck, chỉ bằng quyết tâm không thôi, đã giải thoát được *Fayre Eleyne* và leo lên nó. May

cho ông là động cơ thuyền khởi động ngay lập tức và ông lái được nó về nơi an toàn trong vịnh để thả neo. “Và thế đấy”, Steinbeck viết “tôi đang ở cách bờ chín mươi mét với Donna gào thét ở bên trên như một bầy chó săn ria trắng”. Điều hiển nhiên đối với ông vào lúc đó là không có chiếc xuồng nào có thể băng qua vùng biển đang bị hoành hành này để đưa ông về, cho nên ông không còn sự lựa chọn nào khác là phải tự bơi vào bờ.

Một cành cây nổi ngang qua trên mặt nước vào lúc đó và ông đã nhảy theo nó. Cơn gió lúc đó cũng đang thổi vào bờ, cho nên tất cả những gì ông phải làm chỉ là bám vào cành cây và để nó đưa ông vào bờ. Không lâu sau đó, Elaine đã thấy đầu ông bập bềnh trên mặt nước. Chẳng mấy chốc, ông đã quay về bàn bếp với whisky trong tay và khăn tắm trên đầu.

Cuộc mạo hiểm nhỏ này được Steinbeck kể một cách đam mê, và nó tạo ra một giây phút chuyển đổi hoạt cảnh trong lời thoại lớn hơn của câu chuyện. Ở đây, ta có một người dẫn chuyện – một người hùng đã yếu đi nhưng vẫn đủ dũng cảm để lao lên phía trước, giải cứu một thứ rất thân thiết với mình dù đang mắc kẹt trong bão tố. Sự từ bỏ tuyệt đối – và một chút điên rồ – vốn tiềm ẩn trong việc lao vào sóng gió là một phần thiết yếu trong âm hưởng của cuốn sách. Tác giả đã có đức tin tuyệt đối vào khả năng của mình trong việc lao vào một hoàn cảnh, phán đoán tình hình, và làm đúng những gì cần làm. Ông tin rằng cuối cùng ông sẽ trở về với Elaine xinh đẹp của mình và cơn bão rồi sẽ qua đi.

Chuyến du hành mô tả trong *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* có thể xem là biểu tượng cho một hành trình hào hùng, một truyền thuyết mẫu mực vốn tạo ra một kiến trúc cốt lõi cho nhiều lời thoại văn học. Trong cái truyền thuyết truyền thống đó, một người hùng – cho dù đó là ai – đã từ bỏ nơi an toàn của mình, tiến vào nơi hoang dã (hoặc vực sâu) để thử thách bản thân qua những khó khăn. Trong quá trình thử thách này, người hùng hoặc sẽ khám phá tiềm lực phong phú của mình, hoặc sẽ được những quyền lực cao hơn trợ giúp. Bất cứ câu chuyện nào cũng không tránh khỏi một cuộc trở về để hoàn thiện một chu trình. Ý nghĩa ở đây là, khi trở về, người hùng sẽ trở nên mạnh mẽ vô biên nhờ vào những kiến thức có được từ cuộc hành trình

đầy gian khổ. (Truyền thuyết này là chủ đề nghiên cứu nổi bật của John Campbell trong tác phẩm *Người anh hùng với một ngàn khuôn mặt*^[167]).

Steinbeck khởi hành từ Sag Harbor vào buổi sáng ngày 23 tháng 9 cùng Charley, con chó xù giống Pháp cao kều và thân thiện. “Tôi còn nhớ lúc anh ấy đặt vấn đề đem theo con Charley”, vợ ông sau này kể lại “Anh ấy hỏi tôi một cách rụt rè, ‘anh muốn hỏi xin em một điều khá quan trọng. Anh có thể mang theo Charley được không?’. ‘Ý hay đó’, tôi đáp. ‘Nếu anh gặp vấn đề gì thì Charley sẽ tìm người giúp anh’. John nghiêm nghị nhìn tôi rồi nói, “Elaine à, Charley không phải là Lassie”.^[168]

Steinbeck đã lái xe theo hướng bắc đến Massachusetts, và ghé thăm John – đứa nhỏ nhất trong hai con trai của ông – tại trường Eaglebrook ở Deerfield. Từ đó, ông tiếp tục đi về phía bắc đến Vermont rồi sang hướng đông, băng qua *Những ngọn núi trắng* [White Mountains] của New Hampshire. Steinbeck viết: “Khí hậu nhanh chóng chuyển sang lạnh và cây cối bùng nổ muôn màu sắc, những sắc đỏ, sắc vàng mà bạn không thể tin nổi. Không chỉ là màu sắc mà còn là sự bùng sáng, tưởng chừng như lá cây đã nuốt lấy ánh sáng của mặt trời mùa hạ rồi từ từ nhả ra”.

D.H. Lawrence từng nhận xét rằng sự vĩ đại trong văn học thường liên quan đến cảm xúc đối với thiên nhiên của tác giả. Ông đã dẫn Shakespeare, Tolstoy và Hardy như những tác giả điển hình có năng lực cảm nhận thiên nhiên rất cụ thể. Điều đó có lẽ cũng đúng trong trường hợp Steinbeck. Điều đã làm cho các tác phẩm về California của ông có sức cuốn hút là sự quan tâm đến các chi tiết và cảnh sắc rất cụ thể. Cuộc sống của các nhân vật trong chuyện được gắn kết một cách mật thiết với nhịp điệu của thiên nhiên: thời tiết, địa lý, các mùa gieo trồng và thu hoạch. Điều khiến *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* trở nên dễ tiếp cận với ngay cả những người đọc bình thường nhất là sự gợi tưởng khéo léo về một thế giới tự nhiên, với những sắc màu và cảm nhận bề mặt của những chiếc lá, mùi đất nồng nàn, mùi nước mưa trên những vỉa hè, những tia nắng sắc ngọt xuyên chiếu qua những đám mây như những hàng cột. Thật vậy, hầu như trang nào trong cuốn sách này cũng đều thoáng một vài hình ảnh thiên nhiên trong sáng.

Điểm đến lớn đầu tiên của Steinbeck là Maine^[169]. Những khu rừng sơ khai và rậm rạp, dày đặc những cây thông Na Uy và những cây vân sam lông lá làm ông nhớ đến vùng Bắc California. Ông tiếp tục đi về hướng bắc, đến biên giới Canada. “Tôi muốn đến nóc nhà của Maine để khởi đầu cuộc hành trình của tôi trước khi rẽ sang hướng tây. “Ông viết “Điều này có vẻ như làm cho cuộc hành trình trở nên có tính toán, vì mọi thứ trên thế giới này đều phải được tính toán, nếu không thì tư duy của con người sẽ bác bỏ chúng”. Đây rõ ràng là lời của một người viết tiểu thuyết đang tìm kiếm một lời dẫn mạch lạc.

Dĩ nhiên, khi một người lạ đi qua một cộng đồng có tổ chức, người ấy tự nhiên sẽ gặp khó khăn trong việc làm quen với những con người sống và làm việc nơi đó. Steinbeck cũng không phải là ngoại lệ. “Tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng”, ông viết, “nếu một người khách vãng lai muốn nghe lỏm dân địa phương thì anh ta chỉ cần lạng lễ đi đến các quán bar và nhà thờ. Nhưng một số thị trấn ở New England lại không có quán bar, và nhà thờ thì chỉ mở cửa ngày Chủ nhật. Một giải pháp thay thế tốt là những quán ăn dọc đường, nơi người ta tụ tập dùng điểm tâm trước khi đi làm hoặc đi săn”.

Quả nhiên, những người dân kiếm lời của New England không nói năng nhiều với nhau trong lúc thưởng thức cà phê và bánh ngọt, như Steinbeck đã phát hiện. Ông dựa vào các đài phát thanh địa phương để khám phá những cảm nhận về cộng đồng con người: “Mỗi thị trấn vài ngàn dân đều có trạm phát thanh riêng, và nó soán vị trí của các tờ báo địa phương xưa cũ. Nhà đài thông báo về các cuộc ngã giá và buôn bán, các hoạt động xã hội, giá cả hàng hóa, các loại thông điệp”. Như mọi khi, Steinbeck luôn chú ý đến các trao đổi giữa người và người, và cuốn *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* chứa đầy những trao đổi đó.

Cứ cách một vài ngày, Steinbeck lại ghé vào một nhà trọ, không phải vì chiếc giường, mà là “để tắm nước nóng một cách xa hoa”. Về điểm này thì *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* có một số điểm tương đồng với *Lolita*, tác phẩm kinh điển của Vladimir Nabokov vào giữa thập niên 1950. Trọng tâm của cuốn tiểu thuyết này là nhật ký du hành của nhân vật Humbert. Humbert băng qua cả nước Mỹ, từ nhà trọ này đến nhà trọ khác, bằng xe kéo

với người tình Lolita xinh đẹp của mình. Những chi tiết lờ lợc trong lối sống của tầng lớp trung lưu - thấp được Nabokov đưa ra soi xét như con bướm dưới cây kẹp của nhà nghiên cứu bướm. Tương tự như thế, với Steinbeck, thứ văn hóa phổ thông của nước Mỹ đương đại được đem ra nhấm nháp: Kẹo phô-mai Thụy Sĩ, những cửa hàng bán vỏ trai rẻ tiền, các hàng Dairy Queen bên đường với những bể tắm quá khổ đặt ngay trước mặt tiền. Cái khung cảnh nhân tạo bèo bọt của quốc gia này được sẫm soi dưới cái nhìn thương cảm của Steinbeck.

Khi viết thư về cho Elaine vào đầu tháng 10, Steinbeck nói ông có đầy những “ấn tượng”. “Ấn tượng đầu tiên là về sự phung phí của chúng ta”, ông viết, “Chúng ta có thể xả chất thải hóa học xuống sông, xả cả chất thải đường ruột, nhưng mọi thị trấn vẫn cứ đầy ắp xe hơi, máy móc, và những căn nhà đồ nát. Nó y hệt như đêm Giáng sinh mà anh đã mô tả – những gói hàng được mở toạc rồi vứt đi lấy chỗ cho những gói hàng mới”. Không có gì ngạc nhiên khi các nhà bảo vệ môi trường nghĩ về Steinbeck như người ủng hộ lý tưởng của họ từ rất sớm, nhiều năm trước cả khi nó trở nên phổ cập. Steinbeck quả quyết rằng xả rác đầy nước Mỹ là tự sát. Ông ủng hộ việc tự kiểm chế và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ông cho rằng sự lãng phí mà ông thấy khắp mọi nơi xung quanh và việc thiếu quan tâm đến môi trường là một phần của nỗi bức xúc quy mô lớn đang bao trùm nước Mỹ.

Ông ghi nhận một cách hài hùng sự xuất hiện của các khuôn viên dành cho xe rơ-moóc ngoài rìa của hầu hết các thị trấn. Những người sống trong những căn nhà không gốc rễ dựng trên bánh xe hay những nền nhà tạm thời đã xuất hiện như những sinh vật xa lạ đối với ông. “Đây là những người đến từ sao Hỏa”, ông viết cho Elaine, “và anh muốn nhờ họ đưa mình đến gặp thủ lĩnh của họ. Họ không có óc hài hước, không có quá khứ, và tương lai của họ là những chuẩn mực mới”. Ông viết tiếp: “Nếu một lúc nào đó anh muốn tìm một đề tài mới thì kiểu di động này sẽ là một đề tài thú vị”. Thực vậy, đề tài về sự thiếu vắng gốc rễ đã trở thành một phần của *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ*.

Quá khứ và hiện tại tương tác với nhau trong đầu người lữ khách trong lúc ông tiếp tục chuyển đi của mình. Trong cuộc hành trình đó, ông thường

xuyên có những hồi tưởng, thường là về tuổi thơ và tuổi thanh niên của ông ở California. Ông viết: “Rất lâu trước đây, tôi từng sở hữu một trang trại nho nhỏ ở núi Santa Cruz tại California. Ở một chỗ nọ, khu rừng những cây madrone khổng lồ phủ tán lên một hồ trên núi thực thụ, một hồ nước đen nháy. Nếu như có một địa điểm ma ám nào đó thì đích thị là nơi này. Về ma quái của nó đến từ ánh sáng leo lét lọt qua những khóm lá và nhiều khung cảnh rợn người”. Dĩ nhiên, tương phản lại, người Mỹ mới luôn “tìm thấy sự thách thức và tình yêu của mình ở những con đường nghẹt thở, ở những khung trời đầy sương khói, ngọt ngào bởi những thứ a-xít mà nền công nghiệp thải ra, ở những tiếng rít của bánh xe và ở những ngôi nhà nằm san sát nhau... trong khi các làng mạc nhỏ thì cứ héo hắt và chết dần chết mòn”. Thực vậy, đây là một bản cáo trạng khủng khiếp cho cái gọi là sự tiến bộ.

Những khía cạnh hư cấu của *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* có thể nhận thấy trên hầu hết các trang sách, chủ yếu là ở cách tác giả dùng những mẫu thoại. Steinbeck đã cung cấp hàng loạt cuộc gặp gỡ giữa người và người, tạo ra những nhân vật và những cuộc đối thoại như bất cứ một nhà viết tiểu thuyết nào vẫn thường làm. Chẳng hạn, khi ông vượt biên giới Canada gần thác Niagara, ông đã có cuộc trao đổi thú vị và hài hước với một nhân viên hải quan. Cuộc trao đổi này có thể dễ dàng viết thành một tập truyện ngắn. Thật vậy, cuộc đàm thoại đó trải dài nhiều trang, có phần mở đầu, phần giữa và phần kết. Hàng loạt những bối cảnh tế nhị tiếp nối nhau với phong cách tiểu thuyết Picaresque^[170] mà Cervantes đã sáng tác ra, và có lẽ cũng là hợp lý khi người lái chiếc xe tải mang tên Rocinante hiện diện trong một cuộc đối thoại mang tính chất tương tự.

Ngay từ đầu cuộc hành trình, Steinbeck đã tránh những xa lộ lớn, “những làn đường lớn tốc độ cao bê tông nhựa” ngang dọc khắp đất nước. Có lẽ vì lý do đó mà ông đã lang thang khắp New England, nơi mà trạm thu phí cầu đường là những thứ xa lạ. Những con đường nhỏ, hay thậm chí đường đất, được ông ưa thích hơn gấp ngàn lần: cảnh quan trên những con đường này đẹp hơn, và chúng mang âm điệu của một thời kỳ đã qua. Nhưng Mỹ là một lục địa khổng lồ, và Steinbeck cuối cùng cũng không còn lựa chọn nào khác, đành phải tìm một xa lộ lớn. Cuối cùng, ông đã phải đi lên Quốc lộ 90, vốn

đi xuyên qua các bang Ohio, Michigan, và Illinois, nơi ông nhận thấy một sự thay đổi trong thái độ của con người. “Tôi chưa từng nghĩ, dù chỉ một giây, rằng những người mà tôi gặp và trò chuyện ở New England là thiếu thân thiện hay bất lịch sự”, ông viết, “nhưng họ nói năng rất cộc lốc và thường là đợi cho người mới đến mở lời trước”. Ở vùng Trung Tây, người lạ có thể nói chuyện với nhau thoải mái, mà không hề có sự dè dặt như ông thấy ở vùng Đông Bắc.

Với ít nhiều hốt hoảng, Steinbeck nhận thấy rằng sự đặc trưng đa dạng trong các văn hóa ngôn ngữ địa phương mà ông vẫn nhớ trong những chuyến du lịch xuyên Mỹ của ông vào thập niên 1920 và 1930 đang dần biến mất, hoặc đã mất hẳn rồi. “Bốn mươi năm phát thanh và hai mươi năm truyền hình hẳn đã có tác động”, ông kết luận. Có lẽ là không thể tranh khỏi, một thứ ngôn ngữ quốc gia đang thế chỗ những sắc thái uyển chuyển của ngôn ngữ địa phương. “Là người yêu từ ngữ và những khả năng bất tận của ngôn từ, tôi thấy buồn vì cái sự không tránh khỏi này”, ông viết. Sự biến mất của những thành ngữ đầy màu sắc, của những nhịp điệu trong ngôn ngữ đàm thoại địa phương, và những cách chơi chữ đặc thù đã làm cho ông cảm thấy bị xúc phạm một cách sâu sắc. Ông ghét cái khái niệm về một “ngôn ngữ quốc gia, được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn một cách vô vị”.

Sau một chuyến tham quan ngắn đến Chicago, nơi Steinbeck đoàn tụ với Elaine (vốn bay đến từ phía đông để gặp ông), ông lại đi một mình về phía tây, băng qua bang Wisconsin (“bang đẹp nhất tôi từng thấy”) và bang Minnesota. Ở bất cứ nơi nào, ông cũng đều lắng nghe, hỏi han và khi ông tìm thấy một cơ hội nào đó, ông lại tiếp tục lắng nghe. Hàng đêm, khi nằm trong một nhà trọ hoặc rúc vào chiếc Rocinante, ông đều tái dựng lại cuộc hành trình ban ngày của mình, những quang cảnh ông chứng kiến, những con người ông đã gặp và những sự việc diễn ra trên đường đi. Từ những trang ghi chép có tính chất nhật ký này, ông dựng ra cuốn sách, vốn không có tựa đề cho đến khi ông gọi điện về nhà từ một chiếc điện thoại trả tiền và nghe Elaine đề xuất tựa đề *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ*, tương tự như tựa đề cuốn *Những chuyến du hành với con lừa*^[171] của Robert Louis Stevenson, một trong những cuốn sách ông ưa thích.

Steinbeck tránh xa những khu du lịch phổ biến trên hành trình của mình, dĩ nhiên với thác Niagara là một ngoại lệ. Thỉnh thoảng, ông tìm đến những nơi có sức thu hút đối với cá nhân ông, như nơi sinh của Sinclair Lewis ở Sauk Centre, bang Minnesota. Ở bất cứ nơi đâu ông dừng chân để quan sát xung quanh, ông đều tìm cách bắt chuyện với những người sống ở đấy. Ông muốn biết nước Mỹ nghĩ gì. Thật không may là, ông đã nhanh chóng đi đến niềm tin rằng trong đầu của một công dân Mỹ bình thường chẳng có gì đáng kể. Ở bờ đông sông Mississippi, những cuộc đàm thoại ông nghe được chủ yếu là về bóng chày; ở phía tây sông Mississippi, chủ đề các cuộc trò chuyện lại là săn bắn. Mặc dù lúc bấy giờ đã là mùa thu của một năm bầu cử – Kennedy tranh chấp với Nixon – ông chẳng nghe thấy một cuộc tranh luận chính trị sôi nổi nào ở bất cứ nơi đâu. Càng đi thông thả về California, ông càng thất vọng về mọi thứ ngoại trừ thế giới thiên nhiên.

Trên thực tế, trong lúc ông đi về phía tây, Steinbeck ngày càng trở nên trữ tình hơn trước những khía cạnh thanh cao của thiên nhiên. “Tôi lái xe băng qua ngón tay cái giường lên của Idaho, vượt qua những dãy núi cao hun hút, dày đặc những ngọn thông và ngập sâu trong tuyết”, ông viết. Giọng văn của ông ngày càng trở nên tươi tắn và đầy âm sắc khi ông đến bang Oregon và hướng về phía nam, vào vùng đất của những khu rừng gỗ đỏ. “Tôi ở hai ngày cạnh cơ thể của những người khổng lồ”, ông nói với hàm ý diễn tả những cái thân cây to lớn của tuổi thơ:

Nơi đây là sự im lặng của một thánh đường. Có thể lớp vỏ dày và mềm đã hấp thụ âm thanh để tạo ra sự im ắng. Những ngọn cây vươn cao đến tận thiên đình: không có một chân trời nào phía trên. Bình minh đến sớm và vẫn mãi là bình minh cho đến khi mặt trời lên cao. Rồi những tán lá giống của cây dương xỉ kéo dẫn ánh nắng ra thành một màu vàng xanh và phân bố nó thành những luống, đúng hơn là những dải xen kẽ giữa ánh sáng và bóng râm. Khi mặt trời đi qua thiên đình thì buổi chiều bắt đầu, rồi nhanh chóng là buổi tối với sự nhá nhem, xào xạc chẳng khác gì ban mai.

California mang đến những vấn đề đã được dự kiến. Khu vực bờ biển Steinbeck từng biết rõ nay chỉ gói gọn trong hoài niệm một thời của nó, cũng như hồi ức về những gì ông đã trải qua nơi đây. Ký ức đã bóp méo

khung cảnh hiện tại, và mỗi hình ảnh nổi lên đều trở thành một bức tranh hỗn độn: một bức họa được vẽ chồng lên bởi một bức họa khác. Ông bàng hoàng trước sự thiếu vắng rõ rệt những nét kiến trúc cụ thể và đặc thù, chỉ thấy những căn nhà hộp, nhà nào cũng giống như nhà nào, đứng san sát nhau từ dãy này sang dãy khác. Ông cảm thấy khó chịu khi thấy những ngọn đồi hoang, nơi chó sói đồng cỏ từng ca hát, nay đã bị san bằng, và các đài truyền hình nay phát đi những hình ảnh đầy căng thẳng đến hàng ngàn ngôi nhà tí hon “nằm chụm nhau như đám bọt bên đường”. Bức tranh toàn cảnh làm người ta rất phiền muộn.

Tình hình trở nên xấu hơn khi ông đến hạt Monterey, cảnh quan mơ ước của ông. Ông đã ghé thăm các chị em của mình, và họ đã tranh luận về chính trị một cách gay gắt. Thật vậy, cuộc nói chuyện trong lúc ăn tối trở thành những tranh cãi vớ vẩn về tính cách và các giá trị đạo đức bất thường của Kennedy và Nixon, “Cậu nói cứ y như cộng sản ấy”, bà chị gái của ông đã la lên. “Vâng. Còn chị thì nói nghe chẳng khác gì Thành Cát Tư hãn cả”, ông cãi lại.

Khi đến chính Monterey, ông giật mình khi thấy một trong những rạp chiếu phim đã được đổi tên thành Rạp hát John Steinbeck. Ông đã trở thành, trên thực tế, công viên giải trí của chính mình và điều này làm ông vô cùng tức giận. “Tom Wolfe đã nói đúng”, ông phản ứng. “Bạn không thể quay về nhà bởi vì cái gọi là nhà đã không còn tồn tại nữa ngoại trừ trong những mớ meo của ký ức”. Một cách khôn ngoan, Steinbeck đã nhanh chóng rời bỏ vùng đất quê nhà của ông, bỏ lại “cái quá khứ vĩnh hằng và bất biến nơi mà mẹ tôi vẫn đang bắn con mèo hoang và cha tôi vẫn đang khắc tên mình và tên người ông yêu”. Trong một khoảng khắc chua cay, lúc đang trốn chạy khỏi Monterey, Steinbeck nói rằng ông ước gì có thể nói mình đã đi tìm sự thật về người Mỹ và đã tìm ra. Nhưng ông không ngây thơ như thế; ông hiểu rằng không có một “sự thật” nào có thể được phát hiện. “Từ lâu lắm rồi tôi đã phát hiện trong lúc sưu tập và phân loại các sinh vật biển rằng thứ mà tôi tìm ra luôn gắn bó chặt chẽ với cảm xúc của tôi vào lúc đó. Hiện thực bên ngoài suy cho cùng cũng không hẳn là nằm bên ngoài”.

Ở đây, Steinbeck trò chuyện với một phong cách rất đương đại, gần như mang âm hưởng của dòng tư tưởng hậu kết cấu^[172]. Ý tưởng cho rằng sự khách quan luôn luôn bị bóp méo chỉ đơn thuần bởi cách diễn đạt – và bởi thực tế là mỗi người chỉ có một góc nhìn duy nhất – hiện diện xuyên suốt trong ghi chép du hành của ông, và khiến cho tất cả những kết luận của Steinbeck chỉ mang tính phỏng đoán, đúng như chủ ý của tác giả. “Mảnh đất không lồ này”, ông viết, “dân tộc hùng mạnh bậc nhất này, cái hạt giống của tương lai này hóa ra chỉ là một thế giới vĩ mô của cái tôi vi mô”.

Một trong những yếu tố tương phản trong *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* xuất hiện ngay vào thời điểm này: “Từ khi bắt đầu cho đến lúc kết thúc tôi đã không tìm thấy bất cứ ai xa lạ”, ông viết. “Nếu tôi đã tìm thấy, có lẽ tôi đã có thể viết về họ một cách khách quan hơn. Nhưng những người này là đồng bào tôi và đây là tổ quốc tôi. Nếu tôi tìm ra thứ để chỉ trích và phàn nàn thì những thứ này cũng là những khuynh hướng vốn tồn tại trong tôi”. Với những lời nhận xét gửi Elaine về “những người sao Hỏa” sống trong các công viên xe kéo, và với lời phê bình khắc nghiệt của ông về cái cảnh quan công nghiệp hóa hoang tàn trải dài từ bờ này sang bờ kia đất nước, người ta buộc lòng phải định hình và ca tụng “dân tộc của ông” một cách đầy hoài nghi. Đây là điểm yếu của Steinbeck, sự đa cảm của ông vẫn xuất hiện đây đó. Đáng lý ra, theo ý tôi, ông ấy đã có thể làm tốt hơn nếu giữ vững tính độc lập và nói “Tôi không biết những người này”.

Ông đã làm y như vậy ở Texas, nơi ông đã đến trong chương cuối của cuốn sách. Do vợ ông, Elaine, là người gốc Texas, Steinbeck hiểu rằng ông không thể tránh khỏi cái bang rộng lớn và phức tạp đó, ngay cả khi ông muốn tránh. Ông đã đến đó đúng lúc để dự lễ Tạ ơn với gia đình vợ ông, ở gần Amarillo. Ông hiểu rất rõ những thử thách ông phải đối mặt ở phần ghi chép du hành này của mình. “Các tác giả thường gặp khó khăn với Texas, và thường nhận ra rằng họ đang đi lòng vòng trong những nhận xét chung chung, và tôi cũng không phải là ngoại lệ. Texas là một trạng thái tâm hồn. Texas là một sự đam mê. Trên hết, Texas là một quốc gia theo đúng nghĩa đen của từ này”.

Bất chấp tất cả những thử thách đó, ông đã viết rất hay về Texas, về những nét đặc trưng của con người và cảnh quan của bang này với âm điệu quen thuộc và một trí tưởng tượng tinh tế. Ông đã định nghĩa nó với những nét tương phản nổi bật:

Những bình nguyên khắc nghiệt trải đến tận chân trời của Panhandle là hoàn toàn xa lạ với những ngọn đồi nhỏ rợp cây và những dòng suối ngọt ngào ở rặng Davis. Những vườn quýt xum xuê của thung lũng sông Rio Grande không hề liên quan gì đến những cánh đồng ngải đắng ở miền Nam Texas. Không khí nóng ẩm của vịnh Gulf Coast không hề giống với không khí giá lạnh của vùng Tây Bắc Panhandle. Và thủ phủ Austin trên các ngọn đồi của nó, giữa những hồ nước bao quanh, có lẽ là cả một thế giới khác so với Dallas.

Texas là nơi mà các vấn đề tuyến tiền liệt của Charley, vốn thỉnh thoảng vẫn xuất hiện trong suốt cuộc hành trình, đi vào giai đoạn nguy cấp, và chú chó đã được chăm sóc bởi một viên thú ý dịu dàng. Sau khi vấn đề này được giải quyết, chú chó mới khỏe lại và chủ của nó lại tiếp tục đi đến New Orleans, địa điểm lớn cuối cùng của chuyến đi. Steinbeck viết:

Hồi tôi vẫn còn ở Texas, vào cuối thập niên 1960, sự kiện được báo chí viết bài và đăng ảnh nhiều nhất là vụ hai em bé da đen nhỏ xíu trúng tuyển vào một trường học ở New Orleans. Phía sau những sinh linh bé bỏng và đen đúa này là quyền năng và quyền lực của pháp luật. Cả cán cân lẫn thanh kiếm đều đứng về phía các em bé, trong khi chống lại chúng là ba trăm năm sợ hãi, giận dữ, và nỗi kinh hoàng của sự thay đổi trong một thế giới đang đổi thay.

Một nhóm phụ nữ đáng khinh bỉ – những “bà mẹ” da trắng, nếu từ này cần dùng cho bối cảnh đó – tụ tập hàng ngày để chế nhạo trẻ da đen lúc các em vào trường và sau khi tan học. Họ được báo giới biết đến, một cách mỉa mai, như là những Người cổ vũ (Cheerleader), và Steinbeck đã muốn tận mắt chứng kiến cái cảnh đấy. Đối với ông, việc con người có thể hành động như vậy là không thể hiểu nổi. Giả danh một người Anh đến từ Liverpool, ông trà trộn vào cái nhóm người vẫn tụ tập hàng ngày trước cửa trường học. Một người lái taxi giải thích với ông rằng nguồn gốc của tất cả những rắc rối

này bắt nguồn từ bọn Do Thái ở New York. “Bọn Do Thái hả? Họ gây rắc rối ra sao vậy?”, ông hỏi người đàn ông đó, và ông này trả lời, “Bọn Do Thái chết tiệt ở New York bỗng dưng nhào vô, dựng bọn mọi đen (nigger) dậy”. Người lái xe này còn đề nghị hành hình những người Do Thái gây rối, trước sự ngạc nhiên và kinh tởm của Steinbeck.

Vào cuối ngày hôm đó, khi người ta hỏi có phải là ông đang đi du lịch để giải trí hay không, ông trả lời: “Trước ngày hôm nay thì đúng là như vậy”. Bộ mặt trơ trẽn của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, được thể hiện qua những Người cổ vũ, làm ông trĩu nặng bởi “sự kinh tởm đầy ngán ngẩm”. Những trải nghiệm tuổi thơ của ông đối với người da đen ở California rất khác với cái trải nghiệm này; Ông chỉ biết, như ông đã nhớ, những người [da đen] tốt bụng và ân cần, không phải những kẻ lừa nhác như được rêu rao bởi bọn kỳ thị chủng tộc mà ông đã gặp ở đoạn cuối kém vui của cuộc hành trình này.

Ở một đoạn ngắn đầy xúc động, trong lúc ông đang vội vàng trở về nhà mình ở Sag Harbor, tại Alabama, Steinbeck đã đón một người da đen đi nhờ xe, một thanh niên. Họ trò chuyện về Martin Luther King, Jr., và những “lời dạy của ông về sự kháng cự bị động nhưng quyết liệt”. Hiển nhiên là Steinbeck ủng hộ cách tiếp cận của King, và ông đã sốc bởi ý kiến của người thanh niên ấy: “Nó quá chậm”, anh đã nói với Steinbeck một cách sỗ sàng. “Nó mất quá nhiều thời gian”.

Thời điểm đó trên thực tế là một năm đặc biệt có tính bước ngoặt để Steinbeck bắt đầu một cuộc hành trình như thế, vì cả nước Mỹ đang đứng trên bờ vực của một sự thay đổi nhận thức phi thường. Phong trào Dân quyền đang lăm le làm thay đổi những cách thức mà nước Mỹ tự nhìn nhận chính mình, và ngay cả Steinbeck – trong vai trò là một Nhà thông thái – cũng chưa sẵn sàng để đối mặt với hậu quả của những thay đổi này. Ông hiểu rằng sự ngây thơ của thập niên 1950 chỉ dựa trên những mặc định cố hữu về giai cấp và ranh giới sắc tộc, nhưng ông đã không dám nhìn quá xa về tương lai. Cuối cùng, ông đã từ bỏ những dòng tiên tri vốn đã có thể đưa *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* lên một tầm cao mới, không chỉ đơn thuần là một cuốn sách du hành thu hút và quyến rũ.

Vào lúc này Steinbeck đang vội vã quay về nhà ở Sag Harbor, kiệt quệ bởi bốn tháng chu du. Ông đã mong là mình có thể cạnh tranh được với Don Quixote, “kẻ cho rằng có cái gì đó chính đáng và hợp lý – vừa để gia tăng danh tiếng của mình, vừa để phục vụ quốc gia – trong việc trở thành một hiệp sĩ lang thang và chu du khắp thế giới với con ngựa và bộ giáp để tìm kiếm những cuộc phiêu lưu. Ông theo đuổi bằng mọi giá cách hành xử của người hiệp sĩ lang thang mà ông đã đọc, chỉnh sửa tất cả những hành xử sai trái, và phơi mình ra trước những vận may và hiểm nghèo mà qua đó người hiệp sĩ có thể đạt được danh dự và tiếng tăm để đời”. Cuối cùng, Steinbeck đã không làm nhiều những chuyện đó, mặc dù cuốn sách – vốn được đón tiếp một cách nồng nhiệt bởi giới phê bình và đã trở thành một trong những tác phẩm bán chạy nhất ngay sau khi xuất bản – cũng làm gia tăng danh tiếng của tác giả trên bình diện nào đó.

Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ cho phép người đọc gần gũi hơn với John Steinbeck, mặc dù ông vốn đã là một tác giả của công chúng. Thật vậy, sau hơn mười một tuần chu du cùng tác giả và chú chó thân thiện của ông, người ta có thể cảm thấy ông là người bạn đồng hành và tiếc nuối khi chuyến du hành đi đến hồi kết. Sẽ là lý tưởng hơn nếu như cuốn truyện du hành này được đọc cùng với những lá thư Steinbeck gửi về nhà cho vợ ông trên đường đi (một tuyển tập khá hoàn chỉnh những lá thư này có thể tìm trong cuốn *Steinbeck: Một cuộc đời trong những lá thư*,^[173] biên tập bởi Elaine Steinbeck và Robert Wallsten và được xuất bản năm 1975).

Chiêm nghiệm lại cuộc hành trình của mình trong một lá thư viết cho Pat Covici, biên tập viên của ông, Steinbeck nói:

Trong tất cả các chuyến du lịch của tôi, tôi đã thấy rất ít sự nghèo đói thực sự, ý tôi là cái xác xơ và kinh hoàng của thập niên 1930. Những thứ đấy ít ra là còn mang tính thực tế và hữu hình. Không, đó đã là một căn bệnh, một loại bệnh lãng phí. Tôi thấy những ước mơ nhưng không thấy những hoài bão. Và bên dưới tất cả những thứ đó là một loại năng lượng đang hình thành như tử khí trong xác chết. Khi nó nổ tung, tôi run sợ nghĩ về kết cục của nó. Lần này qua lần khác, tôi nghĩ ra chúng ta thiếu những áp lực vốn làm cho con người mạnh mẽ và nổi thống khổ vốn làm con người trở nên vĩ

đại. Áp lực bây giờ là nợ nần, những mong muốn thì lại hướng về những thứ đồ chơi vật chất và sự thống khổ ngày nay là sự buồn chán. Qua thời gian, cái quốc gia này đã trở thành một vùng đất đầy bất mãn.

Mặc dù *Tôi, Charley và hành trình nước Mỹ* chứa đầy những đoạn truyện kỳ dị, sự quyến rũ, những mô tả cảnh quan thiên nhiên giàu âm điệu, bên dưới cái bề mặt đó là một cảm giác thất vọng mà cuối cùng lại biến thành sự phản nộ. Steinbeck chưa bao giờ dám tự mình nói rằng ông thường cảm thấy ghê tởm bởi những thứ ông đã thấy trong cuộc hành trình của mình, nhưng cuốn sách vẫn để lại ấn tượng đó nơi người đọc. Thật vậy, khi người đọc đặt sách xuống, họ sẽ nhận thức rõ hơn về tính tiên tri của cuốn sách này, và cái cách mà nước Mỹ sẽ phải tiếp tục vật lộn với những vấn đề được đề cập qua từng trang sách.

• Chú thích •

[1] Xe bán tải: Pick-up.

(Tất cả chú thích trong sách là của người dịch.)

[2] Nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên của văn hào Tây Ban Nha Miguel de Cervantes. Don Quixote là nhân vật dở dở ương ương, một mình chống lại cối xay gió.

[3] Nguyên văn poodle, một loại chó có lông dày và quăn, tai dài và cụp, bộ lông thường được cắt tỉa, tạo hình theo nhiều kiểu khác nhau.

[4] Le chien trong tiếng Pháp là con chó.

[5] Một kiểu giày ủng có nguồn gốc từ Anh.

[6] Loại giày bằng da hươu và các loại da mềm khác, có xuất xứ từ người da đỏ ở Canada, kiểu dáng như giày da lộn mà ở ta hay gọi là “giày lười”.

[7] Thường chỉ người miền Bắc nước Mỹ hay cụ thể hơn là người New England.

[8] Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô từ năm 1953 đến 1964.

[9] Looking egg. Trước đây, một trong các dạng trứng Phục Sinh là trứng thật – trứng gà, vịt, hay ngỗng – nhưng tháo hết lòng đỏ và trắng bên trong, thay bằng một hình ảnh nào đó. Qua lỗ kim ở một đầu trứng có thể thấy hình ảnh này.

[10] Nhà viết tiểu luận, nhà thơ kiêm chính trị gia người Anh thời kỳ cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18.

[11] Nghệ sĩ viô-lông-xen nổi tiếng người Tây Ban Nha, sinh năm 1876, mất năm 1973.

[12] Tiếng La tinh, có nghĩa:

“Suy nghĩ của ông ta không tạo ra lửa trước rồi khói sau,
Nhưng từ khói nó giúp cho ánh sáng lọt qua để khai sáng những người bảo trợ cho ông ta.”

Horace được xem là “nhà thơ của thế kỷ vàng trong văn học La Mã”. Ông sống từ năm 65 đến năm 8 trước Công nguyên.

[13] Viết tắt Young Men’s Christian Association, tức Hiệp hội Thanh niên Cơ đốc, một tổ chức liên giáo phái quốc tế kết nạp rộng rãi giáo phái các

quốc gia. Đây là lối nói ẩn dụ, ngụ ý là chiếc túi rất rộng.

[14] Một loại tàu ngầm rà ngư lôi của Đức Quốc xã.

[15] Một giống chó có nguồn gốc Trung Âu.

[16] 13 thuộc địa của Anh được thành lập ở bờ Đại Tây Dương của Bắc Mỹ và tồn tại hơn 100 năm, từ 1607 đến 1733. Đây là những bang đầu tiên và lâu đời nhất của nước Mỹ.

[17] Ở đây có lẽ tác giả đề cập đến bốn gương mặt tổng thống Hoa Kỳ được tạc vào khối đá granite trên núi Rushmore, với ám chỉ khuôn mặt của ông sĩ quan này uy nghi hay cứng rắn như tượng đá.

[18] Một hòn đảo ở biển Ai-len.

[19] Thuộc Canada.

[20] Hạt đậu có nguồn gốc từ Nam Mỹ.

[21] Đây là một điển tích trong Kinh Thánh. Jacob là giáo trưởng thứ ba của người Hebrew và được xem là ông tổ của người Israel.

[22] Nhà thám hiểm người Mỹ Robert Edward Peary.

[23] Một dân tộc ở Bắc Phi từng tiến hành nhiều cuộc chiến xâm lược khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Danh tướng Hannibal từng tấn công vào bán đảo Ý, đe dọa đế chế La Mã.

[24] Uyển ngữ của “By God”, tức “Nhân danh Chúa”.

[25] Tiếng Pháp, có nghĩa là “Thế là xong!”

[26] Nhà lưu động.

[27] Tiếng Pháp giả cầy, có nghĩa “Thưa các ông các bà. Tôi xin đem đến cho quý vị một kỷ niệm đẹp về nước Pháp – đặc biệt là vùng Charente”.

[28] Chúc sức khỏe.

[29] Con của nước Pháp, Chết vì tổ quốc.

[30] Napoleon thất bại ở Moscow và quân Đức thất bại ở Stalingrad đều một phần vì cái lạnh.

[31] Một biệt danh ám chỉ người nhòm lén qua lỗ khóa. Nó xuất phát từ một huyền thoại về nàng Godiva, theo đó một người đàn ông tên Tom ngắm lén nàng khỏa thân, kết cục là bị mù và chết.

[32] Thành phố cổ kính ở Đông Âu, nay là thủ đô của Cộng hòa Séc.

- [33] Chỉ bang New York. Empire: Đế chế.
- [34] Chỉ bang New Jersey. Garden: Vườn.
- [35] Chỉ bang New Hampshire. Granite: đá gra-nít.
- [36] Nhà văn Hy Lạp cổ đại, tác giả của các trường ca Iliad và Odyssey.
- [37] Nhà văn Mỹ.
- [38] Thầy tu và người viết sử biên niên, người được cho là đã dựng lên câu chuyện về vua Arthur của nước Anh.
- [39] Tổng thống thứ 34 của Mỹ giai đoạn từ 1953 đến 1961.
- [40] Thành phố trên đảo Crete – đảo lớn nhất của Hy Lạp – nơi có một cung điện cổ với những hành lang như mê cung.
- [41] Chỉ cờ Anh.
- [42] Chỉ cờ Mỹ.
- [43] Mật vụ Đức Quốc xã.
- [44] Drive-in movie – bãi chiếu phim dành cho những người đi xe, có thể lái xe vào và ngồi trên xe xem phim.
- [45] Tổng thống thứ 16 của nước Mỹ, giai đoạn 1861-1865.
- [46] Một loại whisky chưng cất ở Boston, Kentucky.
- [47] Một loại thuốc chống thuốc rối loạn tiêu hóa và nhức đầu, thường dùng cho người say rượu.
- [48] Thành phố ở Trung Nam Wisconsin.
- [49] Tác giả liên tưởng đến đám mây hình nấm do bom nguyên tử tạo ra khi nổ.
- [50] Kiểu xe giống như xe con thông thường nhưng đường bao mái phía sau rộng hơn.
- [51] Vào thời kỳ Chiến tranh lạnh, những con đường này được xây dựng để phòng kích bản chiến tranh nguyên tử.
- [52] Dưa món của Đức.
- [53] Nữ hoàng xứ Bắng đảo trong thần thoại Đức thời trung cổ.
- [54] Món xúc xích lợn.
- [55] San Francisco và San Diego đều là các thành phố thuộc bang California.

[56] Nhà văn kiêm nhà viết kịch người Mỹ từng đoạt giải Nobel văn học năm 1930.

[57] Dự án các nhà văn Liên bang giai đoạn 1935-1942 nhằm xây dựng loạt sách hướng dẫn du lịch ở 48 bang nước Mỹ lúc bấy giờ. W.P.A được viết tắt từ Works Progress Administration, tạm dịch là Cơ quan tiến bộ công việc. Cơ quan này sử dụng hàng triệu công nhân tay nghề thấp để làm những công việc công cộng trong thời kỳ suy thoái, nhưng cũng làm chủ nhiều dự án về nghệ thuật, văn học, truyền thông...

[58] Tổng thống Mỹ thứ 32, giai đoạn từ 1933 đến 1945.

[59] Có nghĩa là “Đi xa”.

[60] Well: Giếng.

[61] Nhà sử học Hy Lạp vào thế kỷ thứ năm trước công nguyên.

[62] Nhà thám hiểm người Ý, được xem là một trong những người Âu đầu tiên đến Trung Quốc.

[63] Nhà triết học kiêm kinh tế chính trị học người Hà Lan.

[64] Tên một loại xe hạng sang của hãng Ford Motor.

[65] Giải vô địch bóng chày Mỹ hàng năm.

[66] Bối cảnh của câu chuyện là thời kỳ Chiến tranh lạnh.

[67] Vở kịch kinh điển trong đó người bạn của thám tử Sherlock Holmes trở thành nhân vật chính trong một vụ án.

[68] Tên một giống chó sục.

[69] Diễn viên kiêm đạo diễn kịch nổi tiếng người Anh.

[70] Tên đầy đủ vở kịch này là *Seven ages of Man* (Bảy thời kỳ của người đàn ông).

[71] Nghĩa là đất xấu.

[72] Nghĩa là đất tốt.

[73] Texas là nơi nổi tiếng với những huyền thoại về cao bồi.

[74] Một nhóm cấp tiến khuynh hữu vừa chủ trương chống cộng, vừa muốn hạn chế quyền lực của chính quyền và gia tăng tự do cá nhân.

[75] Trò chuyện thiên đường.

[76] Biệt danh của tù trưởng da đỏ Hin-mah-too-yah-lat-kekt, sinh năm 1840, mất năm 1904, thuộc nhánh Wallowa của bộ lạc Nez Percés. Tướng Oliver O. Howard đã toan cưỡng chế nhánh của ông và những nhánh Nez Percés “không tham gia hiệp ước”, buộc họ rời đặc khu người da đỏ ở Idaho. Chief Joseph đã kháng cự lại quyết liệt và trở thành biểu tượng cho chính nghĩa.

[77] Mathew Brady, nhà nhiếp ảnh Mỹ nổi tiếng thế kỷ 19.

[78] Cuốn sách nổi tiếng *Trường hợp kỳ lạ của Tiến sĩ Jekyll và ông Hyde* – Strange Case of Dr Jekyll and Mr Hyde – của tác giả người Scotland Robert Louis Stevenson, xuất bản lần đầu năm 1886, nói về trường hợp đa nhân cách của tiến sĩ Jekyll: hai nhân vật, người thiện kẻ ác, cùng tồn tại trong một người. Cuốn sách này nổi tiếng đến độ thuật ngữ “Jekyll và Hyde” đã được dùng phổ biến để nói về những người đa nhân cách. Ở đây, tác giả ám chỉ, bọn gấu đã làm sống lại nhân cách thứ hai trong Charley.

[79] Thủ phủ của địa ngục trong anh hùng ca *Thiên đàng đã mất* – Paradise Lost – của John Milton.

[80] Một giống chó lông xù gốc Trung Âu.

[81] The Great Divide. Sự phân chia lục địa châu Mỹ về mặt kết cấu núi và thùy văn, đây cũng là đường chia nước theo đó nửa phần nước đổ ra Thái Bình Dương, và nửa kia đổ ra Đại Tây Dương.

[82] Những nhà thám hiểm đã thực hiện cuộc hành trình xuyên nước Mỹ, ra tới Thái Bình Dương.

[83] Một giống chuột đồng bắc Mỹ.

[84] Bờ Tây.

[85] Tác giả dùng từ “warren”. Từ này vừa có nghĩa là “tòa nhà”, đồng thời là “vùng có nhiều hang thỏ”.

[86] Lotus eaters, trong thần thoại Hy Lạp, chỉ một giống dân sống ở một hòn đảo gần Bắc Phi chuyên ăn hoa sen, khiến họ luôn mơ màng.

[87] Một công ty lớn của Mỹ chuyên tư vấn về cây cối và vườn tược.

[88] Tên tiếng La-tinh của các giống cây khác nhau.

[89] Hiệp sĩ bàn tròn của vua Anh Arthur mà, theo huyền thoại, là một trong ba người đã tìm thấy Chén Thánh.

[90] Tiếng Ý, người nước ngoài.

[91] Nơi Chúa Jesus bị hành hình theo Kinh Thánh.

[92] Hoàng đế La Mã.

[93] Tổng thống thứ 29 của Mỹ, nhiệm kỳ 1921-1923.

[94] Tổng thống thứ 31 của Mỹ, nhiệm kỳ 1929-1933.

[95] Tổng thống thứ 35 của Mỹ, nhiệm kỳ 1961-1963.

[96] Richard M. Nixon, tổng thống thứ 37 của Mỹ nhiệm kỳ 1969-1974. Ông có biệt danh là “Tricky Dick”.

[97] Nghị sĩ Dân chủ, em của tổng thống J.F. Kennedy.

[98] Phát âm địa phương. Dịch lời là: Có một chàng trai trẻ từ Jolón – chán sống một mình. Anh ta đến Thành phố Vua để tìm thứ gì đẹp.

[99] Câu chữi thề rất tục bằng tiếng Tây Ban Nha.

[100] Tên một địa phương ở Bắc Tây Ban Nha.

[101] Tên gọi thân mật bằng tiếng Tây Ban Nha của Juan (hay John trong tiếng Anh). Johnny Garcia dùng tên này để gọi tác giả.

[102] Tiếng lóng Tây Ban Nha, có nghĩa là chiến hữu, bạn chí cốt.

[103] Cho phép nhé.

[104] Cảm ơn.

[105] Chiến hữu ạ.

[106] Một cộng đồng tự trị ở Bắc Tây Ban Nha.

[107] Anh rể của tôi, có lẽ đây chỉ là một cách gọi thân mật.

[108] Đừng có vớ vẩn với tôi, nhóc ạ.

[109] Cách nói đùa của Johnny, ví tác giả như thánh John, vị thánh đã từng rửa tội cho Chúa Jesus.

[110] Con thỏ của linh hồn tôi.

[111] Một trò chơi cổ.

[112] Ý tác giả là hôn để lấy hên.

[113] Hoàng đế của người Aztec vào thời Mexico bị Tây Ban Nha xâm chiếm.

[114] Thuật ngữ này có nguồn gốc từ việc phân chia bán đảo Balkan, vốn trước đó nằm dưới chủ quyền của đế chế Ottoman, thành hàng loạt những nhà nước nhỏ từ năm 1817 đến 1912.

[115] Panhandle có nghĩa là “cán chảo”. Tên “Panhandle” xuất phát từ hình dáng của khu vực này của Texas.

[116] Thủ phủ của bang Texas.

[117] Nguyên văn: “Do you have a pin?”. Ở đây cô con gái muốn mượn cha cây bút (a pen), nhưng lại phát âm thành cây kim (a pin).

[118] Nguyên văn: “Aont a fountain pin” (I want a fountain pen).

[119] Hiệp ước năm 1845 đã biến Texas thành bang thứ 28 của Mỹ. Tuy nhiên, nhiều người cho rằng hiệp ước này là bất hợp pháp căn cứ theo luật quốc tế.

[120] Nơi diễn ra trận đánh lịch sử giữa quân Texas và quân Mexico năm 1836.

[121] Tổng thống Mexico trong thời kỳ này.

[122] Nhóm dân thiểu số từng cai trị nước Anh, phần lớn xứ Wales và Ailen trong thế kỷ 11, 12.

[123] Giống bò lấy thịt rất phổ biến ở Tây Nam Mỹ.

[124] Thành phố ở Bắc Texas.

[125] Lone Star State, biệt danh của Texas.

[126] Giống bò Anh, nuôi để lấy thịt.

[127] Đốm đáy.

[128] Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là “Ớt với thịt”. Đây là món thịt bò hầm đậu đỏ kèm ớt cay khô.

[129] 1 lít Anh bằng 1,14 lít.

[130] Một dạng mật mã theo trình tự chữ cái phổ biến vào các thời trước: Able Baker Charlie Dog Easy Fox George Hypo Inter Jig v.v... Tác giả có ý đùa bỡn con chó của mình, hơn nữa, Charlie Dog đi liền nhau nên tác giả liên tưởng đến Chó Charley của mình.

[131] Câu cá mồi giả (fly fishing) phổ biến tại Mỹ. Có nhiều loại mồi giả (fly) khác nhau, được bện bằng lông gà, tóc... ra ngoài lưỡi câu, bắt chước

hình dạng các loại côn trùng.

[132] Một giống cá hồi.

[133] Nữ công tước.

[134] Gaius Petronius Arbiter là triều thần được sủng ái dưới thời hoàng đế La Mã Nero. Ông được xem là tác giả của cuốn tiểu thuyết trào phúng *Satyricon*. Petronus nổi tiếng với việc ngủ ngày và làm việc hoặc tiệc tùng linh đình vào ban đêm.

[135] Người lãnh đạo nhóm cổ vũ cho một đội thể thao.

[136] Các tên gọi khác nhau có tính miệt thị người da đen.

[137] Một nhóm thiểu số sống chủ yếu ở bang Louisiana, Mỹ, bao gồm những hậu duệ của người Acadia nói tiếng Pháp. Ngày nay, người Cajun chiếm tỉ lệ khá lớn ở Nam Louisiana và có ảnh hưởng văn hóa đáng kể lên bang này.

[138] Tiếng lóng chỉ người Anh, thường với ý khích bác. Thoạt đầu, Limey ám chỉ các thủy thủ.

[139] Nguyên văn là “lynch”, tức lối hành hình người da đen của các phần tử phân biệt chủng tộc ở miền Nam nước Mỹ trước đây.

[140] United States Marshals, lực lượng liên bang thuộc Bộ Tư pháp Mỹ.

[141] Tên gọi các lễ hội phù thủy được cho là phổ biến vào thời trung cổ.

[142] Con phố nổi tiếng của New Orleans.

[143] Một công thức pha cà phê có trộn rượu brandy.

[144] Đây là câu văn bia nổi tiếng khó hiểu, viết bằng ngôn ngữ cổ, khắc trên mộ của Robert John Cresswell. Nguyên văn là: Alas that one whose darntly joy had often to trust in heaven should canty thus sudden to from all its hopes benivens and though thy love for off remore that dealt the dog pest thou left to prove thy sufferings while below. Phần dịch ở trên chỉ có tính tượng trưng.

[145] Họa sĩ El Greco (1541-1614) nổi tiếng với bức tranh sơn dầu thể hiện thánh Pablo đang suy tư cầm cuốn sách khép lại. Ở đây, tác giả vừa ví người đàn ông với một người Hy Lạp (El Greco) vừa so sánh vẻ trầm tư của ông với thánh Pablo trong bức họa.

[146] Một trong những quận ở London bị Đức Quốc Xã dội bom dữ dội nhất trong Thế chiến thứ hai.

[147] Giống chó nhỏ của Đức, mình dài, lông nâu hoặc đen, chân ngắn.

[148] Mục sư kiêm nhà hoạt động dân quyền người Mỹ gốc Phi, đoạt giải Nobel hòa bình năm 1964.

[149] Lãnh tụ cuộc kháng chiến của nhân dân Ấn Độ chống chế độ thực dân Anh bằng nguyên tắc bất bạo động.

[150] Thành phố của Tây Ban Nha, nổi tiếng với các hội hè, đặc biệt là hội thả trâu trên đường. Ý tác giả nói về sự hỗn độn.

[151] Leaves of Grass.

[152] The Pastures of Heaven.

[153] Tortilla Flat.

[154] In Dubious Battle.

[155] Of Mice and Men.

[156] The Grapes of Wrath.

[157] Cannery Row.

[158] East of Eden.

[159] The Winter of Our Discontent. Tên tác phẩm cũng là dòng đầu tiên của vở kịch Richard III của Shakespeare.

[160] Pipe Dream.

[161] Sweet Thursday.

[162] The Forgotten Village.

[163] Cup of Gold.

[164] Sea of Cortez.

[165] A Russian Journal.

[166] Morte d'Arthur.

[167] The Hero with a Thousand Faces.

[168] Lassie là tên của một con chó trong tiểu thuyết cùng tên nổi tiếng *Lassie* của Erick Knight, và được chuyển thành phiên bản điện ảnh vào 1943 với tựa đề *Lassie hãy về nhà*. Trong văn hóa phổ thông Mỹ, Lassie đồng nghĩa với hình ảnh một con chó cứu người.

[169] Maine là một bang ở Đông Bắc nước Mỹ.

[170] Picaresque là một loại hình tiểu thuyết châm biếm phổ biến, thường diễn tả một cách thực tế và hài hước cuộc phiêu lưu của một nhân vật anh hùng láu lỉnh thuộc tầng lớp dưới, vốn phải sống bằng mưu mẹo trong một xã hội tha hóa. Một số tác phẩm kinh điển có tính chất Picaresque bao gồm *Candide* của Voltaire, *Những chuyến phiêu lưu của Huckleberry Finn* của Mark Twain, hay quen thuộc hơn đối với độc giả Việt Nam là tác phẩm *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng.

[171] *Travels with a Donkey*.

[172] Poststructuralism hay dòng tư tưởng hậu kết cấu (với một số tác giả đại diện như Foucault, Derrida, Deleuze) là một dòng tư tưởng phản biện chủ nghĩa kết cấu (structuralism với một số đại diện như Saussure, LeviStrauss) vốn cho rằng một số vấn đề văn hóa (và tâm lý) có thể được phân tích dựa trên mặc định về sự tồn tại của một cấu trúc ngôn ngữ nhất định vốn chi phối và bảo tồn văn hóa, hoặc trạng thái tâm lý đó. Các nhà tư tưởng thuộc dòng hậu kết cấu, nhìn chung, phủ nhận sự tồn tại, tính độc lập và sự bền vững qua thời gian của các cấu trúc ngôn ngữ.

[173] Steinbeck: *A Life in Letters*.

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT

Chương 1

Chương 2

Chương 3

PHẦN HAI

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

PHẦN BA

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

PHẦN BỐN

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

LỜI GIỚI THIỆU CỦA JAY PARINI